BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2589 /QĐ-BTC	*Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực Quản lý thuế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế;

Căn cứ Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế và Chánh Văn phòng Bộ Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 66 (sáu mươi sáu) thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý thuế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài

chính (*chi tiết tại Phụ lục kèm theo*). Trong đó: 02 Thủ tục hành chính mới; 42 thủ tục hành chính thay thế và 22 thủ tục hành chính bãi bỏ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1500/QĐ-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa trong lĩnh vực quản lý thuế thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Tài chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế Bộ Tài chính, Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế, Cục trưởng Cục Tin học và Thống kê Tài chính và thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- Lãnh đạo Bộ;
- Văn phòng Bộ (CCHC);
- Tổng cục Thuế (Cục Thuế các tỉnh TP trực thuộc TW, Website TCT);
- Website BTC;
- Lưu: VT, TCT(VT, CCHC (10b)).

KT.BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Xuân Hà

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, THAY THẾ, BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ THUẾ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ TÀI CHÍNH

(Kèm theo Quyết định số 2589./QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ Tài chính)

Phần I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính:

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	Đăng ký hủy chuyển địa điểm tại cơ quan thuế nơi chuyển đi	Thuế	Cục Thuế/ Chi cục Thuế
2	Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là cá nhân không kinh doanh thông qua hồ sơ khai thuế.	Thuế	Chi cục Thuế

II. Danh mục thủ tục hành chính được thay thế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính:

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Tên VBQPPL quy định nội dung thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	2.002225	Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là tổ chức kinh tế, tổ chức khác có hoạt động sản xuất kinh doanh (trừ trường hợp đơn vị	Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là đơn vị độc lập, đơn vị chủ quản của tổ chức kinh tế (trừ tổ hợp tác), tổ chức	-Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019; -Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 3/12/2020 của Bộ	Thuế	Cục Thuế

		trực thuộc)	khác.	trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký Thuế		
2	1.008490	Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là đơn vị trực thuộc của tổ chức kinh tế, tổ chức khác có hoạt động sản xuất kinh doanh.	Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là đơn vị phụ thuộc của tổ chức kinh tế (trừ tổ hợp tác), tổ chức khác.	-Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019; -Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 3/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký Thuế	Thuế	Cục Thuế
3	1.008496	Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là tổ chức, cá nhân không phát sinh nghĩa vụ nộp thuế nhưng được hoàn thuế (trừ cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam); Các tổ chức không hoạt động sản xuất, kinh doanh nhưng phát sinh nghĩa vụ thuế.	Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là Tổ chức, cá nhân nước ngoài và tổ chức ở Việt Nam sử dụng tiền viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại của nước ngoài mua hàng hoá, dịch vụ có thuế giá trị gia tăng ở Việt Nam để viện trợ không hoàn lại, viện trợ nhân đạo; Chủ dự án ODA thuộc diện được hoàn thuế	-Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019; -Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 3/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký Thuế	Thuế	Cục Thuế

			giá trị gia tăng, Văn phòng đại diện nhà tài trợ dự án ODA, tổ chức do phía nhà tài trợ nước ngoài chỉ định quản lý chương trình, dự án ODA không hoàn lại.			
4	1.008495	Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam (trường hợp có hoàn thuế giá trị gia tăng).	Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam thuộc đối tượng được hoàn thuế GTGT đối với đối tượng hưởng ưu đãi miễn trừ ngoại giao	-Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019; -Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 3/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký Thuế	Thuế	Cục Thuế
5	1.008493	Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài đăng ký nộp thuế trực tiếp với cơ quan thuế.	Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài trực tiếp kê khai, nộp thuế nhà thầu hoặc các nghĩa vụ thuế khác trừ thuế nhà thầu do bên Việt Nam khấu trừ nộp	-Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019; -Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 3/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký	Thuế	Cục Thuế

			thay với cơ quan thuế.	Thuế		
6	1.008491	Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là Người điều hành, công ty điều hành chung, doanh nghiệp liên doanh và tổ chức được Chính phủ Việt Nam giao nhiệm vụ tiếp nhận phần lãi được chia của Việt Nam thuộc các mỏ dầu khí tại vùng chồng lấn (sau đây gọi chung là Người điều hành).	Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là Người điều hành, công ty điều hành chung, doanh nghiệp liên doanh và tổ chức được Chính phủ Việt Nam giao nhiệm vụ tiếp nhận phần lãi được chia của Việt Nam thuộc các mỏ dầu khí tại vùng chồng lấn (sau đây gọi chung là Người điều hành).	-Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019; -Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 3/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký Thuế	Thuế	Cục Thuế
7	1.008492	Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí (bao gồm cả nhà thầu nhận phần lãi được chia), Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam đại diện nước chủ nhà nhận phần lãi được chia từ các hợp đồng dầu khí.	Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí (bao gồm cả nhà thầu nhận phần lãi được chia), Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam đại diện nước chủ nhà nhận phần lãi được chia từ các hợp đồng dầu khí.	-Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019; -Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 3/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký Thuế	Thuế	Cục Thuế

8	1.008502	Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là tổ chức kinh tế, tổ chức khác (kể cả đơn vị trực thuộc) thay đổi các thông tin đăng ký thuế không làm thay đổi cơ quan thuế quản lý.	Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là tổ chức kinh tế, tổ chức khác (kể cả đơn vị phụ thuộc) thay đổi các thông tin đăng ký thuế không làm thay đổi cơ quan thuế quản lý.	-Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019; -Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký Thuế	Thuế	Cục Thuế
9	1.008504	Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác thay đổi thông tin về địa chỉ trụ sở dẫn đến làm thay đổi cơ quan thuế quản lý – Cơ quan thuế nơi người nộp thuế chuyển đi	Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức kinh tế, tổ chức khác (kể cả đơn vị phụ thuộc) thay đổi thông tin về địa chỉ trụ sở dẫn đến làm thay đổi cơ quan thuế quản lý – Cơ quan thuế nơi người nộp thuế chuyển đi	-Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019; -Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 3/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký Thuế	Thuế	Cục Thuế
10	1.008505	Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là tổ chức kinh tế, tổ chức khác thay đổi thông tin về địa chỉ trụ sở dẫn	Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là tổ chức kinh tế, tổ chức khác (kể cả đơn vị phụ thuộc)	-Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019; -Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 3/12/2020	Thuế	Cục Thuế

		đến làm thay đổi cơ quan thuế quản lý – Cơ quan thuế nơi người nộp thuế chuyển đến	thay đổi thông tin về địa chỉ trụ sở dẫn đến làm thay đổi cơ quan thuế quản lý – Cơ quan thuế nơi người nộp thuế chuyển đến	của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký Thuế		
11	1.008506	Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với nhà đầu tư khi chuyển nhượng phần vốn góp trong tổ chức kinh tế, chuyển nhượng quyền lợi tham gia hợp đồng dầu khí.	Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí khi chuyển nhượng phần vốn góp trong tổ chức kinh tế hoặc chuyển nhượng một phần quyền lợi tham gia hợp đồng dầu khí	-Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019; -Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 3/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký Thuế	Thuế	Cục Thuế
12	1.008509	Chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với nhà thầu, nhà đầu tư tham gia hợp đồng dầu khí, nhà thầu nước ngoài.	Chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với nhà thầu, nhà đầu tư tham gia hợp đồng dầu khí, nhà thầu nước ngoài.	-Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019; -Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 3/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký Thuế	Thuế	Cục Thuế
13	1.008494	Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là tổ chức, cá nhân	Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là tổ chức, cá	-Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019;	Thuế	Cục Thuế/ Chi

		khấu trừ nộp thay cho nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài; tổ chức nộp thay cho cá nhân theo hợp đồng, hợp tác kinh doanh; Tổ chức ủy nhiệm thu	nhân khấu trừ nộp thay cho nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài; tổ chức hợp tác kinh doanh với cá nhân, tổ chức được giao quản lý hợp đồnghợp tác kinh doanh với tổ chức nhưng không thành lập pháp nhân riêng; Ngân hàng thương mại, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán hoặc tổ chức, cá nhân được nhà cung cấp ở nước ngoài ủy quyền có trách nhiệm khấu trừ và nộp thuế thay cho nhà cung cấp ở nước ngoài ; Tổ chức, cá nhân được cơ quan thuế ủy nhiệm thu	-Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 3/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký Thuế		cục Thuế
14	1.008498	Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là cá nhân thuộc diện nộp thuế thu nhập cá nhân và các loại thuế khác. –	Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là cá nhân thuộc diện nộp thuế thu nhập cá nhân và các loại thuế	-Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019; -Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 3/12/2020	Thuế	Cục Thuế/ Chi cục Thuế

		Đối với cá nhân nộp hồ sơ đăng ký thuế qua cơ quan chi trả thu nhập.	khác. – Đối với cá nhân nộp hồ sơ đăng ký thuế qua cơ quan chi trả thu nhập	của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký Thuế		
15	1.010 241	Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là cá nhân thuộc diện nộp thuế thu nhập cá nhân và các loại thuế khác - Đối với cá nhân nộp hồ sơ đăng ký thuế trực tiếp tại cơ quan thuế	Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là cá nhân thuộc diện nộp thuế thu nhập cá nhân và các loại thuế khác. - Đối với cá nhân nộp hồ sơ đăng ký thuế trực tiếp với cơ quan thuế	-Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019; -Thông tư số 105/2020/TT -BTC ngày 3/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký Thuế	Thuế	Cục Thuế/ Chi cục Thuế
16	1.008 500	Đăng ký thuế lần đầu cho người phụ thuộc để giảm trừ gia cảnh của người nộp thuế thu nhập cá nhân – Cá nhân thuộc diện nộp thuế thu nhập cá nhân nộp hồ sơ đăng ký thuế cho người phụ thuộc qua cơ quan chi trả thu nhập.	Đăng ký thuế lần đầu cho người phụ thuộc để giảm trừ gia cảnh của người nộp thuế thu nhập cá nhân – Cá nhân thuộc diện nộp thuế thu nhập cá nhân nộp hồ sơ đăng ký thuế cho người phụ thuộc qua cơ quan chi trả thu nhập	-Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019; -Thông tư số 105/2020/TT -BTC ngày 3/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký Thuế	Thuế	Cục Thuế/ Chi cục Thuế
17	1.008 499	Đăng ký thuế lần đầu cho người phụ thuộc để giảm trừ gia cảnh của người nộp	Đăng ký thuế lần đầu cho người phụ thuộc để giảm trừ gia cảnh của người	-Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019; -Thông tư số	Thuế	Cục Thuế/ Chi cục

		thuế thu nhập cá nhân – Cá nhân thuộc diện nộp thuế thu nhập cá nhân nộp hồ sơ đăng ký thuế cho người phụ thuộc trực tiếp tại cơ quan thuế.	nộp thuế thu nhập cá nhân – Cá nhân thuộc diện nộp thuế thu nhập cá nhân nộp hồ sơ đăng ký thuế cho người phụ thuộc trực tiếp tại cơ quan thuế.	105/2020/TT-BTC ngày 3/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký Thuế		Thuế
18	1.008501	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thuế	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thuế, Thông báo mã số thuế, Giấy chứng nhận đăng ký thuế dành cho cá nhân, Thông báo mã số thuế người phụ thuộc	-Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019; -Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 3/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký Thuế	Thuế	Cục Thuế/ Chi cục Thuế
19	1.008503	Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là cá nhân có phát sinh thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân, trừ cá nhân kinh doanh - trường hợp cá nhân đăng ký thay đổi thông tin qua cơ quan chi trả thu nhập	Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là cá nhân có phát sinh thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân (trừ cá nhân kinh doanh) và người phụ thuộc - trường hợp cá nhân đăng ký thay đổi thông tin qua cơ quan chi trả thu nhập.	-Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019; -Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 3/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký Thuế	Thuế	Cục Thuế/ Chi cục Thuế

20	1.007042	Đăng ký thuế trong trường hợp tạm ngừng kinh doanh	Đăng ký thuế trong trường hợp tạm ngừng hoạt động, kinh doanh; tiếp tục hoạt động, kinh doanh trước thời hạn	-Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019; -Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 3/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký Thuế	Thuế	Cục Thuế/ Chi cục Thuế
21	1.008507	Chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với tổ chức kinh tế, tổ chức khác – Trừ đơn vị trực thuộc.	Chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với tổ chức kinh tế, tổ chức khác – Trừ đơn vị phụ thuộc.	-Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019; -Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 3/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký Thuế	Thuế	Cục Thuế/ Chi cục Thuế
22	1.008508	Chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với tổ chức kinh tế, tổ chức khác – Đối với đơn vị trực thuộc	Chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với tổ chức kinh tế, tổ chức khác – Đối với đơn vị phụ thuộc.	-Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019; -Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 3/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký	Thuế	Cục Thuế/ Chi cục Thuế

				Thuế		
23	1.007 043	Hoàn thành nghĩa vụ trước khi giải thể đối với Doanh nghiệp.	Chấm dứt hiệu lực mã số thuế của doanh nghiệp, hợp tác xã bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất; Chấm dứt hoạt động đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp và hợp tác xã.	-Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019; -Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 3/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký Thuế	Thuế	Cục Thuế/ Chi cục Thuế
24	1.008 510	Khôi phục mã số thuế	Khôi phục mã số thuế	-Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019; -Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 3/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký Thuế	Thuế	Cục Thuế/ Chi cục Thuế
25	1.008 514	Đăng ký thuế đối với trường hợp tổ chức lại hoạt động của tổ chức kinh tế - Trường hợp chia tổ chức kinh tế đối với tổ chức kinh tế bị chia/ bị sáp nhập/bị hợp nhất.	Chấm dứt hiệu lực mã số thuế trong trường hợp chia, sáp nhập, hợp nhất tổ chức - Đối với tổ chức bị chia, tổ chức bị sáp nhập, tổ chức bị hợp nhất	-Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019; -Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 3/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn	Thuế	Cục Thuế/ Chi cục Thuế

				về đăng ký Thuế		
26	1.008759	Đăng ký thuế đối với trường hợp tổ chức lại hoạt động của tổ chức kinh tế - Trường hợp chia tổ chức kinh tế đối với tổ chức kinh tế mới được chia/được tách/hợp nhất.	Đăng ký thuế trong trường hợp chia, tách, hợp nhất tổ chức - Đối với tổ chức mới được chia, tổ chức được tách, tổ chức hợp nhất.	-Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019; -Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 3/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký Thuế	Thuế	Cục Thuế/ Chi cục Thuế
27	1.008515	Đăng ký thuế đối với trường hợp tổ chức lại hoạt động của tổ chức kinh tế - Trường hợp tách tổ chức kinh tế đối với tổ chức kinh tế bị tách/nhận sáp nhập	Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế trong trường hợp tách, sáp nhập tổ chức - Đối với tổ chức bị tách, tổ chức nhận sáp nhập.	-Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019; -Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 3/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký Thuế	Thuế	Cục Thuế/ Chi cục Thuế
28	1.008517	Đăng ký thuế đối với trường hợp chuyển đổi mô hình hoạt động của tổ chức kinh tế và tổ chức khác (Chuyển đơn vị trực thuộc thành đơn vị độc lập hoặc ngược lại) –	Chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với trường hợp chuyển đổi mô hình hoạt động của tổ chức kinh tế và tổ chức khác (Chuyển đơn vị phụ thuộc thành	-Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019; -Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 3/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	Thuế	Cục Thuế/ Chi cục Thuế

		Đối với đơn vị trước chuyển đổi.	đơn vị độc lập hoặc ngược lại) - Đối với đơn vị trước chuyển đổi.	hướng dẫn về đăng ký Thuế		
29	2.002321	Đăng ký thuế đối với trường hợp chuyển đổi mô hình hoạt động của tổ chức kinh tế và tổ chức khác (Chuyển đơn vị trực thuộc thành đơn vị độc lập hoặc ngược lại) – Đối với đơn vị sau chuyển đổi	Đăng ký thuế đối với trường hợp chuyển đổi mô hình hoạt động của tổ chức kinh tế và tổ chức khác (Chuyển đơn vị phụ thuộc thành đơn vị độc lập hoặc ngược lại) – Đối với đơn vị sau chuyển đổi.	-Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019; -Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 3/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký Thuế	Thuế	Cục Thuế/ Chi cục Thuế
30	1.008518	Đăng ký thuế đối với trường hợp chuyển đổi mô hình hoạt động của tổ chức kinh tế và tổ chức khác (chuyển đơn vị độc lập thành đơn vị trực thuộc của một đơn vị chủ quản khác) – Đối với đơn vị trước chuyển đổi	Chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với trường hợp chuyển đổi mô hình hoạt động của tổ chức kinh tế và tổ chức khác (chuyển đơn vị độc lập thành đơn vị phụ thuộc của một đơn vị chủ quản khác) – Đối với đơn vị trước chuyển đổi	-Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019; -Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 3/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký Thuế	Thuế	Cục Thuế/ Chi cục Thuế
31	1.008519	Đăng ký thuế đối với trường hợp chuyển đổi mô hình hoạt động của tổ chức kinh tế và tổ chức khác	Đăng ký thuế đối với trường hợp chuyển đổi mô hình hoạt động của tổ chức kinh tế và	-Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019; -Thông tư số 105/2020/TT	Thuế	Cục Thuế/ Chi cục Thuế

		(chuyển đơn vị độc lập thành đơn vị trực thuộc của một đơn vị chủ quản khác) – Đối với đơn vị sau chuyển đổi.	tổ chức khác (chuyển đơn vị độc lập thành đơn vị phụ thuộc của một đơn vị chủ quản khác) – Đối với đơn vị sau chuyển đổi	-BTC ngày 3/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký Thuế		
32	1.008520	Đăng ký thuế đối với trường hợp chuyển đổi mô hình hoạt động của tổ chức kinh tế và tổ chức khác (Chuyển đơn vị trực thuộc của một đơn vị chủ quản thành đơn vị trực thuộc của một đơn vị chủ quản khác) – Đối với đơn vị trước chuyển đổi.	Chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với trường hợp chuyển đổi mô hình hoạt động của tổ chức kinh tế và tổ chức khác (Chuyển đơn vị phụ thuộc của một đơn vị chủ quản thành đơn vị phụ thuộc của một đơn vị chủ quản khác) – Đối với đơn vị trước chuyển đổi.	-Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019; -Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 3/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký Thuế	Thuế	Cục Thuế/ Chi cục Thuế
33	1.008521	Đăng ký thuế đối với trường hợp chuyển đổi mô hình hoạt động của tổ chức kinh tế và tổ chức khác (Chuyển đơn vị trực thuộc của một đơn vị chủ quản thành đơn vị trực thuộc của một đơn vị chủ quản khác) – Đối với đơn vị sau	Đăng ký thuế đối với trường hợp chuyển đổi mô hình hoạt động của tổ chức kinh tế và tổ chức khác (Chuyển đơn vị phụ thuộc của một đơn vị chủ quản thành đơn vị phụ thuộc của một đơn vị chủ quản khác) –	-Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019; -Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 3/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký Thuế	Thuế	Cục Thuế/ Chi cục Thuế

		chuyển đổi.	Đối với đơn vị sau chuyển đổi.			
34	1.006 675	Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là tổ chức kinh tế, tổ chức khác có hoạt động sản xuất kinh doanh (trừ trường hợp đơn vị trực thuộc)	Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là đơn vị độc lập, đơn vị chủ quản của tổ chức kinh tế, tổ chức khác.	-Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019; -Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 3/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký Thuế	Thuế	Chi cục Thuế
35	3.000 079	Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là đơn vị trực thuộc của tổ chức kinh tế, tổ chức khác có hoạt động sản xuất kinh doanh.	Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là đơn vị phụ thuộc của tổ chức kinh tế, tổ chức khác.	-Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019; -Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 3/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký Thuế	Thuế	Chi cục Thuế
36	1.007 565	Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là hộ gia đình, nhóm cá nhân, cá nhân kinh doanh.	Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.	-Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019; -Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 3/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	Thuế	Chi cục Thuế

				hướng dẫn về đăng ký Thuế		
37	1.007 566	Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là hộ gia đình, nhóm cá nhân, cá nhân kinh doanh đăng ký thông qua hồ sơ khai thuế, chưa có mã số thuế.	Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đăng ký thông qua hồ sơ khai thuế, chưa có mã số thuế.	-Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019; -Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 3/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký Thuế	Thuế	Chi cục Thuế
38	1.007 572	Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là tổ chức kinh tế, tổ chức khác (kể cả đơn vị trực thuộc); hộ gia đình, nhóm cá nhân, cá nhân, cá nhân kinh doanh thay đổi các thông tin đăng ký thuế không làm thay đổi cơ quan thuế quản lý.	Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là tổ chức kinh tế, tổ chức khác (kể cả đơn vị phụ thuộc); hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thay đổi các thông tin đăng ký thuế không làm thay đổi cơ quan thuế quản lý.	-Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019; -Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 3/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký Thuế	Thuế	Chi cục Thuế
39	1.010 242	Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ gia	Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức kinh	-Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019; -Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày	Thuế	Chi cục Thuế

		đình, nhóm cá nhân, cá nhân kinh doanh thay đổi thông tin về địa chỉ trụ sở dẫn đến làm thay đổi cơ quan thuế quản lý – Cơ quan thuế nơi người nộp thuế chuyển đi	tế, tổ chức khác (kể cả đơn vị phụ thuộc); hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thay đổi thông tin về địa chỉ trụ sở dẫn đến làm thay đổi cơ quan thuế quản lý – Cơ quan thuế nơi người nộp thuế chuyển đi	3/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký Thuế		
40	1.010 243	Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ gia đình, nhóm cá nhân, cá nhân kinh doanh thay đổi thông tin về địa chỉ trụ sở dẫn đến làm thay đổi cơ quan thuế quản lý – Cơ quan thuế nơi người nộp thuế chuyển đến	Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là tổ chức kinh tế, tổ chức khác (kể cả đơn vị phụ thuộc); hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thay đổi thông tin về địa chỉ trụ sở dẫn đến làm thay đổi cơ quan thuế quản lý – Cơ quan thuế nơi người nộp thuế chuyển đến	-Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019; -Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 3/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký Thuế	Thuế	Chi cục Thuế
41	1.010 244	Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là cá nhân có phát sinh thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân, trừ	Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là cá nhân có phát sinh thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân	-Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019; -Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 3/12/2020	Thuế	Chi cục Thuế

		cá nhân kinh doanh - trường hợp cá nhân đăng ký thay đổi thông tin trực tiếp ~~tại~~ ***với*** cơ quan thuế	(trừ cá nhân kinh doanh) và người phụ thuộc - Trường hợp cá nhân đăng ký thay đổi thông tin trực tiếp tại cơ quan thuế	của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký Thuế		
42	1.007607	Chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với hộ gia đình, nhóm cá nhân, cá nhân kinh doanh.	Chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.	-Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019; -Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 3/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký Thuế	Thuế	Chi cục Thuế

III. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	1.007558	Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là tổ chức, cá nhân khấu trừ nộp thay cho nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài; tổ chức nộp thay cho cá nhân theo hợp đồng, hợp tác kinh doanh; tổ chức uỷ	-Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019; -Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 3/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký Thuế.	Thuế	Chi cục Thuế

		nhiệm thu.			
2	1.007568	Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là cá nhân thuộc diện nộp thuế thu nhập cá nhân và các loại thuế khác. – Đối với cá nhân nộp hồ sơ đăng ký thuế qua cơ quan chi trả thu nhập.	-Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019; -Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 3/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký Thuế	Thuế	Chi cục Thuế
3	1.010245	Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là cá nhân thuộc diện nộp thuế thu nhập cá nhân và các loại thuế khác. - Đối với cá nhân nộp hồ sơ đăng ký thuế trực tiếp tại cơ quan thuế	-Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019; -Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 3/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký Thuế	Thuế	Chi cục Thuế
4	1.007570	Đăng ký thuế lần đầu cho người phụ thuộc để giảm trừ gia cảnh của người nộp thuế thu nhập cá nhân – Cá nhân thuộc diện nộp thuế thu nhập cá nhân nộp hồ sơ đăng ký thuế cho người phụ thuộc qua cơ quan chi trả thu nhập.	-Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019; -Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 3/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký Thuế	Thuế	Chi cục Thuế
5	1.007569	Đăng ký thuế lần đầu cho người phụ thuộc để giảm trừ gia cảnh của người nộp thuế thu nhập cá nhân – Cá nhân thuộc diện nộp thuế thu nhập cá nhân nộp hồ sơ đăng ký thuế cho người phụ thuộc trực tiếp tại	-Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019; -Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 3/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký Thuế	Thuế	Chi cục Thuế

		cơ quan thuế.			
6	1.007571	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thuế	-Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019; -Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 3/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký Thuế	Thuế	Chi cục Thuế
7	1.010572	Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là cá nhân có phát sinh thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân, trừ cá nhân kinh doanh - trường hợp cá nhân đăng ký thay đổi thông tin qua cơ quan chi trả thu nhập	-Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019; -Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 3/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký Thuế	Thuế	Chi cục Thuế
8	2.002243	Đăng ký thuế trong trường hợp tạm ngừng kinh doanh	-Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019; -Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 3/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký Thuế	Thuế	Chi cục Thuế
9	1.007597	Chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với tổ chức kinh tế, tổ chức khác – Trừ đơn vị trực thuộc.	-Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019; -Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 3/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký Thuế	Thuế	Chi cục Thuế
10	1.0076	Chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với tổ chức	-Luật Quản lý thuế	Thuế	Chi cục

	01	kinh tế, tổ chức khác – Đối với đơn vị trực thuộc	ngày 13/6/2019; -Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 3/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký Thuế		Thuế
11	2.002244	Hoàn thành nghĩa vụ trước khi giải thể đối với Doanh nghiệp .	-Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019; -Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 3/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký Thuế	Thuế	Chi cục Thuế
12	1.007609	Khôi phục mã số thuế	-Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019; -Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 3/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký Thuế	Thuế	Chi cục Thuế
13	1.007611	Đăng ký thuế đối với trường hợp tổ chức lại hoạt động của tổ chức kinh tế - Trường hợp chia tổ chức kinh tế đối với tổ chức kinh tế bị chia/ bị sáp nhập/bị hợp nhất.	-Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019; -Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 3/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký Thuế	Thuế	Chi cục Thuế
14	1.007615	Đăng ký thuế đối với trường hợp tổ chức lại hoạt động của tổ chức kinh tế - Trường hợp chia tổ chức kinh tế đối với tổ chức kinh tế mới	-Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019; -Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 3/12/2020 của Bộ	Thuế	Chi cục Thuế

		được chia/được tách/hợp nhất.	trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký Thuế		
15	1.007617	Đăng ký thuế đối với trường hợp tổ chức lại hoạt động của tổ chức kinh tế - Trường hợp tách tổ chức kinh tế đối với tổ chức kinh tế bị tách/nhận sáp nhập	-Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019; -Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 3/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký Thuế	Thuế	Chi cục Thuế
16	1.007620	Đăng ký thuế đối với trường hợp chuyển đổi mô hình hoạt động của tổ chức kinh tế và tổ chức khác (Chuyển đơn vị trực thuộc thành đơn vị độc lập hoặc ngược lại) – Đối với đơn vị trước chuyển đổi.	-Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019; -Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 3/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký Thuế	Thuế	Chi cục Thuế
17	1.007622	Đăng ký thuế đối với trường hợp chuyển đổi mô hình hoạt động của tổ chức kinh tế và tổ chức khác (Chuyển đơn vị trực thuộc thành đơn vị độc lập hoặc ngược lại) – Đối với đơn vị sau chuyển đổi.	-Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019; -Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 3/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký Thuế	Thuế	Chi cục Thuế
18	1.008683	Đăng ký thuế đối với trường hợp chuyển đổi mô hình hoạt động của tổ chức kinh tế và tổ chức khác (chuyển đơn vị độc lập thành đơn vị trực thuộc của một đơn vị chủ quản khác) – Đối với đơn vị trước chuyển	-Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019; -Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 3/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký Thuế	Thuế	Chi cục Thuế

		đổi.			
19	1.007625	Đăng ký thuế đối với trường hợp chuyển đổi mô hình hoạt động của tổ chức kinh tế và tổ chức khác (chuyển đơn vị độc lập thành đơn vị trực thuộc của một đơn vị chủ quản khác) – Đối với đơn vị sau chuyển đổi.	-Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019; -Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 3/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký Thuế	Thuế	Chi cục Thuế
20	1.007626	Đăng ký thuế đối với trường hợp chuyển đổi mô hình hoạt động của tổ chức kinh tế và tổ chức khác (Chuyển đơn vị trực thuộc của một đơn vị chủ quản thành đơn vị trực thuộc của một đơn vị chủ quản khác) – Đối với đơn vị trước chuyển đổi.	-Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019; -Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 3/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký Thuế	Thuế	Chi cục Thuế
21	1.007627	Đăng ký thuế đối với trường hợp chuyển đổi mô hình hoạt động của tổ chức kinh tế và tổ chức khác (Chuyển đơn vị trực thuộc của một đơn vị chủ quản thành đơn vị trực thuộc của một đơn vị chủ quản khác) – Đối với đơn vị sau chuyển đổi.	-Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019; -Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 3/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký Thuế	Thuế	Chi cục Thuế
22	1.007564	Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là tổ chức, cá nhân không phát sinh nghĩa vụ nộp thuế nhưng được hoàn thuế (trừ cơ quan	-Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019; -Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 3/12/2020 của Bộ	Thuế	Chi cục Thuế

		đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam); Các tổ chức không hoạt động sản xuất, kinh doanh nhưng phát sinh nghĩa vụ thuế.	trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký Thuế		

***Lưu ý**: Cấp Chi cục Thuế: Chi cục thuế, Chi cục Thuế khu vực và Chi cục Thuế TP Thủ Đức;*

PHẦN II

NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ TÀI CHÍNH

I. Thủ tục hành chính mới:

1. Đăng ký hủy chuyển địa điểm tại cơ quan thuế nơi chuyển đi.

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nơi chuyển đi ban hành Thông báo về việc người nộp thuế chuyển địa điểm mẫu số 09-MST ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế, nếu người nộp thuế không thực hiện chuyển địa điểm thì nộp Văn bản đăng ký hủy chuyển địa điểm đến cơ quan thuế nơi chuyển đi theo mẫu số 31/ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử: Người nộp thuế (NNT) truy cập vào Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) để khai tờ khai và gửi kèm các hồ sơ theo quy định dưới dạng điện tử (nếu có), ký điện tử và gửi đến cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn;

NNT nộp hồ sơ (hồ sơ đăng ký thuế đồng thời với hồ sơ đăng ký kinh doanh theo cơ chế 1 cửa liên thông) đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền gửi thông tin hồ sơ đã tiếp nhận của NNT sang cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

+ Bước 2: Cơ quan thuế tiếp nhận:

++ Đối với hồ sơ đăng ký thuế bằng giấy:

+++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế: Công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận vào hồ sơ đăng ký thuế, ghi rõ ngày nhận hồ sơ, số lượng tài liệu theo bảng kê danh mục hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế nộp trực tiếp tại cơ quan thuế. Công chức thuế viết phiếu hẹn ngày trả kết quả, thời hạn xử lý hồ sơ đã tiếp nhận;

+++ Trường hợp hồ sơ đăng ký thuế gửi bằng đường bưu chính: Công chức thuế đóng dấu tiếp nhận, ghi ngày nhận hồ sơ vào hồ sơ và ghi số văn thư của cơ quan thuế;

Công chức thuế kiểm tra hồ sơ đăng ký thuế. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ cần phải giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu, cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế theo mẫu số 01/TB-BSTT-NNT tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử:

Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận hồ sơ qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan thuế:

+++ Tiếp nhận hồ sơ: Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông báo tiếp nhận việc NNT đã nộp hồ sơ cho NNT qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) chậm nhất 15 phút kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký thuế điện tử của người nộp thuế;

+++ Kiểm tra, giải quyết hồ sơ: Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về đăng ký thuế và trả kết quả giải quyết qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ;

+++ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng thủ tục theo quy định và phải trả kết quả: Cơ quan thuế gửi kết quả giải quyết hồ sơ đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ theo thời hạn quy định tại Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính;

++++ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng thủ tục theo quy định, cơ quan thuế gửi thông báo về việc không chấp nhận hồ sơ, gửi đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày ghi trên Thông báo tiếp nhận hồ sơ.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tiếp tại trụ sở Cơ quan thuế;

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính;

+ Hoặc bằng phương thức điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ *Thành phần hồ sơ, gồm:*

Văn bản đăng ký hủy chuyển địa điểm mẫu số 31/ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

+ *Số lượng hồ sơ:* 01 (bộ).

- Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Thuế/Chi cục Thuế.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thông báo về việc xác nhận người nộp thuế hủy chuyển địa điểm mẫu số 36/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

- Phí, lệ phí: Không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Văn bản đăng ký hủy chuyển địa điểm mẫu số 31/ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử đồng thời đăng ký và đảm bảo đầy đủ các điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Quản lý thuế ngày 13/06/2019;

+ Luật, Pháp lệnh về thuế, phí, lệ phí, các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành;

+ Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/03/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế;

+ Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế.

- Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:

Mẫu số
31-ĐK-TCT.doc

Mẫu số: 31/ĐK-TCT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)

TÊN NGƯỜI NỘP THUẾ -------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
Số: ..... V/v Đăng ký hủy chuyển địa điểm	*....., ngày .... tháng .... năm .....*

Kính gửi: .....

1. Tên người nộp thuế *(ghi theo đăng ký thuế)*: .....

2. Mã số thuế: .....

3. Địa chỉ trụ sở chính *(ghi theo địa chỉ trụ sở của tổ chức đã đăng ký thuế)*: .....
.....

4. Địa chỉ kinh doanh *(ghi theo địa chỉ đăng ký kinh doanh của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đã đăng ký thuế)*: .....

5. Thông tin đại lý thuế (nếu có):

a) Tên: .....

b) Mã số thuế: .....

c) Số hợp đồng đại lý thuế: ..... ngày ký hợp đồng: .....

6. Hồ sơ chuyển địa điểm dẫn đến thay đổi cơ quan thuế quản lý nộp cho cơ quan thuế ngày ....., mã giao dịch điện tử (nếu có) số .....

7. Lý do đề nghị hủy chuyển địa điểm: .....

.....

.....

Người nộp thuế cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của văn bản này./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ	**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT** *(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)*
Họ và tên: ..... Chứng chỉ hành nghề số:	

Ghi chú:

Người nộp thuế là tổ chức không phải đóng dấu khi đăng ký thuế và hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không phải đóng dấu vào văn bản này.

2. Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là cá nhân không kinh doanh thông qua hồ sơ khai thuế.

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Cá nhân nộp hồ sơ khai thuế theo thời hạn của pháp luật về quản lý thuế đến Chi cục Thuế nơi cá nhân có phát sinh nghĩa vụ với ngân sách nhà nước để làm thủ tục đăng ký thuế.

Nơi nộp hồ sơ: Tại Chi cục Thuế nơi cá nhân có phát sinh nghĩa vụ với ngân sách nhà nước.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử: Người nộp thuế (NNT) truy cập vào Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) để khai tờ khai và gửi kèm các hồ sơ theo quy định dưới dạng điện tử (nếu có), ký điện tử và gửi đến cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn;

NNT nộp hồ sơ (hồ sơ đăng ký thuế đồng thời với hồ sơ đăng ký kinh doanh theo cơ chế 1 cửa liên thông) đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền gửi thông tin hồ sơ đã tiếp nhận của NNT sang cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

+ Bước 2: Cơ quan thuế tiếp nhận:

++ Đối với hồ sơ đăng ký thuế bằng giấy:

+++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế: Công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận vào hồ sơ đăng ký thuế, ghi rõ ngày nhận hồ sơ, số lượng tài liệu theo bảng kê danh mục hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế nộp trực tiếp tại cơ quan thuế. Công chức thuế viết phiếu hẹn ngày trả kết quả, thời hạn xử lý hồ sơ đã tiếp nhận;

+++ Trường hợp hồ sơ đăng ký thuế gửi bằng đường bưu chính: Công chức thuế đóng dấu tiếp nhận, ghi ngày nhận hồ sơ vào hồ sơ và ghi số văn thư của cơ quan thuế;

Công chức thuế kiểm tra hồ sơ đăng ký thuế. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ cần phải giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu, cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế theo mẫu số 01/TB-BSTT-NNT tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử:

Cơ quan Thuế thực hiện tiếp nhận hồ sơ qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan thuế:

+++ Tiếp nhận hồ sơ: Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông báo tiếp nhận việc NNT đã nộp hồ sơ cho NNT qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) chậm nhất 15 phút kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký thuế điện tử của người nộp thuế;

+++ Kiểm tra, giải quyết hồ sơ: Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về đăng ký thuế và trả kết quả giải quyết qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ:

++++ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng thủ tục theo quy định và phải trả kết quả: Cơ quan thuế gửi kết quả giải quyết hồ sơ đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ theo thời hạn quy định tại Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế;

++++ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng thủ tục theo quy định, cơ quan thuế gửi thông báo về việc không chấp nhận hồ sơ, gửi đến Cổng thông tin

điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày ghi trên Thông báo tiếp nhận hồ sơ.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tiếp tại trụ sở Cơ quan thuế;

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính;

+ Hoặc bằng phương thức điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ *Thành phần hồ sơ, gồm:*

++ Hồ sơ đăng ký thuế lần đầu là hồ sơ khai thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế. Trường hợp hồ sơ khai thuế chưa có bản sao các giấy tờ còn hiệu lực của cá nhân (bao gồm: Thẻ căn cước công dân hoặc Giấy chứng minh nhân dân đối với cá nhân là người có quốc tịch Việt Nam; Hộ chiếu đối với cá nhân là người có quốc tịch nước ngoài hoặc người có quốc tịch Việt Nam sinh sống tại nước ngoài) thì người nộp thuế phải gửi kèm một trong các loại giấy tờ này cùng với hồ sơ khai thuế;

Trường hợp cơ quan thuế và cơ quan quản lý nhà nước đã thực hiện liên thông thì cơ quan thuế căn cứ vào Phiếu chuyển thông tin của cơ quan quản lý nhà nước gửi đến nếu không có hồ sơ khai thuế.

+ *Số lượng hồ sơ:* 01 (bộ).

- Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nhận được hồ sơ đăng ký thuế đầy đủ theo quy định.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Thuế.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thông báo mã số thuế hoặc Thông báo nộp tiền.

- Phí, lệ phí: Không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Theo hồ sơ khai thuế của cá nhân.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử đồng thời đăng ký và đảm bảo đầy đủ các điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Quản lý thuế ngày 13/06/2019;

+ Luật, Pháp lệnh về thuế, phí, lệ phí, các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành;

+ Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/03/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế;

+ Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế.

- Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm: Không có

II. Thủ tục hành chính được thay thế:

1. Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là đơn vị độc lập, đơn vị chủ quản của tổ chức kinh tế (trừ tổ hợp tác), tổ chức khác.

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày: Được cấp giấy phép thành lập và hoạt động, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, quyết định thành lập; hoặc phát sinh nghĩa vụ với ngân sách nhà nước; hoặc bắt đầu hoạt động kinh doanh đối với tổ chức không thuộc diện đăng ký kinh doanh thì người nộp thuế (NNT) chuẩn bị hồ sơ đăng ký thuế đầy đủ theo đúng quy định, gửi đến cơ quan thuế để làm thủ tục đăng ký thuế theo nơi nộp hồ sơ như sau:

++ Đơn vị độc lập, đơn vị chủ quản của Tổ chức kinh tế (trừ tổ hợp tác) theo quy định tại Điểm a, b Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 3/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế nộp hồ sơ đăng ký thuế lần đầu tại Cục Thuế nơi đặt trụ sở;

++ Đơn vị độc lập, đơn vị chủ quản của tổ chức khác theo quy định tại Điểm c, n Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 3/12/2020 của Bộ Tài chính nộp hồ sơ đăng ký thuế lần đầu tại Cục Thuế nơi tổ chức đóng trụ sở đối với tổ chức do cơ quan trung ương và cơ quan cấp tỉnh ra quyết định thành lập;

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử: Người nộp thuế (NNT) truy cập vào Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) để khai tờ khai và gửi kèm các hồ sơ theo quy định dưới dạng điện tử (nếu có), ký điện tử và gửi đến cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn;

NNT nộp hồ sơ (hồ sơ đăng ký thuế đồng thời với hồ sơ đăng ký kinh doanh theo cơ chế 1 cửa liên thông) đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền gửi thông tin hồ sơ đã tiếp nhận của NNT sang cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

+ Bước 2: Cơ quan thuế tiếp nhận:

++ Đối với hồ sơ đăng ký thuế bằng giấy:

+++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế: Công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận vào hồ sơ đăng ký thuế, ghi rõ ngày nhận hồ sơ, số lượng tài liệu theo bảng kê danh mục hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế nộp trực tiếp tại cơ quan thuế. Công chức thuế viết phiếu hẹn ngày trả kết quả, thời hạn xử lý hồ sơ đã tiếp nhận;

+++ Trường hợp hồ sơ đăng ký thuế gửi bằng đường bưu chính: Công chức thuế đóng dấu tiếp nhận, ghi ngày nhận hồ sơ vào hồ sơ và ghi số văn thư của cơ quan thuế;

Công chức thuế kiểm tra hồ sơ đăng ký thuế. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ cần phải giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu, cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế theo mẫu số 01/TB-BSTT-NNT tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử: Cơ quan Thuế thực hiện tiếp nhận hồ sơ qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan thuế:

+++ Tiếp nhận hồ sơ: Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông báo tiếp nhận việc NNT đã nộp hồ sơ cho NNT qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) chậm nhất 15 phút kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký thuế điện tử của người nộp thuế;

+++ Kiểm tra, giải quyết hồ sơ: Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về đăng ký thuế và trả kết quả giải quyết qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ:

++++ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng thủ tục theo quy định và phải trả kết quả: Cơ quan thuế gửi kết quả giải quyết hồ sơ đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ theo thời hạn quy định tại Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính;

++++ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng thủ tục theo quy định, cơ quan thuế gửi thông báo về việc không chấp nhận hồ sơ, gửi đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày ghi trên Thông báo tiếp nhận hồ sơ.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tiếp tại trụ sở Cơ quan Thuế;

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính;

+ Hoặc bằng phương thức điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ *Thành phần hồ sơ, gồm:*

* Đối với đơn vị độc lập, đơn vị chủ quản của tổ chức kinh tế (trừ tổ hợp tác):

++ Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 01-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính;

++ Bảng kê các công ty con, công ty thành viên mẫu số BK01-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính (nếu có);

++ Bảng kê các đơn vị phụ thuộc mẫu số BK02-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính (nếu có);

++ Bảng kê địa điểm kinh doanh mẫu số BK03-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính (nếu có);

++ Bảng kê các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài mẫu số BK04-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính (nếu có);

++ Bảng kê các nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí mẫu số BK05-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính (nếu có);

++ Bảng kê góp vốn của tổ chức, cá nhân mẫu số BK06-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính (nếu có);

++ Bản sao Giấy phép thành lập và hoạt động, hoặc Quyết định thành lập, hoặc Văn bản tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp, hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật của nước có chung biên giới (đối với tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua, bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam).

* Đối với đơn vị độc lập, đơn vị chủ quản của tổ chức khác gồm:

++ Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 01-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính;

++ Bảng kê các công ty con, công ty thành viên mẫu số BK01-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính (nếu có);

++ Bảng kê các đơn vị phụ thuộc mẫu số BK02-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính (nếu có);

++ Bảng kê địa điểm kinh doanh mẫu số BK03-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính (nếu có);

++ Bảng kê các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài mẫu số BK04-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính (nếu có);

++ Bản sao không yêu cầu chứng thực Quyết định thành lập, hoặc Văn bản tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp.

+ *Số lượng hồ sơ:* 01 (bộ).

- Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nhận được hồ sơ đăng ký thuế đầy đủ theo quy định.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Thuế.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký thuế.

- Phí, lệ phí: Không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Tờ khai đăng ký thuế theo mẫu 01-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính;

++ Bảng kê các công ty con, công ty thành viên mẫu số BK01-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính (nếu có);

++ Bảng kê các đơn vị phụ thuộc mẫu số BK02-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính (nếu có);

++ Bảng kê địa điểm kinh doanh mẫu số BK03-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính (nếu có);

++ Bảng kê các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài mẫu số BK04-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính (nếu có);

++ Bảng kê các nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí mẫu số BK05-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính (nếu có);

++ Bảng kê góp vốn của tổ chức, cá nhân mẫu số BK06-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính (nếu có).

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử đồng thời đăng ký và đảm bảo đầy đủ các điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Quản lý thuế ngày 13/06/2019;

+ Luật, Pháp lệnh về thuế, phí, lệ phí, các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành;

+ Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế;

+ Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế.

- Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:

BK 01-ĐK-TCT.doc BK 02-ĐK-TCT.doc BK 03-ĐK-TCT.doc BK 04-ĐK-TCT.doc BK 05-ĐK-TCT.doc

BK 06-ĐK-TCT.doc Mau 01-ĐK-TCT.doc

Mẫu số: 01-ĐK-TCT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ THUẾ

(Dùng cho tổ chức)

□ Tổ chức kinh tế □ Tổ chức khác □ Tổ chức được hoàn thuế □ Hợp đồng dầu khí □ Tổ chức nước ngoài KD tại chợ biên giới, cửa khẩu

1. Tên người nộp thuế:	
2. Thông tin đại lý thuế (nếu có):	
2a. Tên:	
2b. Mã số thuế:	
2c. Hợp đồng đại lý thuế: Số:	ngày:

3. Địa chỉ trụ sở chính		**4. Địa chỉ nhận thông báo thuế** *(chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính)*	
3a. Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:		4a. Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn hoặc hòm thư bưu điện:	
3b. Phường/Xã/Thị trấn:		4b. Phường/Xã/Thị trấn:	
3c. Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương:		4c. Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương:	
3d. Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:		4d. Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:	
3đ. Điện thoại:	3e. Fax (nếu có):	4đ. Điện thoại:	4e. Fax:
3g. Email:			

5. Quyết định thành lập	**6. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp**
5a. Số quyết định:	6a. Số:

5b. Ngày ký quyết định: .../.../.....	6b. Ngày cấp: .../.../.....
5c. Cơ quan ban hành quyết định:	6c. Cơ quan cấp:

7. Ngành nghề kinh doanh chính:

8. Vốn điều lệ (=8.1+8.2+8.3+8.4):		**9. Ngày bắt đầu hoạt động:** .../.../.....
8.1. Vốn nhà nước:	Tỷ trọng: %	
8.2. Vốn nước ngoài:	Tỷ trọng: %	
8.3. Vốn tư nhân:	Tỷ trọng: %	
8.4. Vốn khác (nếu có):	Tỷ trọng: %	

10. Loại hình kinh tế

□ Công ty cổ phần	□ Doanh nghiệp tư nhân	□ VPĐD của tổ chức nước ngoài tại Việt Nam	□ Tổ hợp tác
□ Công ty TNHH 1 thành viên	□ Công ty hợp danh	□ Tổ chức kinh tế của lực lượng vũ trang	□ Hợp tác xã
□ Công ty TNHH 2 thành viên trở lên	□ Hợp đồng hợp tác, kinh doanh với nước ngoài	□ Tổ chức kinh tế của tổ chức chính trị, CT-XH, xã hội, XH-NN	□ Cơ quan hành chính
□ Đơn vị sự nghiệp ngoài công lập		□ Đơn vị sự nghiệp công lập	□ Loại hình khác

11. Hình thức hạch toán kế toán về kết quả kinh doanh	**12. Năm tài chính**	Từ ngày .../.... đến ngày .../.....
□ Độc lập □ Phụ thuộc		
□ Có báo cáo tài chính hợp nhất		

13. Thông tin về đơn vị chủ quản hoặc đơn vị quản lý trực tiếp	**14. Thông tin người đại diện theo pháp luật/chủ DNTN**
13a. Mã số thuế:	14a. Tên người đại diện theo pháp luật:
	14b. Chức vụ: ..... 14c. Sinh ngày: .../.../.....
13b. Tên đơn vị chủ quản/đơn vị quản lý trực	14d. Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: □ CMND □ CCCD □ Hộ chiếu

tiếp:	□ CMT biên giới □ Giấy thông hành □ Khác Số giấy tờ: ..... Ngày cấp: ..... Nơi cấp:..... 14đ. Địa chỉ nơi thường trú: Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn: Phường/Xã/Thị trấn: Quận/Huyện/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương: Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương: Quốc gia: 14e. Địa chỉ hiện tại (nếu có): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn: Phường/Xã/Thị trấn: Quận/Huyện/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương: Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương: Quốc gia: 14g. Thông tin khác Điện thoại: ...../Fax:..... Email: .....Website:.....

15. Phương pháp tính thuế GTGT	□ Khấu trừ	□ Trực tiếp trên GTGT	□ Trực tiếp trên doanh số	□ Không phải nộp thuế GTGT

16. Thông tin về các đơn vị liên quan

□ Có công ty con, công ty thành viên	□ Có đơn vị phụ thuộc	□ Có nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí
□ Có địa điểm kinh doanh, kho hàng phụ thuộc	□ Có hợp đồng với nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài	

17. Thông tin khác

17.1. Giám đốc/Tổng giám đốc (nếu có):
a. Tên:
b. Mã số thuế cá nhân:
c. Điện thoại liên lạc:

17.2. Kế toán trưởng (nếu có):
a. Tên:
b. Mã số thuế cá nhân:
c. Điện thoại liên lạc:

d. Email:	d. Email:

18. Tình trạng trước khi tổ chức lại (nếu có):

□ Chia □ Tách □ Hợp nhất

Mã số thuế trước của tổ chức đó:

Tôi xin cam đoan những nội dung trong bản kê khai này là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã kê khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên: .....

Chứng chỉ hành nghề số .....

....., ngày ... /.../.....

NGƯỜI NỘP THUẾ HOẶC ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI MẪU SỐ 01-ĐK-TCT

Người nộp thuế phải tích chọn vào một trong các ô thích hợp trước khi kê khai vào phần thông tin chi tiết, cụ thể như sau:

- "Tổ chức kinh tế": Người nộp thuế đăng ký thuế theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 7 tích chọn vào chỉ tiêu này.

- "Tổ chức khác": Người nộp thuế đăng ký thuế theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 7 tích chọn vào chỉ tiêu này.

- "Tổ chức được hoàn thuế": Người nộp thuế đăng ký thuế theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 7 tích chọn vào chỉ tiêu này. Người nộp thuế chỉ khai các chỉ tiêu: 1, 3, 4, 5, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 17.

- "Hợp đồng dầu khí": Người nộp thuế đăng ký thuế theo quy định tại Khoản 7 Điều 7 Thông tư này.

- "Tổ chức nước ngoài kinh doanh tại chợ biên giới, cửa khẩu": Người nộp thuế là tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế của khẩu của Việt Nam đăng ký thuế theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 7 Thông tư này. Khi tích chọn, người đại diện theo pháp luật kê khai các loại giấy tờ theo quy định tại Khoản 1 Điều 2 Thông tư số 218/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015 của Bộ Tài chính tại chỉ tiêu 14d và loại hình kinh tế tương ứng tại chỉ tiêu 10.

Thông tin chi tiết gồm:

1. Tên người nộp thuế: Ghi rõ ràng, đầy đủ bằng chữ in hoa tên tổ chức theo Quyết định thành lập hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (đối với tổ chức Việt Nam) hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam).

2. Thông tin đại lý thuế: Ghi đầy đủ các thông tin của đại lý thuế trong trường hợp Đại lý thuế ký hợp đồng với người nộp thuế để thực hiện thủ tục đăng ký thuế thay cho người nộp thuế theo quy định tại Luật Quản lý thuế.

3. Địa chỉ trụ sở chính: Ghi rõ số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn, phường/xã/thị

trấn, quận/huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh, tỉnh/thành phố của người nộp thuế. Nếu có số điện thoại, số Fax thì ghi rõ mã vùng - số điện thoại/số Fax theo thông tin địa chỉ sau:

- Địa chỉ trụ sở chính của người nộp thuế là tổ chức.

- Địa chỉ nơi kinh doanh trong chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ khu kinh tế cửa khẩu đối với người nộp thuế là tổ chức của các nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam.

- Địa chỉ nơi diễn ra hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí đối với hợp đồng dầu khí.

- Người nộp thuế phải kê khai đầy đủ, chính xác thông tin email. Địa chỉ email này dùng làm tài khoản giao dịch điện tử với cơ quan thuế đối với hồ sơ đăng ký thuế điện tử.

4. Địa chỉ nhận tháng báo thuế: Nếu người nộp thuế là tổ chức có địa chỉ nhận các thông báo của cơ quan thuế khác với địa chỉ của trụ sở chính tại chỉ tiêu 3 nêu trên thì ghi rõ địa chỉ nhận thông báo thuế để cơ quan thuế liên hệ.

5. Quyết định thành lập:

- Đối với người nộp thuế là tổ chức có quyết định thành lập: Ghi rõ số quyết định, ngày ban hành quyết định và cơ quan ban hành quyết định.

- Đối với Hợp đồng dầu khí: Ghi rõ số hợp đồng, ngày ký hợp đồng, để trống phần cơ quan ra quyết định.

6. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp: Ghi rõ số, ngày cấp và cơ quan cấp Giấy chứng nhận ĐKKD của nước có chung biên giới với Việt Nam cấp (đối với người nộp thuế là tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam), Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (đối với người nộp thuế là tổ chức của Việt Nam).

Riêng thông tin "cơ quan cấp" Giấy chứng nhận ĐKKD: ghi tên nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam đã cấp Giấy chứng nhận ĐKKD (Lào, Campuchia, Trung Quốc).

7. Ngành nghề kinh doanh chính: Ghi theo ngành nghề kinh doanh trên Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương dương do cơ quan có thẩm quyền cấp (đối với người nộp thuế là tổ chức của Việt Nam) và Giấy chứng nhận ĐKKD (đối với người nộp thuế là tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hứa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế của khẩu của Việt Nam).

Lưu ý: Chỉ ghi 1 ngành nghề chính thực tế kinh doanh.

8. Vốn điều lệ:

- Đối với người nộp thuế thuộc loại hình Công ty TNHH, Công ty cổ phần, Công ty hợp danh: Ghi theo vốn điều lệ Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc nguồn vốn trên Quyết định thành lập (ghi rõ loại tiền, phân loại nguồn vốn theo chủ sở hữu, tỷ trọng của từng loại nguồn vốn trong tổng số vốn).

- Đối với người nộp thuế thuộc loại hình doanh nghiệp tư nhân: Ghi theo vốn đầu tư trên Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (ghi rõ loại tiền).

- Đối với người nộp thuế là tổ chức của các nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam và tổ chức khác: Nếu trên Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận ĐKKD,... có vốn thì ghi, nếu không có vốn thì để trống thông tin này.

9. Ngày bắt đầu hoạt động: Kê khai ngày người nộp thuế bắt đầu hoạt động thực tế nếu khác với ngày cấp mã số thuế.

10. Loại hình kinh tế: Đánh dấu X vào 1 trong những ô tương ứng.

11. Hình thức hạch toán kế toán về kết quả kinh doanh: Đánh dấu X vào một trong hai ô của là độc lập hoặc phụ thuộc. Trường hợp tích chọn ô "độc lập" thì tích chọn vào "có BCTC hợp nhất" nếu

thuộc đối tượng phải lập và gửi báo cáo tài chính hợp nhất cho cơ quan thuế theo quy định.

12. Năm tài chính: Ghi rõ từ ngày, tháng đầu niên độ kế toán đến ngày, tháng cuối niên độ kế toán theo năm dương lịch hoặc năm tài chính của người nộp thuế.

13. Thông tin về đơn vị chủ quản hoặc đơn vị quản lý trực tiếp: Ghi rõ tên, mã số thuế của đơn vị cấp trên trực tiếp quản lý người nộp thuế là tổ chức.

14. Thông tin người đại diện theo pháp luật/chủ DNTN: Kê khai thông tin chi tiết của người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế là tổ chức (đối với tổ chức kinh tế và tổ chức khác trừ doanh nghiệp tư nhân) hoặc thông tin của chủ doanh nghiệp tư nhân.

15. Phương pháp tính thuế GTGT: Đánh dấu X vào một trong các ô của chỉ tiêu này.

16. Thông tin về các đơn vị có liên quan:

- Nếu người nộp thuế có công ty con, công ty thành viên thì đánh dấu X vào ô "Có công ty con, công ty thành viên", sau đó phải kê khai vào phần "Bảng kê các công ty con, công ty thành viên" mẫu số BK01-ĐK-TCT.

- Nếu người nộp thuế có đơn vị phụ thuộc thì đánh dấu X vào 6 "Có đơn vị phụ thuộc", sau đó phải kê khai vào "Bảng kê các đơn vị phụ thuộc" mẫu số BK02-ĐK-TCT.

- Nếu người nộp thuế có địa điểm kinh doanh, kho hàng phụ thuộc không có chức năng kinh doanh thì đánh dấu X vào ô "Có địa điểm kinh doanh, kho hàng phụ thuộc", sau đó phải kê khai vào phần "Bảng kê các địa điểm kinh doanh" mẫu số BK03-ĐK-TCT.

- Nếu người nộp thuế có nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài thì đánh dấu X vào ô "Có nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài", sau đó phải kê khai vào phần "Bảng kê các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài" mẫu số BK04-ĐK-TCT.

- Nếu người nộp thuế có nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí thì đánh dấu X vào ô "Có nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí", sau đó phải kê khai vào phần "Bảng kê các nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí" mẫu số BK05-ĐK-TCT (đối với hợp đồng dầu khí).

17. Thông tin khác: Ghi rõ họ và tên, mã số thuế cá nhân, số điện thoại liên lạc, email của Tổng giám đốc hoặc Giám đốc và Kế toán trưởng của người nộp thuế.

18. Tình trạng trước khi tổ chức lại tổ chức kinh tế (nếu có): Nếu người nộp thuế là tổ chức kinh tế đăng ký thuế do tổ chức Lại của tổ chức kinh tế trước đó thì đánh dấu X vào một trong các trường hợp: sáp nhập, hợp nhất, chia, tách và phải ghi rõ mã số thuế đã cấp trước đây của các tổ chức kinh tế bị sáp nhập, bị hợp nhất, bị chia, bị tách.

19. Phần người nộp thuế hoặc người đại diện hợp pháp của người nộp thuế ký, ghi rõ họ tên: Người nộp thuế hoặc người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế phải ký, ghi rõ họ tên vào phần này.

20. Đóng dấu của người nộp thuế:

Trường hợp người nộp thuế có con dấu tại thời điểm đăng ký thuế thì phải đóng dấu vào phần này. Trường hợp người nộp thuế không có con dấu tại thời điểm đăng ký thuế thì chưa phải đóng dấu trên tờ khai thuế. Khi người nộp thuế đến nhận kết quả phải bổ sung việc đóng dấu cho cơ quan thuế.

Trường hợp người nộp thuế thuộc đối tượng đăng ký thuế quy định tại điểm d khoản 2 Điều 4 Thông tư này không có con dấu thì không phải đóng dấu vào phần này.

21. Nhân viên đại lý thuế: Trường hợp đại lý thuế kê khai thay cho người nộp thuế thì kê khai vào thông tin này.

Mẫu số: **BK01-ĐK-TCT**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ
Các công ty con, công ty thành viên
(Kèm theo tờ khai mẫu số <01-ĐK-TCT>)

Tên người nộp thuế: .....

Mã số thuế (nếu có): | | | | | | | | | | | | | |

STT	Mã số thuế	Tên công ty con, công ty thành viên	Địa chỉ của công ty con, công ty thành viên	Vốn của công ty mẹ góp vào công ty con, công ty thành viên	Loại tiền (VNĐ/USD)	Tỷ lệ vốn của công ty mẹ góp vào công ty con, công ty thành viên (%)

..., ngày... /... /.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: **BK02-ĐK-TCT**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 3/12/2020 của Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ
Các đơn vị phụ thuộc (chi nhánh, văn phòng đại diện)

(Kèm theo tờ khai mẫu số <01-ĐK-TCT hoặc 02-ĐK-TCT>)

Tên người nộp thuế:.....

Mã số thuế (nếu có): | | | | | | | | | | | | | |

STT	Tên đơn vị phụ thuộc	Địa chỉ của đơn vị phụ thuộc	Số Quyết định thành lập	Ngày ban hành Quyết định thành lập

..., ngày... /... /.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: **BK03-ĐK-TCT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ
Các địa điểm kinh doanh, kho hàng
(Kèm theo tờ khai mẫu số <01-ĐK-TCT hoặc 02-ĐK-TCT>)

Tên người nộp thuế: .....

Mã số thuế (nếu có): | | | | | | | | | | | | | |

STT	Tên địa điểm kinh doanh, kho hàng	Số Quyết định thành lập	Ngày ban hành Quyết định thành lập	Số nhà, đường phố (thôn xóm)	Phường/ xã	Quận/ huyện	Tỉnh/ thành phố
1							
2							
....							
....							
....							
....							

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

..., ngày... /... /.....
NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: **BK04-ĐK-TCT**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ
Các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài
(Kèm theo tờ khai mẫu số <01-ĐK-TCT hoặc 02-ĐK-TCT>)

Tên người nộp thuế: .....

Mã số thuế (nếu có): | | | | | | | | | | | | | | |

STT	Tên Nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài	Quốc tịch	Mã số thuế của nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài tại Việt Nam (nếu có)	Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Giá trị hợp đồng	Địa điểm thực hiện hợp đồng		Thời gian thực hiện hợp đồng
							Quận/huyện	Tỉnh/thành phố	
1									
2									
...									

..., ngày... /... /.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: **BK05-DK-TCT**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ
Các nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí

(Kèm theo tờ khai mẫu số <01-ĐK-TCT hoặc 02-ĐK-TCT>)

Tên người nộp thuế:.....

Mã số thuế (nếu có): | | | | | | | | | | | | | |

STT	Tên Nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí	Quốc tịch	Mã số thuế của nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí tại Việt Nam (nếu có)	Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Giá trị hợp đồng	Địa điểm thực hiện hợp đồng		Thời gian thực hiện hợp đồng
							Quận/ huyện	Tỉnh/ thành phố	
1									
2									
...									

..., ngày... /... /.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: **BK06-ĐK-TCT**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ
Góp vốn của tổ chức, cá nhân
(Kèm theo tờ khai mẫu số <01-ĐK-TCT>)

Tên người nộp thuế:.....

Mã số thuế (nếu có): | | | | | | | | | | | | | |

STT	Tên tổ chức, cá nhân góp vốn vào người nộp thuế	Quốc tịch đối với cá nhân góp vốn	Địa chỉ trụ sở của tổ chức góp vốn	Số tiền (VNĐ)	Mã số thuế (nếu có)	Số giấy phép thành lập và hoạt động hoặc quyết định thành lập của tổ chức góp vốn	Số CMND/ CCCD của cá nhân góp vốn
1							
2							
...							
Tổng cộng					x	x	x

..., ngày... /... /.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

2. Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là đơn vị phụ thuộc của tổ chức kinh tế (trừ tổ hợp tác), tổ chức khác.

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày được cấp quyết định thành lập hoặc văn bản tương đương thì người nộp thuế (NNT) chuẩn bị hồ sơ đăng ký thuế đầy đủ theo đúng quy định sau đó gửi đến cơ quan thuế để làm thủ tục đăng ký thuế theo nơi nộp hồ sơ như sau:

++ Đơn vị phụ thuộc của tổ chức kinh tế (trừ tổ hợp tác) theo quy định tại Điểm a, b Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 3/12/2020 của Bộ Tài chính chính hướng dẫn về đăng ký thuế, nộp hồ sơ đăng ký thuế lần đầu tại Cục Thuế nơi đặt trụ sở;

++ Đơn vị phụ thuộc của tổ chức khác theo quy định tại Điểm c, n Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 3/12/2020 của Bộ Tài chính, nộp hồ sơ đăng ký thuế lần đầu tại Cục Thuế nơi tổ chức đóng trụ sở đối với tổ chức do cơ quan trung ương và cơ quan cấp tỉnh ra quyết định thành lập;

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử: Người nộp thuế (NNT) truy cập vào Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) để khai tờ khai và gửi kèm các hồ sơ theo quy định dưới dạng điện tử (nếu có), ký điện tử và gửi đến cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn;

NNT nộp hồ sơ (hồ sơ đăng ký thuế đồng thời với hồ sơ đăng ký kinh doanh theo cơ chế 1 cửa liên thông) đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền gửi thông tin hồ sơ đã tiếp nhận của NNT sang cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

+ Bước 2: Cơ quan thuế tiếp nhận:

++ Đối với hồ sơ đăng ký thuế bằng giấy:

+++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế: Công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận vào hồ sơ đăng ký thuế, ghi rõ ngày nhận hồ sơ, số lượng tài liệu theo bảng kê danh mục hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế nộp trực tiếp tại cơ quan thuế. Công chức thuế viết phiếu hẹn ngày trả kết quả, thời hạn xử lý hồ sơ đã tiếp nhận;

+++ Trường hợp hồ sơ đăng ký thuế gửi bằng đường bưu chính: Công chức thuế đóng dấu tiếp nhận, ghi ngày nhận hồ sơ vào hồ sơ và ghi số văn thư của cơ quan thuế;

Công chức thuế kiểm tra hồ sơ đăng ký thuế. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ cần phải giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu, cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế theo mẫu số 01/TB-BSTT-NNT tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử:

Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận hồ sơ qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan thuế:

+++ Tiếp nhận hồ sơ: Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông báo tiếp nhận việc NNT đã nộp hồ sơ cho NNT qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) chậm nhất 15 phút kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký thuế điện tử của người nộp thuế;

+++ Kiểm tra, giải quyết hồ sơ: Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về đăng ký thuế và trả kết quả giải quyết qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ:

++++ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng thủ tục theo quy định và phải trả kết quả: Cơ quan thuế gửi kết quả giải quyết hồ sơ đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ theo thời hạn quy định tại Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính;

++++ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng thủ tục theo quy định, cơ quan thuế gửi thông báo về việc không chấp nhận hồ sơ, gửi đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày ghi trên Thông báo tiếp nhận hồ sơ.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tiếp tại trụ sở Cơ quan thuế;

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính;

+ Hoặc bằng phương thức điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ, gồm:

* Đối với đơn vị phụ thuộc của tổ chức kinh tế (trừ tổ hợp tác), gồm:

++ Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 02-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính;

++ Bảng kê các đơn vị phụ thuộc mẫu số BK02-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính (nếu có);

++ Bảng kê địa điểm kinh doanh mẫu số BK03-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính (nếu có);

++ Bảng kê các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài mẫu số BK04-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính (nếu có);

++ Bảng kê các nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí mẫu số BK05-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính (nếu có);

++ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đơn vị phụ thuộc, hoặc Quyết định thành lập, hoặc Văn bản tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp, hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật của nước có chung biên giới (đối với tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua, bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam).

+ Đối với đơn vị phụ thuộc của tổ chức khác, gồm:

++ Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 02-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính;

++ Bảng kê các đơn vị phụ thuộc mẫu số BK02-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính (nếu có);

++ Bảng kê địa điểm kinh doanh mẫu số BK03-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính (nếu có);

++ Bảng kê các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài mẫu số BK04-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính (nếu có);

++ Bản sao không yêu cầu chứng thực Quyết định thành lập, hoặc Văn bản tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp.

+ *Số lượng hồ sơ:* 01 (bộ).

- Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nhận được hồ sơ đăng ký thuế đầy đủ theo quy định.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Thuế.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký thuế.

- Phí, lệ phí: Không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Tờ khai đăng ký thuế theo mẫu số 02-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

++ Bảng kê các đơn vị phụ thuộc mẫu số BK02-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính (nếu có);

++ Bảng kê địa điểm kinh doanh mẫu số BK03-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính (nếu có);

++ Bảng kê các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài mẫu số BK04-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính (nếu có);

++ Bảng kê các nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí mẫu số BK05-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính (nếu có).

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử, đồng thời

đăng ký và đảm bảo đầy đủ các điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Quản lý thuế ngày 13/06/2019;

+ Luật, Pháp lệnh về thuế, phí, lệ phí, các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành;

+ Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/03/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế;

+ Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế.

- Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:

Mẫu số 02-ĐK-TCT.doc 02-ĐK-TCT.doc BK 03-ĐK-TCT.doc BK 04-ĐK-TCT.doc BK 05-ĐK-TCT.doc

Mẫu số: 02-ĐK-TCT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ THUẾ

(Dùng cho đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh trực tiếp phát sinh nghĩa vụ thuế)

□ Chi nhánh □ Văn phòng đại diện □ Địa điểm kinh doanh

NNT ghi MST 10 số của đơn vị chủ quản vào các ô này

1. Tên người nộp thuế:
2. Thông tin đại lý thuế (nếu có):
2a. Tên:
2b. Mã số thuế:
2c. Hợp đồng đại lý thuế: Số: Ngày:

3. Địa chỉ trụ sở chính	**4. Địa chỉ nhận thông báo thuế** *(chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính)*
3a. Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:	4a. Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn hoặc hòm thư bưu điện:
3b. Phường/Xã/Thị trấn:	4b. Phường/Xã/Thị trấn:
3c. Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương:	4c. Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương:
3d. Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:	4d. Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:
3đ. Điện thoại: /Fax:	4đ. Điện thoại: /Fax:
3e. Email:	4e. E-mail:

5. Quyết định thành lập	**6. Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp**

5a. Số quyết định:	6a. Số:
5b. Ngày ký quyết định: .../.../.....	6b. Ngày cấp: .../.../.....
5c. Cơ quan ban hành quyết định:	6c. Cơ quan cấp:
	7. Ngành nghề kinh doanh chính:

8. Vốn điều lệ (=8.1+8.2+8.3+8.4):		**9. Ngày bắt đầu hoạt động:** .../.../.....
8.1. Vốn nhà nước:	Tỷ trọng: %	
8.2. Vốn nước ngoài:	Tỷ trọng: %	
8.3. Vốn tư nhân:	Tỷ trọng: %	
8.4. Vốn khác (nếu có):	Tỷ trọng: %	

10. Loại hình kinh tế

□ Công ty cổ phần	□ Doanh nghiệp tư nhân	□ VPĐD của tổ chức nước ngoài tại Việt Nam	□ Tổ hợp tác
□ Công ty TNHH 1 thành viên	□ Công ty hợp danh	□ Tổ chức kinh tế của lực lượng vũ trang	□ Hợp tác xã
□ Công ty TNHH 2 thành viên trở lên	□ Hợp đồng hợp tác, kinh doanh với nước ngoài	□ Tổ chức kinh tế của tổ chức chính trị, CT-XH, xã hội, XH-NN	□ Cơ quan hành chính
□ Đơn vị sự nghiệp ngoài công lập		□ Đơn vị sự nghiệp công lập	□ Loại hình khác

11. Hình thức hạch toán kế toán về kết quả kinh doanh

□ Độc lập □ Phụ thuộc

12. Năm tài chính Từ ngày .../.... đến ngày .../.....

13. Thông tin về đơn vị chủ quản hoặc đơn vị quản lý trực tiếp	**14. Thông tin người đại diện theo pháp luật của đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh**
13a. Mã số thuế:	□ Đơn vị phụ thuộc, địa điểm KD của tổ chức của VN
	□ Đơn vị phụ thuộc, địa điểm KD của của thương nhân nước ngoài
13b. Tên đơn vị chủ quản/đơn vị quản lý trực	

tiếp:	14a. Tên người đại diện theo pháp luật: 14b. Chức vụ: ..... 14c. Sinh ngày: .../.../..... 14d. Loại giấy từ chứng thực cá nhân: □ CMND □ CCCD □ Hộ chiếu □ CMT biên giới □ Giấy thông hành □ Khác Số giấy tờ: ..... Ngày cấp: ..... Nơi cấp:..... 14đ. Địa chỉ nơi thường trú: Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn: Phường/Xã/Thị trấn: Quận/Huyện/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương: Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương: Quốc gia: 14e. Địa chỉ hiện tại (nếu có): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn: Phường/Xã/Thị trấn: Quận/Huyện/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương: Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương: Quốc gia: 14g. Thông tin khác Điện thoại: /Fax: Email: Website:

15. Phương pháp tính thuế GTGT

□ Khấu trừ	□ Trực tiếp trên GTGT	□ Trực tiếp trên doanh số	□ Không phải nộp thuế GTGT

16. Thông tin về các đơn vị liên quan

□ Có đơn vị phụ thuộc	□ Có địa điểm kinh doanh, khongoài, nhà thầu phụ nước ngoài hàng phụ thuộc	□ Có hợp đồng với nhà thầu nước	□ Có nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí

17. Thông tin khác

17.1. Giám đốc (nếu có):	***17.2. Kế toán trưởng (nếu có):***

a. Tên:	a. Tên:
b. Mã số thuế cá nhân:	b. Mã số thuế cá nhân:
c. Điện thoại liên lạc:	c. Điện thoại liên lạc:
d. Email:	d. Email:

18. Tình trạng trước khi tổ chức lại (nếu có):

□ Chia □ Tách □ Hợp nhất

Mã số thuế trước của tổ chức đó:

Tôi xin cam đoan những nội dung trong bản kê khai này là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã kê khai./.

....., ngày ... /.../.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên: .....

Chứng chỉ hành nghề số .....

NGƯỜI NỘP THUẾ HOẶC ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI
MẪU SỐ 02-ĐK-TCT

1. Tên người nộp thuế: Ghi rõ ràng, đầy đủ bằng chữ in hoa tên tổ chức theo Quyết định thành lập hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (đối với tổ chức Việt Nam) hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam).

2. Thông tin đại lý thuế: Ghi đầy đủ các thông tin của đại lý thuế trong trường hợp Đại lý thuế ký hợp đồng với người nộp thuế để thực hiện thủ tục đăng ký thuế thay cho người nộp thuế theo quy định tại Luật Quản lý thuế.

3. Địa chỉ trụ sở chính: Ghi rõ số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn, phường/xã/thị trấn, quận/huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh, tỉnh/thành phố của người nộp thuế. Nếu có số điện thoại, số Fax thì ghi rõ mã vùng - số điện thoại/số Fax theo thông tin địa chỉ sau:

- Địa chỉ trụ sở chính của người nộp thuế là tổ chức.

- Địa chỉ nơi kinh doanh trong chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ khu kinh tế cửa khẩu đối với người nộp thuế là tổ chức của các nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam.

- Địa chỉ nơi diễn ra hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí đối với hợp đồng dầu khí.

- Người nộp thuế phải kê khai đầy đủ, chính xác thông tin email. Địa chỉ email này dùng làm tài khoản giao dịch điện tử với cơ quan thuế đối với hồ sơ đăng ký thuế điện tử.

4. Địa chỉ nhận thông báo thuế: Nếu người nộp thuế là tổ chức có địa chỉ nhận các thông báo của cơ quan thuế khác với địa chỉ của trụ sở chính tại chỉ tiêu 3 nêu trên thì ghi rõ địa chỉ nhận thông báo

thuế để cơ quan thuế liên hệ.

5. Quyết định thành lập:

- Đối với người nộp thuế là tổ chức có quyết định thành lập: Ghi rõ số quyết định, ngày ban hành quyết định và cơ quan ban hành quyết định.

- Đối với nhà thầu, nhà đầu tư tham gia Hợp đồng dầu khí: Ghi rõ số hợp đồng, ngày ký hợp đồng, để trống phần cơ quan ra quyết định.

6. Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấp tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp: Ghi rõ số, ngày cấp và cơ quan cấp Giấy chứng nhận ĐKKD của nước có chung biên giới với Việt Nam cấp (đối với người nộp thuế là tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ của khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu cửa Việt Nam), Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (đối với người nộp thuế là tổ chức của Việt Nam).

Riêng thông tin "cơ quan cấp" Giấy chứng nhận ĐKKD: ghi tên nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam đã cấp Giấy chứng nhận ĐKKD (Lào, Campuchia, Trung Quốc).

7. Ngành nghề kinh doanh chính: Ghi theo ngành nghề kinh doanh trên Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (đối với người nộp thuế là tổ chức của Việt Nam) và Giấy chứng nhận ĐKKD (đối với người nộp thuế là tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam).

Lưu ý: chỉ ghi 1 ngành nghề chính thực tế kinh doanh.

8. Vốn điều lệ:

- Đối với người nộp thuế thuộc loại hình Công ty TNHH, Công ty cổ phần, Công ty hợp danh: Ghi theo vốn điều lệ Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc nguồn vốn trên Quyết định thành lập (ghi rõ loại tiền, phân loại nguồn vốn theo chủ sở hữu, tỷ trọng của từng loại nguồn vốn trong tổng số vốn).

- Đối với người nộp thuế thuộc loại hình doanh nghiệp tư nhân: Ghi theo vốn đầu tư trên Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (ghi rõ loại tiền).

- Đối với người nộp thuế là tổ chức của các nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam và tổ chức khác: Nếu trên Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận ĐKKD,... có vốn thì ghi, nếu không có vốn thì để trống thông tin này.

9. Ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh: Kê khai ngày người nộp thuế bắt đầu hoạt động thực tế nếu khác với ngày cấp mã số thuế.

10. Loại hình kinh tế: Đánh dấu X vào 1 trong những ô tương ứng.

11. Hình thức hạch toán kế toán về kết quả kinh doanh: Đánh dấu X vào một trong hai ô của chỉ tiêu này.

12. Năm tài chính: Ghi rõ từ ngày, tháng đầu niên độ kế toán đến ngày, tháng cuối niên độ kế toán theo năm dương lịch hoặc năm tài chính.

13. Thông tin về đơn vị chủ quản hoặc đơn vị quản lý trực tiếp: Ghi rõ tên, mã số thuế của đơn vị cấp trên trực tiếp quản lý đơn vị phụ thuộc.

14. Thông tin người đại diện theo pháp luật/chủ DNTN: Kê khai thông tin chi tiết của người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế là tổ chức (đối với tổ chức kinh tế và tổ chức khác trừ doanh nghiệp tư nhân) hoặc thông tin của chủ doanh nghiệp tư nhân.

15. Phương pháp tính thuế GTGT: Tổ chức tự đánh dấu X vào 1 trong những ô tương ứng.

16. Thông tin về các đơn vị liên quan:

- Nếu người nộp thuế có đơn vị phụ thuộc thì đánh dấu X vào ô "Có đơn vị phụ thuộc", sau đó phải kê khai vào "Bảng kê các đơn vị phụ thuộc" mẫu số BK02-ĐK-TCT,

- Nếu người nộp thuế có địa điểm kinh doanh, kho hàng phụ thuộc không có chức năng kinh doanh thì đánh dấu X vào ô "Có địa điểm kinh doanh, kho hàng phụ thuộc", sau đó phải kê khai vào phần "Bảng kê các địa điểm kinh doanh" mẫu số BK03-ĐK-TCT.

- Nếu người nộp thuế có nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài thì đánh dấu X vào ô "Có nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài", sau đó phải kê khai vào phần "Bảng kê các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài" mẫu số BK04-ĐK-TCT.

- Nếu người nộp thuế có nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí thì đánh dấu X vào ô "Có nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí", sau đó phải kê khai vào phần "Bảng kê các nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí" mẫu số BK05-ĐK-TCT (đối với hợp đồng dầu khí).

17. Thông tin khác: Ghi rõ họ và tên, mã số thuế cá nhân, số điện thoại liên lạc và email của Giám đốc và Kế toán trưởng của người nộp thuế.

18. Tình trạng trước khi tổ chức lại tổ chức kinh tế (nếu có): Nếu người nộp thuế là tổ chức kinh tế đăng ký thuế do tổ chức lại của tổ chức kinh tế trước đó thì đánh dấu X vào một trong các trường hợp: sáp nhập, hợp nhất, chia, tách và phải ghi rõ mã số thuế đã cấp trước đây của các tổ chức kinh tế bị sáp nhập, bị hợp nhất, bị chia, bị tách.

19. Phần người nộp thuế hoặc người đại diện hợp pháp của người nộp thuế ký, ghi rõ họ tên: Người nộp thuế hoặc người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế phải ký, ghi rõ họ tên vào phần này.

20. Đóng dấu của người nộp thuế: Trường hợp người nộp thuế có con dấu tại thời điểm đăng ký thuế thì phải đóng dấu vào phần này. Trường hợp người nộp thuế không có con dấu tại thời điểm đăng ký thuế thì chưa phải đóng dấu trên tờ khai thuế. Khi người nộp thuế đến nhận kết quả phải bổ sung việc đóng dấu cho cơ quan thuế.

21. Nhân viên đại lý thuế: Trường hợp đại lý thuế kê khai thay cho người nộp thuế thì kê khai vào thông tin này.

Mẫu số: **BK02-ĐK-TCT**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 3/12/2020 của Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ
Các đơn vị phụ thuộc (chi nhánh, văn phòng đại diện)

(Kèm theo tờ khai mẫu số <01-ĐK-TCT hoặc 02-ĐK-TCT>)

Tên người nộp thuế:.....

Mã số thuế (nếu có): | | | | | | | | | | | | | |

STT	Tên đơn vị phụ thuộc	Địa chỉ của đơn vị phụ thuộc	Số Quyết định thành lập	Ngày ban hành Quyết định thành lập

..., ngày... /... /.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: **BK03-ĐK-TCT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ
Các địa điểm kinh doanh, kho hàng
(Kèm theo tờ khai mẫu số <01-ĐK-TCT hoặc 02-ĐK-TCT>)

Tên người nộp thuế: .....

Mã số thuế (nếu có): | | | | | | | | | | | | | |

STT	Tên địa điểm kinh doanh, kho hàng	Số Quyết định thành lập	Ngày ban hành Quyết định thành lập	Số nhà, đường phố (thôn xóm)	Phường/ xã	Quận/ huyện	Tỉnh/ thành phố
1							
2							
....							
....							
....							
....							

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

..., ngày... /... /.....
NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: **BK04-ĐK-TCT**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ
Các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài
(Kèm theo tờ khai mẫu số <01-ĐK-TCT hoặc 02-ĐK-TCT>)

Tên người nộp thuế: .....

Mã số thuế (nếu có): | | | | | | | | | | | | | |

STT	Tên Nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài	Quốc tịch	Mã số thuế của nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài tại Việt Nam (nếu có)	Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Giá trị hợp đồng	Địa điểm thực hiện hợp đồng		Thời gian thực hiện hợp đồng
							Quận/huyện	Tỉnh/ thành phố	
1									
2									
...									

..., ngày... /... /.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: **BK05-ĐK-TCT**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ
Các nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí

(Kèm theo tờ khai mẫu số <01-ĐK-TCT hoặc 02-ĐK-TCT>)

Tên người nộp thuế:.....

Mã số thuế (nếu có): | | | | | | | | | | | | | | |

STT	Tên Nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí	Quốc tịch	Mã số thuế của nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí tại Việt Nam (nếu có)	Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Giá trị hợp đồng	Địa điểm thực hiện hợp đồng		Thời gian thực hiện hợp đồng
							Quận/ huyện	Tỉnh/ thành phố	
1									
2									
...									

..., ngày... /... /.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

3. Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là Tổ chức, cá nhân nước ngoài và tổ chức ở Việt Nam sử dụng tiền viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại của nước ngoài mua hàng hoá, dịch vụ có thuế giá trị gia tăng ở Việt Nam để viện trợ không hoàn lại, viện trợ nhân đạo; Chủ dự án ODA thuộc diện được hoàn thuế giá trị gia tăng, Văn phòng đại diện nhà tài trợ dự án ODA, tổ chức do phía nhà tài trợ nước ngoài chỉ định quản lý chương trình, dự án ODA không hoàn lại.

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh yêu cầu được hoàn thuế, tổ chức, cá nhân thuộc diện được hoàn thuế giá trị gia tăng thực hiện nộp hồ sơ đến Cục Thuế nơi tổ chức đóng trụ sở hoặc nơi cá nhân có địa chỉ thường trú tại Việt Nam.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử: Người nộp thuế (NNT) truy cập vào Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) để khai tờ khai và gửi kèm các hồ sơ theo quy định dưới dạng điện tử (nếu có), ký điện tử và gửi đến cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn;

NNT nộp hồ sơ (hồ sơ đăng ký thuế đồng thời với hồ sơ đăng ký kinh doanh theo cơ chế 1 cửa liên thông) đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền gửi thông tin hồ sơ đã tiếp nhận của NNT sang cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

+ Bước 2: Cơ quan thuế tiếp nhận:

++ Đối với hồ sơ đăng ký thuế bằng giấy:

+++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế: Công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận vào hồ sơ đăng ký thuế, ghi rõ ngày nhận hồ sơ, số lượng tài liệu theo bảng kê danh mục hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ đăng ký

thuế nộp trực tiếp tại cơ quan thuế. Công chức thuế viết phiếu hẹn ngày trả kết quả, thời hạn xử lý hồ sơ đã tiếp nhận;

+++ Trường hợp hồ sơ đăng ký thuế gửi bằng đường bưu chính: Công chức thuế đóng dấu tiếp nhận, ghi ngày nhận hồ sơ vào hồ sơ và ghi số văn thư của cơ quan thuế;

Công chức thuế kiểm tra hồ sơ đăng ký thuế. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ cần phải giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu, cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế theo mẫu số 01/TB-BSTT-NNT tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử:

Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận hồ sơ qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan thuế:

+++ Tiếp nhận hồ sơ: Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông báo tiếp nhận việc NNT đã nộp hồ sơ cho NNT qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) chậm nhất 15 phút kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký thuế điện tử của người nộp thuế;

+++ Kiểm tra, giải quyết hồ sơ: Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về đăng ký thuế và trả kết quả giải quyết qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ:

++++ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng thủ tục theo quy định và phải trả kết quả: Cơ quan thuế gửi kết quả giải quyết hồ sơ đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ theo thời hạn quy định tại Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế;

++++ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng thủ tục theo quy định, cơ quan thuế gửi thông báo về việc không chấp nhận hồ sơ, gửi đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày ghi trên Thông báo tiếp nhận hồ sơ.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tiếp tại trụ sở Cơ quan thuế;

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính;

+ Hoặc bằng phương thức điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ *Thành phần hồ sơ, gồm:* Tờ khai đăng ký thuế theo mẫu số 01-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

+ *Số lượng hồ sơ:* 01 (bộ).

- Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nhận được hồ sơ đăng ký thuế đầy đủ theo quy định.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Thuế.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký thuế.

- Phí, lệ phí: Không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ khai đăng ký thuế theo mẫu 01-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử đồng thời đăng ký và đảm bảo đầy đủ các điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Quản lý thuế ngày 13/06/2019;

+ Luật, Pháp lệnh về thuế, phí, lệ phí, các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành;

+ Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/03/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế;

+ Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế.

- Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:

Mẫu số
01-ĐK-TCT.doc

Mẫu số: 01-ĐK-TCT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ THUẾ

(Dùng cho tổ chức)

□ Tổ chức kinh tế □ Tổ chức khác □ Tổ chức được hoàn thuế □ Hợp đồng dầu khí □ Tổ chức nước ngoài KD tại chợ biên giới, cửa khẩu

1. Tên người nộp thuế:	
2. Thông tin đại lý thuế (nếu có):	
2a. Tên:	
2b. Mã số thuế:	
2c. Hợp đồng đại lý thuế: Số:	ngày:

3. Địa chỉ trụ sở chính		**4. Địa chỉ nhận thông báo thuế** *(chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính)*	
3a. Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:		4a. Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn hoặc hòm thư bưu điện:	
3b. Phường/Xã/Thị trấn:		4b. Phường/Xã/Thị trấn:	
3c. Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương:		4c. Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương:	
3d. Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:		4d. Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:	
3đ. Điện thoại:	3e. Fax (nếu có):	4đ. Điện thoại:	4e. Fax:
3g. Email:			

5. Quyết định thành lập	**6. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp**
5a. Số quyết định:	6a. Số:

5b. Ngày ký quyết định: .../.../.....	6b. Ngày cấp: .../.../.....
5c. Cơ quan ban hành quyết định:	6c. Cơ quan cấp:

7. Ngành nghề kinh doanh chính:

8. Vốn điều lệ (=8.1+8.2+8.3+8.4):		**9. Ngày bắt đầu hoạt động:** .../.../.....
8.1. Vốn nhà nước:	Tỷ trọng: %	
8.2. Vốn nước ngoài:	Tỷ trọng: %	
8.3. Vốn tư nhân:	Tỷ trọng: %	
8.4. Vốn khác (nếu có):	Tỷ trọng: %	

10. Loại hình kinh tế

□ Công ty cổ phần	□ Doanh nghiệp tư nhân	□ VPĐD của tổ chức nước ngoài tại Việt Nam	□ Tổ hợp tác
□ Công ty TNHH 1 thành viên	□ Công ty hợp danh	□ Tổ chức kinh tế của lực lượng vũ trang	□ Hợp tác xã
□ Công ty TNHH 2 thành viên trở lên	□ Hợp đồng hợp tác, kinh doanh với nước ngoài	□ Tổ chức kinh tế của tổ chức chính trị, CT-XH, xã hội, XH-NN	□ Cơ quan hành chính
□ Đơn vị sự nghiệp ngoài công lập		□ Đơn vị sự nghiệp công lập	□ Loại hình khác

11. Hình thức hạch toán kế toán về kết quả kinh doanh	**12. Năm tài chính**	Từ ngày .../.... đến ngày .../.....
□ Độc lập □ Phụ thuộc		
□ Có báo cáo tài chính hợp nhất		

13. Thông tin về đơn vị chủ quản hoặc đơn vị quản lý trực tiếp	**14. Thông tin người đại diện theo pháp luật/chủ DNTN**
13a. Mã số thuế:	14a. Tên người đại diện theo pháp luật:
	14b. Chức vụ: ..... 14c. Sinh ngày: .../.../.....
	14d. Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:
13b. Tên đơn vị chủ quản/đơn vị quản lý trực	□ CMND □ CCCD □ Hộ chiếu

tiếp:	□ CMT biên giới □ Giấy thông hành □ Khác Số giấy tờ: ..... Ngày cấp: ..... Nơi cấp:..... 14đ. Địa chỉ nơi thường trú: Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn: Phường/Xã/Thị trấn: Quận/Huyện/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương: Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương: Quốc gia: 14e. Địa chỉ hiện tại (nếu có): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn: Phường/Xã/Thị trấn: Quận/Huyện/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương: Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương: Quốc gia: 14g. Thông tin khác Điện thoại: ...../Fax:..... Email: .....Website:.....

15. Phương pháp tính thuế GTGT	□ Khấu trừ	□ Trực tiếp trên GTGT	□ Trực tiếp trên doanh số	□ Không phải nộp thuế GTGT

16. Thông tin về các đơn vị liên quan

□ Có công ty con, công ty thành viên	□ Có đơn vị phụ thuộc	□ Có nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí
□ Có địa điểm kinh doanh, kho hàng phụ thuộc	□ Có hợp đồng với nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài	

17. Thông tin khác

17.1. Giám đốc/Tổng giám đốc (nếu có):
a. Tên:
b. Mã số thuế cá nhân:
c. Điện thoại liên lạc:

17.2. Kế toán trưởng (nếu có):
a. Tên:
b. Mã số thuế cá nhân:
c. Điện thoại liên lạc:

d. Email:	d. Email:

18. Tình trạng trước khi tổ chức lại (nếu có):

□ Chia □ Tách □ Hợp nhất

Mã số thuế trước của tổ chức đó:

Tôi xin cam đoan những nội dung trong bản kê khai này là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã kê khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên: .....

Chứng chỉ hành nghề số .....

....., ngày ... /.../.....

NGƯỜI NỘP THUẾ HOẶC ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI MẪU SỐ 01-ĐK-TCT

Người nộp thuế phải tích chọn vào một trong các ô thích hợp trước khi kê khai vào phần thông tin chi tiết, cụ thể như sau:

- "Tổ chức kinh tế": Người nộp thuế đăng ký thuế theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 7 tích chọn vào chỉ tiêu này.

- "Tổ chức khác": Người nộp thuế đăng ký thuế theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 7 tích chọn vào chỉ tiêu này.

- "Tổ chức được hoàn thuế": Người nộp thuế đăng ký thuế theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 7 tích chọn vào chỉ tiêu này. Người nộp thuế chỉ khai các chỉ tiêu: 1, 3, 4, 5, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 17.

- "Hợp đồng dầu khí": Người nộp thuế đăng ký thuế theo quy định tại Khoản 7 Điều 7 Thông tư này.

- "Tổ chức nước ngoài kinh doanh tại chợ biên giới, cửa khẩu": Người nộp thuế là tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế của khẩu của Việt Nam đăng ký thuế theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 7 Thông tư này. Khi tích chọn, người đại diện theo pháp luật kê khai các loại giấy tờ theo quy định tại Khoản 1 Điều 2 Thông tư số 218/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015 của Bộ Tài chính tại chỉ tiêu 14d và loại hình kinh tế tương ứng tại chỉ tiêu 10.

Thông tin chi tiết gồm:

1. Tên người nộp thuế: Ghi rõ ràng, đầy đủ bằng chữ in hoa tên tổ chức theo Quyết định thành lập hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (đối với tổ chức Việt Nam) hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam).

2. Thông tin đại lý thuế: Ghi đầy đủ các thông tin của đại lý thuế trong trường hợp Đại lý thuế ký hợp đồng với người nộp thuế để thực hiện thủ tục đăng ký thuế thay cho người nộp thuế theo quy định tại Luật Quản lý thuế.

3. Địa chỉ trụ sở chính: Ghi rõ số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn, phường/xã/thị

trấn, quận/huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh, tỉnh/thành phố của người nộp thuế. Nếu có số điện thoại, số Fax thì ghi rõ mã vùng - số điện thoại/số Fax theo thông tin địa chỉ sau:

- Địa chỉ trụ sở chính của người nộp thuế là tổ chức.

- Địa chỉ nơi kinh doanh trong chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ khu kinh tế cửa khẩu đối với người nộp thuế là tổ chức của các nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam.

- Địa chỉ nơi diễn ra hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí đối với hợp đồng dầu khí.

- Người nộp thuế phải kê khai đầy đủ, chính xác thông tin email. Địa chỉ email này dùng làm tài khoản giao dịch điện tử với cơ quan thuế đối với hồ sơ đăng ký thuế điện tử.

4. Địa chỉ nhận tháng báo thuế: Nếu người nộp thuế là tổ chức có địa chỉ nhận các thông báo của cơ quan thuế khác với địa chỉ của trụ sở chính tại chỉ tiêu 3 nêu trên thì ghi rõ địa chỉ nhận thông báo thuế để cơ quan thuế liên hệ.

5. Quyết định thành lập:

- Đối với người nộp thuế là tổ chức có quyết định thành lập: Ghi rõ số quyết định, ngày ban hành quyết định và cơ quan ban hành quyết định.

- Đối với Hợp đồng dầu khí: Ghi rõ số hợp đồng, ngày ký hợp đồng, để trống phần cơ quan ra quyết định.

6. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp: Ghi rõ số, ngày cấp và cơ quan cấp Giấy chứng nhận ĐKKD của nước có chung biên giới với Việt Nam cấp (đối với người nộp thuế là tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam), Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (đối với người nộp thuế là tổ chức của Việt Nam).

Riêng thông tin "cơ quan cấp" Giấy chứng nhận ĐKKD: ghi tên nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam đã cấp Giấy chứng nhận ĐKKD (Lào, Campuchia, Trung Quốc).

7. Ngành nghề kinh doanh chính: Ghi theo ngành nghề kinh doanh trên Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương dương do cơ quan có thẩm quyền cấp (đối với người nộp thuế là tổ chức của Việt Nam) và Giấy chứng nhận ĐKKD (đối với người nộp thuế là tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hứa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế của khẩu của Việt Nam).

Lưu ý: Chỉ ghi 1 ngành nghề chính thực tế kinh doanh.

8. Vốn điều lệ:

- Đối với người nộp thuế thuộc loại hình Công ty TNHH, Công ty cổ phần, Công ty hợp danh: Ghi theo vốn điều lệ Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc nguồn vốn trên Quyết định thành lập (ghi rõ loại tiền, phân loại nguồn vốn theo chủ sở hữu, tỷ trọng của từng loại nguồn vốn trong tổng số vốn).

- Đối với người nộp thuế thuộc loại hình doanh nghiệp tư nhân: Ghi theo vốn đầu tư trên Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (ghi rõ loại tiền).

- Đối với người nộp thuế là tổ chức của các nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam và tổ chức khác: Nếu trên Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận ĐKKD,... có vốn thì ghi, nếu không có vốn thì để trống thông tin này.

9. Ngày bắt đầu hoạt động: Kê khai ngày người nộp thuế bắt đầu hoạt động thực tế nếu khác với ngày cấp mã số thuế.

10. Loại hình kinh tế: Đánh dấu X vào 1 trong những ô tương ứng.

11. Hình thức hạch toán kế toán về kết quả kinh doanh: Đánh dấu X vào một trong hai ô của là độc lập hoặc phụ thuộc. Trường hợp tích chọn ô "độc lập" thì tích chọn vào "có BCTC hợp nhất" nếu

thuộc đối tượng phải lập và gửi báo cáo tài chính hợp nhất cho cơ quan thuế theo quy định.

12. Năm tài chính: Ghi rõ từ ngày, tháng đầu niên độ kế toán đến ngày, tháng cuối niên độ kế toán theo năm dương lịch hoặc năm tài chính của người nộp thuế.

13. Thông tin về đơn vị chủ quản hoặc đơn vị quản lý trực tiếp: Ghi rõ tên, mã số thuế của đơn vị cấp trên trực tiếp quản lý người nộp thuế là tổ chức.

14. Thông tin người đại diện theo pháp luật/chủ DNTN: Kê khai thông tin chi tiết của người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế là tổ chức (đối với tổ chức kinh tế và tổ chức khác trừ doanh nghiệp tư nhân) hoặc thông tin của chủ doanh nghiệp tư nhân.

15. Phương pháp tính thuế GTGT: Đánh dấu X vào một trong các ô của chỉ tiêu này.

16. Thông tin về các đơn vị có liên quan:

- Nếu người nộp thuế có công ty con, công ty thành viên thì đánh dấu X vào ô "Có công ty con, công ty thành viên", sau đó phải kê khai vào phần "Bảng kê các công ty con, công ty thành viên" mẫu số BK01-ĐK-TCT.

- Nếu người nộp thuế có đơn vị phụ thuộc thì đánh dấu X vào 6 "Có đơn vị phụ thuộc", sau đó phải kê khai vào "Bảng kê các đơn vị phụ thuộc" mẫu số BK02-ĐK-TCT.

- Nếu người nộp thuế có địa điểm kinh doanh, kho hàng phụ thuộc không có chức năng kinh doanh thì đánh dấu X vào ô "Có địa điểm kinh doanh, kho hàng phụ thuộc", sau đó phải kê khai vào phần "Bảng kê các địa điểm kinh doanh" mẫu số BK03-ĐK-TCT.

- Nếu người nộp thuế có nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài thì đánh dấu X vào ô "Có nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài", sau đó phải kê khai vào phần "Bảng kê các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài" mẫu số BK04-ĐK-TCT.

- Nếu người nộp thuế có nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí thì đánh dấu X vào ô "Có nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí", sau đó phải kê khai vào phần "Bảng kê các nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí" mẫu số BK05-ĐK-TCT (đối với hợp đồng dầu khí).

17. Thông tin khác: Ghi rõ họ và tên, mã số thuế cá nhân, số điện thoại liên lạc, email của Tổng giám đốc hoặc Giám đốc và Kế toán trưởng của người nộp thuế.

18. Tình trạng trước khi tổ chức lại tổ chức kinh tế (nếu có): Nếu người nộp thuế là tổ chức kinh tế đăng ký thuế do tổ chức Lại của tổ chức kinh tế trước đó thì đánh dấu X vào một trong các trường hợp: sáp nhập, hợp nhất, chia, tách và phải ghi rõ mã số thuế đã cấp trước đây của các tổ chức kinh tế bị sáp nhập, bị hợp nhất, bị chia, bị tách.

19. Phần người nộp thuế hoặc người đại diện hợp pháp của người nộp thuế ký, ghi rõ họ tên: Người nộp thuế hoặc người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế phải ký, ghi rõ họ tên vào phần này.

20. Đóng dấu của người nộp thuế:

Trường hợp người nộp thuế có con dấu tại thời điểm đăng ký thuế thì phải đóng dấu vào phần này. Trường hợp người nộp thuế không có con dấu tại thời điểm đăng ký thuế thì chưa phải đóng dấu trên tờ khai thuế. Khi người nộp thuế đến nhận kết quả phải bổ sung việc đóng dấu cho cơ quan thuế.

Trường hợp người nộp thuế thuộc đối tượng đăng ký thuế quy định tại điểm d khoản 2 Điều 4 Thông tư này không có con dấu thì không phải đóng dấu vào phần này.

21. Nhân viên đại lý thuế: Trường hợp đại lý thuế kê khai thay cho người nộp thuế thì kê khai vào thông tin này.

4. Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam thuộc đối tượng được hoàn thuế GTGT đối với đối tượng hưởng ưu đãi miễn trừ ngoại giao.

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh yêu cầu được hoàn thuế, tổ chức, cá nhân thuộc diện được hoàn thuế giá trị gia tăng thực hiện nộp hồ sơ đến Cục Thuế nơi tổ chức đóng trụ sở hoặc nơi cá nhân có địa chỉ thường trú tại Việt Nam.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử: Người nộp thuế (NNT) truy cập vào Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) để khai tờ khai và gửi kèm các hồ sơ theo quy định dưới dạng điện tử (nếu có), ký điện tử và gửi đến cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn;

NNT nộp hồ sơ (hồ sơ đăng ký thuế đồng thời với hồ sơ đăng ký kinh doanh theo cơ chế 1 cửa liên thông) đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền gửi thông tin hồ sơ đã tiếp nhận của NNT sang cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

+ Bước 2: Cơ quan thuế tiếp nhận:

++ Đối với hồ sơ đăng ký thuế bằng giấy:

+++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế: Công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận vào hồ sơ đăng ký thuế, ghi rõ ngày nhận hồ sơ, số lượng tài liệu theo bảng kê danh mục hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế nộp trực tiếp tại cơ quan thuế. Công chức thuế viết phiếu hẹn ngày trả kết quả, thời hạn xử lý hồ sơ đã tiếp nhận;

+++ Trường hợp hồ sơ đăng ký thuế gửi bằng đường bưu chính: Công chức thuế đóng dấu tiếp nhận, ghi ngày nhận hồ sơ vào hồ sơ và ghi số văn thư của cơ quan thuế;

Công chức thuế kiểm tra hồ sơ đăng ký thuế. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ cần phải giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu, cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế theo mẫu số 01/TB-BSTT-NNT tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử:

Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận hồ sơ qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan thuế:

+++ Tiếp nhận hồ sơ: Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông báo tiếp nhận việc NNT đã nộp hồ sơ cho NNT qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) chậm nhất 15 phút kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký thuế điện tử của người nộp thuế;

+++ Kiểm tra, giải quyết hồ sơ: Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về đăng ký thuế và trả kết quả giải quyết qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ:

++++ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng thủ tục theo quy định và phải trả kết quả: Cơ quan thuế gửi kết quả giải quyết hồ sơ đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ theo thời hạn quy định tại Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế;

++++ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng thủ tục theo quy định, cơ quan thuế gửi thông báo về việc không chấp nhận hồ sơ, gửi đến Cổng thông tin

điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày ghi trên Thông báo tiếp nhận hồ sơ.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tiếp tại trụ sở Cơ quan thuế;

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính;

+ Hoặc bằng phương thức điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ, gồm:

++ Tờ khai đăng ký thuế theo mẫu số 06-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính;

++ Giấy xác nhận của Cục Lễ tân Nhà nước - Bộ Ngoại giao.

+ Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

- Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nhận được hồ sơ đăng ký thuế đầy đủ theo quy định.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Thuế.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký thuế.

- Phí, lệ phí: Không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ khai đăng ký thuế theo mẫu 06-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử đồng thời đăng ký và đảm bảo đầy đủ các điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Quản lý thuế ngày 13/06/2019;

+ Luật, Pháp lệnh về thuế, phí, lệ phí, các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành;

+ Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/03/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế;

+ Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế.

- Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:

Mẫu số
06-ĐK-TCT.doc

Mẫu số: 06-ĐK-TCT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ THUẾ
TAX REGISTRATION FORM

(Dùng cho các cơ quan ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan đại diện tổ chức quốc tế)
(Use for diplomatic, consulate, international organization)

1. Tên cơ quan đại diện Name of missions

2. Trụ sở tại Việt Nam Address in Vietnam
2a. Số nhà, đường phố, thôn xóm: Number, Street name
2b. Phường/ xã: Ward
2c. Quận/Huyện: District
2d. Tỉnh/Thành phố: Province/City
2e. Điện thoại: Fax: Email: Tel

3. Tài liệu kèm theo: Attachments

Tôi xin cam đoan những nội dung trong bản kê khai này là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã kê khai./.

…., ngày…../…../……
…, date …../…../……
TRƯỞNG CƠ QUAN ĐẠI DIỆN HOẶC PHÓ CƠ QUAN ĐẠI DIỆN
Head or Deputy Head of Mission
Ký tên
Signature

5. Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài trực tiếp kê khai, nộp thuế nhà thầu hoặc các nghĩa vụ thuế khác trừ thuế nhà thầu do bên Việt Nam khấu trừ nộp thay với cơ quan thuế.

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày Ký hợp đồng nhận thầu đối với nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài kê khai nộp thuế nhà thầu trực tiếp với cơ quan thuế; phát sinh nghĩa vụ thuế thu nhập cá nhân; phát sinh nghĩa vụ khác với ngân sách nhà nước, nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài thực hiện nộp hồ sơ đến Cục Thuế nơi đóng trụ sở.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử: Người nộp thuế (NNT) truy cập vào Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) để khai tờ khai và gửi kèm các hồ sơ theo quy định dưới dạng điện tử (nếu có), ký điện tử và gửi đến cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn;

NNT nộp hồ sơ (hồ sơ đăng ký thuế đồng thời với hồ sơ đăng ký kinh doanh theo cơ chế 1 cửa liên thông) đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền gửi thông tin hồ sơ đã tiếp nhận của NNT sang cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

+ Bước 2: Cơ quan thuế tiếp nhận:

++ Đối với hồ sơ đăng ký thuế bằng giấy:

+++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế: Công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận vào hồ sơ đăng ký thuế, ghi rõ ngày nhận hồ sơ, số lượng tài liệu theo bảng kê danh mục hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ đăng ký

thuế nộp trực tiếp tại cơ quan thuế. Công chức thuế viết phiếu hẹn ngày trả kết quả, thời hạn xử lý hồ sơ đã tiếp nhận;

+++ Trường hợp hồ sơ đăng ký thuế gửi bằng đường bưu chính: Công chức thuế đóng dấu tiếp nhận, ghi ngày nhận hồ sơ vào hồ sơ và ghi số văn thư của cơ quan thuế;

Công chức thuế kiểm tra hồ sơ đăng ký thuế. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ cần phải giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu, cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế theo mẫu số 01/TB-BSTT-NNT tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử:

Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận hồ sơ qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan thuế:

+++ Tiếp nhận hồ sơ: Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông báo tiếp nhận việc NNT đã nộp hồ sơ cho NNT qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) chậm nhất 15 phút kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký thuế điện tử của người nộp thuế;

+++ Kiểm tra, giải quyết hồ sơ: Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về đăng ký thuế và trả kết quả giải quyết qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ:

++++ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng thủ tục theo quy định và phải trả kết quả: Cơ quan thuế gửi kết quả giải quyết hồ sơ đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ theo thời hạn quy định tại Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế;

++++ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng thủ tục theo quy định, cơ quan thuế gửi thông báo về việc không chấp nhận hồ sơ, gửi đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày ghi trên Thông báo tiếp nhận hồ sơ.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tiếp tại trụ sở Cơ quan thuế;

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính;

+ Hoặc bằng phương thức điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ *Thành phần hồ sơ, gồm:*

++ Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 04-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính;

++ Bảng kê các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài mẫu số BK04-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính (nếu có);

++ Bản sao Giấy xác nhận đăng ký văn phòng Điều hành; hoặc Văn bản tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (nếu có).

+ *Số lượng hồ sơ:* 01 (bộ).

- Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nhận được hồ sơ đăng ký thuế đầy đủ theo quy định.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Thuế.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký thuế.

- Phí, lệ phí: Không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Tờ khai đăng ký thuế theo mẫu 04-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

++ Bảng kê các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài mẫu số BK04-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính (nếu có);

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử đồng thời đăng ký và đảm bảo đầy đủ các điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Quản lý thuế ngày 13/06/2019;

+ Luật, Pháp lệnh về thuế, phí, lệ phí, các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành;

+ Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/03/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế;

+ Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế.

- Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:

Mẫu số 04-ĐK-TCT.doc BK 04-ĐK-TCT.doc

Mẫu số: 04-ĐK-TCT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ THUẾ
TAX REGISTRATION FORM

(Dùng cho các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài, Ban điều hành liên danh)
(Use for contractor/sub-contractor/management board)

□ Kê khai - nộp thuế nhà thầu □ Kê khai-nộp các loại thuế khác

1. Tên nhà thầu nước ngoài/nhà thầu phụ nước ngoài/Ban điều hành liên danh: Name of contractor/ sub-contractor/management board
2. Thông tin đại lý thuế (nếu có): Tax agent (if any)
2a. Tên (Name)
2b. Mã số thuế (TIN of Tax agent) ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐
2c. Hợp đồng đại lý thuế: Số ngày Tax agent contract: Number Date

3. Quốc tịch (Nationality):

4. Địa chỉ trụ sở chính: Address of the head office	**5. Địa chỉ văn phòng điều hành tại Việt Nam** Address of management office in Vietnam
	5a. Số nhà, đường phố, thôn, xóm: Street number, Street name or Commune
	5b. Phường/Xã: Ward
Điện thoại (Tel): Fax: Email:	5c. Quận/Huyện: District
	5d. Tỉnh/Thành phố: Province/City
	5e. Điện thoại (Tel): Fax: Email:

6. Giấy phép hoạt động kinh doanh tại Việt Nam Business licence in Vietnam	**7. Hoạt động tại Việt Nam theo hợp đồng Nhà thầu hoặc Nhà thầu phụ** Contract for Contractor/Sub-Contractor operation in Vietnam
6a. Số giấy phép: Number	
6b. Ngày cấp: ...../...../..... Date	7a. Số: Number
6c. Cơ quan cấp: Granted by	7b. Ngày: ..../..../..... Date

7c. Ký với: Signed with Mã số NNT tại Việt Nam (nếu có): Tax payers identification number in Vietnam (if any)

8. Mục tiêu hoạt động tại Việt Nam theo hợp đồng Contract objectives

9. Địa điểm tiến hành công việc theo hợp đồng Location of according to the contract

10. Thời gian thực hiện hợp đồng Contract duration
Từ: ...../.....đến...../..... From: ...../.....to...../.....

11. Nhà thầu phụ nước ngoài Do you have sub-contractor?	
☐ Có	☐ Không

Yes	No

12. Thông tin người đại diện của nhà thầu nước ngoài (hoặc nhà thầu phụ nước ngoài): Information of representative of contractor (or sub-contractor)
12a. Tên người đại diện theo pháp luật: Name of representative of contractor (or sub-contractor) 12b. Chức vụ:..... Possition 12c. Chứng từ chứng thực cá nhân: Số giấy chứng thực cá nhân ..... Ngày cấp ..... Ngày hết hạn: .....Nơi cấp..... Passport or Identify number: .....Date of Issue.....Date of Expiration..... Place of issue ..... 12d. Địa chỉ tại Việt Nam: Address of representative of contractor (or sub-contractor) in Vietnam Số nhà/Đường phố: Street number, Street name or Commune Phường/xã: Ward Quận/Huyện: District Tỉnh/Thành phố: Province/City 12e. Thông tin khác: Others Điện thoại (tel): /Fax: Email: Website:

13. Phương pháp tính thuế GTGT VAT calculation method	□ Khấu trừ Deduction method	□ Trực tiếp trên GTGT Directly method

14. Phương pháp tính thuế TNDN CIT calculation method	□ Doanh thu, chi phí Revenues, expenses	□ Trực tiếp trên doanh thu Directly method

15. Năm tài chính **Finacial year**	Từ ngày ..../..... . đến ngày ...../..... From: dd....mm... yy... To: dd....mm.....yy...

16. Tài liệu kèm theo Attachments

Cam kết của Nhà thầu nước ngoài hoặc Nhà thầu nước ngoài phụ thực hiện nghiêm chỉnh luật pháp về thuế, nộp kịp thời và đầy đủ các khoản thuế phát sinh, đảm bảo việc khấu trừ và nộp đủ các khoản thuế của Nhà thầu và người lao động làm việc tại Việt Nam theo hợp đồng.

Contractors, sub-contractors commit to observe all tax laws, timely and fully pay taxes, ensure to withhold and pay full tax dues of sub-contractors and employees involved in the contract in Vietnam.

	...., ngày: ..../...../..... *...., date: ..../...../.....*
NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ **Staff of tax agent** Họ và tên: ..... Name Chứng chỉ hành nghề số: ..... Certificate number	**NGƯỜI ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU NƯỚC NGOÀI/NHÀ THẦU PHỤ NƯỚC NGOÀI/BAN ĐIỀU HÀNH LIÊN DANH** Representative of contractor (or sub-contractor) *(Signature)*

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI MẪU SỐ 04-ĐK-TCT

GUIDANCE FOR DECLARATION

Người nộp thuế phải tích chọn vào một trong các ô thích hợp trước khi kê khai vào phần thông
cụ thể như sau:
Contractor/sub-contractor/management board select one of the appropriate boxes before declare
information, as follows:
- "Kê khai-nộp thuế nhà thầu": Áp dụng cho trường hợp nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nướ
Ban điều hành liên danh trực tiếp kê khai và nộp thuế nhà thầu với cơ quan thuế (thuế GTGT, t
theo quy định của pháp luật về thuế nhà thầu nước ngoài và pháp luật về quản lý thuế) .
"Contractor tax declartion and payment": Applicable to the Contractor/sub-contractor/managen
direct contractor tax declartion and payment and submit to tax department (VAT, CIT in accord
the contractor tax law and tax managment law).
- "Kê khai - nộp các loại thuế khác": Áp dụng cho trường hợp nhà thầu nước ngoài, nhà thầu ph
ngoài trực tiếp kê khai thuế thu nhập cá nhân, lệ phí môn bài,... với cơ quan thuế và được Bên V
kê khai, khấu trừ, nộp thay thuế nhà thầu nước ngoài theo quy định của pháp luật về thuế nhà th
ngoài và pháp luật về quản lý thuế.
"Other tax and fee declartion and payment": Applicable to the Contractor/sub-contractor/manag
board direct PIT, other fees declartion and payment and submit to tax department and Vietname
deduct and pay on behalf of contractor/sub-contractor about VAT, CIT in accordance with the
tax law and tax managment law.
1. Tên nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài, Ban điều hành liên danh: Ghi đầy
cả viết tắt) của Nhà thầu hoặc Nhà thầu phụ hoặc Ban điều hành liên danh tham gia các hoạt
doanh tại Việt Nam không theo các hình thức quy định tại Luật Đầu tư.
Name of contractor/sub-contractor/management board: Write full name (including abbreviate
contractor or sub-contractor or management board doing business in Vietnam under the
stipulated in the Law of Invesment.
2. Thông tin đại lý thuế: Ghi đầy đủ các thông tin của đại lý thuế trong trường hợp Đại lý t
đồng với người nộp thuế để thực hiện thủ tục đăng ký thuế thay cho người nộp thuế theo quy đ
Quản lý thuế.

Information of Tax agent: Write name, TIN, contract (number, date).

3. Quốc tịch: Ghi rõ quốc tịch của Nhà thầu nước ngoài hoặc Nhà thầu phụ nước ngoài.

Nationality: Fill in clearly the nationality of the contractor/sub-contractor/management board.

4. Địa chỉ trụ sở chính: Nếu người nộp thuế là cá nhân thì ghi địa chỉ, số điện thoại, số fax
cư trú.

Nếu người nộp thuế là tổ chức hoặc công ty thì ghi địa chỉ, số điện thoại, số fax nơi đặt trụ sở c

Address of head office:

If contractor/sub-contractor is an idividual, fill in address, telephone number, fax number of

If contractor/sub-contractor is an organisation or company, fill in address, telephone n
number of the head office.

5. Địa chỉ văn phòng điều hành tại Việt Nam:

Nếu người nộp thuế là cá nhân thì ghi địa chỉ, số điện thoại, số fax nơi cá nhân cư trú tại Việt N
hành hoạt động.

Nếu người nộp thuế là các tổ chức hoặc công ty thì ghi địa chỉ, số điện thoại, số fax nơi đặ
phòng điều hành tại Việt Nam.

Address of Management office in Vietnam:

If contractor/sub-contractor is an idividual, fill in address, telephone number, fax numbe individual residing in Vietnam to do business.

If contractor/sub-contractor is an organisation or company, fill in address, telephone num number of the management office in Vietnam.

6. Giấy phép hoạt động kinh doanh tại Việt Nam: Căn cứ vào giấy phép hoạt động kinh doanh Nam do cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền cấp (nếu có) để điền vào các chỉ tiêu tương ứng

Business license in Vietnam:

Based on the business license granted by the competent Goverment authority, fill in the relevant the form (if any).

7. Hoạt động tại Việt Nam theo hợp đồng Nhà thầu nước ngoài hoặc Nhà thầu phụ nước ngo cứ vào hợp đồng được ký kết mà điền vào các chỉ tiêu cho phù hợp. Chỉ kê khai nếu tích chọn "Kê nộp thuế nhà thầu".

Contract for contractor/sub-contractor operation in Vietnam: Based on the signed contract, fi relevant items in the form if select "Contractor tax declartion and payment".

8. Mục tiêu hoạt động tại Việt Nam theo hợp đồng: Ghi cụ thể từng mục tiêu hoạt động của hợ Chỉ kê khai nếu tích chọn "Kê khai-nộp thuế nhà thầu".

Contract objectives: Declare each operation objective of the contract concretely if select "Contr declartion and payment".

9. Địa điểm tiến hành công việc theo hợp đồng: Ghi cụ thể các địa điểm tiến hành công việc the đồng. Trong trường hợp tiến hành công việc tại nhiều địa phương khác nhau thì phải kê khai đầy đ địa điểm tiến hành công việc tại địa phương đó. Chỉ kê khai nếu tích chọn "Kê khai-nộp thuế nhà

Location of business according to the contract: Declare each operation location of the contract co In case of doing business at many different location, contractor/sub-contract has to declare location to do business if select "Contractor tax declartion and payment".

10. Thời gian thực hiện hợp đồng: Ghi rõ thời gian thực hiện hợp đồng từ tháng, năm đến tháng Chỉ kê khai nếu tích chọn "Kê khai-nộp thuế nhà thầu".

Contract duration: Fill inclearly contract duration from month, year to month, year if select "C tax declartion and payment".

11. Nhà thầu phụ nước ngoài: Nếu có các Nhà thầu phụ nước ngoài thực hiện một phần hợp đ cầu kê khai đầy đủ các Nhà thầu phụ nước ngoài theo bảng kê mẫu số BK04-ĐK-TCT đính kèm đăng ký thuế.

Do you have sub-contractor: If there are sub-contractors taking part in the contract, please declar the Sub-contracor form of BK04-ĐK-TCT declare attached.

12. Thông tin người đại diện của nhà thầu nước ngoài (hoặc nhà thầu phụ nước ngoài): Ghi tin về người đại diện của nhà thầu (hoặc nhà thầu phụ).

Declare information of representative of contractor (or sub-contractor)

13. Phương pháp tính thuế GTGT: Người nộp thuế kê khai thông tin về phương pháp tính thu nếu tích chọn vào ô "Kê khai-nộp thuế nhà thầu".

Declare information of VAT calculation method if select "Contractor tax declartion and payment

14. Phương pháp tính thuế TNDN: Người nộp thuế kê khai thông tin về phương pháp tính thu nếu tích chọn vào ô "Kê khai-nộp thuế nhà thầu".

Declare information of CIT calculation method if select "Contractor tax declartion and payment"

15. Năm tài chính: Người nộp thuế kê khai thông tin về năm tài chính là năm dương lịch. Trường

năm tài chính khác năm dương lịch thì kê khai thông tin từ quý bắt đầu đến quý kết thúc năm tài c
năm tài chính phải tròn 12 tháng.

Declare information of finacial year (From ... to ...) is calendar year. If finacial year is different f
calendar year, declare information is from quarter to quarter and finacial year must be full 12 mor

16. Tài liệu kèm theo: Ghi các tài liệu gửi cho cơ quan thuế kèm theo tờ khai đăng ký thuế.

Attachments: List all documents attached to the Tax Registration Form

17. Nhân viên đại lý thuế: Trường hợp đại lý thuế kê khai thay cho người nộp thuế thì kê khai và
tin này.

Staff tax agent: Staff tax agent derclare name and certificate number on this area if tax agent
onbehalf of contractor/sub-contractor

Mẫu số: **BK04-ĐK-TCT**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ
Các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài
(Kèm theo tờ khai mẫu số <01-ĐK-TCT hoặc 02-ĐK-TCT>)

Tên người nộp thuế: .....

Mã số thuế (nếu có): | | | | | | | | | | | | | |

STT	Tên Nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài	Quốc tịch	Mã số thuế của nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài tại Việt Nam (nếu có)	Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Giá trị hợp đồng	Địa điểm thực hiện hợp đồng		Thời gian thực hiện hợp đồng
							Quận/huyện	Tỉnh/thành phố	
1									
2									
...									

..., ngày... /... /.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

6. Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là Người điều hành, công ty điều hành chung, doanh nghiệp liên doanh và tổ chức được Chính phủ Việt Nam giao nhiệm vụ tiếp nhận phần lãi được chia của Việt Nam thuộc các mỏ dầu khí tại vùng chồng lấn (sau đây gọi chung là Người điều hành).

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày ký hợp đồng, hiệp định dầu khí thì người nộp thuế (NNT) chuẩn bị hồ sơ đăng ký thuế đầy đủ theo đúng quy định sau đó gửi đến Cục thuế nơi đặt trụ sở để làm thủ tục đăng ký thuế.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử: Người nộp thuế (NNT) truy cập vào Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) để khai tờ khai và gửi kèm các hồ sơ theo quy định dưới dạng điện tử (nếu có), ký điện tử và gửi đến cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn;

NNT nộp hồ sơ (hồ sơ đăng ký thuế đồng thời với hồ sơ đăng ký kinh doanh theo cơ chế 1 cửa liên thông) đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền gửi thông tin hồ sơ đã tiếp nhận của NNT sang cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

+ Bước 2: Cơ quan thuế tiếp nhận:

++ Đối với hồ sơ đăng ký thuế bằng giấy:

+++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế: Công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận vào hồ sơ đăng ký thuế, ghi rõ ngày nhận hồ sơ, số lượng tài liệu theo bảng kê danh mục hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ đăng ký

thuế nộp trực tiếp tại cơ quan thuế. Công chức thuế viết phiếu hẹn ngày trả kết quả, thời hạn xử lý hồ sơ đã tiếp nhận;

+++ Trường hợp hồ sơ đăng ký thuế gửi bằng đường bưu chính: Công chức thuế đóng dấu tiếp nhận, ghi ngày nhận hồ sơ vào hồ sơ và ghi số văn thư của cơ quan thuế;

Công chức thuế kiểm tra hồ sơ đăng ký thuế. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ cần phải giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu, cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế theo mẫu số 01/TB-BSTT-NNT tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử:

Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận hồ sơ qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan thuế:

+++ Tiếp nhận hồ sơ: Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông báo tiếp nhận việc NNT đã nộp hồ sơ cho NNT qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) chậm nhất 15 phút kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký thuế điện tử của người nộp thuế;

+++ Kiểm tra, giải quyết hồ sơ: Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về đăng ký thuế và trả kết quả giải quyết qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ:

++++ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng thủ tục theo quy định và phải trả kết quả: Cơ quan thuế gửi kết quả giải quyết hồ sơ đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ theo thời hạn quy định tại Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế;

++++ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng thủ tục theo quy định, cơ quan thuế gửi thông báo về việc không chấp nhận hồ sơ, gửi đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày ghi trên Thông báo tiếp nhận hồ sơ.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tiếp tại trụ sở Cơ quan thuế;

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính;

+ Hoặc bằng phương thức điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ, gồm:

++ Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 01-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính;

++ Bảng kê nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí mẫu số BK05-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính;

++ Bản sao Giấy chứng nhận đầu tư, hoặc Giấy phép đầu tư.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

- Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nhận được hồ sơ đăng ký thuế đầy đủ theo quy định.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Người điều hành.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Thuế.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký thuế.

- Phí, lệ phí: Không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 01-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

+ Bảng kê nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí mẫu số BK05-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử đồng thời đăng ký và đảm bảo đầy đủ các điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Quản lý thuế ngày 13/06/2019;

+ Luật, Pháp lệnh về thuế, phí, lệ phí, các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành;

+ Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/03/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế;

+ Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế.

- Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:

Mẫu số 01-ĐK-TCT.doc

BK 05-ĐK-TCT.doc

Mẫu số: 01-ĐK-TCT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ THUẾ

(Dùng cho tổ chức)

□ Tổ chức kinh tế □ Tổ chức khác □ Tổ chức được hoàn thuế □ Hợp đồng dầu khí □ Tổ chức nước ngoài KD tại chợ biên giới, cửa khẩu

1. Tên người nộp thuế:	
2. Thông tin đại lý thuế (nếu có):	
2a. Tên:	
2b. Mã số thuế:	
2c. Hợp đồng đại lý thuế: Số:	ngày:

3. Địa chỉ trụ sở chính		**4. Địa chỉ nhận thông báo thuế** *(chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính)*	
3a. Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:		4a. Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn hoặc hòm thư bưu điện:	
3b. Phường/Xã/Thị trấn:		4b. Phường/Xã/Thị trấn:	
3c. Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương:		4c. Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương:	
3d. Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:		4d. Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:	
3đ. Điện thoại:	3e. Fax (nếu có):	4đ. Điện thoại:	4e. Fax:
3g. Email:			

5. Quyết định thành lập	**6. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp**
5a. Số quyết định:	6a. Số:

5b. Ngày ký quyết định: .../.../.....	6b. Ngày cấp: .../.../.....
5c. Cơ quan ban hành quyết định:	6c. Cơ quan cấp:

7. Ngành nghề kinh doanh chính:

8. Vốn điều lệ (=8.1+8.2+8.3+8.4):		**9. Ngày bắt đầu hoạt động:** .../.../.....
8.1. Vốn nhà nước:	Tỷ trọng: %	
8.2. Vốn nước ngoài:	Tỷ trọng: %	
8.3. Vốn tư nhân:	Tỷ trọng: %	
8.4. Vốn khác (nếu có):	Tỷ trọng: %	

10. Loại hình kinh tế

□ Công ty cổ phần	□ Doanh nghiệp tư nhân	□ VPĐD của tổ chức nước ngoài tại Việt Nam	□ Tổ hợp tác
□ Công ty TNHH 1 thành viên	□ Công ty hợp danh	□ Tổ chức kinh tế của lực lượng vũ trang	□ Hợp tác xã
□ Công ty TNHH 2 thành viên trở lên	□ Hợp đồng hợp tác, kinh doanh với nước ngoài	□ Tổ chức kinh tế của tổ chức chính trị, CT-XH, xã hội, XH-NN	□ Cơ quan hành chính
□ Đơn vị sự nghiệp ngoài công lập		□ Đơn vị sự nghiệp công lập	□ Loại hình khác

11. Hình thức hạch toán kế toán về kết quả kinh doanh	**12. Năm tài chính**	Từ ngày .../.... đến ngày .../.....
□ Độc lập □ Phụ thuộc		
□ Có báo cáo tài chính hợp nhất		

13. Thông tin về đơn vị chủ quản hoặc đơn vị quản lý trực tiếp	**14. Thông tin người đại diện theo pháp luật/chủ DNTN**
13a. Mã số thuế:	14a. Tên người đại diện theo pháp luật:
	14b. Chức vụ: ..... 14c. Sinh ngày: .../.../.....
	14d. Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:
13b. Tên đơn vị chủ quản/đơn vị quản lý trực	□ CMND □ CCCD □ Hộ chiếu

tiếp:	□ CMT biên giới □ Giấy thông hành □ Khác Số giấy tờ: ..... Ngày cấp: ..... Nơi cấp:..... 14đ. Địa chỉ nơi thường trú: Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn: Phường/Xã/Thị trấn: Quận/Huyện/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương: Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương: Quốc gia: 14e. Địa chỉ hiện tại (nếu có): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn: Phường/Xã/Thị trấn: Quận/Huyện/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương: Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương: Quốc gia: 14g. Thông tin khác Điện thoại: ...../Fax:..... Email: .....Website:.....

15. Phương pháp tính thuế GTGT	□ Khấu trừ	□ Trực tiếp trên GTGT	□ Trực tiếp trên doanh số	□ Không phải nộp thuế GTGT

16. Thông tin về các đơn vị liên quan

□ Có công ty con, công ty thành viên	□ Có đơn vị phụ thuộc	□ Có nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí
□ Có địa điểm kinh doanh, kho hàng phụ thuộc	□ Có hợp đồng với nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài	

17. Thông tin khác

17.1. Giám đốc/Tổng giám đốc (nếu có):
a. Tên:
b. Mã số thuế cá nhân:
c. Điện thoại liên lạc:

17.2. Kế toán trưởng (nếu có):
a. Tên:
b. Mã số thuế cá nhân:
c. Điện thoại liên lạc:

d. Email:	d. Email:

18. Tình trạng trước khi tổ chức lại (nếu có):

□ Chia □ Tách □ Hợp nhất

Mã số thuế trước của tổ chức đó:

Tôi xin cam đoan những nội dung trong bản kê khai này là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã kê khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên: .....

Chứng chỉ hành nghề số .....

....., ngày ... /.../.....

NGƯỜI NỘP THUẾ HOẶC ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI MẪU SỐ 01-ĐK-TCT

Người nộp thuế phải tích chọn vào một trong các ô thích hợp trước khi kê khai vào phần thông tin chi tiết, cụ thể như sau:

- "Tổ chức kinh tế": Người nộp thuế đăng ký thuế theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 7 tích chọn vào chỉ tiêu này.

- "Tổ chức khác": Người nộp thuế đăng ký thuế theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 7 tích chọn vào chỉ tiêu này.

- "Tổ chức được hoàn thuế": Người nộp thuế đăng ký thuế theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 7 tích chọn vào chỉ tiêu này. Người nộp thuế chỉ khai các chỉ tiêu: 1, 3, 4, 5, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 17.

- "Hợp đồng dầu khí": Người nộp thuế đăng ký thuế theo quy định tại Khoản 7 Điều 7 Thông tư này.

- "Tổ chức nước ngoài kinh doanh tại chợ biên giới, cửa khẩu": Người nộp thuế là tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế của khẩu của Việt Nam đăng ký thuế theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 7 Thông tư này. Khi tích chọn, người đại diện theo pháp luật kê khai các loại giấy tờ theo quy định tại Khoản 1 Điều 2 Thông tư số 218/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015 của Bộ Tài chính tại chỉ tiêu 14d và loại hình kinh tế tương ứng tại chỉ tiêu 10.

Thông tin chi tiết gồm:

1. Tên người nộp thuế: Ghi rõ ràng, đầy đủ bằng chữ in hoa tên tổ chức theo Quyết định thành lập hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (đối với tổ chức Việt Nam) hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam).

2. Thông tin đại lý thuế: Ghi đầy đủ các thông tin của đại lý thuế trong trường hợp Đại lý thuế ký hợp đồng với người nộp thuế để thực hiện thủ tục đăng ký thuế thay cho người nộp thuế theo quy định tại Luật Quản lý thuế.

3. Địa chỉ trụ sở chính: Ghi rõ số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn, phường/xã/thị

trấn, quận/huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh, tỉnh/thành phố của người nộp thuế. Nếu có số điện thoại, số Fax thì ghi rõ mã vùng - số điện thoại/số Fax theo thông tin địa chỉ sau:

- Địa chỉ trụ sở chính của người nộp thuế là tổ chức.

- Địa chỉ nơi kinh doanh trong chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ khu kinh tế cửa khẩu đối với người nộp thuế là tổ chức của các nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam.

- Địa chỉ nơi diễn ra hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí đối với hợp đồng dầu khí.

- Người nộp thuế phải kê khai đầy đủ, chính xác thông tin email. Địa chỉ email này dùng làm tài khoản giao dịch điện tử với cơ quan thuế đối với hồ sơ đăng ký thuế điện tử.

4. Địa chỉ nhận tháng báo thuế: Nếu người nộp thuế là tổ chức có địa chỉ nhận các thông báo của cơ quan thuế khác với địa chỉ của trụ sở chính tại chỉ tiêu 3 nêu trên thì ghi rõ địa chỉ nhận thông báo thuế để cơ quan thuế liên hệ.

5. Quyết định thành lập:

- Đối với người nộp thuế là tổ chức có quyết định thành lập: Ghi rõ số quyết định, ngày ban hành quyết định và cơ quan ban hành quyết định.

- Đối với Hợp đồng dầu khí: Ghi rõ số hợp đồng, ngày ký hợp đồng, để trống phần cơ quan ra quyết định.

6. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp: Ghi rõ số, ngày cấp và cơ quan cấp Giấy chứng nhận ĐKKD của nước có chung biên giới với Việt Nam cấp (đối với người nộp thuế là tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam), Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (đối với người nộp thuế là tổ chức của Việt Nam).

Riêng thông tin "cơ quan cấp" Giấy chứng nhận ĐKKD: ghi tên nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam đã cấp Giấy chứng nhận ĐKKD (Lào, Campuchia, Trung Quốc).

7. Ngành nghề kinh doanh chính: Ghi theo ngành nghề kinh doanh trên Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương dương do cơ quan có thẩm quyền cấp (đối với người nộp thuế là tổ chức của Việt Nam) và Giấy chứng nhận ĐKKD (đối với người nộp thuế là tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hứa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế của khẩu của Việt Nam).

Lưu ý: Chỉ ghi 1 ngành nghề chính thực tế kinh doanh.

8. Vốn điều lệ:

- Đối với người nộp thuế thuộc loại hình Công ty TNHH, Công ty cổ phần, Công ty hợp danh: Ghi theo vốn điều lệ Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc nguồn vốn trên Quyết định thành lập (ghi rõ loại tiền, phân loại nguồn vốn theo chủ sở hữu, tỷ trọng của từng loại nguồn vốn trong tổng số vốn).

- Đối với người nộp thuế thuộc loại hình doanh nghiệp tư nhân: Ghi theo vốn đầu tư trên Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (ghi rõ loại tiền).

- Đối với người nộp thuế là tổ chức của các nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam và tổ chức khác: Nếu trên Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận ĐKKD,... có vốn thì ghi, nếu không có vốn thì để trống thông tin này.

9. Ngày bắt đầu hoạt động: Kê khai ngày người nộp thuế bắt đầu hoạt động thực tế nếu khác với ngày cấp mã số thuế.

10. Loại hình kinh tế: Đánh dấu X vào 1 trong những ô tương ứng.

11. Hình thức hạch toán kế toán về kết quả kinh doanh: Đánh dấu X vào một trong hai ô của là độc lập hoặc phụ thuộc. Trường hợp tích chọn ô "độc lập" thì tích chọn vào "có BCTC hợp nhất" nếu

thuộc đối tượng phải lập và gửi báo cáo tài chính hợp nhất cho cơ quan thuế theo quy định.

12. Năm tài chính: Ghi rõ từ ngày, tháng đầu niên độ kế toán đến ngày, tháng cuối niên độ kế toán theo năm dương lịch hoặc năm tài chính của người nộp thuế.

13. Thông tin về đơn vị chủ quản hoặc đơn vị quản lý trực tiếp: Ghi rõ tên, mã số thuế của đơn vị cấp trên trực tiếp quản lý người nộp thuế là tổ chức.

14. Thông tin người đại diện theo pháp luật/chủ DNTN: Kê khai thông tin chi tiết của người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế là tổ chức (đối với tổ chức kinh tế và tổ chức khác trừ doanh nghiệp tư nhân) hoặc thông tin của chủ doanh nghiệp tư nhân.

15. Phương pháp tính thuế GTGT: Đánh dấu X vào một trong các ô của chỉ tiêu này.

16. Thông tin về các đơn vị có liên quan:

- Nếu người nộp thuế có công ty con, công ty thành viên thì đánh dấu X vào ô "Có công ty con, công ty thành viên", sau đó phải kê khai vào phần "Bảng kê các công ty con, công ty thành viên" mẫu số BK01-ĐK-TCT.

- Nếu người nộp thuế có đơn vị phụ thuộc thì đánh dấu X vào 6 "Có đơn vị phụ thuộc", sau đó phải kê khai vào "Bảng kê các đơn vị phụ thuộc" mẫu số BK02-ĐK-TCT.

- Nếu người nộp thuế có địa điểm kinh doanh, kho hàng phụ thuộc không có chức năng kinh doanh thì đánh dấu X vào ô "Có địa điểm kinh doanh, kho hàng phụ thuộc", sau đó phải kê khai vào phần "Bảng kê các địa điểm kinh doanh" mẫu số BK03-ĐK-TCT.

- Nếu người nộp thuế có nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài thì đánh dấu X vào ô "Có nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài", sau đó phải kê khai vào phần "Bảng kê các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài" mẫu số BK04-ĐK-TCT.

- Nếu người nộp thuế có nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí thì đánh dấu X vào ô "Có nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí", sau đó phải kê khai vào phần "Bảng kê các nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí" mẫu số BK05-ĐK-TCT (đối với hợp đồng dầu khí).

17. Thông tin khác: Ghi rõ họ và tên, mã số thuế cá nhân, số điện thoại liên lạc, email của Tổng giám đốc hoặc Giám đốc và Kế toán trưởng của người nộp thuế.

18. Tình trạng trước khi tổ chức lại tổ chức kinh tế (nếu có): Nếu người nộp thuế là tổ chức kinh tế đăng ký thuế do tổ chức Lại của tổ chức kinh tế trước đó thì đánh dấu X vào một trong các trường hợp: sáp nhập, hợp nhất, chia, tách và phải ghi rõ mã số thuế đã cấp trước đây của các tổ chức kinh tế bị sáp nhập, bị hợp nhất, bị chia, bị tách.

19. Phần người nộp thuế hoặc người đại diện hợp pháp của người nộp thuế ký, ghi rõ họ tên: Người nộp thuế hoặc người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế phải ký, ghi rõ họ tên vào phần này.

20. Đóng dấu của người nộp thuế:

Trường hợp người nộp thuế có con dấu tại thời điểm đăng ký thuế thì phải đóng dấu vào phần này. Trường hợp người nộp thuế không có con dấu tại thời điểm đăng ký thuế thì chưa phải đóng dấu trên tờ khai thuế. Khi người nộp thuế đến nhận kết quả phải bổ sung việc đóng dấu cho cơ quan thuế.

Trường hợp người nộp thuế thuộc đối tượng đăng ký thuế quy định tại điểm d khoản 2 Điều 4 Thông tư này không có con dấu thì không phải đóng dấu vào phần này.

21. Nhân viên đại lý thuế: Trường hợp đại lý thuế kê khai thay cho người nộp thuế thì kê khai vào thông tin này.

Mẫu số: **BK05-ĐK-TCT**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ
Các nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí

(Kèm theo tờ khai mẫu số <01-ĐK-TCT hoặc 02-ĐK-TCT>)

Tên người nộp thuế:.....

Mã số thuế (nếu có): | | | | | | | | | | | | | | |

STT	Tên Nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí	Quốc tịch	Mã số thuế của nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí tại Việt Nam (nếu có)	Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Giá trị hợp đồng	Địa điểm thực hiện hợp đồng		Thời gian thực hiện hợp đồng
							Quận/ huyện	Tỉnh/ thành phố	
1									
2									
...									

..., ngày... /... /... ...

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

7. Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí (bao gồm cả nhà thầu nhận phần lãi được chia), Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam đại diện nước chủ nhà nhận phần lãi được chia từ các hợp đồng dầu khí.

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày ký hợp đồng, hiệp định dầu khí thì người nộp thuế (NNT) chuẩn bị hồ sơ đăng ký thuế đầy đủ theo đúng quy định sau đó gửi đến Cục thuế nơi đặt trụ sở để làm thủ tục đăng ký thuế.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử: Người nộp thuế (NNT) truy cập vào Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) để khai tờ khai và gửi kèm các hồ sơ theo quy định dưới dạng điện tử (nếu có), ký điện tử và gửi đến cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn;

NNT nộp hồ sơ (hồ sơ đăng ký thuế đồng thời với hồ sơ đăng ký kinh doanh theo cơ chế 1 cửa liên thông) đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền gửi thông tin hồ sơ đã tiếp nhận của NNT sang cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

+ Bước 2: Cơ quan thuế tiếp nhận:

++ Đối với hồ sơ đăng ký thuế bằng giấy:

+++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế: Công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận vào hồ sơ đăng ký thuế, ghi rõ ngày nhận hồ sơ, số lượng tài liệu theo bảng kê danh mục hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ đăng ký

thuế nộp trực tiếp tại cơ quan thuế. Công chức thuế viết phiếu hẹn ngày trả kết quả, thời hạn xử lý hồ sơ đã tiếp nhận;

+++ Trường hợp hồ sơ đăng ký thuế gửi bằng đường bưu chính: Công chức thuế đóng dấu tiếp nhận, ghi ngày nhận hồ sơ vào hồ sơ và ghi số văn thư của cơ quan thuế;

Công chức thuế kiểm tra hồ sơ đăng ký thuế. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ cần phải giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu, cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế theo mẫu số 01/TB-BSTT-NNT tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử:

Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận hồ sơ qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan thuế:

+++ Tiếp nhận hồ sơ: Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông báo tiếp nhận việc NNT đã nộp hồ sơ cho NNT qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) chậm nhất 15 phút kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký thuế điện tử của người nộp thuế;

+++ Kiểm tra, giải quyết hồ sơ: Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về đăng ký thuế và trả kết quả giải quyết qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ:

++++ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng thủ tục theo quy định và phải trả kết quả: Cơ quan thuế gửi kết quả giải quyết hồ sơ đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ theo thời hạn quy định tại Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế;

++++ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng thủ tục theo quy định, cơ quan thuế gửi thông báo về việc không chấp nhận hồ sơ, gửi đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày ghi trên Thông báo tiếp nhận hồ sơ.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tiếp tại trụ sở Cơ quan thuế;

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính;

+ Hoặc bằng phương thức điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ *Thành phần hồ sơ, gồm:* Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 02-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

+ *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ.

- Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nhận được hồ sơ đăng ký thuế đầy đủ theo quy định.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Nhà thầu, nhà đầu tư tham gia hợp đồng dầu khí, Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Thuế.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký thuế.

- Phí, lệ phí: Không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 02-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử đồng thời đăng ký và đảm bảo đầy đủ các điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Quản lý thuế ngày 13/06/2019;

+ Luật, Pháp lệnh về thuế, phí, lệ phí, các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành;

+ Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/03/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế;

+ Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế.

- Mẫu đơn, mẫu tờ khai kèm theo:

Mẫu số
02-ĐK-TCT.doc

Mẫu số: 02-ĐK-TCT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ THUẾ

(Dùng cho đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh trực tiếp phát sinh nghĩa vụ thuế)

□ Chi nhánh □ Văn phòng đại diện □ Địa điểm kinh doanh

NNT ghi MST 10 số của đơn vị chủ quản vào các ô này

1. Tên người nộp thuế:	
2. Thông tin đại lý thuế (nếu có):	
2a. Tên:	
2b. Mã số thuế:	
2c. Hợp đồng đại lý thuế: Số:	Ngày:

3. Địa chỉ trụ sở chính	**4. Địa chỉ nhận thông báo thuế** *(chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính)*
3a. Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:	4a. Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn hoặc hòm thư bưu điện:
3b. Phường/Xã/Thị trấn:	4b. Phường/Xã/Thị trấn:
3c. Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương:	4c. Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương:
3d. Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:	4d. Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:
3đ. Điện thoại: /Fax:	4đ. Điện thoại: /Fax:
3e. Email:	4e. E-mail:

5. Quyết định thành lập	**6. Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp**
5a. Số quyết định:	6a. Số:

5b. Ngày ký quyết định: .../.../.....	6b. Ngày cấp: .../.../.....
5c. Cơ quan ban hành quyết định:	6c. Cơ quan cấp:
	7. Ngành nghề kinh doanh chính:

8. Vốn điều lệ (=8.1+8.2+8.3+8.4):	**9. Ngày bắt đầu hoạt động:** .../.../.....
8.1. Vốn nhà nước: Tỷ trọng: %	
8.2. Vốn nước ngoài: Tỷ trọng: %	
8.3. Vốn tư nhân: Tỷ trọng: %	
8.4. Vốn khác (nếu có): Tỷ trọng: %	

10. Loại hình kinh tế

□ Công ty cổ phần	□ Doanh nghiệp tư nhân	□ VPĐD của tổ chức nước ngoài tại Việt Nam	□ Tổ hợp tác
□ Công ty TNHH 1 thành viên	□ Công ty hợp danh	□ Tổ chức kinh tế của lực lượng vũ trang	□ Hợp tác xã
□ Công ty TNHH 2 thành viên trở lên	□ Hợp đồng hợp tác, kinh doanh với nước ngoài	□ Tổ chức kinh tế của tổ chức chính trị, CT-XH, xã hội, XH-NN	□ Cơ quan hành chính
□ Đơn vị sự nghiệp ngoài công lập		□ Đơn vị sự nghiệp công lập	□ Loại hình khác

11. Hình thức hạch toán kế toán về kết quả kinh doanh □ Độc lập □ Phụ thuộc	**12. Năm tài chính** Từ ngày .../.... đến ngày .../.....

13. Thông tin về đơn vị chủ quản hoặc đơn vị quản lý trực tiếp	**14. Thông tin người đại diện theo pháp luật của đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh**
13a. Mã số thuế:	□ Đơn vị phụ thuộc, địa điểm KD của tổ chức của VN □ Đơn vị phụ thuộc, địa điểm KD của của thương nhân nước ngoài
13b. Tên đơn vị chủ quản/đơn vị quản lý trực tiếp:	14a. Tên người đại diện theo pháp luật:

	14b. Chức vụ: ..... 14c. Sinh ngày: .../.../..... 14d. Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: □ CMND □ CCCD □ Hộ chiếu □ CMT biên giới □ Giấy thông hành □ Khác Số giấy tờ: ..... Ngày cấp: ..... Nơi cấp:..... 14đ. Địa chỉ nơi thường trú: Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn: Phường/Xã/Thị trấn: Quận/Huyện/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương: Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương: Quốc gia: 14e. Địa chỉ hiện tại (nếu có): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn: Phường/Xã/Thị trấn: Quận/Huyện/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương: Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương: Quốc gia: 14g. Thông tin khác Điện thoại: /Fax: Email: Website:

15. Phương pháp tính thuế GTGT

□ Khấu trừ	□ Trực tiếp trên GTGT	□ Trực tiếp trên doanh số	□ Không phải nộp thuế GTGT

16. Thông tin về các đơn vị liên quan

□ Có đơn vị phụ thuộc	□ Có địa điểm kinh doanh, khongoài, nhà thầu phụ nước ngoài hàng phụ thuộc	□ Có hợp đồng với nhà thầu nước	□ Có nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí

17. Thông tin khác

17.1. Giám đốc (nếu có):	*17.2. Kế toán trưởng (nếu có):*
a. Tên:	a. Tên:

b. Mã số thuế cá nhân:	b. Mã số thuế cá nhân:
c. Điện thoại liên lạc:	c. Điện thoại liên lạc:
d. Email:	d. Email:

18. Tình trạng trước khi tổ chức lại (nếu có):

□ Chia □ Tách □ Hợp nhất

Mã số thuế trước của tổ chức đó:

Tôi xin cam đoan những nội dung trong bản kê khai này là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã kê khai./.

....., ngày ... /.../.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên: .....

Chứng chỉ hành nghề số .....

NGƯỜI NỘP THUẾ HOẶC ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI
MẪU SỐ 02-ĐK-TCT

1. Tên người nộp thuế: Ghi rõ ràng, đầy đủ bằng chữ in hoa tên tổ chức theo Quyết định thành lập hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (đối với tổ chức Việt Nam) hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam).

2. Thông tin đại lý thuế: Ghi đầy đủ các thông tin của đại lý thuế trong trường hợp Đại lý thuế ký hợp đồng với người nộp thuế để thực hiện thủ tục đăng ký thuế thay cho người nộp thuế theo quy định tại Luật Quản lý thuế.

3. Địa chỉ trụ sở chính: Ghi rõ số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn, phường/xã/thị trấn, quận/huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh, tỉnh/thành phố của người nộp thuế. Nếu có số điện thoại, số Fax thì ghi rõ mã vùng - số điện thoại/số Fax theo thông tin địa chỉ sau:

- Địa chỉ trụ sở chính của người nộp thuế là tổ chức.

- Địa chỉ nơi kinh doanh trong chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ khu kinh tế cửa khẩu đối với người nộp thuế là tổ chức của các nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam.

- Địa chỉ nơi diễn ra hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí đối với hợp đồng dầu khí.

- Người nộp thuế phải kê khai đầy đủ, chính xác thông tin email. Địa chỉ email này dùng làm tài khoản giao dịch điện tử với cơ quan thuế đối với hồ sơ đăng ký thuế điện tử.

4. Địa chỉ nhận thông báo thuế: Nếu người nộp thuế là tổ chức có địa chỉ nhận các thông báo của cơ quan thuế khác với địa chỉ của trụ sở chính tại chỉ tiêu 3 nêu trên thì ghi rõ địa chỉ nhận thông báo thuế để cơ quan thuế liên hệ.

5. Quyết định thành lập:

- Đối với người nộp thuế là tổ chức có quyết định thành lập: Ghi rõ số quyết định, ngày ban hành quyết định và cơ quan ban hành quyết định.

- Đối với nhà thầu, nhà đầu tư tham gia Hợp đồng dầu khí: Ghi rõ số hợp đồng, ngày ký hợp đồng, để trống phần cơ quan ra quyết định.

6. Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấp tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp: Ghi rõ số, ngày cấp và cơ quan cấp Giấy chứng nhận ĐKKD của nước có chung biên giới với Việt Nam cấp (đối với người nộp thuế là tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ của khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu cửa Việt Nam), Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (đối với người nộp thuế là tổ chức của Việt Nam).

Riêng thông tin "cơ quan cấp" Giấy chứng nhận ĐKKD: ghi tên nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam đã cấp Giấy chứng nhận ĐKKD (Lào, Campuchia, Trung Quốc).

7. Ngành nghề kinh doanh chính: Ghi theo ngành nghề kinh doanh trên Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (đối với người nộp thuế là tổ chức của Việt Nam) và Giấy chứng nhận ĐKKD (đối với người nộp thuế là tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam).

Lưu ý: chỉ ghi 1 ngành nghề chính thực tế kinh doanh.

8. Vốn điều lệ:

- Đối với người nộp thuế thuộc loại hình Công ty TNHH, Công ty cổ phần, Công ty hợp danh: Ghi theo vốn điều lệ Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc nguồn vốn trên Quyết định thành lập (ghi rõ loại tiền, phân loại nguồn vốn theo chủ sở hữu, tỷ trọng của từng loại nguồn vốn trong tổng số vốn).

- Đối với người nộp thuế thuộc loại hình doanh nghiệp tư nhân: Ghi theo vốn đầu tư trên Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (ghi rõ loại tiền).

- Đối với người nộp thuế là tổ chức của các nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam và tổ chức khác: Nếu trên Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận ĐKKD,... có vốn thì ghi, nếu không có vốn thì để trống thông tin này.

9. Ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh: Kê khai ngày người nộp thuế bắt đầu hoạt động thực tế nếu khác với ngày cấp mã số thuế.

10. Loại hình kinh tế: Đánh dấu X vào 1 trong những ô tương ứng.

11. Hình thức hạch toán kế toán về kết quả kinh doanh: Đánh dấu X vào một trong hai ô của chỉ tiêu này.

12. Năm tài chính: Ghi rõ từ ngày, tháng đầu niên độ kế toán đến ngày, tháng cuối niên độ kế toán theo năm dương lịch hoặc năm tài chính.

13. Thông tin về đơn vị chủ quản hoặc đơn vị quản lý trực tiếp: Ghi rõ tên, mã số thuế của đơn vị cấp trên trực tiếp quản lý đơn vị phụ thuộc.

14. Thông tin người đại diện theo pháp luật/chủ DNTN: Kê khai thông tin chi tiết của người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế là tổ chức (đối với tổ chức kinh tế và tổ chức khác trừ doanh nghiệp tư nhân) hoặc thông tin của chủ doanh nghiệp tư nhân.

15. Phương pháp tính thuế GTGT: Tổ chức tự đánh dấu X vào 1 trong những ô tương ứng.

16. Thông tin về các đơn vị liên quan:

- Nếu người nộp thuế có đơn vị phụ thuộc thì đánh dấu X vào ô "Có đơn vị phụ thuộc", sau đó phải kê khai vào "Bảng kê các đơn vị phụ thuộc" mẫu số BK02-ĐK-TCT,

- Nếu người nộp thuế có địa điểm kinh doanh, kho hàng phụ thuộc không có chức năng kinh doanh thì

đánh dấu X vào ô "Có địa điểm kinh doanh, kho hàng phụ thuộc", sau đó phải kê khai vào phần "Bảng kê các địa điểm kinh doanh" mẫu số BK03-ĐK-TCT.

- Nếu người nộp thuế có nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài thì đánh dấu X vào ô "Có nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài", sau đó phải kê khai vào phần "Bảng kê các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài" mẫu số BK04-ĐK-TCT.

- Nếu người nộp thuế có nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí thì đánh dấu X vào ô "Có nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí", sau đó phải kê khai vào phần "Bảng kê các nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí" mẫu số BK05-ĐK-TCT (đối với hợp đồng dầu khí).

17. Thông tin khác: Ghi rõ họ và tên, mã số thuế cá nhân, số điện thoại liên lạc và email của Giám đốc và Kế toán trưởng của người nộp thuế.

18. Tình trạng trước khi tổ chức lại tổ chức kinh tế (nếu có): Nếu người nộp thuế là tổ chức kinh tế đăng ký thuế do tổ chức lại của tổ chức kinh tế trước đó thì đánh dấu X vào một trong các trường hợp: sáp nhập, hợp nhất, chia, tách và phải ghi rõ mã số thuế đã cấp trước đây của các tổ chức kinh tế bị sáp nhập, bị hợp nhất, bị chia, bị tách.

19. Phần người nộp thuế hoặc người đại diện hợp pháp của người nộp thuế ký, ghi rõ họ tên: Người nộp thuế hoặc người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế phải ký, ghi rõ họ tên vào phần này.

20. Đóng dấu của người nộp thuế: Trường hợp người nộp thuế có con dấu tại thời điểm đăng ký thuế thì phải đóng dấu vào phần này. Trường hợp người nộp thuế không có con dấu tại thời điểm đăng ký thuế thì chưa phải đóng dấu trên tờ khai thuế. Khi người nộp thuế đến nhận kết quả phải bổ sung việc đóng dấu cho cơ quan thuế.

21. Nhân viên đại lý thuế: Trường hợp đại lý thuế kê khai thay cho người nộp thuế thì kê khai vào thông tin này.

8. Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là tổ chức kinh tế, tổ chức khác (kể cả đơn vị phụ thuộc) thay đổi các thông tin đăng ký thuế không làm thay đổi cơ quan thuế quản lý.

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1:

Tổ chức kinh tế, tổ chức khác (kể cả đơn vị phụ thuộc) đã đăng ký thuế với cơ quan thuế, khi có thay đổi một trong các thông tin trên tờ khai đăng ký thuế, bảng kê kèm theo tờ khai đăng ký thuế phải thực hiện thủ tục thay đổi thông tin đăng ký thuế với cơ quan thuế quản lý trực tiếp trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh thông tin thay đổi;

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử: Người nộp thuế (NNT) truy cập vào Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) để khai tờ khai và gửi kèm các hồ sơ theo quy định dưới dạng điện tử (nếu có), ký điện tử và gửi đến cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn;

NNT nộp hồ sơ (hồ sơ đăng ký thuế đồng thời với hồ sơ đăng ký kinh doanh theo cơ chế 1 cửa liên thông) đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền gửi thông tin hồ sơ đã tiếp nhận của NNT sang cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

+ Bước 2: Cơ quan thuế tiếp nhận:

++ Đối với hồ sơ đăng ký thuế bằng giấy:

+++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế: Công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận vào hồ sơ đăng ký thuế, ghi rõ ngày nhận hồ sơ, số lượng tài liệu theo bảng kê danh mục hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ đăng ký

thuế nộp trực tiếp tại cơ quan thuế. Công chức thuế viết phiếu hẹn ngày trả kết quả, thời hạn xử lý hồ sơ đã tiếp nhận;

+++ Trường hợp hồ sơ đăng ký thuế gửi bằng đường bưu chính: Công chức thuế đóng dấu tiếp nhận, ghi ngày nhận hồ sơ vào hồ sơ và ghi số văn thư của cơ quan thuế;

Công chức thuế kiểm tra hồ sơ đăng ký thuế. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ cần phải giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu, cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế theo mẫu số 01/TB-BSTT-NNT tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử:

Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận hồ sơ qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan thuế:

+++ Tiếp nhận hồ sơ: Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông báo tiếp nhận việc NNT đã nộp hồ sơ cho NNT qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) chậm nhất 15 phút kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký thuế điện tử của người nộp thuế;

+++ Kiểm tra, giải quyết hồ sơ: Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về đăng ký thuế và trả kết quả giải quyết qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ:

++++ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng thủ tục theo quy định và phải trả kết quả: Cơ quan thuế gửi kết quả giải quyết hồ sơ đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ theo thời hạn quy định tại Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế;

++++ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng thủ tục theo quy định, cơ quan thuế gửi thông báo về việc không chấp nhận hồ sơ, gửi đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày ghi trên Thông báo tiếp nhận hồ sơ.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tiếp tại trụ sở Cơ quan thuế;

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính;

+ Hoặc bằng phương thức điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ, gồm:

Người nộp thuế theo quy định tại Điểm a, b, c, đ, h, n Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính, gồm:

++ Tờ khai điều chỉnh, bổ sung thông tin đăng ký thuế theo mẫu 08-MST ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính ;

++ Bản sao Giấy phép thành lập và hoạt động, hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đơn vị phụ thuộc, hoặc Quyết định thành lập, hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp nếu thông tin trên các Giấy tờ này có thay đổi.

+ Người nộp thuế theo quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính, gồm:

Tờ khai điều chỉnh, bổ sung thông tin đăng ký thuế theo mẫu 08-MST ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

+ *Số lượng hồ sơ:* 01 (bộ).

- Thời hạn giải quyết:

+ Trường hợp thay đổi thông tin không có trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế: Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của người nộp thuế, cơ quan thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế có trách nhiệm cập nhật các thông tin thay đổi vào Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế ;

+ Trường hợp thay đổi thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế: Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của người nộp thuế, cơ quan thuế quản lý trực tiếp có trách nhiệm cập nhật các thông tin thay đổi vào Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế; đồng thời, ban hành Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế đã cập nhật thông tin thay đổi.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức kinh tế, tổ chức khác.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Thuế.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế (trường hợp người nộp thuế thay đổi các thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế).

- Phí, lệ phí: Không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ khai điều chỉnh, bổ sung thông tin đăng ký thuế mẫu số 08-MST ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử đồng thời đăng ký và đảm bảo đầy đủ các điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Quản lý thuế ngày 13/06/2019;

+ Luật, Pháp lệnh về thuế, phí, lệ phí, các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành;

+ Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/03/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế;

+ Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế.

- Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:

Mẫu số 08-MST.doc

Mẫu số: 08-MST

(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI
ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG THÔNG TIN ĐĂNG KÝ THUẾ

□ Doanh nghiệp, hợp tác xã □ Tổ chức □ Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh □ Cá nhân □ Khác

1. Tên người nộp thuế:

2. Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

3. Địa chỉ trụ sở chính:

4. Thông tin đại lý thuế (nếu có):

4a. Tên:

4b. Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

4c. Hợp đồng đại lý thuế: Số ngày

Đăng ký bổ sung, thay đổi các chỉ tiêu đăng ký thuế như sau:

Chỉ tiêu (1)	Thông tin đăng ký cũ (2)	Thông tin đăng ký mới (3)
I- Điều chỉnh thông tin đã đăng ký:		
Ví dụ:		235 Nguyễn Thái Học - Hà Nội
- Chỉ tiêu 4: Địa chỉ nhận thông báo thuế trên tờ khai 01-ĐK-TCT		
-.....	124 Lò Đúc - Hà Nội	
II- Bổ sung thông tin:		
Ví dụ:		
- Bảng kê BK02-ĐK-TCT		Bổ sung đơn vị phụ thuộc...
-		

Người nộp thuế cam đoan những thông tin kê khai trên là hoàn toàn chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những thông tin đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên: .....

Chứng chỉ hành nghề số: .....

...., ngày: ..../...../.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi họ tên và đóng dấu (nếu có)

Ghi chú:

- Cột (1): Ghi tên các chỉ tiêu có thay đổi trên tờ khai đăng ký thuế hoặc các bảng kê kèm theo hồ sơ đăng ký thuế.

- Cột (2): Ghi lại nội dung thông tin đăng ký thuế đã kê khai trong lần đăng ký thuế gần nhất.

- Cột (3): Ghi chính xác nội dung thông tin đăng ký thuế mới thay đổi hoặc bổ sung.

9. Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức kinh tế, tổ chức khác (kể cả đơn vị phụ thuộc) thay đổi thông tin về địa chỉ trụ sở dẫn đến làm thay đổi cơ quan thuế quản lý - Cơ quan thuế nơi người nộp thuế chuyển đi.

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Người nộp thuế khi có thay đổi thông tin về địa chỉ trụ sở trên tờ khai đăng ký thuế dẫn đến làm thay đổi cơ quan thuế quản lý phải thực hiện thủ tục thay đổi thông tin đăng ký thuế trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh thông tin thay đổi gửi đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử: Người nộp thuế (NNT) truy cập vào Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) để khai tờ khai và gửi kèm các hồ sơ theo quy định dưới dạng điện tử (nếu có), ký điện tử và gửi đến cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn;

NNT nộp hồ sơ (hồ sơ đăng ký thuế đồng thời với hồ sơ đăng ký kinh doanh theo cơ chế 1 cửa liên thông) đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền gửi thông tin hồ sơ đã tiếp nhận của NNT sang cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

+ Bước 2: Cơ quan thuế tiếp nhận:

++ Đối với hồ sơ đăng ký thuế bằng giấy:

+++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế: Công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận vào hồ sơ đăng ký thuế, ghi rõ ngày nhận hồ sơ, số lượng tài liệu theo bảng kê danh mục hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ đăng ký

thuế nộp trực tiếp tại cơ quan thuế. Công chức thuế viết phiếu hẹn ngày trả kết quả, thời hạn xử lý hồ sơ đã tiếp nhận;

+++ Trường hợp hồ sơ đăng ký thuế gửi bằng đường bưu chính: Công chức thuế đóng dấu tiếp nhận, ghi ngày nhận hồ sơ vào hồ sơ và ghi số văn thư của cơ quan thuế;

Công chức thuế kiểm tra hồ sơ đăng ký thuế. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ cần phải giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu, cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế theo mẫu số 01/TB-BSTT-NNT tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử:

Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận hồ sơ qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan thuế:

+++ Giao dịch điện tử trong đăng ký trực tiếp với cơ quan thuế:

++++ Tiếp nhận hồ sơ: Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông báo tiếp nhận việc NNT đã nộp hồ sơ cho NNT qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) chậm nhất 15 phút kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký thuế điện tử của người nộp thuế;

++++ Kiểm tra, giải quyết hồ sơ: Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về đăng ký thuế và trả kết quả giải quyết qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ:

+++++ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng thủ tục theo quy định và phải trả kết quả: Cơ quan thuế gửi kết quả giải quyết hồ sơ đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ theo thời hạn quy định tại Thông tư

số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế;

+++++ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng thủ tục theo quy định, cơ quan thuế gửi thông báo về việc không chấp nhận hồ sơ, gửi đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày ghi trên Thông báo tiếp nhận hồ sơ.

+++ Trường hợp đăng ký đồng thời với đăng ký kinh doanh theo cơ chế một cửa liên thông:

++++ Tiếp nhận hồ sơ: Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế thực hiện tiếp nhận hồ sơ từ cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan đăng ký hợp tác xã truyền sang;

++++ Kiểm tra, giải quyết hồ sơ: Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã và trả kết quả giải quyết qua Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã;

Cơ quan thuế gửi kết quả giải quyết hồ sơ qua Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã; hoặc đến địa chỉ thư điện tử của người nộp thuế trong trường hợp người nộp thuế có tài khoản giao dịch điện tử trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế theo thời hạn quy định của pháp luật về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tiếp tại trụ sở Cơ quan thuế;

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính;

+ Hoặc bằng phương thức điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng

thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ, gồm:

* Đối với người nộp thuế là doanh nghiệp, hợp tác xã, gồm:

++ Tờ khai điều chỉnh, bổ sung thông tin đăng ký thuế mẫu số 08-MST ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính;

+ Thành phần hồ sơ đối với người nộp thuế là tổ chức kinh tế, tổ chức khác theo quy định tại Điểm a, b, c, đ, h, n Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính gồm:

++ Tờ khai điều chỉnh, bổ sung thông tin đăng ký thuế mẫu số 08-MST ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính;

++ Bản sao Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc văn bản tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp trong trường hợp địa chỉ trên các Giấy tờ này có thay đổi.

* Đối với người nộp thuế là tổ chức kinh tế, tổ chức khác theo quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính, gồm:

++ Tờ khai điều chỉnh, bổ sung thông tin đăng ký thuế mẫu số 08-MST ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính;

+ Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

- Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn chậm nhất không quá 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế công bố biên bản, kết luận kiểm tra (đối với hồ sơ thuộc diện phải kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế), 07 (bảy) ngày làm

việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của người nộp thuế (đối với hồ sơ thuộc diện không phải kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế).

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức kinh tế, tổ chức khác.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cục Thuế.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Thông báo người nộp thuế chuyển địa điểm mẫu số 09-MST ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

- **Phí, lệ phí:** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Tờ khai điều chỉnh, bổ sung thông tin đăng ký thuế mẫu số 08-MST ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính**: Trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử đồng thời đăng ký và đảm bảo đầy đủ các điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Quản lý thuế ngày 13/06/2019;

+ Luật, Pháp lệnh về thuế, phí, lệ phí, các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành;

+ Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/03/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế;

+ Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế.

- **Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:**

Mẫu số 08-MST.doc

Mẫu số: 08-MST

(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI
ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG THÔNG TIN ĐĂNG KÝ THUẾ

□ Doanh nghiệp, hợp tác xã □ Tổ chức □ Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh □ Cá nhân □ Khác

1. Tên người nộp thuế:

2. Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

3. Địa chỉ trụ sở chính:

4. Thông tin đại lý thuế (nếu có):

4a. Tên:

4b. Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

4c. Hợp đồng đại lý thuế: Số ngày

Đăng ký bổ sung, thay đổi các chỉ tiêu đăng ký thuế như sau:

Chỉ tiêu (1)	Thông tin đăng ký cũ (2)	Thông tin đăng ký mới (3)
I- Điều chỉnh thông tin đã đăng ký:		
Ví dụ:		235 Nguyễn Thái Học - Hà Nội
- Chỉ tiêu 4: Địa chỉ nhận thông báo thuế trên tờ khai 01-ĐK-TCT		
-.....	124 Lò Đúc - Hà Nội	
II- Bổ sung thông tin:		
Ví dụ:		
- Bảng kê BK02-ĐK-TCT		Bổ sung đơn vị phụ thuộc...
-		

Người nộp thuế cam đoan những thông tin kê khai trên là hoàn toàn chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những thông tin đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên: .....

Chứng chỉ hành nghề số: .....

...., ngày: ..../...../.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi họ tên và đóng dấu (nếu có)

Ghi chú:

- Cột (1): Ghi tên các chỉ tiêu có thay đổi trên tờ khai đăng ký thuế hoặc các bảng kê kèm theo hồ sơ đăng ký thuế.

- Cột (2): Ghi lại nội dung thông tin đăng ký thuế đã kê khai trong lần đăng ký thuế gần nhất.

- Cột (3): Ghi chính xác nội dung thông tin đăng ký thuế mới thay đổi hoặc bổ sung.

10. Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là tổ chức kinh tế, tổ chức khác (kể cả đơn vị phụ thuộc) thay đổi thông tin về địa chỉ trụ sở dẫn đến làm thay đổi cơ quan thuế quản lý - Cơ quan thuế nơi người nộp thuế chuyển đến.

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1. Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nơi chuyển đi ban hành Thông báo người nộp thuế chuyển địa điểm (mẫu số 09-MST ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế), người nộp thuế phải lập hồ sơ, gửi đến cơ quan thuế nơi chuyển đến.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử: Người nộp thuế (NNT) truy cập vào Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) để khai tờ khai và gửi kèm các hồ sơ theo quy định dưới dạng điện tử (nếu có), ký điện tử và gửi đến cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn;

NNT nộp hồ sơ (hồ sơ đăng ký thuế đồng thời với hồ sơ đăng ký kinh doanh theo cơ chế 1 cửa liên thông) đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền gửi thông tin hồ sơ đã tiếp nhận của NNT sang cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

+ Bước 2: Cơ quan thuế tiếp nhận:

++ Đối với hồ sơ đăng ký thuế bằng giấy:

+++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế: Công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận vào hồ sơ đăng ký thuế, ghi rõ ngày nhận hồ sơ, số lượng tài liệu theo bảng kê danh mục hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ đăng ký

thuế nộp trực tiếp tại cơ quan thuế. Công chức thuế viết phiếu hẹn ngày trả kết quả, thời hạn xử lý hồ sơ đã tiếp nhận;

+++ Trường hợp hồ sơ đăng ký thuế gửi bằng đường bưu chính: Công chức thuế đóng dấu tiếp nhận, ghi ngày nhận hồ sơ vào hồ sơ và ghi số văn thư của cơ quan thuế;

Công chức thuế kiểm tra hồ sơ đăng ký thuế. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ cần phải giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu, cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế theo mẫu số 01/TB-BSTT-NNT tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử:

Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận hồ sơ qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan thuế:

+++ Tiếp nhận hồ sơ: Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông báo tiếp nhận việc NNT đã nộp hồ sơ cho NNT qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) chậm nhất 15 phút kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký thuế điện tử của người nộp thuế;

+++ Kiểm tra, giải quyết hồ sơ: Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về đăng ký thuế và trả kết quả giải quyết qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ:

++++ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng thủ tục theo quy định và phải trả kết quả: Cơ quan thuế gửi kết quả giải quyết hồ sơ đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ theo thời hạn quy định tại Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính;

++++ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng thủ tục theo quy định, cơ quan thuế gửi thông báo về việc không chấp nhận hồ sơ, gửi đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày ghi trên Thông báo tiếp nhận hồ sơ.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tiếp tại trụ sở Cơ quan thuế;

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính;

+ Hoặc bằng phương thức điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ, gồm:

++ Văn bản đăng ký chuyển địa điểm tại cơ quan thuế nơi người nộp thuế chuyển đến mẫu số 30/ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính;

++ Bản sao Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc văn bản tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp trong trường hợp địa chỉ trên các Giấy tờ này có thay đổi.

+ Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

- Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của người nộp thuế.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Thuế.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan thuế tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm cập nhật các thông tin thay đổi vào Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế. Đồng thời, ban hành Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế đã cập nhật thông tin thay đổi gửi cho người nộp thuế.

- Phí, lệ phí: Không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Văn bản đăng ký chuyển địa điểm tại cơ quan thuế nơi người nộp thuế chuyển đến mẫu số 30/ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử đồng thời đăng ký và đảm bảo đầy đủ các điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Quản lý thuế ngày 13/06/2019;

+ Luật, Pháp lệnh về thuế, phí, lệ phí, các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành;

+ Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/03/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế;

+ Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế.

- Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:

Mẫu số
30-ĐK-TCT.doc

Mẫu số: 30/ĐK-TCT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)

TÊN NGƯỜI NỘP THUẾ -------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
Số: ..... V/v Đăng ký chuyển địa điểm tại cơ quan thuế nơi người nộp thuế chuyển đến	*....., ngày .... tháng .... năm .....*

Kính gửi: .....

1. Tên người nộp thuế *(ghi theo đăng ký thuế)*: .....

2. Mã số thuế: .....

3. Địa chỉ trụ sở *(ghi theo địa chỉ trụ sở của tổ chức đã đăng ký thuế)*: .....
.....

4. Địa chỉ kinh doanh *(ghi theo địa chỉ đăng ký kinh doanh của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đã đăng ký thuế)*: .....

5. Thông tin đại lý thuế (nếu có):

a) Tên: .....

b) Mã số thuế của đại lý thuế: .....

c) Số hợp đồng đại lý thuế: ngày ký hợp đồng:

6. Lý do đăng ký chuyển địa điểm: .....
.....
.....

7. Hồ sơ đính kèm:
.....
.....

Người nộp thuế cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của văn bản này./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ	**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT** *(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)*
Họ và tên: ..... Chứng chỉ hành nghề số:	

Ghi chú:

Người nộp thuế là tổ chức không phải đóng dấu khi đăng ký thuế và hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không phải đóng dấu vào văn bản này.

11. Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí khi chuyển nhượng phần vốn góp trong tổ chức kinh tế hoặc chuyển nhượng một phần quyền lợi tham gia hợp đồng dầu khí.

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí khi chuyển nhượng phần vốn góp trong tổ chức kinh tế hoặc chuyển nhượng một phần quyền lợi tham gia hợp đồng dầu khí phải thực hiện thủ tục thay đổi thông tin đăng ký thuế với Cục thuế nơi người điều hành đặt trụ sở trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh thông tin thay đổi.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử: Người nộp thuế (NNT) truy cập vào Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) để khai tờ khai và gửi kèm các hồ sơ theo quy định dưới dạng điện tử (nếu có), ký điện tử và gửi đến cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn;

NNT nộp hồ sơ (hồ sơ đăng ký thuế đồng thời với hồ sơ đăng ký kinh doanh theo cơ chế 1 cửa liên thông) đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền gửi thông tin hồ sơ đã tiếp nhận của NNT sang cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

+ Bước 2: Cơ quan thuế tiếp nhận:

++ Đối với hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế bằng giấy:

+++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế: Công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận vào hồ sơ đăng ký thuế, ghi rõ ngày nhận hồ sơ, số lượng tài liệu theo bảng kê danh mục hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ đăng ký

thuế nộp trực tiếp tại cơ quan thuế. Công chức thuế viết phiếu hẹn ngày trả kết quả, thời hạn xử lý hồ sơ đã tiếp nhận;

+++ Trường hợp hồ sơ đăng ký thuế gửi bằng đường bưu chính: Công chức thuế đóng dấu tiếp nhận, ghi ngày nhận hồ sơ vào hồ sơ và ghi số văn thư của cơ quan thuế;

Công chức thuế kiểm tra hồ sơ đăng ký thuế. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ cần phải giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu, cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế theo mẫu số 01/TB-BSTT-NNT tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử:

Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận hồ sơ qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan thuế:

+++ Tiếp nhận hồ sơ: Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông báo tiếp nhận việc NNT đã nộp hồ sơ cho NNT qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) chậm nhất 15 phút kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký thuế điện tử của người nộp thuế;

+++ Kiểm tra, giải quyết hồ sơ: Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về đăng ký thuế và trả kết quả giải quyết qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ:

++++ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng thủ tục theo quy định và phải trả kết quả: Cơ quan thuế gửi kết quả giải quyết hồ sơ đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ theo thời hạn quy định tại Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế;

++++ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng thủ tục theo quy định, cơ quan thuế gửi thông báo về việc không chấp nhận hồ sơ, gửi đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày ghi trên Thông báo tiếp nhận hồ sơ.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tiếp tại trụ sở Cơ quan thuế;

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính;

+ Hoặc bằng phương thức điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ *Thành phần hồ sơ, gồm:*

Tờ khai điều chỉnh, bổ sung thông tin đăng ký thuế theo mẫu 08-MST ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

+ *Số lượng hồ sơ:* 01 (bộ).

- Thời hạn giải quyết:

+ Trường hợp người nộp thuế thay đổi các thông tin không làm thay đổi thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế: Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của người nộp thuế, cơ quan thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế có trách nhiệm cập nhật các thông tin thay đổi vào Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế ;

+ Trường hợp người nộp thuế thay đổi các thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế: Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của người nộp thuế, cơ quan thuế quản lý trực tiếp có trách nhiệm cập nhật các thông tin thay đổi vào Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế; đồng thời, ban hành Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế đã cập nhật thông tin thay đổi.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Thuế.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế (trường hợp người nộp thuế thay đổi các thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế).

- Phí, lệ phí: Không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ khai điều chỉnh, bổ sung thông tin đăng ký thuế mẫu số 08-MST ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử đồng thời đăng ký và đảm bảo đầy đủ các điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Quản lý thuế ngày 13/06/2019;

+ Luật, Pháp lệnh về thuế, phí, lệ phí, các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành;

+ Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/03/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế;

+ Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế.

- Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:

Mẫu số 08-MST.doc

Mẫu số: 08-MST

(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI
ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG THÔNG TIN ĐĂNG KÝ THUẾ

□ Doanh nghiệp, hợp tác xã □ Tổ chức □ Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh □ Cá nhân □ Khác

1. Tên người nộp thuế:

2. Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

3. Địa chỉ trụ sở chính:

4. Thông tin đại lý thuế (nếu có):

4a. Tên:

4b. Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

4c. Hợp đồng đại lý thuế: Số ngày

Đăng ký bổ sung, thay đổi các chỉ tiêu đăng ký thuế như sau:

Chỉ tiêu (1)	Thông tin đăng ký cũ (2)	Thông tin đăng ký mới (3)
I- Điều chỉnh thông tin đã đăng ký: Ví dụ: - Chỉ tiêu 4: Địa chỉ nhận thông báo thuế trên tờ khai 01-ĐK-TCT -..... **II- Bổ sung thông tin:** Ví dụ: - Bảng kê BK02-ĐK-TCT -	124 Lò Đúc - Hà Nội	235 Nguyễn Thái Học - Hà Nội Bổ sung đơn vị phụ thuộc...

Người nộp thuế cam đoan những thông tin kê khai trên là hoàn toàn chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những thông tin đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên: .....

Chứng chỉ hành nghề số: .....

....., ngày: ..../...../.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi họ tên và đóng dấu (nếu có)

Ghi chú:

- Cột (1): Ghi tên các chỉ tiêu có thay đổi trên tờ khai đăng ký thuế hoặc các bảng kê kèm theo hồ sơ đăng ký thuế.

- Cột (2): Ghi lại nội dung thông tin đăng ký thuế đã kê khai trong lần đăng ký thuế gần nhất.

- Cột (3): Ghi chính xác nội dung thông tin đăng ký thuế mới thay đổi hoặc bổ sung.

12. Chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với nhà thầu, nhà đầu tư tham gia hợp đồng dầu khí, nhà thầu nước ngoài.

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc hợp đồng, người điều hành, công ty điều hành chung, doanh nghiệp liên doanh, nhà thầu, nhà đầu tư tham gia hợp đồng, hiệp định dầu khí, công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam đại diện nước chủ nhà nhận phần lãi được chia từ các hợp đồng, hiệp định dầu khí và tổ chức được Chính phủ Việt Nam giao nhiệm vụ tiếp nhận phần được chia của Việt Nam thuộc các mỏ dầu khí tại vùng chồng lấn, nhà thầu nước ngoài có trách nhiệm gửi hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế đến cơ quan thuế trực tiếp quản lý để làm thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử: Người nộp thuế (NNT) truy cập vào Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) để khai tờ khai và gửi kèm các hồ sơ theo quy định dưới dạng điện tử (nếu có), ký điện tử và gửi đến cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn;

NNT nộp hồ sơ (hồ sơ đăng ký thuế đồng thời với hồ sơ đăng ký kinh doanh theo cơ chế 1 cửa liên thông) đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền gửi thông tin hồ sơ đã tiếp nhận của NNT sang cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

+ Bước 2: Cơ quan thuế tiếp nhận:

++ Đối với hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế bằng giấy:

+++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế: Công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận vào hồ sơ đăng ký thuế, ghi rõ ngày nhận hồ sơ, số lượng tài liệu theo bảng kê danh mục hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế nộp trực tiếp tại cơ quan thuế. Công chức thuế viết phiếu hẹn ngày trả kết quả, thời hạn xử lý hồ sơ đã tiếp nhận;

+++ Trường hợp hồ sơ đăng ký thuế gửi bằng đường bưu chính: Công chức thuế đóng dấu tiếp nhận, ghi ngày nhận hồ sơ vào hồ sơ và ghi số văn thư của cơ quan thuế;

Công chức thuế kiểm tra hồ sơ đăng ký thuế. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ cần phải giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu, cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế theo mẫu số 01/TB-BSTT-NNT tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử:

Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận hồ sơ qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan thuế:

+++ Tiếp nhận hồ sơ: Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông báo tiếp nhận việc NNT đã nộp hồ sơ cho NNT qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) chậm nhất 15 phút kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký thuế điện tử của người nộp thuế;

+++ Kiểm tra, giải quyết hồ sơ: Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về đăng ký thuế và trả kết quả giải quyết qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ:

++++ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng thủ tục theo quy định và phải trả kết quả: Cơ quan thuế gửi kết quả giải quyết hồ sơ đến Cổng thông tin điện tử mà

người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ theo thời hạn quy định tại Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế;

++++ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng thủ tục theo quy định, cơ quan thuế gửi thông báo về việc không chấp nhận hồ sơ, gửi đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày ghi trên Thông báo tiếp nhận hồ sơ.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tiếp tại trụ sở Cơ quan thuế;

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính;

+ Hoặc bằng phương thức điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ *Thành phần hồ sơ, gồm:*

++ Thông báo đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế mẫu số 24/ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính;

++ Bản sao bản thanh lý hợp đồng hoặc bản sao văn bản về việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tham gia hợp đồng dầu khí đối với nhà đầu tư tham gia hợp đồng dầu khí.

+ *Số lượng hồ sơ:* 01 (bộ).

- Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nhận được hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế của người nộp thuế, cơ quan thuế phải thực hiện Thông báo người nộp thuế ngừng hoạt động và đang làm thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo mẫu số 17/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính gửi cho người nộp thuế. Đồng thời chuyển trạng thái của người nộp thuế và các đơn vị trực thuộc của người nộp thuế về trạng thái "NNT ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế" trên hệ thống ứng dụng đăng ký thuế;

- Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày người nộp thuế đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế với cơ quan thuế và cơ quan hải quan theo quy định, cơ quan thuế ban hành Thông báo chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo mẫu số 18/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính gửi cho người nộp thuế.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Nhà thầu, nhà đầu tư tham gia hợp đồng dầu khí, nhà thầu nước ngoài.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Thuế.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan thuế ban hành Thông báo người nộp thuế ngừng hoạt động và đang làm thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo mẫu số 17/TB-ĐKT và Thông báo chấm dứt hiệu lực mã số thuế mẫu số 18/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

- Phí, lệ phí: Không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Thông báo đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế mẫu số 24/ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử đồng thời

đăng ký và đảm bảo đầy đủ các điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

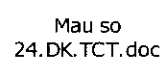
+ Luật Quản lý thuế ngày 13/06/2019;

+ Luật, Pháp lệnh về thuế, phí, lệ phí, các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành;

+ Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/03/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế;

+ Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế.

- Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:



Mẫu số: **24/ĐK-TCT**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm ...

THÔNG BÁO

Đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế

1. Tên người nộp thuế (*ghi theo tên NNT đã đăng ký thuế hoặc đăng ký doanh nghiệp*): .....

2. Mã số thuế: .....

3. Địa chỉ trụ sở chính (*ghi theo địa chỉ trụ sở của tổ chức đã đăng ký thuế hoặc của doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã*): .....

4. Địa chỉ kinh doanh *(ghi địa chỉ kinh doanh của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đã đăng ký thuế)*: .....

5. Lý do chấm dứt hiệu lực mã số thuế:.....

.....

.....

6. Hồ sơ đính kèm:

.....

.....

Người nộp thuế xin cam đoan về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của văn bản này./.

Nơi nhận:

- CQT quản lý;

- Lưu: VT

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

Người nộp thuế là tổ chức không phải đóng dấu khi đăng ký thuế và hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không phải đóng dấu vào văn bản này.

13. Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là tổ chức, cá nhân khấu trừ nộp thay cho nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài; Tổ chức hợp tác kinh doanh với cá nhân, tổ chức được giao quản lý hợp đồng hợp tác kinh doanh với tổ chức nhưng không thành lập pháp nhân riêng; Ngân hàng thương mại, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán hoặc tổ chức, cá nhân được nhà cung cấp ở nước ngoài ủy quyền có trách nhiệm khấu trừ và nộp thuế thay cho nhà cung cấp ở nước ngoài; Tổ chức, cá nhân được cơ quan thuế ủy nhiệm thu.

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày:

++ Phát sinh trách nhiệm khấu trừ thuế và nộp thuế thay; tổ chức nộp thay cho cá nhân theo hợp đồng, văn bản hợp tác kinh doanh;

++ Ký hợp đồng nhận thầu đối với nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài kê khai nộp thuế trực tiếp với cơ quan thuế; ký hợp đồng, hiệp định dầu khí;

++ Uỷ nhiệm thu theo quy định của Luật quản lý thuế.

Thì người nộp thuế (NNT) chuẩn bị hồ sơ đăng ký thuế đầy đủ theo đúng quy định sau đó gửi đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp để làm thủ tục đăng ký thuế.

Nơi nộp hồ sơ:

++ Tại cơ quan thuế quản lý trực tiếp đối với: Tổ chức, cá nhân khấu trừ nộp thay cho nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài; Tổ chức hợp tác kinh doanh với cá nhân, tổ chức được giao quản lý hợp đồng hợp tác kinh doanh với tổ chức nhưng không thành lập pháp nhân riêng; Ngân hàng thương mại, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán hoặc tổ chức, cá nhân được nhà cung cấp ở nước ngoài ủy quyền có trách nhiệm khấu trừ và nộp thuế thay cho nhà cung cấp ở nước ngoài;

++ Tổ chức, cá nhân được cơ quan thuế ủy nhiệm thu nộp hồ sơ đăng ký thuế tại cơ quan thuế ký hợp đồng ủy nhiệm thu;

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử: Người nộp thuế (NNT) truy cập vào Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) để khai tờ khai và gửi kèm các hồ sơ theo quy định dưới dạng điện tử (nếu có), ký điện tử và gửi đến cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn;

NNT nộp hồ sơ (hồ sơ đăng ký thuế đồng thời với hồ sơ đăng ký kinh doanh theo cơ chế 1 cửa liên thông) đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền gửi thông tin hồ sơ đã tiếp nhận của NNT sang cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

+ Bước 2: Cơ quan thuế tiếp nhận:

++ Đối với hồ sơ đăng ký thuế bằng giấy:

+++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế: Công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận vào hồ sơ đăng ký thuế, ghi rõ ngày nhận hồ sơ, số lượng tài liệu theo bảng kê danh mục hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế nộp trực tiếp tại cơ quan thuế. Công chức thuế viết phiếu hẹn ngày trả kết quả, thời hạn xử lý hồ sơ đã tiếp nhận;

+++ Trường hợp hồ sơ đăng ký thuế gửi bằng đường bưu chính: Công chức thuế đóng dấu tiếp nhận, ghi ngày nhận hồ sơ vào hồ sơ và ghi số văn thư của cơ quan thuế;

Công chức thuế kiểm tra hồ sơ đăng ký thuế. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ cần phải giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu, cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế theo mẫu số 01/TB-BSTT-NNT tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử:

Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận hồ sơ qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan thuế:

+++ Tiếp nhận hồ sơ: Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông báo tiếp nhận việc NNT đã nộp hồ sơ cho NNT qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) chậm nhất 15 phút kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký thuế điện tử của người nộp thuế;

+++ Kiểm tra, giải quyết hồ sơ: Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về đăng ký thuế và trả kết quả giải quyết qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ:

++++ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng thủ tục theo quy định và phải trả kết quả: Cơ quan thuế gửi kết quả giải quyết hồ sơ đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ theo thời hạn quy định tại Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế;

++++ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng thủ tục theo quy định, cơ quan thuế gửi thông báo về việc không chấp nhận hồ sơ, gửi đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày ghi trên Thông báo tiếp nhận hồ sơ.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tiếp tại trụ sở Cơ quan thuế;

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính;

+ Hoặc bằng phương thức điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm

Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ, gồm:

* Đối với tổ chức, cá nhân khấu trừ nộp thay cho nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài, gồm:

++ Tờ khai đăng ký thuế theo mẫu số 04.1-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính;

++ Bảng kê các hợp đồng nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài nộp thuế thông qua Bên Việt Nam mẫu số 04.1-ĐK-TCT-BK.

* Đối với Tổ chức hợp tác kinh doanh với cá nhân, tổ chức được giao quản lý hợp đồng hợp tác kinh doanh với tổ chức nhưng không thành lập pháp nhân riêng, gồm:

++ Tờ khai đăng ký thuế theo mẫu số 04.1-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính;

++ Bản sao hợp đồng hoặc văn bản hợp tác kinh doanh.

* Đối với Ngân hàng thương mại, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán hoặc tổ chức, cá nhân được nhà cung cấp ở nước ngoài ủy quyền có trách nhiệm khấu trừ và nộp thuế thay cho nhà cung cấp ở nước ngoài, gồm: Tờ khai đăng ký thuế theo mẫu số 04.1-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

* Đối với tổ chức, cá nhân được cơ quan thuế ủy nhiệm thu, gồm: Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 04.4-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

+ *Số lượng hồ sơ:* 01 (bộ).

- Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nhận được hồ sơ đăng ký thuế đầy đủ theo quy định.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Thuế/Chi cục Thuế.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thông báo mã số thuế.

- Phí, lệ phí: Không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Tờ khai đăng ký thuế theo mẫu số 04.1-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính;

++ Bảng kê các hợp đồng nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài nộp thuế thông qua Bên Việt Nam mẫu số 04.1-ĐK-TCT-BK.

+ Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 04.4-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử đồng thời đăng ký và đảm bảo đầy đủ các điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Quản lý thuế ngày 13/06/2019;

+ Luật, Pháp lệnh về thuế, phí, lệ phí, các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành;

+ Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/03/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế;

+ Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế.

- Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:

Mẫu số 04.1-ĐK-TCT.doc

Mẫu số 04.4-ĐK-TCT.doc

04.1-ĐK-TCT-BK.doc

Mẫu số: 04.1-ĐK-TCT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ THUẾ

(Dùng cho bên Việt Nam nộp thay nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài, tổ chức hợp tác kinh doanh với cá nhân, tổ chức hợp tác kinh doanh với tổ chức)

□ Nộp thay NTNN □ Hợp tác kinh doanh □ Khác

1. Tên tổ chức, cá nhân (Bên Việt Nam/Hợp tác kinh doanh/khác):
2. Mã số thuế đã được cấp:

3. Thông tin đại lý thuế (nếu có):	
3a. Tên	
3b. Mã số thuế	
3c. Hợp đồng đại lý thuế: Số	**Ngày:**

4. Địa chỉ trụ sở	**5. Địa chỉ nhận thông báo của cơ quan thuế (chỉ khai thông tin này nếu khác địa chỉ trụ sở)**
4a. Số nhà, đường phố, thôn, xóm:	5a. Số nhà, đường phố, thôn, xóm:
4b. Phường/xã:	5b. Phường/xã:
4c. Quận/huyện:	5c. Quận/huyện:
4d. Tỉnh/Thành phố:	5d. Tỉnh/Thành phố:
4e. Điện thoại: /Fax: Email:	5e. Điện thoại: /Fax: Email:

6. Thông tin về người đại diện theo pháp luật	
6a. Tên:	6b. Địa chỉ:
6c. Điện thoại/Fax:	6d. Email:

Tôi xin cam đoan những nội dung trong bản kê khai này là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã kê khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ	..., ngày: .../.../.....
Họ và tên:	**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**
Chứng chỉ hành nghề số:	**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
	Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: 04.4-ĐK-TCT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ THUẾ

(Dùng cho cơ quan, tổ chức, cá nhân được cơ quan thuế ủy nhiệm thu)

1. Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân được cơ quan thuế ủy nhiệm thu:
2. Mã số thuế đã được cấp:

3. Hợp đồng ủy nhiệm thu
a. Số:
b. Ngày:
c. Tên cơ quan thuế ủy nhiệm thu:
d. Thời gian thực hiện hợp đồng: Từ ngày ... đến ngày ...

Tôi xin cam đoan những nội dung trong bản kê khai này là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã kê khai./.

...., ngày: ..../...../.....
NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: **04.1-ĐK-TCT-BK**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ

Các hợp đồng nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài nộp thuế thông qua Bên Việt Nam

(Kèm theo Mẫu số 04.1-ĐK-TCT)

Tên người nộp thuế: .....

Mã số thuế (nếu có): | | | | | | | | | | | | | |

STT	Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Giá trị hợp đồng (số tiền hoặc tỷ lệ %)	Mã số thuế của nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài (nếu có)	Tên nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài	Địa điểm tiến hành công việc theo hợp đồng		Thời gian thực hiện hợp đồng
						Quận/ huyện	Tỉnh/ thành phố	

..., ngày... /... /.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

14. Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là cá nhân thuộc diện nộp thuế thu nhập cá nhân và các loại thuế khác – Đối với cá nhân nộp hồ sơ đăng ký thuế qua cơ quan chi trả thu nhập.

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Cá nhân có ủy quyền cho cơ quan chi trả thu nhập đăng ký thuế gửi văn bản ủy quyền và một trong các giấy tờ của cá nhân (bản sao Thẻ căn cước công dân hoặc bản sao Giấy chứng minh nhân dân còn hiệu lực đối với cá nhân là người có quốc tịch Việt Nam; bản sao Hộ chiếu còn hiệu lực đối với cá nhân là người có quốc tịch nước ngoài hoặc người có quốc tịch Việt Nam sinh sống tại nước ngoài) cho cơ quan chi trả thu nhập;

Cơ quan chi trả thu nhập tổng hợp và gửi tờ khai đăng ký thuế mẫu số 05-ĐK-TH-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế chậm nhất là 10 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh nghĩa vụ thuế trong trường hợp cá nhân chưa có mã số thuế, gửi cơ quan thuế quản lý trực tiếp cơ quan chi trả thu nhập để đăng ký thuế thay cho cá nhân có uỷ quyền.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử: Người nộp thuế (NNT) truy cập vào Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) để khai tờ khai và gửi kèm các hồ sơ theo quy định dưới dạng điện tử (nếu có), ký điện tử và gửi đến cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn;

NNT nộp hồ sơ (hồ sơ đăng ký thuế đồng thời với hồ sơ đăng ký kinh doanh theo cơ chế 1 cửa liên thông) đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền gửi thông tin hồ

sơ đã tiếp nhận của NNT sang cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

+ Bước 2. Cơ quan thuế tiếp nhận:

++ Đối với hồ sơ đăng ký thuế bằng giấy:

+++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế: Công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận vào hồ sơ đăng ký thuế, ghi rõ ngày nhận hồ sơ, số lượng tài liệu theo bảng kê danh mục hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế nộp trực tiếp tại cơ quan thuế. Công chức thuế viết phiếu hẹn ngày trả kết quả, thời hạn xử lý hồ sơ đã tiếp nhận;

+++ Trường hợp hồ sơ đăng ký thuế gửi bằng đường bưu chính: Công chức thuế đóng dấu tiếp nhận, ghi ngày nhận hồ sơ vào hồ sơ và ghi số văn thư của cơ quan thuế;

Công chức thuế kiểm tra hồ sơ đăng ký thuế. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ cần phải giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu, cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế theo mẫu số 01/TB-BSTT-NNT tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử:

Cơ quan Thuế thực hiện tiếp nhận hồ sơ qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan thuế:

+++ Tiếp nhận hồ sơ: Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông báo tiếp nhận việc NNT đã nộp hồ sơ cho NNT qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) chậm nhất 15 phút kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký thuế điện tử của người nộp thuế;

+++ Kiểm tra, giải quyết hồ sơ: Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về đăng ký thuế và trả kết quả giải quyết qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ:

++++ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng thủ tục theo quy định và phải trả kết quả: Cơ quan thuế gửi kết quả giải quyết hồ sơ đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ theo thời hạn quy định tại Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính;

++++ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng thủ tục theo quy định, cơ quan thuế gửi thông báo về việc không chấp nhận hồ sơ, gửi đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày ghi trên Thông báo tiếp nhận hồ sơ.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tiếp tại trụ sở Cơ quan thuế;

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính;

+ Hoặc bằng phương thức điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ, gồm:

++ Hồ sơ đăng ký thuế của cá nhân gồm gửi cho cơ quan chi trả thu nhập: Văn bản ủy quyền và một trong các giấy tờ của cá nhân (bản sao Thẻ căn cước công dân hoặc bản sao Giấy chứng minh nhân dân còn hiệu lực đối với cá nhân

là người có quốc tịch Việt Nam; bản sao Hộ chiếu còn hiệu lực đối với cá nhân là người có quốc tịch nước ngoài hoặc người có quốc tịch Việt Nam sinh sống tại nước ngoài);

++ Cơ quan chi trả thu nhập có trách nhiệm tổng hợp thông tin đăng ký thuế của cá nhân vào tờ khai đăng ký thuế mẫu số 05-ĐK-TH-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính gửi cơ quan thuế quản lý trực tiếp cơ quan chi trả thu nhập.

+ *Số lượng hồ sơ:* 01 (bộ).

- Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nhận được hồ sơ đăng ký thuế đầy đủ theo quy định.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan chi trả thu nhập.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Thuế/Chi cục Thuế.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thông báo mã số thuế cá nhân mẫu số 14-MST ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

- Phí, lệ phí: Không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 05-ĐK-TH-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử đồng thời đăng ký và đảm bảo đầy đủ các điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Quản lý thuế ngày 13/06/2019;

+ Luật, Pháp lệnh về thuế, phí, lệ phí, các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành;

+ Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/03/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế;

+ Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế.

- Mẫu đơn, mẫu tờ khai kèm theo

Mẫu số
05-ĐK-TH-TCT.doc

Mẫu số: 05-ĐK-TH-TCT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ THUẾ TỔNG HỢP CỦA CÁ NHÂN CÓ THU NHẬP TỪ TIỀN LƯƠNG, TIỀN CÔNG

(Dùng cho cơ quan chi trả thu nhập đăng ký cho cá nhân có ủy quyền)

□ Đăng ký thuế □ Thay đổi thông tin đăng ký thuế

1. Tên cơ quan chi trả thu nhập:

2. Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | | |

3. Cơ quan thuế quản lý:

4. Thông tin đăng ký thuế/thông tin thay đổi của cá nhân có ủy quyền như sau:

STT	Họ và tên người nộp thuế	Mã số thuế (ghi trong trường hợp thay đổi thông tin	Ngày sinh	Giới tính	Quốc tịch	Giấy tờ chứng thực cá nhân				Địa chỉ nơi thường trú					Địa chỉ hiện tại				Điện thoại liên hệ	Email
						Loại giấy tờ tùy thân của cá nhân (CMND/CCCD /Hộ chiếu)	Số giấy tờ	Ngày cấp	Nơi cấp	Số nhà/đường phố	Xã, phường	Quận, huyện	Tỉnh, thành phố	Quốc gia	Số nhà/ đường phố	Xã, phường	Quận, huyện	Tỉnh, thành phố		
1																				
2																				
3																				
...																				

Tôi xin cam đoan những nội dung trong bản kê khai này là đúng theo thông tin đăng ký thuế/thông tin thay đổi của cá nhân đã ủy quyền và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã kê khai./.

....., ngày.../.../.....

CƠ QUAN CHI TRẢ THU NHẬP hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CƠ QUAN CHI TRẢ THU NHẬP
Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

Ghi chú: Cơ quan chi trả thu nhập chỉ tích vào 1 trong 2 chỉ tiêu "Đăng ký thuế" hoặc "Thay đổi thông tin đăng ký thuế" tương ứng với hồ sơ ủy quyền của cá nhân là hồ sơ đăng ký thuế lần đầu hoặc hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế.

15. Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là cá nhân thuộc diện nộp thuế thu nhập cá nhân và các loại thuế khác - Đối với cá nhân nộp hồ sơ đăng ký thuế trực tiếp với cơ quan thuế.

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày:

++ Phát sinh nghĩa vụ thuế thu nhập cá nhân;

++ Phát sinh nghĩa vụ khác với ngân sách nhà nước.

Thì người nộp thuế (NNT) chuẩn bị hồ sơ đăng ký thuế đầy đủ theo đúng quy định sau đó gửi đến cơ quan thuế để làm thủ tục đăng ký thuế.

Nơi nộp hồ sơ:

++ Tại Cục Thuế nơi cá nhân làm việc đối với cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công do các tổ chức Quốc tế, Đại sứ quán, Lãnh sự quán tại Việt Nam chi trả nhưng tổ chức này chưa thực hiện khấu trừ thuế;

++ Tại Cục Thuế nơi phát sinh công việc tại Việt Nam đối với cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công do các tổ chức, cá nhân trả từ nước ngoài;

++ Tại Chi cục Thuế nơi cá nhân cư trú (nơi đăng ký thường trú hoặc tạm trú) đối với những trường hợp khác;

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử: Người nộp thuế (NNT) truy cập vào Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) để khai tờ khai và gửi kèm các hồ sơ theo quy định dưới dạng điện tử (nếu có), ký điện tử và gửi đến cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn;

NNT nộp hồ sơ (hồ sơ đăng ký thuế đồng thời với hồ sơ đăng ký kinh doanh theo cơ chế 1 cửa liên thông) đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm

quyền theo quy định. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền gửi thông tin hồ sơ đã tiếp nhận của NNT sang cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

+ Bước 2: Cơ quan thuế tiếp nhận:

++ Đối với hồ sơ đăng ký thuế bằng giấy:

+++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế: Công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận vào hồ sơ đăng ký thuế, ghi rõ ngày nhận hồ sơ, số lượng tài liệu theo bảng kê danh mục hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế nộp trực tiếp tại cơ quan thuế. Công chức thuế viết phiếu hẹn ngày trả kết quả, thời hạn xử lý hồ sơ đã tiếp nhận;

+++ Trường hợp hồ sơ đăng ký thuế gửi bằng đường bưu chính: Công chức thuế đóng dấu tiếp nhận, ghi ngày nhận hồ sơ vào hồ sơ và ghi số văn thư của cơ quan thuế;

Công chức thuế kiểm tra hồ sơ đăng ký thuế. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ cần phải giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu, cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế theo mẫu số 01/TB-BSTT-NNT tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử:

Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận hồ sơ qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan thuế:

+++ Tiếp nhận hồ sơ: Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông báo tiếp nhận việc NNT đã nộp hồ sơ cho NNT qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) chậm nhất 15 phút kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký thuế điện tử của người nộp thuế;

+++ Kiểm tra, giải quyết hồ sơ: Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về đăng ký thuế và trả kết quả giải quyết qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ:

++++ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng thủ tục theo quy định và phải trả kết quả: Cơ quan thuế gửi kết quả giải quyết hồ sơ đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ theo thời hạn quy định tại Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế;

++++ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng thủ tục theo quy định, cơ quan thuế gửi thông báo về việc không chấp nhận hồ sơ, gửi đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày ghi trên Thông báo tiếp nhận hồ sơ.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tiếp tại trụ sở Cơ quan thuế;

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính;

+ Hoặc bằng phương thức điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ *Thành phần hồ sơ, gồm:*

++ Đối với cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công do các tổ chức Quốc tế, Đại sứ quán, Lãnh sự quán tại Việt Nam chi trả nhưng tổ chức này chưa thực hiện khấu trừ thuế gồm:

+++ Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 05-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính;

+++ Bản sao Thẻ căn cước công dân hoặc bản sao Giấy chứng minh nhân dân còn hiệu lực đối với cá nhân là người có quốc tịch Việt Nam; bản sao Hộ chiếu còn hiệu lực đối với cá nhân là người có quốc tịch nước ngoài hoặc người có quốc tịch Việt Nam sinh sống tại nước ngoài.

++ Đối với cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công do các tổ chức, cá nhân trả từ nước ngoài, gồm:

+++ Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 05-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính;

+++ Bản sao Thẻ căn cước công dân hoặc bản sao Giấy chứng minh nhân dân còn hiệu lực đối với cá nhân là người có quốc tịch Việt Nam; bản sao Hộ chiếu còn hiệu lực đối với cá nhân là người có quốc tịch nước ngoài hoặc người có quốc tịch Việt Nam sinh sống tại nước ngoài;

+++ Bản sao văn bản bổ nhiệm của Tổ chức sử dụng lao động trong trường hợp cá nhân người nước ngoài không cư trú tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập cá nhân được cử sang Việt Nam làm việc nhưng nhận thu nhập tại nước ngoài (đối với cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công do các tổ chức, cá nhân trả từ nước ngoài).

++ Đối với cá nhân đăng ký thuế trong các trường hợp khác, gồm:

+++ Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 05-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính;

+++ Bản sao Thẻ căn cước công dân hoặc bản sao Giấy chứng minh nhân dân còn hiệu lực đối với cá nhân là người có quốc tịch Việt Nam; bản sao Hộ

chiếu còn hiệu lực đối với cá nhân là người có quốc tịch nước ngoài hoặc người có quốc tịch Việt Nam sinh sống tại nước ngoài.

+ *Số lượng hồ sơ:* 01 (bộ).

- Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nhận được hồ sơ đăng ký thuế đầy đủ theo quy định.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Thuế/Chi cục Thuế.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký thuế dành cho cá nhân.

- Phí, lệ phí: Không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ khai đăng ký thuế theo mẫu số 05-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính; Hồ sơ khai thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử đồng thời đăng ký và đảm bảo đầy đủ các điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Quản lý thuế ngày 13/06/2019;

+ Luật, Pháp lệnh về thuế, phí, lệ phí, các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành;

+ Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/03/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế;

+ Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế.

- Mẫu đơn, mẫu tờ khai kèm theo

Mẫu số
05-ĐK-TCT.doc

Mẫu số: 05-ĐK-TCT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ THUẾ

(Dùng cho cá nhân không kinh doanh)

1. Họ và tên người đăng ký thuế: .....

2. Thông tin đại lý thuế (nếu có):

2a. Tên

2b. Mã số thuế | | | | | | | | | | | | | | |

2c. Hợp đồng đại lý thuế: Số Ngày:

3. Ngày, tháng, năm sinh của cá nhân: .....

4. Giới tính: Nam □ Nữ □

5. Quốc tịch: .....

6. Giấy tờ của cá nhân:

6a. Số chứng minh nhân dân ..... Ngày cấp..... Nơi cấp .....

6b. Số căn cước công dân ..... Ngày cấp..... Nơi cấp .....

6c. Số hộ chiếu ..... Ngày cấp..... Nơi cấp .....

7. Địa chỉ nơi thường trú:

7a. Số nhà/đường phố, thôn, xóm: .....

7b. Xã, phường: .....

7c. Quận, huyện: .....

7d. Tỉnh, thành phố: .....

7đ. Quốc gia: .....

8. Địa chỉ hiện tại:

8a. Số nhà/đường phố, thôn, xóm: .....

8b. Xã, phường: .....

8c. Quận, huyện: .....

8d. Tỉnh, thành phố: .....

9. Điện thoại liên hệ: .....Email: .....

10. Cơ quan chi trả thu nhập tại thời điểm đăng ký thuế: .....

Tôi cam kết những nội dung kê khai là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên: .....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

..., ngày...tháng....năm.....
NGƯỜI ĐĂNG KÝ THUẾ
Ký và ghi rõ họ tên

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI

MẪU SỐ 05-ĐK-TCT

1. Họ và tên người đăng ký thuế: Ghi rõ ràng, đầy đủ bằng chữ in hoa tên cá nhân đăng ký thuế.

2. Thông tin đại lý thuế: Ghi đầy đủ các thông tin của đại lý thuế trong trường hợp Đại lý thuế ký hợp đồng với người nộp thuế để thực hiện thủ tục đăng ký thuế thay cho người nộp thuế theo quy định tại Luật Quản lý thuế.

3. Ngày, tháng, năm sinh của cá nhân: Ghi rõ ngày, tháng, năm sinh của cá nhân đăng ký thuế.

4. Giới tính: Tích vào 1 trong 2 ô Nam hoặc Nữ.

5. Quốc tịch: Ghi rõ Quốc tịch của cá nhân đăng ký thuế.

6. Giấy tờ của cá nhân: Ghi đầy đủ thông tin giấy tờ của cá nhân đăng ký thuế theo quy định tại Thông tư này.

7. Địa chỉ nơi thường trú: Ghi đầy đủ các thông tin về địa chỉ nơi thường trú của cá nhân đã được ghi trên sổ hộ khẩu hoặc trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

8. Địa chỉ hiện tại: Ghi đầy đủ các thông tin về địa chỉ về nơi ở hiện tại của cá nhân (chỉ ghi khi địa chỉ này khác với địa chỉ nơi thường trú).

9. Điện thoại liên hệ, email: Ghi số điện thoại, địa chỉ email (nếu có).

10. Cơ quan chi trả thu nhập tại thời điểm đăng ký thuế: Ghi cơ quan chi trả thu nhập đang công tác tại thời điểm đăng ký thuế (nếu có).

11. Nhân viên đại lý thuế: Trường hợp đại lý thuế kê khai thay cho người nộp thuế thì kê khai vào thông tin này.

16. Đăng ký thuế lần đầu cho người phụ thuộc để giảm trừ gia cảnh của người nộp thuế thu nhập cá nhân - Cá nhân thuộc diện nộp thuế thu nhập cá nhân nộp hồ sơ đăng ký thuế cho người phụ thuộc qua cơ quan chi trả thu nhập.

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Cá nhân có uỷ quyền cho cơ quan chi trả thu nhập đăng ký thuế cho người phụ thuộc thì gửi văn bản ủy quyền và giấy tờ của người phụ thuộc (bản sao Thẻ căn cước công dân hoặc bản sao Giấy chứng minh nhân dân còn hiệu lực đối với người phụ thuộc có quốc tịch Việt Nam từ đủ 14 tuổi trở lên; bản sao Giấy khai sinh hoặc bản sao Hộ chiếu còn hiệu lực đối với người phụ thuộc có quốc tịch việt Nam dưới 14 tuổi; bản sao Hộ chiếu đối với người phụ thuộc là người có quốc tịch nước ngoài hoặc người có quốc tịch Việt Nam sinh sống tại nước ngoài) cho cơ quan chi trả thu nhập;

Cơ quan chi trả thu nhập có trách nhiệm tổng hợp và gửi tờ khai đăng ký thuế mẫu số 20-ĐK-TH-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính chậm nhất là 10 ngày làm việc kể từ ngày người nộp thuế đăng ký giảm trừ gia cảnh theo quy định của pháp luật trong trường hợp người phụ thuộc chưa có mã số thuế gửi cơ quan thuế quản lý trực tiếp cơ quan chi trả thu nhập để đăng ký thuế thay cho người phụ thuộc có uỷ quyền.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử: Người nộp thuế (NNT) truy cập vào Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) để khai tờ khai và gửi kèm các hồ sơ theo quy định dưới dạng điện tử (nếu có), ký điện tử và gửi đến cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn;

NNT nộp hồ sơ (hồ sơ đăng ký thuế đồng thời với hồ sơ đăng ký kinh doanh theo cơ chế 1 cửa liên thông) đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền gửi thông tin hồ sơ đã tiếp nhận của NNT sang cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

+ Bước 2: Cơ quan thuế tiếp nhận:

++ Đối với hồ sơ đăng ký thuế bằng giấy:

+++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế: Công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận vào hồ sơ đăng ký thuế, ghi rõ ngày nhận hồ sơ, số lượng tài liệu theo bảng kê danh mục hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế nộp trực tiếp tại cơ quan thuế. Công chức thuế viết phiếu hẹn ngày trả kết quả, thời hạn xử lý hồ sơ đã tiếp nhận;

+++ Trường hợp hồ sơ đăng ký thuế gửi bằng đường bưu chính: Công chức thuế đóng dấu tiếp nhận, ghi ngày nhận hồ sơ vào hồ sơ và ghi số văn thư của cơ quan thuế;

Công chức thuế kiểm tra hồ sơ đăng ký thuế. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ cần phải giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu, cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế theo mẫu số 01/TB-BSTT-NNT tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử:

Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận hồ sơ qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan thuế:

+++ Tiếp nhận hồ sơ: Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông báo tiếp nhận việc NNT đã nộp hồ sơ cho NNT qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức

cung cấp dịch vụ T-VAN) chậm nhất 15 phút kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký thuế điện tử của người nộp thuế;

+++ Kiểm tra, giải quyết hồ sơ: Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về đăng ký thuế và trả kết quả giải quyết qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ:

++++ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng thủ tục theo quy định và phải trả kết quả: Cơ quan thuế gửi kết quả giải quyết hồ sơ đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ theo thời hạn quy định tại Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế;

++++ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng thủ tục theo quy định, cơ quan thuế gửi thông báo về việc không chấp nhận hồ sơ, gửi đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày ghi trên Thông báo tiếp nhận hồ sơ.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tiếp tại trụ sở Cơ quan thuế;

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính;

+ Hoặc bằng phương thức điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ *Thành phần hồ sơ gồm:*

Hồ sơ đăng ký thuế của người phụ thuộc gồm: Văn bản ủy quyền và giấy tờ của người phụ thuộc (bản sao Thẻ căn cước công dân hoặc bản sao Giấy chứng minh nhân dân còn hiệu lực đối với người phụ thuộc có quốc tịch Việt Nam từ đủ 14 tuổi trở lên; bản sao Giấy khai sinh hoặc bản sao Hộ chiếu còn hiệu lực đối với người phụ thuộc có quốc tịch Việt Nam dưới 14 tuổi; bản sao Hộ chiếu đối với người phụ thuộc là người có quốc tịch nước ngoài hoặc người có quốc tịch Việt Nam sinh sống tại nước ngoài).

Cơ quan chi trả thu nhập tổng hợp và gửi Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 20-ĐK-TH-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính, gửi cơ quan thuế quản lý trực tiếp cơ quan chi trả thu nhập.

+ *Số lượng hồ sơ:* 01 (bộ).

- Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nhận được hồ sơ đăng ký thuế đầy đủ theo quy định.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan chi trả thu nhập.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Thuế/Chi cục Thuế.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thông báo mã số thuế của người phụ thuộc uỷ quyền đăng ký thuế cho cơ quan chi trả thu nhập mẫu số 22-MST ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

- Phí, lệ phí: Không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ khai đăng ký thuế tổng hợp người phụ thuộc của cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công theo mẫu số 20-ĐKT-TH-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử đồng thời

đăng ký và đảm bảo đầy đủ các điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Quản lý thuế ngày 13/06/2019;

+ Luật, Pháp lệnh về thuế, phí, lệ phí, các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành;

+ Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/03/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế;

+ Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế.

- Mẫu đơn, mẫu tờ khai kèm theo

Mẫu số
20-ĐK-TH-TCT.doc

Mẫu số: 20-ĐK-TH-TCT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ THUẾ TỔNG HỢP NGƯỜI PHỤ THUỘC CỦA CÁ NHÂN CÓ THU NHẬP TỪ TIỀN LƯƠNG, TIỀN CÔNG

(Dùng cho cơ quan chi trả thu nhập đăng ký cho người phụ thuộc có ủy quyền)

□ Đăng ký thuế □ Thay đổi thông tin đăng ký thuế

1. Tên cơ quan chi trả thu nhập: .....

2. Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

3. Thông tin về người phụ thuộc và thông tin đăng ký giảm trừ gia cảnh như sau:

STT	Họ và tên người phụ thuộc	MST (ghi trong trường hợp thay đổi thông tin)	Ngày sinh	Quốc tịch	Loại giấy tờ (CMND/CCCD/Hộ chiếu)	Số	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ nơi thường trú				Địa chỉ hiện tại				Quan hệ với cá nhân có thu nhập được giảm trừ gia cảnh	Tên cá nhân có thu nhập	Mã số thuế của cá nhân có thu nhập
									Số nhà/đường phố	Xã, phường	Quận, huyện	Tỉnh, thành phố	Số nhà/đường phố	Xã, phường	Quận, huyện	Tỉnh, thành phố			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
1																			
2																			
3																			
...																			

II. Người phụ thuộc đăng ký thuế bằng giấy khai sinh:

STT	Họ và tên	MST (ghi trong trường hợp thay đổi thông tin)	Thông tin trên giấy khai sinh							Quốc tịch	Quan hệ với cá nhân có thu nhập được giảm trừ gia cảnh	Tên cá nhân có thu nhập	MST của cá nhân có thu nhập
			Ngày sinh	Số	Ngày cấp	Nơi đăng ký							
						Quốc gia	Tỉnh/ thành phố	Quận/ Huyện	Phường/Xã				
(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	(31)	(32)	(33)	(34)
1													
2													
3													

...													

(MST: Mã số thuế; CMND: Chứng minh nhân dân; CCCD: Căn cước công dân)

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

..., ngày ... tháng ... năm...
NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

Ghi chú: Cơ quan chi trả thu nhập chỉ tích vào 1 trong 2 chỉ tiêu "Đăng ký thuế" hoặc "Thay đổi thông tin đăng ký thuế" tương ứng với hồ sơ của người phụ thuộc được cá nhân ủy quyền là hồ sơ đăng ký thuế lần đầu hoặc hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế.

17. Đăng ký thuế lần đầu cho người phụ thuộc để giảm trừ gia cảnh của người nộp thuế thu nhập cá nhân - Cá nhân thuộc diện nộp thuế thu nhập cá nhân nộp hồ sơ đăng ký thuế cho người phụ thuộc trực tiếp tại cơ quan thuế.

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Cá nhân lập hồ sơ đăng ký thuế cho người phụ thuộc để giảm trừ gia cảnh và gửi đến cơ quan thuế trực tiếp quản lý;

Thời hạn nộp hồ sơ đăng ký thuế cho người phụ thuộc để giảm trừ gia cảnh cùng với thời hạn thực hiện thủ tục đăng ký giảm trừ gia cảnh theo quy định của pháp luật thuế thu nhập cá nhân.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử: Người nộp thuế (NNT) truy cập vào Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) để khai tờ khai và gửi kèm các hồ sơ theo quy định dưới dạng điện tử (nếu có), ký điện tử và gửi đến cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn;

NNT nộp hồ sơ (hồ sơ đăng ký thuế đồng thời với hồ sơ đăng ký kinh doanh theo cơ chế 1 cửa liên thông) đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền gửi thông tin hồ sơ đã tiếp nhận của NNT sang cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

+ Bước 2: Cơ quan thuế tiếp nhận:

++ Đối với hồ sơ đăng ký thuế bằng giấy:

+++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế: Công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận vào hồ sơ đăng ký thuế, ghi rõ ngày nhận hồ sơ, số lượng tài liệu theo bảng kê danh mục hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ đăng ký

thuế nộp trực tiếp tại cơ quan thuế. Công chức thuế viết phiếu hẹn ngày trả kết quả, thời hạn xử lý hồ sơ đã tiếp nhận;

+++ Trường hợp hồ sơ đăng ký thuế gửi bằng đường bưu chính: Công chức thuế đóng dấu tiếp nhận, ghi ngày nhận hồ sơ vào hồ sơ và ghi số văn thư của cơ quan thuế;

Công chức thuế kiểm tra hồ sơ đăng ký thuế. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ cần phải giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu, cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế theo mẫu số 01/TB-BSTT-NNT tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử:

Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận hồ sơ qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan thuế:

+++ Tiếp nhận hồ sơ: Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông báo tiếp nhận việc NNT đã nộp hồ sơ cho NNT qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) chậm nhất 15 phút kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký thuế điện tử của người nộp thuế;

+++ Kiểm tra, giải quyết hồ sơ: Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về đăng ký thuế và trả kết quả giải quyết qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ:

++++ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng thủ tục theo quy định và phải trả kết quả: Cơ quan thuế gửi kết quả giải quyết hồ sơ đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ theo thời hạn quy định tại Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế;

++++ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng thủ tục theo quy định, cơ quan thuế gửi thông báo về việc không chấp nhận hồ sơ, gửi đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày ghi trên Thông báo tiếp nhận hồ sơ.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tiếp tại trụ sở Cơ quan thuế;

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính;

+ Hoặc bằng phương thức điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ *Thành phần hồ sơ gồm:*

++ Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 20-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

++ Bản sao Thẻ căn cước công dân hoặc bản sao Giấy chứng minh nhân dân còn hiệu lực đối với người phụ thuộc có quốc tịch Việt Nam từ đủ 14 tuổi trở lên; bản sao Giấy khai sinh hoặc Hộ chiếu còn hiệu lực đối với người phụ thuộc có quốc tịch Việt Nam dưới 14 tuổi; bản sao Hộ chiếu còn hiệu lực đối với người phụ thuộc là người có quốc tịch nước ngoài hoặc người có quốc tịch Việt Nam sinh sống tại nước ngoài.

+ *Số lượng hồ sơ:* 01 (bộ).

- Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nhận được hồ sơ đăng ký thuế đầy đủ theo quy định.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Thuế/Chi cục Thuế.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thông báo mã số thuế người phụ thuộc.

- Phí, lệ phí: Không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ khai đăng ký thuế dùng cho người phụ thuộc của cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công mẫu số 20-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử đồng thời đăng ký và đảm bảo đầy đủ các điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Quản lý thuế ngày 13/06/2019;

+ Luật, Pháp lệnh về thuế, phí, lệ phí, các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành;

+ Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/03/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế;

+ Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế.

- Mẫu đơn, mẫu tờ khai kèm theo

Mẫu số
20-ĐK-TCT.doc

Mẫu số: 20-ĐK-TCT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ THUẾ

(Dùng cho người phụ thuộc của cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công)

□ Đăng ký thuế □ Thay đổi thông tin đăng ký thuế

1. Họ và tên cá nhân có thu nhập: .....

2. Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

3. Địa chỉ cá nhân nhận thông báo mã số NPT:
.....

4. Nơi đăng ký giảm trừ người phụ thuộc (tổ chức, cá nhân trả thu nhập/cơ quan quản lý):
.....

5. Mã số thuế của tổ chức, cá nhân trả thu nhập (nếu có): | | | | | | | | | | | | | |

6. Thông tin về người phụ thuộc và thông tin đăng ký giảm trừ gia cảnh như sau:

1. Người phụ thuộc đăng ký thuế bằng CMND/CCCD/Hộ chiếu:

STT	Họ và tên người phụ thuộc	Ngày sinh	MS số thuế (nếu có)	Quốc tịch	Loại giấy tờ (CMND/CCCD/Hộ chiếu)	Số	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ nơi thường trú	Địa chỉ hiện tại	Quan hệ với người nộp thuế
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1											
2											
3											
...											

II. Người phụ thuộc đăng ký thuế bằng giấy khai sinh:

STT	Họ và tên	MST (nếu có)	Thông tin trên giấy khai sinh							Quốc tịch	Quan hệ với người nộp thuế
			Ngày sinh	Số	Ngày cấp	Nơi đăng ký					
						Quốc gia	Tỉnh/Thành phố	Quận/Huyện	Phường/Xã		
(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)
1											

2											
3											
...											
...											

(MST: Mã số thuế; CMND: Chứng minh nhân dân; CCCD: Căn cước công dân)

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

..., ngày ... tháng ... năm...
CÁ NHÂN CÓ THU NHẬP
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú: Cá nhân chỉ tích vào 1 trong 2 chỉ tiêu "Đăng ký thuế" hoặc "Thay đổi thông tin đăng ký thuế" tương ứng với hồ sơ của người phụ thuộc là hồ sơ đăng ký thuế lần đầu hoặc hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế.

18. Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thuế, Thông báo mã số thuế, Giấy chứng nhận đăng ký thuế dành cho cá nhân, Thông báo mã số thuế người phụ thuộc.

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1.

++ Người nộp thuế khi bị mất, rách, nát, cháy Giấy chứng nhận đăng ký thuế Giấy chứng nhận đăng ký thuế danh cho cá nhân, Thông báo mã số thuế, Thông báo mã số thuế người phụ thuộc, thì gửi hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thuế, Thông báo mã số thuế đến cơ quan thuế trực tiếp quản lý;

++ Cá nhân ủy quyền đăng ký thuế cho cơ quan chi trả thu nhập hoặc cá nhân đăng ký thuế thông qua hồ sơ khai thuế đã được cấp mã số thuế theo quy định tại Điểm a Khoản 9 Điều 7 Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính nếu muốn cấp Giấy chứng nhận đăng ký thuế dành cho cá nhân thì có văn bản đề nghị gửi đến cơ quan thuế đã cấp mã số thuế theo mẫu số 32/ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính;

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử: Người nộp thuế (NNT) truy cập vào Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) để khai tờ khai và gửi kèm các hồ sơ theo quy định dưới dạng điện tử (nếu có), ký điện tử và gửi đến cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn;

NNT nộp hồ sơ (hồ sơ đăng ký thuế đồng thời với hồ sơ đăng ký kinh doanh theo cơ chế 1 cửa liên thông) đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền gửi thông tin hồ

sơ đã tiếp nhận của NNT sang cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

+ Bước 2: Cơ quan thuế tiếp nhận:

++ Đối với hồ sơ đăng ký thuế bằng giấy:

+++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế: Công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận vào hồ sơ đăng ký thuế, ghi rõ ngày nhận hồ sơ, số lượng tài liệu theo bảng kê danh mục hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế nộp trực tiếp tại cơ quan thuế. Công chức thuế viết phiếu hẹn ngày trả kết quả, thời hạn xử lý hồ sơ đã tiếp nhận;

+++ Trường hợp hồ sơ đăng ký thuế gửi bằng đường bưu chính: Công chức thuế đóng dấu tiếp nhận, ghi ngày nhận hồ sơ vào hồ sơ và ghi số văn thư của cơ quan thuế;

Công chức thuế kiểm tra hồ sơ đăng ký thuế. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ cần phải giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu, cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế theo mẫu số 01/TB-BSTT-NNT tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử:

Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận hồ sơ qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan thuế:

+++ Tiếp nhận hồ sơ: Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông báo tiếp nhận việc NNT đã nộp hồ sơ cho NNT qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) chậm nhất 15 phút kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký thuế điện tử của người nộp thuế;

+++ Kiểm tra, giải quyết hồ sơ: Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về đăng ký thuế và trả kết quả giải quyết qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ:

++++ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng thủ tục theo quy định và phải trả kết quả: Cơ quan thuế gửi kết quả giải quyết hồ sơ đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ theo thời hạn quy định tại Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế;

++++ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng thủ tục theo quy định, cơ quan thuế gửi thông báo về việc không chấp nhận hồ sơ, gửi đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày ghi trên Thông báo tiếp nhận hồ sơ.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tiếp tại trụ sở Cơ quan thuế;

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính;

+ Hoặc bằng phương thức điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ, gồm:

++ Đối với người nộp thuế khi bị mất, rách, nát, cháy Giấy chứng nhận đăng ký thuế, thông báo mã số thuế, gồm: Văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng

nhận đăng ký thuế/ Thông báo mã số thuế theo mẫu số 13-MST ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

++ Đối với người nộp thuế khi cá nhân ủy quyền đăng ký thuế cho cơ quan chi trả thu nhập hoặc cá nhân đăng ký thuế thông qua hồ sơ khai thuế, gồm: Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký thuế dành cho cá nhân mẫu số 32/ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

+ *Số lượng hồ sơ:* 01 (bộ).

- Thời hạn giải quyết: 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị của người nộp thuế đầy đủ theo quy định.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Thuế/Chi cục Thuế.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký thuế /Thông báo mã số thuế/Giấy chứng nhận đăng ký thuế dành cho cá nhân/Thông báo mã số thuế người phụ thuộc.

- Phí, lệ phí: Không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thuế/ Thông báo mã số thuế theo mẫu số 13-MST ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

+ Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký thuế dành cho cá nhân mẫu số 32/ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử đồng thời đăng ký và đảm bảo đầy đủ các điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh

vực thuế theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Quản lý thuế ngày 13/06/2019;

+ Luật, Pháp lệnh về thuế, phí, lệ phí, các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành;

+ Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/03/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế;

+ Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế.

- Mẫu đơn, mẫu tờ khai kèm theo:

Mẫu số 13-MST.doc

Mẫu số 32-ĐK-TCT.doc

Mẫu số: 13-MST

(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI
<Giấy chứng nhận đăng ký thuế/Thông báo mã số thuế>

Kính gửi:.....

1. Tên người nộp thuế, cá nhân (Ghi theo thông tin đăng ký thuế):

.....

Mã số thuế: .....

Địa chỉ trụ sở chính (Ghi theo thông tin đăng ký thuế): .....

Địa chỉ kinh doanh (Nếu có):

2. Tên đại lý thuế (Nếu có): .....

Mã số thuế: .....

Hợp đồng đại lý thuế: Số ..... ngày .....

3. Lý do đề nghị cấp lại: .....

Người nộp thuế cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của văn bản này./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ	**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc** **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*
Họ và tên:	
Chứng chỉ hành nghề số:	

Ghi chú:

Người nộp thuế là tổ chức không phải đóng dấu khi đăng ký thuế và hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh, cá nhân khác không cần đóng dấu.

Mẫu số: 32/ĐK-TCT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)

TÊN NGƯỜI NỘP THUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .....
V/v Đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký thuế dành cho cá nhân

....., ngày .... tháng .... năm .....

Kính gửi: .....

1. Tên người nộp thuế *(ghi theo đăng ký thuế)*: .....

2. Mã số thuế: .....

3. Địa chỉ nơi thường trú *(ghi theo đăng ký thuế)*: .....

4. Địa chỉ hiện tại *(nếu có)*: .....

5. Thông tin đại lý thuế (nếu có):

a) Tên: .....

b) Mã số thuế: .....

c) Số hợp đồng đại lý thuế: ..... ngày ký hợp đồng:.....

6. Lý do đề nghị cấp giấy chứng nhận mã số thuế cá nhân:

.....

.....

Người nộp thuế cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của văn bản này./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên: .....
Chứng chỉ hành nghề số: .....

NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ, tên)

19. Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là cá nhân có phát sinh thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân (trừ cá nhân kinh doanh) và người phụ thuộc - Trường hợp cá nhân đăng ký thay đổi thông tin qua cơ quan chi trả thu nhập.

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Trường hợp cá nhân có ủy quyền cho tổ chức, cá nhân chi trả thu nhập thực hiện đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế cho cá nhân và người phụ thuộc thì phải gửi văn bản ủy quyền (đối với trường hợp chưa có văn bản ủy quyền cho cơ quan chi trả thu nhập trước đó) và bản sao các giấy tờ có thay đổi thông tin liên quan đến đăng ký thuế của cá nhân hoặc người phụ thuộc cho tổ chức, cá nhân chi trả thu nhập chậm nhất là 10 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh thông tin thay đổi; tổ chức, cá nhân chi trả thu nhập có trách nhiệm tổng hợp thông tin thay đổi của cá nhân, người phụ thuộc vào tờ khai đăng ký thuế và gửi cho cơ quan quản lý thuế chậm nhất là 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ủy quyền của cá nhân.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử: Người nộp thuế (NNT) truy cập vào Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) để khai tờ khai và gửi kèm các hồ sơ theo quy định dưới dạng điện tử (nếu có), ký điện tử và gửi đến cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn;

NNT nộp hồ sơ (hồ sơ đăng ký thuế đồng thời với hồ sơ đăng ký kinh doanh theo cơ chế 1 cửa liên thông) đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền gửi thông tin hồ sơ đã tiếp nhận của NNT sang cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

+ Bước 2: Cơ quan thuế tiếp nhận:

++ Đối với hồ sơ đăng ký thuế bằng giấy:

+++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế: Công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận vào hồ sơ đăng ký thuế, ghi rõ ngày nhận hồ sơ, số lượng tài liệu theo bảng kê danh mục hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế nộp trực tiếp tại cơ quan thuế. Công chức thuế viết phiếu hẹn ngày trả kết quả, thời hạn xử lý hồ sơ đã tiếp nhận;

+++ Trường hợp hồ sơ đăng ký thuế gửi bằng đường bưu chính: Công chức thuế đóng dấu tiếp nhận, ghi ngày nhận hồ sơ vào hồ sơ và ghi số văn thư của cơ quan thuế;

Công chức thuế kiểm tra hồ sơ đăng ký thuế. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ cần phải giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu, cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế theo mẫu số 01/TB-BSTT-NNT tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử:

Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận hồ sơ qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan thuế.

+++ Tiếp nhận hồ sơ: Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông báo tiếp nhận việc NNT đã nộp hồ sơ cho NNT qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) chậm nhất 15 phút kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký thuế điện tử của người nộp thuế;

+++ Kiểm tra, giải quyết hồ sơ: Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về đăng ký thuế và trả kết quả giải quyết qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ:

++++ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng thủ tục theo quy định và phải trả kết quả: Cơ quan thuế gửi kết quả giải quyết hồ sơ đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ theo thời hạn quy định tại Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế;

++++ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng thủ tục theo quy định, cơ quan thuế gửi thông báo về việc không chấp nhận hồ sơ, gửi đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày ghi trên Thông báo tiếp nhận hồ sơ.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tiếp tại trụ sở Cơ quan thuế;

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính;

+ Hoặc bằng phương thức điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ *Thành phần hồ sơ, gồm:*

++ Đối với cá nhân theo quy định tại Điểm k, n Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 105/2020/TT-BTC, gồm: Tờ khai đăng ký mẫu số 05-ĐK-TH-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

++ Đối với người phụ thuộc Điểm l Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 105/2020/TT-BTC, gồm: Tờ khai đăng ký mẫu số 20-ĐK-TH-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

+ *Số lượng hồ sơ:* 01 (bộ).

- Thời hạn giải quyết:

+ Trường hợp thay đổi thông tin không có trên Thông báo mã số thuế người phụ thuộc uỷ quyền đăng ký thuế cho cơ quan chi trả thu nhập hoặc Thông báo mã số thuế cá nhân: Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của người nộp thuế, cơ quan thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế có trách nhiệm cập nhật các thông tin thay đổi vào Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế.

+ Trường hợp thay đổi thông tin trên Thông báo mã số thuế người phụ thuộc uỷ quyền đăng ký thuế cho cơ quan chi trả thu nhập hoặc Thông báo mã số thuế cá nhân: Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của người nộp thuế, cơ quan thuế quản lý trực tiếp có trách nhiệm cập nhật các thông tin thay đổi vào Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế; đồng thời, ban hành Thông báo mã số thuế người phụ thuộc uỷ quyền đăng ký thuế cho cơ quan chi trả thu nhập hoặc Thông báo mã số thuế cá nhân đã cập nhật thông tin thay đổi.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan chi trả thu nhập.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Thuế/Chi cục Thuế.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

+ Đối với người phụ thuộc: Thông báo mã số thuế người phụ thuộc uỷ quyền đăng ký thuế cho cơ quan chi trả thu nhập mẫu số 22-MST;

+ Đối với cá nhân: Thông báo mã số thuế cá nhân mẫu số 14-MST đã cập nhật thông tin thay đổi.

- Phí, lệ phí: Không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai :

+ Tờ khai đăng ký thuế tổng hợp của cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công mẫu số 05-ĐK-TH-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính;

+ Tờ khai đăng ký thuế tổng hợp người phụ thuộc của cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công mẫu số 20-ĐK-TH-TCT ban hành kèm theo ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử đồng thời đăng ký và đảm bảo đầy đủ các điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Quản lý thuế ngày 13/06/2019;

+ Luật, Pháp lệnh về thuế, phí, lệ phí, các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành;

+ Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/03/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế;

+ Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế.

- Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:

Mẫu số 05-ĐK-TH-TCT.doc	Mẫu số 20-ĐK-TH-TCT.doc

Mẫu số: 05-ĐK-TH-TCT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ THUẾ TỔNG HỢP CỦA CÁ NHÂN CÓ THU NHẬP TỪ TIỀN LƯƠNG, TIỀN CÔNG

(Dùng cho cơ quan chi trả thu nhập đăng ký cho cá nhân có ủy quyền)

□ Đăng ký thuế □ Thay đổi thông tin đăng ký thuế

1. Tên cơ quan chi trả thu nhập:

2. Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | | |

3. Cơ quan thuế quản lý:

4. Thông tin đăng ký thuế/thông tin thay đổi của cá nhân có ủy quyền như sau:

STT	Họ và tên người nộp thuế	Mã số thuế (ghi trong trường hợp thay đổi thông tin	Ngày sinh	Giới tính	Quốc tịch	Giấy tờ chứng thực cá nhân				Địa chỉ nơi thường trú					Địa chỉ hiện tại				Điện thoại liên hệ	Email
						Loại giấy tờ tùy thân của cá nhân (CMND/CCCD /Hộ chiếu)	Số giấy tờ	Ngày cấp	Nơi cấp	Số nhà/đường phố	Xã, phường	Quận, huyện	Tỉnh, thành phố	Quốc gia	Số nhà/ đường phố	Xã, phường	Quận, huyện	Tỉnh, thành phố		
1																				
2																				
3																				
...																				

Tôi xin cam đoan những nội dung trong bản kê khai này là đúng theo thông tin đăng ký thuế/thông tin thay đổi của cá nhân đã ủy quyền và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã kê khai./.

...., ngày.../.../.....

CƠ QUAN CHI TRẢ THU NHẬP hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CƠ QUAN CHI TRẢ THU NHẬP
Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

Ghi chú: Cơ quan chi trả thu nhập chỉ tích vào 1 trong 2 chỉ tiêu "Đăng ký thuế" hoặc "Thay đổi thông tin đăng ký thuế" tương ứng với hồ sơ ủy quyền của cá nhân là hồ sơ đăng ký thuế lần đầu hoặc hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế.

Mẫu số: 20-ĐK-TH-TCT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ THUẾ TỔNG HỢP NGƯỜI PHỤ THUỘC CỦA CÁ NHÂN CÓ THU NHẬP TỪ TIỀN LƯƠNG, TIỀN CÔNG

(Dùng cho cơ quan chi trả thu nhập đăng ký cho người phụ thuộc có ủy quyền)

□ Đăng ký thuế □ Thay đổi thông tin đăng ký thuế

1. Tên cơ quan chi trả thu nhập: .....

2. Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

3. Thông tin về người phụ thuộc và thông tin đăng ký giảm trừ gia cảnh như sau:

STT	Họ và tên người phụ thuộc	MST (ghi trong trường hợp thay đổi thông tin)	Ngày sinh	Quốc tịch	Loại giấy tờ (CMND/CCCD/Hộ chiếu)	Số	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ nơi thường trú				Địa chỉ hiện tại				Quan hệ với cá nhân có thu nhập được giảm trừ gia cảnh	Tên cá nhân có thu nhập	Mã số thuế của cá nhân có thu nhập
									Số nhà/đường phố	Xã, phường	Quận, huyện	Tỉnh, thành phố	Số nhà/đường phố	Xã, phường	Quận, huyện	Tỉnh, thành phố			
(1)	(2)	(3)	(4	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
1																			
2																			
3																			
...																			

II. Người phụ thuộc đăng ký thuế bằng giấy khai sinh:

STT	Họ và tên	MST (ghi trong trường hợp thay đổi thông tin)	Thông tin trên giấy khai sinh							Quốc tịch	Quan hệ với cá nhân có thu nhập được giảm trừ gia cảnh	Tên cá nhân có thu nhập	MST của cá nhân có thu nhập
			Ngày sinh	Số	Ngày cấp	Nơi đăng ký							
						Quốc gia	Tỉnh/ thành phố	Quận/ Huyện	Phường/Xã				
(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	(31)	(32)	(33)	(34)
1													
2													
3													

...													

(MST: Mã số thuế; CMND: Chứng minh nhân dân; CCCD: Căn cước công dân)

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

...., ngày ... tháng ... năm...
NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

Ghi chú: Cơ quan chi trả thu nhập chỉ tích vào 1 trong 2 chỉ tiêu "Đăng ký thuế" hoặc "Thay đổi thông tin đăng ký thuế" tương ứng với hồ sơ của người phụ thuộc được cá nhân ủy quyền là hồ sơ đăng ký thuế lần đầu hoặc hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế.

20. Đăng ký thuế trong trường hợp tạm ngừng hoạt động, kinh doanh; tiếp tục hoạt động, kinh doanh trước thời hạn

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Tổ chức, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không thuộc diện đăng ký kinh doanh thực hiện gửi Thông báo mẫu số 23/ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp chậm nhất là 01 ngày làm việc trước khi tạm ngừng hoạt động, kinh doanh hoặc tiếp tục hoạt động, kinh doanh trước thời hạn đã thông báo.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử: Người nộp thuế (NNT) truy cập vào Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) để khai tờ khai và gửi kèm các hồ sơ theo quy định dưới dạng điện tử (nếu có), ký điện tử và gửi đến cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn;

NNT nộp hồ sơ (hồ sơ đăng ký thuế đồng thời với hồ sơ đăng ký kinh doanh theo cơ chế 1 cửa liên thông) đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền gửi thông tin hồ sơ đã tiếp nhận của NNT sang cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

+ Bước 2: Cơ quan thuế tiếp nhận:

++ Đối với hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế bằng giấy:

+++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế: Công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận vào hồ sơ đăng ký thuế, ghi rõ ngày nhận hồ sơ, số lượng tài liệu theo bảng kê danh mục hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế nộp trực tiếp tại cơ quan thuế. Công chức thuế viết phiếu hẹn ngày trả kết

quả đối với hồ sơ thuộc diện cơ quan thuế phải trả kết quả cho người nộp thuế, thời hạn xử lý hồ sơ đối với từng loại hồ sơ đã tiếp nhận;

+++ Trường hợp hồ sơ đăng ký thuế gửi bằng đường bưu chính: Công chức thuế đóng dấu tiếp nhận, ghi ngày nhận hồ sơ vào hồ sơ và ghi số văn thư của cơ quan thuế.

Công chức thuế kiểm tra hồ sơ đăng ký thuế. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ cần phải giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu, cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế theo mẫu số 01/TB-BSTT-NNT tại Phụ lực II ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử:

Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận hồ sơ qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan thuế:

+++ Tiếp nhận hồ sơ: Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông báo tiếp nhận việc NNT đã nộp hồ sơ cho NNT qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) chậm nhất 15 phút kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký thuế điện tử của người nộp thuế;

+++ Kiểm tra, giải quyết hồ sơ: Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về đăng ký thuế và trả kết quả giải quyết qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ:

++++ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng thủ tục theo quy định và phải trả kết quả: Cơ quan thuế gửi kết quả giải quyết hồ sơ đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ theo thời hạn quy định tại Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế;

++++ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng thủ tục theo quy định, cơ quan thuế gửi thông báo về việc không chấp nhận hồ sơ, gửi đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày ghi trên Thông báo tiếp nhận hồ sơ.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tiếp tại trụ sở Cơ quan thuế;

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính;

+ Hoặc bằng phương thức điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ *Thành phần hồ sơ, gồm:*

Thông báo đăng ký tạm ngừng hoạt động, kinh doanh hoặc tiếp tục hoạt động sau tạm ngừng hoạt động, kinh doanh trước thời hạn mẫu số 23/ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

+ *Số lượng hồ sơ:* 01 (bộ).

- Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của người nộp thuế theo quy định.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không thuộc diện đăng ký kinh doanh.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Thuế/Chi cục Thuế.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thông báo chấp thuận/hoặc không chấp thuận tạm ngừng hoạt động, kinh doanh mẫu số 27/TB-ĐKT, Thông báo về việc tạm ngừng hoạt động, kinh doanh theo đơn vị chủ quản mẫu số 33/TB-ĐKT (nếu có), Thông báo về việc tiếp tục hoạt động, kinh doanh trước thời hạn theo đơn vị chủ quản mẫu số 34/TB-ĐKT (nếu có) ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

- Phí, lệ phí: Không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Thông báo đăng ký tạm ngừng hoạt động, kinh doanh/tiếp tục hoạt động sau tạm ngừng hoạt động, kinh doanh trước thời hạn mẫu số 23/ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử đồng thời đăng ký và đảm bảo đầy đủ các điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Quản lý thuế ngày 13/06/2019;

+ Luật, Pháp lệnh về thuế, phí, lệ phí, các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành;

+ Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế;

+ Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/03/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế;

+ Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế.

- Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:

Mẫu số
23-ĐK-TCT.doc

Mẫu số: 23/ĐK-TCT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)

TÊN NGƯỜI NỘP THUẾ -------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
Số:	*...., ngày ... tháng ... năm ....*

THÔNG BÁO

Đăng ký <tạm ngừng hoạt động, kinh doanh hoặc tiếp tục hoạt động sau tạm ngừng hoạt động, kinh doanh trước thời hạn>

1. Tên người nộp thuế *(ghi theo tên NNT đã đăng ký thuế hoặc đăng ký doanh nghiệp)*: .....
.....

2. Mã số thuế: .....

3. Địa chỉ trụ sở *(ghi theo địa chỉ trụ sở của tổ chức đã đăng ký thuế hoặc của doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã)*: .....

4. Địa chỉ kinh doanh *(ghi địa chỉ kinh doanh của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đã đăng ký thuế)*:
.....

5. *<Trường hợp tạm ngừng hoạt động, kinh doanh>*:

a) Thời gian tạm ngừng: .....

b) Thời điểm bắt đầu tạm ngừng: Ngày .../.../...

c) Thời điểm kết thúc tạm ngừng: Ngày .../.../...

d) Lý do tạm ngừng hoạt động, kinh doanh: .....

< Trường hợp tiếp tục hoạt động sau tạm ngừng hoạt động, kinh doanh trước thời hạn>:

a) Thời điểm tiếp tục hoạt động sau tạm ngừng hoạt động, kinh doanh trước thời hạn: Ngày .../.../...

b) Lý do tiếp tục hoạt động sau tạm ngừng hoạt động, kinh doanh trước thời hạn: .....
.....

Người nộp thuế cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của thông báo này./.

Nơi nhận: *- CQT quản lý;* *- Lưu: VT*	**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT** *(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)*

Ghi chú:

Người nộp thuế là tổ chức không phải đóng dấu khi đăng ký thuế và hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không phải đóng dấu vào văn bản này.

21. Chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với tổ chức kinh tế, tổ chức khác - Trừ đơn vị phụ thuộc.

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Tổ chức kinh tế, tổ chức khác (trừ đơn vị phụ thuộc) nộp hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày có văn bản chấm dứt hoạt động hoặc chấm dứt hoạt động kinh doanh hoặc ngày kết thúc hợp đồng.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử: Người nộp thuế (NNT) truy cập vào Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) để khai tờ khai và gửi kèm các hồ sơ theo quy định dưới dạng điện tử (nếu có), ký điện tử và gửi đến cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn.

NNT nộp hồ sơ (hồ sơ đăng ký thuế đồng thời với hồ sơ đăng ký kinh doanh theo cơ chế 1 cửa liên thông) đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền gửi thông tin hồ sơ đã tiếp nhận của NNT sang cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

+ Bước 2: Cơ quan thuế tiếp nhận:

++ Đối với hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế bằng giấy:

+++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế: Công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận vào hồ sơ đăng ký thuế, ghi rõ ngày nhận hồ sơ, số lượng tài liệu theo bảng kê danh mục hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế nộp trực tiếp tại cơ quan thuế. Công chức thuế viết phiếu hẹn ngày trả kết quả, thời hạn xử lý hồ sơ đã tiếp nhận.

+++ Trường hợp hồ sơ đăng ký thuế gửi bằng đường bưu chính: Công chức thuế đóng dấu tiếp nhận, ghi ngày nhận hồ sơ vào hồ sơ và ghi số văn thư của cơ quan thuế.

Công chức thuế kiểm tra hồ sơ đăng ký thuế. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ cần phải giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu, cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế theo mẫu số 01/TB-BSTT-NNT tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử:

Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận hồ sơ qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan thuế.

+++ Tiếp nhận hồ sơ: Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông báo tiếp nhận việc NNT đã nộp hồ sơ cho NNT qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) chậm nhất 15 phút kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký thuế điện tử của người nộp thuế.

+++ Kiểm tra, giải quyết hồ sơ: Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về đăng ký thuế và trả kết quả giải quyết qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ.

++++ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng thủ tục theo quy định và phải trả kết quả: Cơ quan thuế gửi kết quả giải quyết hồ sơ đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ theo thời hạn quy định tại Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

++++ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng thủ tục theo quy định, cơ quan thuế gửi thông báo về việc không chấp nhận hồ sơ, gửi đến Cổng thông tin

điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày ghi trên Thông báo tiếp nhận hồ sơ.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tiếp tại trụ sở Cơ quan thuế;

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính;

+ Hoặc bằng phương thức điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/03/2021 của Bộ Tài chính.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ *Thành phần hồ sơ, gồm:*

++ Văn bản đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế mẫu số 24/ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính;

++ Bản sao quyết định giải thể, bản sao quyết định chia, bản sao hợp đồng hợp nhất, bản sao hợp đồng sáp nhập, bản sao quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ quan có thẩm quyền, bản sao thông báo chấm dứt hoạt động, bản sao quyết định chuyển đổi.

+ *Số lượng hồ sơ:* 01 (bộ).

- Thời hạn giải quyết:

+ Cơ quan thuế quản lý trực tiếp thực hiện:

++ Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nhận đủ hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế của người nộp thuế, cơ quan thuế phải thực hiện Thông báo người nộp thuế ngừng hoạt động và đang làm thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo mẫu số 17/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số

105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính gửi cho người nộp thuế. Đồng thời chuyển trạng thái của người nộp thuế và các đơn vị phụ thuộc của người nộp thuế về trạng thái "NNT ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế" trên hệ thống ứng dụng đăng ký thuế.

++ Ban hành Thông báo gửi cho đơn vị chủ quản, đơn vị phụ thuộc theo mẫu số 35/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính trong trường hợp cơ quan thuế nhận được hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế của đơn vị chủ quản nhưng các đơn vị phụ thuộc chưa thực hiện thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế.

++ Trường hợp đơn vị phụ thuộc chấm dứt hiệu lực mã số thuế nhưng không có khả năng hoàn thành nghĩa vụ còn phải nộp hoặc còn nợ sau khi đã thực hiện bù trừ hoặc hoàn trả kiêm bù trừ theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành thì đơn vị chủ quản đã có văn bản cam kết chịu trách nhiệm kế thừa toàn bộ khoản nghĩa vụ thuế của đơn vị phụ thuộc thì cơ quan thuế quản lý trực tiếp đơn vị phụ thuộc thực hiện chuyển nghĩa vụ của đơn vị phụ thuộc cho đơn vị chủ quản và ban hành Thông báo về việc chuyển nghĩa vụ thuế của người nộp thuế mẫu số 39/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính gửi cho người nộp thuế là đơn vị chủ quản, đơn vị phụ thuộc.

++ Trường hợp đơn vị bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất chấm dứt hiệu lực mã số thuế nhưng không có khả năng hoàn thành nghĩa vụ còn phải nộp hoặc còn nợ sau khi đã thực hiện bù trừ hoặc hoàn trả kiêm bù trừ theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành thì cơ quan thuế quản lý trực tiếp đơn vị bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất thực hiện chuyển nghĩa vụ cho đơn vị mới và ban hành Thông báo về việc chuyển nghĩa vụ thuế của người nộp thuế mẫu số 39/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính gửi người nộp thuế là đơn vị bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất và đơn vị mới.

++ Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày người nộp thuế đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế với cơ quan thuế và cơ quan hải quan hoặc cơ

quan thuế hoàn thành việc chuyển toàn bộ nghĩa vụ nợ thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước của đơn vị phụ thuộc sang đơn vị chủ quản, của đơn vị bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất sang đơn vị mới theo quy định, cơ quan thuế ban hành Thông báo chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo mẫu số 18/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính gửi cho người nộp thuế.

+ Cơ quan thuế quản lý khoản thu thực hiện:

++ Cập nhật thông tin người nộp thuế đã hoàn thành nghĩa vụ thuế đối với khoản thu thuộc cơ quan thuế quản lý vào Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế ngay trong ngày làm việc hoặc chậm nhất vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo ngày người nộp thuế hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế tại cơ quan thuế quản lý khoản thu.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức kinh tế, tổ chức khác (trừ đơn vị phụ thuộc).

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Thuế/Chi cục Thuế.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thông báo người nộp thuế ngừng hoạt động và đang làm thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo mẫu số 17/TB-ĐKT và Thông báo chấm dứt hiệu lực mã số thuế mẫu số 18/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính; Thông báo gửi cho đơn vị chủ quản, đơn vị phụ thuộc theo mẫu số 35/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính; Thông báo về việc chuyển nghĩa vụ thuế của người nộp thuế mẫu số 39/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

- Phí, lệ phí: Không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Văn bản đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế mẫu số 24/ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử đồng thời đăng ký và đảm bảo đầy đủ các điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Quản lý thuế ngày 13/06/2019;

+ Luật, Pháp lệnh về thuế, phí, lệ phí, các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành;

+ Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/03/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế;

+ Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế.

- Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:

Mẫu số
24-ĐK-TCT.doc

Mẫu số: 24/ĐK-TCT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)

TÊN NGƯỜI NỘP THUẾ -------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
Số:	*..., ngày ... tháng ... năm ....*

THÔNG BÁO

Đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế

1. Tên người nộp thuế *(ghi theo tên NNT đã đăng ký thuế hoặc đăng ký doanh nghiệp)*: .....
.....

2. Mã số thuế: .....

3. Địa chỉ trụ sở *(ghi theo địa chỉ trụ sở của tổ chức đã đăng ký thuế hoặc của doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã)*: .....

4. Địa chỉ kinh doanh *(ghi địa chỉ kinh doanh của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đã đăng ký thuế)*:
.....

5. Lý do chấm dứt hiệu lực mã số thuế: .....

.....

.....

6. Hồ sơ đính kèm:

.....

.....

Người nộp thuế cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của văn bản này./.

Nơi nhận: *- CQT quản lý;* *- Lưu: VT*	**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

Ghi chú:

Người nộp thuế là tổ chức không phải đóng dấu khi đăng ký thuế và hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không phải đóng dấu vào văn bản này.

22. Chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với tổ chức kinh tế, tổ chức khác – Đối với đơn vị phụ thuộc.

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Đơn vị phụ thuộc của tổ chức kinh tế, tổ chức khác nộp hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày có văn bản chấm dứt hoạt động.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử: Người nộp thuế (NNT) truy cập vào Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) để khai tờ khai và gửi kèm các hồ sơ theo quy định dưới dạng điện tử (nếu có), ký điện tử và gửi đến cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn.

NNT nộp hồ sơ (hồ sơ đăng ký thuế đồng thời với hồ sơ đăng ký kinh doanh theo cơ chế 1 cửa liên thông) đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền gửi thông tin hồ sơ đã tiếp nhận của NNT sang cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

+ Bước 2: Cơ quan thuế tiếp nhận:

++ Đối với hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế bằng giấy:

+++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế: Công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận vào hồ sơ đăng ký thuế, ghi rõ ngày nhận hồ sơ, số lượng tài liệu theo bảng kê danh mục hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế nộp trực tiếp tại cơ quan thuế. Công chức thuế viết phiếu hẹn ngày trả kết quả, thời hạn xử lý hồ sơ đã tiếp nhận.

+++ Trường hợp hồ sơ đăng ký thuế gửi bằng đường bưu chính: Công chức thuế đóng dấu tiếp nhận, ghi ngày nhận hồ sơ vào hồ sơ và ghi số văn thư của cơ quan thuế.

Công chức thuế kiểm tra hồ sơ đăng ký thuế. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ cần phải giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu, cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế theo mẫu số 01/TB-BSTT-NNT tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử:

Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận hồ sơ qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan thuế.

+++ Tiếp nhận hồ sơ: Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông báo tiếp nhận việc NNT đã nộp hồ sơ cho NNT qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) chậm nhất 15 phút kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký thuế điện tử của người nộp thuế.

+++ Kiểm tra, giải quyết hồ sơ: Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về đăng ký thuế và trả kết quả giải quyết qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ.

++++ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng thủ tục theo quy định và phải trả kết quả: Cơ quan thuế gửi kết quả giải quyết hồ sơ đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ theo thời hạn quy định tại Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính

++++ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng thủ tục theo quy định, cơ quan thuế gửi thông báo về việc không chấp nhận hồ sơ, gửi đến Cổng thông tin

điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày ghi trên Thông báo tiếp nhận hồ sơ.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tiếp tại trụ sở Cơ quan thuế;

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính;

+ Hoặc bằng phương thức điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ *Thành phần hồ sơ, gồm:*

++ Văn bản đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế mẫu số 24/ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính;

++ Bản sao quyết định hoặc thông báo chấm dứt hoạt động đơn vị phụ thuộc, bản sao quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đối với đơn vị phụ thuộc của cơ quan có thẩm quyền.

++ Trường hợp đơn vị chủ quản có các đơn vị phụ thuộc đã được cấp mã số thuế 13 chữ số thì đơn vị chủ quản phải có văn bản thông báo chấm dứt hoạt động gửi cho các đơn vị phụ thuộc để yêu cầu đơn vị phụ thuộc thực hiện thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế với cơ quan thuế quản lý đơn vị phụ thuộc trước khi chấm dứt hiệu lực mã số thuế của đơn vị chủ quản.

++ Trường hợp đơn vị phụ thuộc chấm dứt hiệu lực mã số thuế nhưng không có khả năng hoàn thành nghĩa vụ thuế với ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành thì đơn vị chủ

quản có văn bản cam kết chịu trách nhiệm kế thừa toàn bộ khoản nghĩa vụ thuế của đơn vị phụ thuộc gửi cơ quan thuế quản lý đơn vị phụ thuộc và tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thuế của đơn vị phụ thuộc với cơ quan thuế quản lý các nghĩa vụ thuế của đơn vị phụ thuộc sau khi mã số thuế của đơn vị phụ thuộc đã chấm dứt hiệu lực.

+ *Số lượng hồ sơ:* 01 (bộ).

- Thời hạn giải quyết:

+ Cơ quan thuế quản lý trực tiếp thực hiện:

++ Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nhận đủ hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế của người nộp thuế, cơ quan thuế phải thực hiện Thông báo người nộp thuế ngừng hoạt động và đang làm thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo mẫu số 17/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính gửi cho người nộp thuế. Đồng thời chuyển trạng thái của người nộp thuế và các đơn vị phụ thuộc của người nộp thuế về trạng thái "NNT ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế" trên hệ thống ứng dụng đăng ký thuế.

++ Ban hành Thông báo gửi cho đơn vị chủ quản, đơn vị phụ thuộc theo mẫu số 35/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính trong trường hợp cơ quan thuế nhận được hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế của đơn vị chủ quản nhưng các đơn vị phụ thuộc chưa thực hiện thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế.

++ Trường hợp đơn vị phụ thuộc chấm dứt hiệu lực mã số thuế nhưng không có khả năng hoàn thành nghĩa vụ còn phải nộp hoặc còn nợ sau khi đã thực hiện bù trừ hoặc hoàn trả kiêm bù trừ theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành thì đơn vị chủ quản đã có văn bản cam kết chịu trách nhiệm kế thừa toàn bộ khoản nghĩa vụ thuế của đơn vị phụ thuộc thì cơ quan thuế quản lý trực tiếp đơn vị phụ thuộc thực hiện chuyển nghĩa vụ của đơn vị phụ thuộc cho đơn vị chủ quản và ban hành Thông báo về việc chuyển nghĩa vụ thuế của người nộp thuế mẫu số 39/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông

tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính gửi cho người nộp thuế là đơn vị chủ quản, đơn vị phụ thuộc.

++ Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày người nộp thuế đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế với cơ quan thuế và cơ quan hải quan hoặc cơ quan thuế hoàn thành việc chuyển toàn bộ nghĩa vụ nợ thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước của đơn vị phụ thuộc sang đơn vị chủ quản theo quy định, cơ quan thuế ban hành Thông báo chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo mẫu số 18/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính gửi cho người nộp thuế.

+ Cơ quan thuế quản lý khoản thu thực hiện:

++ Cập nhật thông tin người nộp thuế đã hoàn thành nghĩa vụ thuế đối với khoản thu thuộc cơ quan thuế quản lý vào Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế ngay trong ngày làm việc hoặc chậm nhất vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo ngày người nộp thuế hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế tại cơ quan thuế quản lý khoản thu.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Đơn vị phụ thuộc của tổ chức kinh tế, tổ chức khác.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Thuế/Chi cục Thuế.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thông báo người nộp thuế ngừng hoạt động và đang làm thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo mẫu số 17/TB-ĐKT và Thông báo chấm dứt hiệu lực mã số thuế mẫu số 18/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính; Thông báo gửi cho đơn vị chủ quản, đơn vị phụ thuộc theo mẫu số 35/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính; Thông báo về việc chuyển nghĩa vụ thuế của người nộp thuế mẫu số 39/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

- Phí, lệ phí: Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Văn bản đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế mẫu số 24/ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính**: Trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử đồng thời đăng ký và đảm bảo đầy đủ các điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Quản lý thuế ngày 13/06/2019;

+ Luật, Pháp lệnh về thuế, phí, lệ phí, các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành;

+ Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/03/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế;

+ Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế.

- **Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:**

Mẫu số
24-ĐK-TCT.doc

Mẫu số: 24/ĐK-TCT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)

TÊN NGƯỜI NỘP THUẾ -------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
Số:	*..., ngày ... tháng ... năm ....*

THÔNG BÁO

Đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế

1. Tên người nộp thuế *(ghi theo tên NNT đã đăng ký thuế hoặc đăng ký doanh nghiệp)*: .....
.....

2. Mã số thuế: .....

3. Địa chỉ trụ sở *(ghi theo địa chỉ trụ sở của tổ chức đã đăng ký thuế hoặc của doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã)*: .....

4. Địa chỉ kinh doanh *(ghi địa chỉ kinh doanh của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đã đăng ký thuế)*:
.....

5. Lý do chấm dứt hiệu lực mã số thuế: .....

.....

.....

6. Hồ sơ đính kèm:

.....

.....

Người nộp thuế cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của văn bản này./.

Nơi nhận: *- CQT quản lý;* *- Lưu: VT*	**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

Ghi chú:

Người nộp thuế là tổ chức không phải đóng dấu khi đăng ký thuế và hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không phải đóng dấu vào văn bản này.

23. Chấm dứt hiệu lực mã số thuế của doanh nghiệp, hợp tác xã bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất; Chấm dứt hoạt động đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp và hợp tác xã.

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp và hợp tác xã trước khi nộp hồ sơ để chấm dứt hoạt động doanh nghiệp, hợp tác xã do bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất hoặc chấm dứt hoạt động đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp tại cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan đăng ký hợp tác xã phải nộp hồ sơ đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp để thực hiện các thủ tục về thuế, hoàn thành nghĩa vụ thuế theo thời hạn quy định tại Luật Doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp) và các pháp luật khác có liên quan. Trường hợp Luật Doanh nghiệp và pháp luật khác có liên quan không quy định thời hạn người nộp thuế phải nộp hồ sơ đến cơ quan thuế thì người nộp thuế nộp hồ sơ đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày có quyết định chia, hợp đồng sáp nhập, hợp đồng hợp nhất, quyết định hoặc thông báo của doanh nghiệp, hợp tác xã về chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, hoặc quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử: Người nộp thuế (NNT) truy cập vào Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) để khai tờ khai và gửi kèm các hồ sơ theo quy định dưới dạng điện tử (nếu có), ký điện tử và gửi đến cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn.

NNT nộp hồ sơ (hồ sơ đăng ký thuế đồng thời với hồ sơ đăng ký kinh doanh theo cơ chế 1 cửa liên thông) đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền gửi thông tin hồ

sơ đã tiếp nhận của NNT sang cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

+ Bước 2: Cơ quan thuế tiếp nhận:

++ Đối với hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế bằng giấy:

+++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế: Công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận vào hồ sơ đăng ký thuế, ghi rõ ngày nhận hồ sơ, số lượng tài liệu theo bảng kê danh mục hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế nộp trực tiếp tại cơ quan thuế. Công chức thuế viết phiếu hẹn ngày trả kết quả, thời hạn xử lý hồ sơ đã tiếp nhận.

+++ Trường hợp hồ sơ đăng ký thuế gửi bằng đường bưu chính: Công chức thuế đóng dấu tiếp nhận, ghi ngày nhận hồ sơ vào hồ sơ và ghi số văn thư của cơ quan thuế.

Công chức thuế kiểm tra hồ sơ đăng ký thuế. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ cần phải giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu, cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế theo mẫu số 01/TB-BSTT-NNT tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử:

Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận hồ sơ qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan thuế.

+++ Giao dịch điện tử trong đăng ký trực tiếp với cơ quan thuế:

++++ Tiếp nhận hồ sơ: Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông báo tiếp nhận việc NNT đã nộp hồ sơ cho NNT qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) chậm nhất 15 phút kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký thuế điện tử của người nộp thuế.

++++ Kiểm tra, giải quyết hồ sơ: Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về đăng ký thuế và trả kết quả giải quyết qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ.

+++++ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng thủ tục theo quy định và phải trả kết quả: Cơ quan thuế gửi kết quả giải quyết hồ sơ đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ theo thời hạn quy định tại Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

+++++ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng thủ tục theo quy định, cơ quan thuế gửi thông báo về việc không chấp nhận hồ sơ, gửi đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày ghi trên Thông báo tiếp nhận hồ sơ.

+++ Trường hợp đăng ký đồng thời với đăng ký kinh doanh theo cơ chế một cửa liên thông:

++++ Tiếp nhận hồ sơ: Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế thực hiện tiếp nhận hồ sơ từ cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan đăng ký hợp tác xã truyền sang.

++++ Kiểm tra, giải quyết hồ sơ: Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã và trả kết quả giải quyết qua Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã.

Cơ quan thuế gửi kết quả giải quyết hồ sơ qua Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã; hoặc đến địa chỉ thư điện tử của người nộp thuế trong trường hợp người nộp thuế có tài khoản giao dịch điện tử trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế theo thời hạn quy định của pháp luật về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tiếp tại trụ sở Cơ quan thuế;

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính;

+ Hoặc bằng phương thức điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ *Thành phần hồ sơ, gồm:*

++ Đối với doanh nghiệp và hợp tác xã bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất, gồm:

+++ Văn bản đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế mẫu số 24/ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

+++ Bản sao quyết định chia, bản sao hợp đồng hợp nhất, bản sao hợp đồng sáp nhập.

++ Đối với đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp và hợp tác xã, gồm:

+++ Văn bản đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế mẫu số 24/ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

+++ Bản sao quyết định hoặc thông báo của doanh nghiệp, hợp tác xã về chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện; bản sao quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

+ *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ

- Thời hạn giải quyết:

+ Cơ quan thuế quản lý trực tiếp thực hiện:

++ Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nhận đủ hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế của người nộp thuế, cơ quan thuế phải thực hiện Thông báo người nộp thuế ngừng hoạt động và đang làm thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo mẫu số 17/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính gửi cho người nộp thuế. Đồng thời chuyển trạng thái của người nộp thuế và các đơn vị phụ thuộc của người nộp thuế về trạng thái "NNT ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế" trên hệ thống ứng dụng đăng ký thuế.

++ Ban hành Thông báo gửi cho đơn vị chủ quản, đơn vị phụ thuộc theo mẫu số 35/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính trong trường hợp cơ quan thuế nhận được hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế của đơn vị chủ quản nhưng các đơn vị phụ thuộc chưa thực hiện thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế.

++ Trường hợp đơn vị phụ thuộc chấm dứt hiệu lực mã số thuế nhưng không có khả năng hoàn thành nghĩa vụ còn phải nộp hoặc còn nợ sau khi đã thực hiện bù trừ hoặc hoàn trả kiêm bù trừ theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành thì đơn vị chủ quản đã có văn bản cam kết chịu trách nhiệm kế thừa toàn bộ khoản nghĩa vụ thuế của đơn vị phụ thuộc thì cơ quan thuế quản lý trực tiếp đơn vị phụ thuộc thực hiện chuyển nghĩa vụ của đơn vị phụ thuộc cho đơn vị chủ quản và ban hành Thông báo về việc chuyển nghĩa vụ thuế của người nộp thuế mẫu số 39/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính gửi cho người nộp thuế là đơn vị chủ quản, đơn vị phụ thuộc.

++ Trường hợp đơn vị bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất chấm dứt hiệu lực mã số thuế nhưng không có khả năng hoàn thành nghĩa vụ còn phải nộp hoặc còn nợ sau khi đã thực hiện bù trừ hoặc hoàn trả kiêm bù trừ theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành thi cơ quan thuế quản lý trực tiếp đơn vị bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất thực hiện chuyển nghĩa vụ cho đơn vị mới và ban hành Thông báo về việc chuyển nghĩa vụ thuế của người nộp

thuế mẫu số 39/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư này gửi người nộp thuế là đơn vị bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất và đơn vị mới.

++ Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày người nộp thuế đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế với cơ quan thuế và cơ quan hải quan hoặc cơ quan thuế hoàn thành việc chuyển toàn bộ nghĩa vụ nợ thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước của đơn vị phụ thuộc sang đơn vị chủ quản theo quy định, cơ quan thuế ban hành Thông báo về việc người nộp thuế hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế để nộp hồ sơ <giải thể/chấm dứt hoạt động> đến cơ quan <đăng ký kinh doanh/đăng ký hợp tác xã> mẫu số 28/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính gửi cho người nộp thuế.

+ Cơ quan thuế quản lý khoản thu thực hiện:

++ Cập nhật thông tin người nộp thuế đã hoàn thành nghĩa vụ thuế đối với khoản thu thuộc cơ quan thuế quản lý vào Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế ngay trong ngày làm việc hoặc chậm nhất vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo ngày người nộp thuế hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế tại cơ quan thuế quản lý khoản thu.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp, hợp tác xã

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Thuế/Chi cục Thuế.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan thuế ban hành Thông báo người nộp thuế ngừng hoạt động và đang làm thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo mẫu số 17/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính; Thông báo về việc người nộp thuế hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế để nộp hồ sơ <giải thể/chấm dứt hoạt động> đến cơ quan <đăng ký kinh doanh/đăng ký hợp tác xã> theo mẫu số 28/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính; Thông báo gửi cho đơn vị chủ quản, đơn vị phụ thuộc theo mẫu số 35/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính; Thông báo về việc chuyển nghĩa vụ thuế của

người nộp thuế mẫu số 39/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

- Phí, lệ phí: Không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Văn bản đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế mẫu số 24/ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử đồng thời đăng ký và đảm bảo đầy đủ các điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Quản lý thuế ngày 13/06/2019;

+ Luật, Pháp lệnh về thuế, phí, lệ phí, các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành;

+ Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/03/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế;

+ Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế.

- Mẫu đơn, mẫu tờ khai kèm theo:

Mẫu số
24-ĐK-TCT.doc

Mẫu số: 24/ĐK-TCT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)

TÊN NGƯỜI NỘP THUẾ -------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
Số:	*...., ngày ... tháng ... năm ....*

THÔNG BÁO

Đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế

1. Tên người nộp thuế *(ghi theo tên NNT đã đăng ký thuế hoặc đăng ký doanh nghiệp)*: .....
.....

2. Mã số thuế: .....

3. Địa chỉ trụ sở *(ghi theo địa chỉ trụ sở của tổ chức đã đăng ký thuế hoặc của doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã)*: .....

4. Địa chỉ kinh doanh *(ghi địa chỉ kinh doanh của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đã đăng ký thuế)*:
.....

5. Lý do chấm dứt hiệu lực mã số thuế: .....

.....

.....

6. Hồ sơ đính kèm:

.....

.....

Người nộp thuế cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của văn bản này./.

Nơi nhận: *- CQT quản lý;* *- Lưu: VT*	**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

Ghi chú:

Người nộp thuế là tổ chức không phải đóng dấu khi đăng ký thuế và hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không phải đóng dấu vào văn bản này.

24. Khôi phục mã số thuế.

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Người nộp thuế thuộc các trường hợp khôi phục mã số thuế theo quy định tại Điểm a, b, c, d Khoản 1 Điều 18 Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính, lập hồ sơ và gửi đến cơ quan thuế trực tiếp quản lý để được khôi phục mã số thuế trong thời hạn như sau:

++ Người nộp thuế quy định tại Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính bị cơ quan có thẩm quyền thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc Giấy phép tương đương, cơ quan thuế đã chấm dứt hiệu lực mã số thuế, nhưng sau đó cơ quan có thẩm quyền có văn bản hủy bỏ văn bản thu hồi thì người nộp thuế nộp hồ sơ đề nghị đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp chậm nhất là 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản hủy bỏ văn bản thu hồi;

++ Sau khi cơ quan thuế có Thông báo về việc người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính nhưng chưa bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương và chưa bị chấm dứt hiệu lực mã số thuế thì người nộp thuế nộp Văn bản đề nghị khôi phục mã số thuế mẫu số 25/ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp trước ngày cơ quan thuế ban hành Thông báo về việc chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo quy định;

++ Người nộp thuế quy định tại Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính khi có nhu cầu tiếp tục hoạt động kinh doanh sau khi đã nộp hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế gửi đến cơ quan thuế nhưng cơ quan thuế chưa ban hành Thông báo về việc chấm dứt hiệu lực mã số

thuế theo quy định tại Điều 14, Điều 16 Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính thì người nộp thuế nộp Văn bản đề nghị khôi phục mã số thuế mẫu số 25/ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp trước ngày cơ quan thuế ban hành Thông báo về việc chấm dứt hiệu lực mã số thuế;

++ Người nộp thuế đã nộp hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế do chia, hợp nhất, sáp nhập đến cơ quan thuế theo quy định tại Điều 14 Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính sau đó có văn bản hủy Quyết định chia, hợp đồng sáp nhập, hợp đồng hợp nhất và cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan đăng ký hợp tác xã chưa chấm dứt hoạt động đối với doanh nghiệp, hợp tác xã bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất thì người nộp thuế nộp hồ sơ đề nghị khôi phục mã số thuế đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp trước ngày cơ quan thuế ban hành Thông báo chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo quy định tại Điều 16 Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử: Người nộp thuế (NNT) truy cập vào Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) để khai tờ khai và gửi kèm các hồ sơ theo quy định dưới dạng điện tử (nếu có), ký điện tử và gửi đến cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn.

NNT nộp hồ sơ (hồ sơ đăng ký thuế đồng thời với hồ sơ đăng ký kinh doanh theo cơ chế 1 cửa liên thông) đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền gửi thông tin hồ sơ đã tiếp nhận của NNT sang cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

+ Bước 2: Cơ quan thuế tiếp nhận:

++ Đối với hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế bằng giấy:

+++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế: Công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận vào hồ sơ đăng ký thuế, ghi rõ ngày nhận hồ sơ, số lượng tài liệu theo bảng kê danh mục hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế nộp trực tiếp tại cơ quan thuế. Công chức thuế viết phiếu hẹn ngày trả kết quả, thời hạn xử lý hồ sơ đã tiếp nhận.

+++ Trường hợp hồ sơ đăng ký thuế gửi bằng đường bưu chính: Công chức thuế đóng dấu tiếp nhận, ghi ngày nhận hồ sơ vào hồ sơ và ghi số văn thư của cơ quan thuế.

Công chức thuế kiểm tra hồ sơ đăng ký thuế. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ cần phải giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu, cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế theo mẫu số 01/TB-BSTT-NNT tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử:

Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận hồ sơ qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan thuế.

+++ Giao dịch điện tử trong đăng ký trực tiếp với cơ quan thuế:

++++ Tiếp nhận hồ sơ: Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông báo tiếp nhận việc NNT đã nộp hồ sơ cho NNT qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) chậm nhất 15 phút kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký thuế điện tử của người nộp thuế.

++++ Kiểm tra, giải quyết hồ sơ: Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về đăng ký thuế và trả kết quả giải quyết qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ.

+++++ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng thủ tục theo quy định và phải trả kết quả: Cơ quan thuế gửi kết quả giải quyết hồ sơ đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ theo thời hạn quy định tại Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

+++++ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng thủ tục theo quy định, cơ quan thuế gửi thông báo về việc không chấp nhận hồ sơ, gửi đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày ghi trên Thông báo tiếp nhận hồ sơ.

+++ Trường hợp đăng ký đồng thời với đăng ký kinh doanh theo cơ chế một cửa liên thông:

++++ Tiếp nhận hồ sơ: Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế thực hiện tiếp nhận hồ sơ từ cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan đăng ký hợp tác xã truyền sang.

++++ Kiểm tra, giải quyết hồ sơ: Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã và trả kết quả giải quyết qua Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã.

Cơ quan thuế gửi kết quả giải quyết hồ sơ qua Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã; hoặc đến địa chỉ thư điện tử của người nộp thuế trong trường hợp người nộp thuế có tài khoản giao dịch điện tử trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế theo thời hạn quy định của pháp luật về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tiếp tại trụ sở Cơ quan thuế;

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính;

+ Hoặc bằng phương thức điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định

về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ, gồm:

++ Văn bản đề nghị khôi phục mã số thuế mẫu số 25/ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

++ Bản sao không cần chứng thực văn bản hủy bỏ văn bản thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương của cơ quan có thẩm quyền (đối với trường hợp tổ chức kinh tế, tổ chức khác đề nghị khôi phục mã số thuế do cơ quan có thẩm quyền có văn bản hủy bỏ văn bản thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương);

++ Bản sao văn bản hủy bỏ Quyết định chia, Hợp đồng sáp nhập, Hợp đồng hợp nhất (đối với trường hợp người nộp thuế đã nộp hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế do chia, hợp nhất, sáp nhập đến cơ quan thuế sau đó có văn bản hủy Quyết định chia, hợp đồng sáp nhập, hợp đồng hợp nhất và cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan đăng ký hợp tác xã chưa chấm dứt hoạt động đối với doanh nghiệp, hợp tác xã bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất).

+ Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

- Thời hạn giải quyết:

+ Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nhận được hồ sơ đề nghị khôi phục mã số thuế của người nộp thuế đối với trường hợp quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 18 Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính/kể từ ngày người nộp thuế chấp hành đầy đủ các hành vi vi phạm hành chính về thuế và hóa đơn, nộp đủ số tiền thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước phải nộp hoặc còn nợ (trừ một số trường hợp không phải hoàn thành nợ thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước theo quy định tại Khoản 4 Điều 6 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP

ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế) đối với trường hợp quy định tại Điểm b, c, d Khoản 1 Điều 18 Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức kinh tế, tổ chức khác.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Thuế/Chi cục Thuế.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

+ Trường hợp NNT đủ điều điện được khôi phục MST:

++ Thông báo khôi phục mã số thuế cho người nộp thuế mẫu số 19/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

++ Thông báo về việc mã số thuế được khôi phục theo đơn vị chủ quản mẫu số 37/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính (nếu có).

++ Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế cho người nộp thuế trong trường hợp người nộp thuế đã nộp bản gốc cho cơ quan thuế theo hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế.

+ Trường hợp người nộp thuế nộp hồ sơ đề nghị khôi phục mã số thuế không thuộc trường hợp được khôi phục mã số thuế:

++ Thông báo về việc mã số thuế không được khôi phục mẫu số 38/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính gửi cho người nộp thuế.

- Phí, lệ phí: Không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Văn bản đề nghị khôi phục mã số thuế mẫu số 25/ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử đồng thời đăng ký và đảm bảo đầy đủ các điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Quản lý thuế ngày 13/06/2019;

+ Luật, Pháp lệnh về thuế, phí, lệ phí, các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành;

+ Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/03/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế;

+ Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế.

- Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:

Mẫu số
25-ĐK-TCT.doc

Mẫu số: 25/ĐK-TCT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)

TÊN NGƯỜI NỘP THUẾ -------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
Số:	*..., ngày ... tháng ... năm ....*

THÔNG BÁO

Đề nghị khôi phục mã số thuế

1. Tên người nộp thuế *(ghi theo tên NNT đã đăng ký thuế hoặc đăng ký doanh nghiệp)*: .....
.....

2. Mã số thuế: .....

3. Địa chỉ trụ sở *(ghi theo địa chỉ trụ sở của tổ chức đã đăng ký thuế hoặc của doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã)*: .....

4. Địa chỉ kinh doanh *(ghi địa chỉ kinh doanh của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đã đăng ký thuế)*:
.....

5. Lý do đề nghị khôi phục mã số thuế: .....

.....

.....

6. Hồ sơ đính kèm:

.....

.....

Người nộp thuế cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của thông báo này./.

Nơi nhận: *- CQT quản lý;* *- Lưu: VT*	**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT** *(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)*

Ghi chú:

Người nộp thuế là tổ chức không phải đóng dấu khi đăng ký thuế và hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không phải đóng dấu vào văn bản này.

25. Chấm dứt hiệu lực mã số thuế trong trường hợp chia, sáp nhập, hợp nhất tổ chức - Đối với tổ chức bị chia, tổ chức bị sáp nhập, tổ chức bị hợp nhất.

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Tổ chức bị chia, tổ chức bị sáp nhập, tổ chức hợp nhất có trách nhiệm gửi hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế đến cơ quan thuế trực tiếp quản lý để làm thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế.

Thời hạn nộp hồ sơ:

++ Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày có Quyết định chia/Hợp đồng hợp nhất/hợp đồng sáp nhập hoặc văn bản tương đương.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử: Người nộp thuế (NNT) truy cập vào Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) để khai tờ khai và gửi kèm các hồ sơ theo quy định dưới dạng điện tử (nếu có), ký điện tử và gửi đến cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn.

NNT nộp hồ sơ (hồ sơ đăng ký thuế đồng thời với hồ sơ đăng ký kinh doanh theo cơ chế 1 cửa liên thông) đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền gửi thông tin hồ sơ đã tiếp nhận của NNT sang cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

+ Bước 2: Cơ quan thuế tiếp nhận

++ Đối với hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế bằng giấy:

+++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế: Công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận vào hồ sơ đăng ký thuế, ghi rõ ngày nhận hồ sơ,

số lượng tài liệu theo bảng kê danh mục hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế nộp trực tiếp tại cơ quan thuế. Công chức thuế viết phiếu hẹn ngày trả kết quả, thời hạn xử lý hồ sơ đã tiếp nhận.

+++ Trường hợp hồ sơ đăng ký thuế gửi bằng đường bưu chính: Công chức thuế đóng dấu tiếp nhận, ghi ngày nhận hồ sơ vào hồ sơ và ghi số văn thư của cơ quan thuế.

Công chức thuế kiểm tra hồ sơ đăng ký thuế. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ cần phải giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu, cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế theo mẫu số 01/TB-BSTT-NNT tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử:

Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận hồ sơ qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan thuế.

+++ Tiếp nhận hồ sơ: Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông báo tiếp nhận việc NNT đã nộp hồ sơ cho NNT qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) chậm nhất 15 phút kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký thuế điện tử của người nộp thuế.

+++ Kiểm tra, giải quyết hồ sơ: Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về đăng ký thuế và trả kết quả giải quyết qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ.

++++ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng thủ tục theo quy định và phải trả kết quả: Cơ quan thuế gửi kết quả giải quyết hồ sơ đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ theo thời hạn quy định tại Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

++++ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng thủ tục theo quy định, cơ quan thuế gửi thông báo về việc không chấp nhận hồ sơ, gửi đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày ghi trên Thông báo tiếp nhận hồ sơ.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tiếp tại trụ sở Cơ quan thuế;

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính;

+ Hoặc bằng phương thức điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ *Thành phần hồ sơ, gồm:*

++ Văn bản đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế mẫu số 24/ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính;

++ Bản sao không yêu cầu chứng thực Quyết định chia/Hợp đồng hợp nhất/Hợp đồng sáp nhập hoặc văn bản tương đương;

+ *Số lượng hồ sơ:* 01 (bộ)

- Thời hạn giải quyết:

+ Cơ quan thuế quản lý trực tiếp thực hiện:

++ Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nhận đủ hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế của người nộp thuế, cơ quan thuế phải thực hiện Thông báo người nộp thuế ngừng hoạt động và đang làm thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo mẫu số 17/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số

105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính gửi cho người nộp thuế. Đồng thời chuyển trạng thái của người nộp thuế và các đơn vị phụ thuộc của người nộp thuế về trạng thái "NNT ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế" trên hệ thống ứng dụng đăng ký thuế.

++ Ban hành Thông báo gửi cho đơn vị chủ quản, đơn vị phụ thuộc theo mẫu số 35/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính trong trường hợp cơ quan thuế nhận được hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế của đơn vị chủ quản nhưng các đơn vị phụ thuộc chưa thực hiện thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế.

++ Trường hợp đơn vị phụ thuộc chấm dứt hiệu lực mã số thuế nhưng không có khả năng hoàn thành nghĩa vụ còn phải nộp hoặc còn nợ sau khi đã thực hiện bù trừ hoặc hoàn trả kiêm bù trừ theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành thì đơn vị chủ quản đã có văn bản cam kết chịu trách nhiệm kế thừa toàn bộ khoản nghĩa vụ thuế của đơn vị phụ thuộc thì cơ quan thuế quản lý trực tiếp đơn vị phụ thuộc thực hiện chuyển nghĩa vụ của đơn vị phụ thuộc cho đơn vị chủ quản và ban hành Thông báo về việc chuyển nghĩa vụ thuế của người nộp thuế mẫu số 39/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính gửi cho người nộp thuế là đơn vị chủ quản, đơn vị phụ thuộc.

++ Trường hợp đơn vị bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất chấm dứt hiệu lực mã số thuế nhưng không có khả năng hoàn thành nghĩa vụ còn phải nộp hoặc còn nợ sau khi đã thực hiện bù trừ hoặc hoàn trả kiêm bù trừ theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành thi cơ quan thuế quản lý trực tiếp đơn vị bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất thực hiện chuyển nghĩa vụ cho đơn vị mới và ban hành Thông báo về việc chuyển nghĩa vụ thuế của người nộp thuế mẫu số 39/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính gửi người nộp thuế là đơn vị bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất và đơn vị mới.

++ Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày người nộp thuế đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế với cơ quan thuế và cơ quan hải quan hoặc cơ

quan thuế hoàn thành việc chuyển toàn bộ nghĩa vụ nợ thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước của đơn vị phụ thuộc sang đơn vị chủ quản, của đơn vị bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất sang đơn vị mới theo quy định, cơ quan thuế ban hành Thông báo chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo mẫu số 18/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính gửi cho người nộp thuế.

+ Cơ quan thuế quản lý khoản thu thực hiện:

++ Cập nhật thông tin người nộp thuế đã hoàn thành nghĩa vụ thuế đối với khoản thu thuộc cơ quan thuế quản lý vào Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế ngay trong ngày làm việc hoặc chậm nhất vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo ngày người nộp thuế hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế tại cơ quan thuế quản lý khoản thu.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức kinh tế, tổ chức khác.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Thuế/Chi cục Thuế.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thông báo người nộp thuế ngừng hoạt động và đang làm thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo mẫu số 17/TB-ĐKT và Thông báo chấm dứt hiệu lực mã số thuế mẫu số 18/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính; Thông báo gửi cho đơn vị chủ quản, đơn vị phụ thuộc theo mẫu số 35/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính; Thông báo về việc chuyển nghĩa vụ thuế của người nộp thuế mẫu số 39/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

- Phí, lệ phí: Không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Văn bản đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế mẫu số 24/ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì

phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử đồng thời đăng ký và đảm bảo đầy đủ các điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Quản lý thuế ngày 13/06/2019;

+ Luật, Pháp lệnh về thuế, phí, lệ phí, các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành;

+ Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/03/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế;

+ Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế.

- Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:

Mẫu số
24-ĐK-TCT.doc

Mẫu số: 24/ĐK-TCT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)

TÊN NGƯỜI NỘP THUẾ -------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
Số:	*..., ngày ... tháng ... năm ....*

THÔNG BÁO

Đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế

1. Tên người nộp thuế *(ghi theo tên NNT đã đăng ký thuế hoặc đăng ký doanh nghiệp)*: .....
.....

2. Mã số thuế: .....

3. Địa chỉ trụ sở *(ghi theo địa chỉ trụ sở của tổ chức đã đăng ký thuế hoặc của doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã)*: .....

4. Địa chỉ kinh doanh *(ghi địa chỉ kinh doanh của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đã đăng ký thuế)*:
.....

5. Lý do chấm dứt hiệu lực mã số thuế: .....

.....

.....

6. Hồ sơ đính kèm:

.....

.....

Người nộp thuế cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của văn bản này./.

Nơi nhận: *- CQT quản lý;* *- Lưu: VT*	**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

Ghi chú:

Người nộp thuế là tổ chức không phải đóng dấu khi đăng ký thuế và hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không phải đóng dấu vào văn bản này.

26. Đăng ký thuế trong trường hợp chia, tách, hợp nhất tổ chức - Đối với tổ chức mới được chia, tổ chức được tách, tổ chức hợp nhất.

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Các tổ chức kinh tế mới được chia, tổ chức được tách, tổ chức hợp nhất phải thực hiện thủ tục đăng ký thuế với cơ quan thuế trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày ghi trên giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương theo quy định tại Luật Quản lý thuế và Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

Tổ chức kinh tế (trừ tổ hợp tác) quy định tại Điểm a, b Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 105/2020/TT-BTC nộp hồ sơ đăng ký thuế tại Cục Thuế nơi đặt trụ sở.

Tổ chức khác theo quy định tại Điểm c, n Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 105/2020/TT-BTC nộp hồ sơ đăng ký thuế tại Cục Thuế nơi tổ chức đóng trụ sở đối với tổ chức do cơ quan trung ương và cơ quan cấp tỉnh ra quyết định thành lập; tại Chi cục Thuế nơi tổ chức đóng trụ sở đối với tổ chức do cơ quan cấp huyện ra quyết định thành lập và nơi tổ hợp tác đóng trụ sở.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử: Người nộp thuế (NNT) truy cập vào Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) để khai tờ khai và gửi kèm các hồ sơ theo quy định dưới dạng điện tử (nếu có), ký điện tử và gửi đến cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn.

NNT nộp hồ sơ (hồ sơ đăng ký thuế đồng thời với hồ sơ đăng ký kinh doanh theo cơ chế 1 cửa liên thông) đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền gửi thông tin hồ

sơ đã tiếp nhận của NNT sang cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

+ Bước 2: Cơ quan thuế tiếp nhận:

++ Đối với hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế bằng giấy:

+++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế: Công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận vào hồ sơ đăng ký thuế, ghi rõ ngày nhận hồ sơ, số lượng tài liệu theo bảng kê danh mục hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế nộp trực tiếp tại cơ quan thuế. Công chức thuế viết phiếu hẹn ngày trả kết quả, thời hạn xử lý hồ sơ đã tiếp nhận.

+++ Trường hợp hồ sơ đăng ký thuế gửi bằng đường bưu chính: Công chức thuế đóng dấu tiếp nhận, ghi ngày nhận hồ sơ vào hồ sơ và ghi số văn thư của cơ quan thuế.

Công chức thuế kiểm tra hồ sơ đăng ký thuế. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ cần phải giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu, cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế theo mẫu số 01/TB-BSTT-NNT tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử:

Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận hồ sơ qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan thuế.

+++ Tiếp nhận hồ sơ: Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông báo tiếp nhận việc NNT đã nộp hồ sơ cho NNT qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) chậm nhất 15 phút kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký thuế điện tử của người nộp thuế.

+++ Kiểm tra, giải quyết hồ sơ: Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về đăng ký thuế và trả kết quả giải quyết qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ.

++++ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng thủ tục theo quy định và phải trả kết quả: Cơ quan thuế gửi kết quả giải quyết hồ sơ đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ theo thời hạn quy định tại Thông tư số 105/2020/TT-BTC.

++++ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng thủ tục theo quy định, cơ quan thuế gửi thông báo về việc không chấp nhận hồ sơ, gửi đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày ghi trên Thông báo tiếp nhận hồ sơ.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tiếp tại trụ sở Cơ quan thuế;

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính;

+ Hoặc bằng phương thức điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ, gồm:

++ Tổ chức kinh tế (trừ tổ hợp tác) quy định tại Điểm a, b Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 105/2020/TT-BTC:

+++ Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 01-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính;

+++ Bảng kê các công ty con, công ty thành viên mẫu số BK01-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính (nếu có);

+++ Bảng kê các đơn vị phụ thuộc mẫu số BK02-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính (nếu có);

+++ Bảng kê địa điểm kinh doanh mẫu số BK03-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính (nếu có);

+++ Bảng kê các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài mẫu số BK04-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính (nếu có);

+++ Bảng kê các nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí mẫu số BK05-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính (nếu có);

+++ Bảng kê góp vốn của tổ chức, cá nhân mẫu số BK06-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính (nếu có);

+++ Bản sao không yêu cầu chứng thực Quyết định chia/Hợp đồng hợp nhất/Hợp đồng sáp nhập hoặc văn bản tương đương.

++ Tổ chức khác và tổ hợp tác theo quy định tại Điểm b, c, n Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 105/2020/TT-BTC:

+++ Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 01-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính;

+++ Bảng kê các công ty con, công ty thành viên mẫu số BK01-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính (nếu có);

+++ Bảng kê các đơn vị phụ thuộc mẫu số BK02-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính (nếu có);

+++ Bảng kê địa điểm kinh doanh mẫu số BK03-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính (nếu có);

+++ Bảng kê các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài mẫu số BK04-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính (nếu có);

+++ Bản sao không yêu cầu chứng thực Quyết định chia/Hợp đồng hợp nhất/Hợp đồng sáp nhập hoặc văn bản tương đương.

+ *Số lượng hồ sơ:* 01 (bộ)

- Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nhận được hồ sơ đăng ký thuế đầy đủ theo quy định.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức kinh tế, tổ chức khác

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Thuế/Chi cục Thuế.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký thuế.

- Phí, lệ phí: Không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 01-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính;

++ Bảng kê các công ty con, công ty thành viên mẫu số BK01-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính (nếu có);

++ Bảng kê các đơn vị phụ thuộc mẫu số BK02-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính (nếu có);

++ Bảng kê địa điểm kinh doanh mẫu số BK03-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính (nếu có);

++ Bảng kê các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài mẫu số BK04-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính (nếu có);

++ Bảng kê các nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí mẫu số BK05-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính (nếu có);

++ Bảng kê góp vốn của tổ chức, cá nhân mẫu số BK06-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính (nếu có).

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử đồng thời đăng ký và đảm bảo đầy đủ các điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Quản lý thuế ngày 13/06/2019;

+ Luật, Pháp lệnh về thuế, phí, lệ phí, các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành;

+ Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/03/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế;

+ Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế.

- Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:

Mẫu số 01-ĐK-TCT.doc BK 01-ĐK-TCT.doc BK 02-ĐK-TCT.doc BK 03-ĐK-TCT.doc BK 04-ĐK-TCT.doc

BK 05-ĐK-TCT.doc BK 06-ĐK-TCT.doc

Mẫu số: 01-ĐK-TCT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ THUẾ

(Dùng cho tổ chức)

□ Tổ chức kinh tế □ Tổ chức khác □ Tổ chức được hoàn thuế □ Hợp đồng dầu khí □ Tổ chức nước ngoài KD tại chợ biên giới, cửa khẩu

1. Tên người nộp thuế:	
2. Thông tin đại lý thuế (nếu có):	
2a. Tên:	
2b. Mã số thuế:	
2c. Hợp đồng đại lý thuế: Số:	ngày:

3. Địa chỉ trụ sở chính		**4. Địa chỉ nhận thông báo thuế** *(chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính)*	
3a. Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:		4a. Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn hoặc hòm thư bưu điện:	
3b. Phường/Xã/Thị trấn:		4b. Phường/Xã/Thị trấn:	
3c. Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương:		4c. Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương:	
3d. Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:		4d. Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:	
3đ. Điện thoại:	3e. Fax (nếu có):	4đ. Điện thoại:	4e. Fax:
3g. Email:			

5. Quyết định thành lập	**6. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp**
5a. Số quyết định:	6a. Số:

5b. Ngày ký quyết định: .../.../.....	6b. Ngày cấp: .../.../.....
5c. Cơ quan ban hành quyết định:	6c. Cơ quan cấp:

7. Ngành nghề kinh doanh chính:

8. Vốn điều lệ (=8.1+8.2+8.3+8.4):		**9. Ngày bắt đầu hoạt động:** .../.../.....
8.1. Vốn nhà nước:	Tỷ trọng: %	
8.2. Vốn nước ngoài:	Tỷ trọng: %	
8.3. Vốn tư nhân:	Tỷ trọng: %	
8.4. Vốn khác (nếu có):	Tỷ trọng: %	

10. Loại hình kinh tế			
□ Công ty cổ phần	□ Doanh nghiệp tư nhân	□ VPĐD của tổ chức nước ngoài tại Việt Nam	□ Tổ hợp tác
□ Công ty TNHH 1 thành viên	□ Công ty hợp danh	□ Tổ chức kinh tế của lực lượng vũ trang	□ Hợp tác xã
□ Công ty TNHH 2 thành viên trở lên	□ Hợp đồng hợp tác, kinh doanh với nước ngoài	□ Tổ chức kinh tế của tổ chức chính trị, CT-XH, xã hội, XH-NN	□ Cơ quan hành chính
□ Đơn vị sự nghiệp ngoài công lập		□ Đơn vị sự nghiệp công lập	□ Loại hình khác

11. Hình thức hạch toán kế toán về kết quả kinh doanh □ Độc lập □ Phụ thuộc □ Có báo cáo tài chính hợp nhất	**12. Năm tài chính** Từ ngày .../.... đến ngày .../.....

13. Thông tin về đơn vị chủ quản hoặc đơn vị quản lý trực tiếp	**14. Thông tin người đại diện theo pháp luật/chủ DNTN**
13a. Mã số thuế:	14a. Tên người đại diện theo pháp luật:
	14b. Chức vụ: ..... 14c. Sinh ngày: .../.../.....
	14d. Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:
13b. Tên đơn vị chủ quản/đơn vị quản lý trực	□ CMND □ CCCD □ Hộ chiếu

tiếp:	□ CMT biên giới □ Giấy thông hành □ Khác Số giấy tờ: ..... Ngày cấp: ..... Nơi cấp:..... 14đ. Địa chỉ nơi thường trú: Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn: Phường/Xã/Thị trấn: Quận/Huyện/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương: Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương: Quốc gia: 14e. Địa chỉ hiện tại (nếu có): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn: Phường/Xã/Thị trấn: Quận/Huyện/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương: Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương: Quốc gia: 14g. Thông tin khác Điện thoại: ...../Fax:..... Email: .....Website:.....

15. Phương pháp tính thuế GTGT	□ Khấu trừ	□ Trực tiếp trên GTGT	□ Trực tiếp trên doanh số	□ Không phải nộp thuế GTGT

16. Thông tin về các đơn vị liên quan

□ Có công ty con, công ty thành viên	□ Có đơn vị phụ thuộc	□ Có nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí
□ Có địa điểm kinh doanh, kho hàng phụ thuộc	□ Có hợp đồng với nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài	

17. Thông tin khác

17.1. Giám đốc/Tổng giám đốc (nếu có):
a. Tên:
b. Mã số thuế cá nhân:
c. Điện thoại liên lạc:

17.2. Kế toán trưởng (nếu có):
a. Tên:
b. Mã số thuế cá nhân:
c. Điện thoại liên lạc:

d. Email:	d. Email:

18. Tình trạng trước khi tổ chức lại (nếu có):

□ Chia □ Tách □ Hợp nhất

Mã số thuế trước của tổ chức đó:

Tôi xin cam đoan những nội dung trong bản kê khai này là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã kê khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên: .....

Chứng chỉ hành nghề số .....

....., ngày .../.../.....

NGƯỜI NỘP THUẾ HOẶC ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI MẪU SỐ 01-ĐK-TCT

Người nộp thuế phải tích chọn vào một trong các ô thích hợp trước khi kê khai vào phần thông tin chi tiết, cụ thể như sau:

- "Tổ chức kinh tế": Người nộp thuế đăng ký thuế theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 7 tích chọn vào chỉ tiêu này.

- "Tổ chức khác": Người nộp thuế đăng ký thuế theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 7 tích chọn vào chỉ tiêu này.

- "Tổ chức được hoàn thuế": Người nộp thuế đăng ký thuế theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 7 tích chọn vào chỉ tiêu này. Người nộp thuế chỉ khai các chỉ tiêu: 1, 3, 4, 5, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 17.

- "Hợp đồng dầu khí": Người nộp thuế đăng ký thuế theo quy định tại Khoản 7 Điều 7 Thông tư này.

- "Tổ chức nước ngoài kinh doanh tại chợ biên giới, cửa khẩu": Người nộp thuế là tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế của khẩu của Việt Nam đăng ký thuế theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 7 Thông tư này. Khi tích chọn, người đại diện theo pháp luật kê khai các loại giấy tờ theo quy định tại Khoản 1 Điều 2 Thông tư số 218/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015 của Bộ Tài chính tại chỉ tiêu 14d và loại hình kinh tế tương ứng tại chỉ tiêu 10.

Thông tin chi tiết gồm:

1. Tên người nộp thuế: Ghi rõ ràng, đầy đủ bằng chữ in hoa tên tổ chức theo Quyết định thành lập hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (đối với tổ chức Việt Nam) hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam).

2. Thông tin đại lý thuế: Ghi đầy đủ các thông tin của đại lý thuế trong trường hợp Đại lý thuế ký hợp đồng với người nộp thuế để thực hiện thủ tục đăng ký thuế thay cho người nộp thuế theo quy định tại Luật Quản lý thuế.

3. Địa chỉ trụ sở chính: Ghi rõ số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn, phường/xã/thị

trấn, quận/huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh, tỉnh/thành phố của người nộp thuế. Nếu có số điện thoại, số Fax thì ghi rõ mã vùng - số điện thoại/số Fax theo thông tin địa chỉ sau:

- Địa chỉ trụ sở chính của người nộp thuế là tổ chức.

- Địa chỉ nơi kinh doanh trong chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ khu kinh tế cửa khẩu đối với người nộp thuế là tổ chức của các nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam.

- Địa chỉ nơi diễn ra hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí đối với hợp đồng dầu khí.

- Người nộp thuế phải kê khai đầy đủ, chính xác thông tin email. Địa chỉ email này dùng làm tài khoản giao dịch điện tử với cơ quan thuế đối với hồ sơ đăng ký thuế điện tử.

4. Địa chỉ nhận tháng báo thuế: Nếu người nộp thuế là tổ chức có địa chỉ nhận các thông báo của cơ quan thuế khác với địa chỉ của trụ sở chính tại chỉ tiêu 3 nêu trên thì ghi rõ địa chỉ nhận thông báo thuế để cơ quan thuế liên hệ.

5. Quyết định thành lập:

- Đối với người nộp thuế là tổ chức có quyết định thành lập: Ghi rõ số quyết định, ngày ban hành quyết định và cơ quan ban hành quyết định.

- Đối với Hợp đồng dầu khí: Ghi rõ số hợp đồng, ngày ký hợp đồng, để trống phần cơ quan ra quyết định.

6. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp: Ghi rõ số, ngày cấp và cơ quan cấp Giấy chứng nhận ĐKKD của nước có chung biên giới với Việt Nam cấp (đối với người nộp thuế là tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam), Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (đối với người nộp thuế là tổ chức của Việt Nam).

Riêng thông tin "cơ quan cấp" Giấy chứng nhận ĐKKD: ghi tên nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam đã cấp Giấy chứng nhận ĐKKD (Lào, Campuchia, Trung Quốc).

7. Ngành nghề kinh doanh chính: Ghi theo ngành nghề kinh doanh trên Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương dương do cơ quan có thẩm quyền cấp (đối với người nộp thuế là tổ chức của Việt Nam) và Giấy chứng nhận ĐKKD (đối với người nộp thuế là tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hứa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế của khẩu của Việt Nam).

Lưu ý: Chỉ ghi 1 ngành nghề chính thực tế kinh doanh.

8. Vốn điều lệ:

- Đối với người nộp thuế thuộc loại hình Công ty TNHH, Công ty cổ phần, Công ty hợp danh: Ghi theo vốn điều lệ Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc nguồn vốn trên Quyết định thành lập (ghi rõ loại tiền, phân loại nguồn vốn theo chủ sở hữu, tỷ trọng của từng loại nguồn vốn trong tổng số vốn).

- Đối với người nộp thuế thuộc loại hình doanh nghiệp tư nhân: Ghi theo vốn đầu tư trên Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (ghi rõ loại tiền).

- Đối với người nộp thuế là tổ chức của các nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam và tổ chức khác: Nếu trên Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận ĐKKD,... có vốn thì ghi, nếu không có vốn thì để trống thông tin này.

9. Ngày bắt đầu hoạt động: Kê khai ngày người nộp thuế bắt đầu hoạt động thực tế nếu khác với ngày cấp mã số thuế.

10. Loại hình kinh tế: Đánh dấu X vào 1 trong những ô tương ứng.

11. Hình thức hạch toán kế toán về kết quả kinh doanh: Đánh dấu X vào một trong hai ô của là độc lập hoặc phụ thuộc. Trường hợp tích chọn ô "độc lập" thì tích chọn vào "có BCTC hợp nhất" nếu

thuộc đối tượng phải lập và gửi báo cáo tài chính hợp nhất cho cơ quan thuế theo quy định.

12. Năm tài chính: Ghi rõ từ ngày, tháng đầu niên độ kế toán đến ngày, tháng cuối niên độ kế toán theo năm dương lịch hoặc năm tài chính của người nộp thuế.

13. Thông tin về đơn vị chủ quản hoặc đơn vị quản lý trực tiếp: Ghi rõ tên, mã số thuế của đơn vị cấp trên trực tiếp quản lý người nộp thuế là tổ chức.

14. Thông tin người đại diện theo pháp luật/chủ DNTN: Kê khai thông tin chi tiết của người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế là tổ chức (đối với tổ chức kinh tế và tổ chức khác trừ doanh nghiệp tư nhân) hoặc thông tin của chủ doanh nghiệp tư nhân.

15. Phương pháp tính thuế GTGT: Đánh dấu X vào một trong các ô của chỉ tiêu này.

16. Thông tin về các đơn vị có liên quan:

- Nếu người nộp thuế có công ty con, công ty thành viên thì đánh dấu X vào ô "Có công ty con, công ty thành viên", sau đó phải kê khai vào phần "Bảng kê các công ty con, công ty thành viên" mẫu số BK01-ĐK-TCT.

- Nếu người nộp thuế có đơn vị phụ thuộc thì đánh dấu X vào 6 "Có đơn vị phụ thuộc", sau đó phải kê khai vào "Bảng kê các đơn vị phụ thuộc" mẫu số BK02-ĐK-TCT.

- Nếu người nộp thuế có địa điểm kinh doanh, kho hàng phụ thuộc không có chức năng kinh doanh thì đánh dấu X vào ô "Có địa điểm kinh doanh, kho hàng phụ thuộc", sau đó phải kê khai vào phần "Bảng kê các địa điểm kinh doanh" mẫu số BK03-ĐK-TCT.

- Nếu người nộp thuế có nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài thì đánh dấu X vào ô "Có nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài", sau đó phải kê khai vào phần "Bảng kê các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài" mẫu số BK04-ĐK-TCT.

- Nếu người nộp thuế có nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí thì đánh dấu X vào ô "Có nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí", sau đó phải kê khai vào phần "Bảng kê các nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí" mẫu số BK05-ĐK-TCT (đối với hợp đồng dầu khí).

17. Thông tin khác: Ghi rõ họ và tên, mã số thuế cá nhân, số điện thoại liên lạc, email của Tổng giám đốc hoặc Giám đốc và Kế toán trưởng của người nộp thuế.

18. Tình trạng trước khi tổ chức lại tổ chức kinh tế (nếu có): Nếu người nộp thuế là tổ chức kinh tế đăng ký thuế do tổ chức Lại của tổ chức kinh tế trước đó thì đánh dấu X vào một trong các trường hợp: sáp nhập, hợp nhất, chia, tách và phải ghi rõ mã số thuế đã cấp trước đây của các tổ chức kinh tế bị sáp nhập, bị hợp nhất, bị chia, bị tách.

19. Phần người nộp thuế hoặc người đại diện hợp pháp của người nộp thuế ký, ghi rõ họ tên: Người nộp thuế hoặc người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế phải ký, ghi rõ họ tên vào phần này.

20. Đóng dấu của người nộp thuế:

Trường hợp người nộp thuế có con dấu tại thời điểm đăng ký thuế thì phải đóng dấu vào phần này. Trường hợp người nộp thuế không có con dấu tại thời điểm đăng ký thuế thì chưa phải đóng dấu trên tờ khai thuế. Khi người nộp thuế đến nhận kết quả phải bổ sung việc đóng dấu cho cơ quan thuế.

Trường hợp người nộp thuế thuộc đối tượng đăng ký thuế quy định tại điểm d khoản 2 Điều 4 Thông tư này không có con dấu thì không phải đóng dấu vào phần này.

21. Nhân viên đại lý thuế: Trường hợp đại lý thuế kê khai thay cho người nộp thuế thì kê khai vào thông tin này.

Mẫu số: **BK01-ĐK-TCT**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ
Các công ty con, công ty thành viên
(Kèm theo tờ khai mẫu số <01-ĐK-TCT>)

Tên người nộp thuế: .....

Mã số thuế (nếu có): | | | | | | | | | | | | | |

STT	Mã số thuế	Tên công ty con, công ty thành viên	Địa chỉ của công ty con, công ty thành viên	Vốn của công ty mẹ góp vào công ty con, công ty thành viên	Loại tiền (VNĐ/USD)	Tỷ lệ vốn của công ty mẹ góp vào công ty con, công ty thành viên (%)

..., ngày... /... /.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: **BK02-ĐK-TCT**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 3/12/2020 của Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ
Các đơn vị phụ thuộc (chi nhánh, văn phòng đại diện)

(Kèm theo tờ khai mẫu số <01-ĐK-TCT hoặc 02-ĐK-TCT>)

Tên người nộp thuế:.....

Mã số thuế (nếu có): | | | | | | | | | | | | | |

STT	Tên đơn vị phụ thuộc	Địa chỉ của đơn vị phụ thuộc	Số Quyết định thành lập	Ngày ban hành Quyết định thành lập

..., ngày... /... /.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: **BK03-ĐK-TCT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ
Các địa điểm kinh doanh, kho hàng
(Kèm theo tờ khai mẫu số <01-ĐK-TCT hoặc 02-ĐK-TCT>)

Tên người nộp thuế: .....

Mã số thuế (nếu có): | | | | | | | | | | | | | |

STT	Tên địa điểm kinh doanh, kho hàng	Số Quyết định thành lập	Ngày ban hành Quyết định thành lập	Số nhà, đường phố (thôn xóm)	Phường/ xã	Quận/ huyện	Tỉnh/ thành phố
1							
2							
....							
....							
....							
....							

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

..., ngày... /... /.....
NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: **BK04-ĐK-TCT**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ
Các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài
(Kèm theo tờ khai mẫu số <01-ĐK-TCT hoặc 02-ĐK-TCT>)

Tên người nộp thuế: .....

Mã số thuế (nếu có): | | | | | | | | | | | | | |

STT	Tên Nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài	Quốc tịch	Mã số thuế của nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài tại Việt Nam (nếu có)	Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Giá trị hợp đồng	Địa điểm thực hiện hợp đồng		Thời gian thực hiện hợp đồng
							Quận/huyện	Tỉnh/thành phố	
1									
2									
...									

..., ngày... /... /.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: **BK05-ĐK-TCT**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ
Các nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí

(Kèm theo tờ khai mẫu số <01-ĐK-TCT hoặc 02-ĐK-TCT>)

Tên người nộp thuế:.....

Mã số thuế (nếu có): | | | | | | | | | | | | | |

STT	Tên Nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí	Quốc tịch	Mã số thuế của nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí tại Việt Nam (nếu có)	Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Giá trị hợp đồng	Địa điểm thực hiện hợp đồng		Thời gian thực hiện hợp đồng
							Quận/ huyện	Tỉnh/ thành phố	
1									
2									
...									

..., ngày... /... /.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: **BK06-ĐK-TCT**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ
Góp vốn của tổ chức, cá nhân

(Kèm theo tờ khai mẫu số <01-ĐK-TCT>)

Tên người nộp thuế:.....

Mã số thuế (nếu có): | | | | | | | | | | | | | |

STT	Tên tổ chức, cá nhân góp vốn vào người nộp thuế	Quốc tịch đối với cá nhân góp vốn	Địa chỉ trụ sở của tổ chức góp vốn	Số tiền (VNĐ)	Mã số thuế (nếu có)	Số giấy phép thành lập và hoạt động hoặc quyết định thành lập của tổ chức góp vốn	Số CMND/ CCCD của cá nhân góp vốn
1							
2							
...							
Tổng cộng					x	x	x

..., ngày... /... /.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

27. Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế trong trường hợp tách, sáp nhập tổ chức - Đối với tổ chức bị tách, tổ chức nhận sáp nhập.

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Sau khi tách/sáp nhập, tổ chức bị tách, tổ chức nhận sáp nhập có phát sinh thay đổi thông tin đăng ký thuế, tổ chức kinh tế phải thực hiện thủ tục thay đổi thông tin đăng ký thuế với cơ quan thuế quản lý trực tiếp trong thời hạn là 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, Quyết định thành lập hoặc Văn bản tương đương khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử: Người nộp thuế (NNT) truy cập vào Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) để khai tờ khai và gửi kèm các hồ sơ theo quy định dưới dạng điện tử (nếu có), ký điện tử và gửi đến cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn.

NNT nộp hồ sơ (hồ sơ đăng ký thuế đồng thời với hồ sơ đăng ký kinh doanh theo cơ chế 1 cửa liên thông) đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền gửi thông tin hồ sơ đã tiếp nhận của NNT sang cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

+ Bước 2: Cơ quan thuế tiếp nhận:

++ Đối với hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế bằng giấy:

+++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế: Công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận vào hồ sơ đăng ký thuế, ghi rõ ngày nhận hồ sơ, số lượng tài liệu theo bảng kê danh mục hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ đăng ký

thuế nộp trực tiếp tại cơ quan thuế. Công chức thuế viết phiếu hẹn ngày trả kết quả, thời hạn xử lý hồ sơ đã tiếp nhận.

+++ Trường hợp hồ sơ đăng ký thuế gửi bằng đường bưu chính: Công chức thuế đóng dấu tiếp nhận, ghi ngày nhận hồ sơ vào hồ sơ và ghi số văn thư của cơ quan thuế.

Công chức thuế kiểm tra hồ sơ đăng ký thuế. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ cần phải giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu, cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế theo mẫu số 01/TB-BSTT-NNT tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử:

Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận hồ sơ qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan thuế.

+++ Tiếp nhận hồ sơ: Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông báo tiếp nhận việc NNT đã nộp hồ sơ cho NNT qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) chậm nhất 15 phút kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký thuế điện tử của người nộp thuế.

+++ Kiểm tra, giải quyết hồ sơ: Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về đăng ký thuế và trả kết quả giải quyết qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ.

++++ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng thủ tục theo quy định và phải trả kết quả: Cơ quan thuế gửi kết quả giải quyết hồ sơ đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ theo thời hạn quy định tại Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

++++ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng thủ tục theo quy định, cơ quan thuế gửi thông báo về việc không chấp nhận hồ sơ, gửi đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày ghi trên Thông báo tiếp nhận hồ sơ.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tiếp tại trụ sở Cơ quan thuế;

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính;

+ Hoặc bằng phương thức điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ *Thành phần hồ sơ, gồm:*

++ Tờ khai điều chỉnh, bổ sung thông tin đăng ký thuế mẫu số 08-MST ban hành theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính;

++ Bản sao Quyết định tách tổ chức hoặc Bản sao hợp đồng sáp nhập hoặc văn bản tương đương;

++ Bản sao Giấy phép thành lập và hoạt động, Quyết định thành lập hoặc Giấy tờ tương đương khác.

+ *Số lượng hồ sơ:* 01 (bộ)

- Thời hạn giải quyết:

+ Trong 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế (đối với trường hợp không phải cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thuế).

+ Trong 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế (đối với trường hợp phải cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thuế).

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức kinh tế, tổ chức khác

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Thuế/Chi cục Thuế.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký thuế (đối với trường hợp thay đổi thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế).

- Phí, lệ phí: Không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Tờ khai điều chỉnh, bổ sung thông tin đăng ký thuế mẫu số 08-MST ban hành theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử đồng thời đăng ký và đảm bảo đầy đủ các điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Quản lý thuế ngày 13/06/2019;

+ Luật, Pháp lệnh về thuế, phí, lệ phí, các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành;

+ Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/03/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế;

+ Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế.

Mẫu số 08-MST.doc

- Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:

Mẫu số: 08-MST

(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI
ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG THÔNG TIN ĐĂNG KÝ THUẾ

□ Doanh nghiệp, hợp tác xã □ Tổ chức □ Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh □ Cá nhân □ Khác

1. Tên người nộp thuế:

2. Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

3. Địa chỉ trụ sở chính:

4. Thông tin đại lý thuế (nếu có):

4a. Tên:

4b. Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

4c. Hợp đồng đại lý thuế: Số ngày

Đăng ký bổ sung, thay đổi các chỉ tiêu đăng ký thuế như sau:

Chỉ tiêu (1)	Thông tin đăng ký cũ (2)	Thông tin đăng ký mới (3)
I- Điều chỉnh thông tin đã đăng ký:		
Ví dụ:		235 Nguyễn Thái Học - Hà Nội
- Chỉ tiêu 4: Địa chỉ nhận thông báo thuế trên tờ khai 01-ĐK-TCT		
-	124 Lò Đúc - Hà Nội	
II- Bổ sung thông tin:		
Ví dụ:		
- Bảng kê BK02-ĐK-TCT		Bổ sung đơn vị phụ thuộc...
-		

Người nộp thuế cam đoan những thông tin kê khai trên là hoàn toàn chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những thông tin đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên: .....

Chứng chỉ hành nghề số: .....

...., ngày: ..../...../.....
NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi họ tên và đóng dấu (nếu có)

Ghi chú:

- Cột (1): Ghi tên các chỉ tiêu có thay đổi trên tờ khai đăng ký thuế hoặc các bảng kê kèm theo hồ sơ đăng ký thuế.

- Cột (2): Ghi lại nội dung thông tin đăng ký thuế đã kê khai trong lần đăng ký thuế gần nhất.

- Cột (3): Ghi chính xác nội dung thông tin đăng ký thuế mới thay đổi hoặc bổ sung.

28. Chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với trường hợp chuyển đổi mô hình hoạt động của tổ chức kinh tế và tổ chức khác (Chuyển đơn vị phụ thuộc thành đơn vị độc lập hoặc ngược lại) - Đối với đơn vị trước chuyển đổi.

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Đơn vị độc lập chuyển thành đơn vị trực thuộc của đơn vị chủ quản khác thì đơn vị độc lập được chuyển đổi phải làm thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế với cơ quan thuế quản lý trực tiếp trước khi chuyển đổi theo quy định tại Điều 39 Luật Quản lý thuế và Điều 14 Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử: Người nộp thuế (NNT) truy cập vào Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) để khai tờ khai và gửi kèm các hồ sơ theo quy định dưới dạng điện tử (nếu có), ký điện tử và gửi đến cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn.

NNT nộp hồ sơ (hồ sơ đăng ký thuế đồng thời với hồ sơ đăng ký kinh doanh theo cơ chế 1 cửa liên thông) đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền gửi thông tin hồ sơ đã tiếp nhận của NNT sang cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

+ Bước 2: Cơ quan thuế tiếp nhận:

++ Đối với hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế bằng giấy:

+++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế: Công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận vào hồ sơ đăng ký thuế, ghi rõ ngày nhận hồ sơ, số lượng tài liệu theo bảng kê danh mục hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ đăng ký

thuế nộp trực tiếp tại cơ quan thuế. Công chức thuế viết phiếu hẹn ngày trả kết quả, thời hạn xử lý hồ sơ đã tiếp nhận.

+++ Trường hợp hồ sơ đăng ký thuế gửi bằng đường bưu chính: Công chức thuế đóng dấu tiếp nhận, ghi ngày nhận hồ sơ vào hồ sơ và ghi số văn thư của cơ quan thuế.

Công chức thuế kiểm tra hồ sơ đăng ký thuế. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ cần phải giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu, cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế theo mẫu số 01/TB-BSTT-NNT tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử:

Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận hồ sơ qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan thuế.

+++ Tiếp nhận hồ sơ: Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông báo tiếp nhận việc NNT đã nộp hồ sơ cho NNT qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) chậm nhất 15 phút kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký thuế điện tử của người nộp thuế.

+++ Kiểm tra, giải quyết hồ sơ: Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về đăng ký thuế và trả kết quả giải quyết qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ.

++++ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng thủ tục theo quy định và phải trả kết quả: Cơ quan thuế gửi kết quả giải quyết hồ sơ đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ theo thời hạn quy định tại Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

++++ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng thủ tục theo quy định, cơ quan thuế gửi thông báo về việc không chấp nhận hồ sơ, gửi đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày ghi trên Thông báo tiếp nhận hồ sơ.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tiếp tại trụ sở Cơ quan thuế;

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính;

+ Hoặc bằng phương thức điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ *Thành phần hồ sơ, gồm:*

++ Văn bản đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế mẫu số 24/ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính;

++ Bản sao Quyết định chấm dứt hoạt động đơn vị phụ thuộc, hoặc Thông báo chấm dứt hoạt động của đơn vị chủ quản, hoặc Quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đối với đơn vị phụ thuộc của cơ quan có thẩm quyền;

+ *Số lượng hồ sơ:* 01 (bộ)

- Thời hạn giải quyết:

+ Cơ quan thuế quản lý trực tiếp thực hiện:

++ Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nhận đủ hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế của người nộp thuế, cơ quan thuế phải thực

hiện Thông báo người nộp thuế ngừng hoạt động và đang làm thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo mẫu số 17/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính gửi cho người nộp thuế. Đồng thời chuyển trạng thái của người nộp thuế và các đơn vị phụ thuộc của người nộp thuế về trạng thái "NNT ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế" trên hệ thống ứng dụng đăng ký thuế.

++ Ban hành Thông báo gửi cho đơn vị chủ quản, đơn vị phụ thuộc theo mẫu số 35/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính trong trường hợp cơ quan thuế nhận được hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế của đơn vị chủ quản nhưng các đơn vị phụ thuộc chưa thực hiện thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế.

++ Trường hợp đơn vị phụ thuộc chấm dứt hiệu lực mã số thuế nhưng không có khả năng hoàn thành nghĩa vụ còn phải nộp hoặc còn nợ sau khi đã thực hiện bù trừ hoặc hoàn trả kiêm bù trừ theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành thì đơn vị chủ quản đã có văn bản cam kết chịu trách nhiệm kế thừa toàn bộ khoản nghĩa vụ thuế của đơn vị phụ thuộc thì cơ quan thuế quản lý trực tiếp đơn vị phụ thuộc thực hiện chuyển nghĩa vụ của đơn vị phụ thuộc cho đơn vị chủ quản và ban hành Thông báo về việc chuyển nghĩa vụ thuế của người nộp thuế mẫu số 39/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính gửi cho người nộp thuế là đơn vị chủ quản, đơn vị phụ thuộc.

++ Trường hợp đơn vị bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất chấm dứt hiệu lực mã số thuế nhưng không có khả năng hoàn thành nghĩa vụ còn phải nộp hoặc còn nợ sau khi đã thực hiện bù trừ hoặc hoàn trả kiêm bù trừ theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành thì cơ quan thuế quản lý trực tiếp đơn vị bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất thực hiện chuyển nghĩa vụ cho đơn vị mới và ban hành Thông báo về việc chuyển nghĩa vụ thuế của người nộp thuế mẫu số 39/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính gửi người nộp thuế là đơn vị bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất và đơn vị mới.

++ Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày người nộp thuế đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế với cơ quan thuế và cơ quan hải quan hoặc cơ quan thuế hoàn thành việc chuyển toàn bộ nghĩa vụ nợ thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước của đơn vị phụ thuộc sang đơn vị chủ quản, của đơn vị bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất sang đơn vị mới theo quy định, cơ quan thuế ban hành Thông báo chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo mẫu số 18/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính gửi cho người nộp thuế.

+ Cơ quan thuế quản lý khoản thu thực hiện:

++ Cập nhật thông tin người nộp thuế đã hoàn thành nghĩa vụ thuế đối với khoản thu thuộc cơ quan thuế quản lý vào Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế ngay trong ngày làm việc hoặc chậm nhất vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo ngày người nộp thuế hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế tại cơ quan thuế quản lý khoản thu.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức kinh tế, tổ chức khác.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Thuế/Chi cục Thuế.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thông báo người nộp thuế ngừng hoạt động và đang làm thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo mẫu số 17/TB-ĐKT và Thông báo chấm dứt hiệu lực mã số thuế mẫu số 18/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính; Thông báo gửi cho đơn vị chủ quản, đơn vị phụ thuộc theo mẫu số 35/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính; Thông báo về việc chuyển nghĩa vụ thuế của người nộp thuế mẫu số 39/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

- Phí, lệ phí: Không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Văn bản đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế mẫu số 24/ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử đồng thời đăng ký và đảm bảo đầy đủ các điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Quản lý thuế ngày 13/06/2019;

+ Luật, Pháp lệnh về thuế, phí, lệ phí, các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành;

+ Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/03/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế;

+ Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế.

- Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:

Mẫu số
24-ĐK-TCT.doc

Mẫu số: 24/ĐK-TCT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)

TÊN NGƯỜI NỘP THUẾ -------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
Số:	*...., ngày ... tháng ... năm ....*

THÔNG BÁO

Đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế

1. Tên người nộp thuế *(ghi theo tên NNT đã đăng ký thuế hoặc đăng ký doanh nghiệp)*: .....
.....

2. Mã số thuế: .....

3. Địa chỉ trụ sở *(ghi theo địa chỉ trụ sở của tổ chức đã đăng ký thuế hoặc của doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã)*: .....

4. Địa chỉ kinh doanh *(ghi địa chỉ kinh doanh của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đã đăng ký thuế)*:
.....

5. Lý do chấm dứt hiệu lực mã số thuế: .....

.....

.....

6. Hồ sơ đính kèm:

.....

.....

Người nộp thuế cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của văn bản này./.

Nơi nhận: *- CQT quản lý;* *- Lưu: VT*	**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

Ghi chú:

Người nộp thuế là tổ chức không phải đóng dấu khi đăng ký thuế và hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không phải đóng dấu vào văn bản này.

29. Đăng ký thuế đối với trường hợp chuyển đổi mô hình hoạt động của tổ chức kinh tế và tổ chức khác (Chuyển đơn vị phụ thuộc thành đơn vị độc lập hoặc ngược lại) – Đối với đơn vị sau chuyển đổi.

- Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Đơn vị phụ thuộc có quyết định chuyển thành đơn vị độc lập hoặc ngược lại phải thực hiện đăng ký thuế lại để được cơ quan thuế cấp mã số thuế mới theo quy định tại Luật Quản lý thuế và Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

Tổ chức kinh tế và các đơn vị phụ thuộc (trừ tổ hợp tác) quy định tại Điểm a, b Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 105/2020/TT-BTC nộp hồ sơ đăng ký thuế tại Cục Thuế nơi đặt trụ sở.

Tổ chức khác và các đơn vị phụ thuộc theo quy định tại Điểm c, n Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 105/2020/TT-BTC nộp hồ sơ đăng ký thuế tại Cục Thuế nơi tổ chức đóng trụ sở đối với tổ chức do cơ quan trung ương và cơ quan cấp tỉnh ra quyết định thành lập; tại Chi cục Thuế, Chi cục Thuế khu vực nơi tổ chức đóng trụ sở đối với tổ chức do cơ quan cấp huyện ra quyết định thành lập và nơi tổ hợp tác đóng trụ sở.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử: Người nộp thuế (NNT) truy cập vào Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) để khai tờ khai và gửi kèm các hồ sơ theo quy định dưới dạng điện tử (nếu có), ký điện tử và gửi đến cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn.

NNT nộp hồ sơ (hồ sơ đăng ký thuế đồng thời với hồ sơ đăng ký kinh doanh theo cơ chế 1 cửa liên thông) đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền gửi thông tin hồ

sơ đã tiếp nhận của NNT sang cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

+ Bước 2: Cơ quan thuế tiếp nhận:

++ Đối với hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế bằng giấy:

+++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế: Công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận vào hồ sơ đăng ký thuế, ghi rõ ngày nhận hồ sơ, số lượng tài liệu theo bảng kê danh mục hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế nộp trực tiếp tại cơ quan thuế. Công chức thuế viết phiếu hẹn ngày trả kết quả, thời hạn xử lý hồ sơ đã tiếp nhận.

+++ Trường hợp hồ sơ đăng ký thuế gửi bằng đường bưu chính: Công chức thuế đóng dấu tiếp nhận, ghi ngày nhận hồ sơ vào hồ sơ và ghi số văn thư của cơ quan thuế.

Công chức thuế kiểm tra hồ sơ đăng ký thuế. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ cần phải giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu, cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế theo mẫu số 01/TB-BSTT-NNT tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử:

Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận hồ sơ qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan thuế.

+++ Tiếp nhận hồ sơ: Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông báo tiếp nhận việc NNT đã nộp hồ sơ cho NNT qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) chậm nhất 15 phút kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký thuế điện tử của người nộp thuế.

+++ Kiểm tra, giải quyết hồ sơ: Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về đăng ký thuế và trả kết quả giải quyết qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ.

++++ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng thủ tục theo quy định và phải trả kết quả: Cơ quan thuế gửi kết quả giải quyết hồ sơ đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ theo thời hạn quy định tại Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

++++ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng thủ tục theo quy định, cơ quan thuế gửi thông báo về việc không chấp nhận hồ sơ, gửi đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày ghi trên Thông báo tiếp nhận hồ sơ.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tiếp tại trụ sở Cơ quan thuế;

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính;

+ Hoặc bằng phương thức điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/03/2021 của Bộ Tài chính.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ gồm:

++ Đối với đơn vị chủ quản, đơn vị độc lập:

+++ Tổ chức kinh tế (trừ tổ hợp tác) quy định tại Điểm a, b Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 105/2020/TT-BTC:

++++ Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 01-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính;

++++ Bảng kê các công ty con, công ty thành viên mẫu số BK01-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính (nếu có);

++++ Bảng kê các đơn vị phụ thuộc mẫu số BK02-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính (nếu có);

++++ Bảng kê địa điểm kinh doanh mẫu số BK03-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính (nếu có);

++++ Bảng kê các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài mẫu số BK04-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính (nếu có);

++++ Bảng kê các nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí mẫu số BK05-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính (nếu có);

++++ Bảng kê góp vốn của tổ chức, cá nhân mẫu số BK06-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính (nếu có);

++++ Bản sao Giấy phép thành lập và hoạt động, hoặc Quyết định thành lập, hoặc văn bản tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp, hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật của nước có chung biên giới (đối với tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua, bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam).

+++ Tổ chức khác và tổ hợp tác theo quy định tại Điểm b, c, n Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 105/2020/TT-BTC:

++++ Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 01-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính;

++++ Bảng kê các công ty con, công ty thành viên mẫu số BK01-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính (nếu có);

++++ Bảng kê các đơn vị phụ thuộc mẫu số BK02-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính (nếu có);

++++ Bảng kê địa điểm kinh doanh mẫu số BK03-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính (nếu có);

++++ Bảng kê các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài mẫu số BK04-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính (nếu có);

++++ Bản sao Giấy phép thành lập và hoạt động, hoặc Quyết định thành lập, hoặc văn bản tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp, hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật của nước có chung biên giới (đối với tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua, bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam).

++ Đối với đơn vị phụ thuộc:

+++ Đối với đơn vị phụ thuộc của tổ chức kinh tế (trừ tổ hợp tác) quy định tại Điểm a, b Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính:

++++ Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 02-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính;

++++ Bảng kê các đơn vị phụ thuộc mẫu số BK02-ĐK-TCT (nếu có) ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính;

++++ Bảng kê địa điểm kinh doanh mẫu số BK03-ĐK-TCT (nếu có) ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính;

++++ Bảng kê các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài mẫu số BK04-ĐK-TCT (nếu có) ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính;

++++ Bảng kê các nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí mẫu số BK05-ĐK-TCT (nếu có) ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

++++ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đơn vị phụ thuộc, hoặc Quyết định thành lập, hoặc văn bản tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp, hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật của nước có chung biên giới (đối với tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua, bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam).

+++ Đối với đơn vị phụ thuộc của tổ chức khác và tổ hợp tác theo quy định tại Điểm b, c, n Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 105/2020/TT-BTC:

++++ Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 02-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính;

++++ Bảng kê các đơn vị phụ thuộc mẫu số BK02-ĐK-TCT (nếu có) ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính;

++++ Bảng kê địa điểm kinh doanh mẫu số BK03-ĐK-TCT (nếu có) ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính;

++++ Bảng kê các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài mẫu số BK04-ĐK-TCT (nếu có) ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính;

++++ Bản sao không yêu cầu chứng thực Quyết định thành lập, hoặc Văn bản tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp.

+ Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

- Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nhận được hồ sơ đăng ký thuế đầy đủ theo quy định.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức kinh tế, tổ chức khác; đơn vị phụ thuộc của tổ chức kinh tế, tổ chức khác.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Thuế/Chi cục Thuế.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký thuế.

- Phí, lệ phí: Không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 01-ĐK-TCT ban hành theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ tài chính (Đối với đơn vị độc lập).

+ Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 02-ĐK-TCT ban hành theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ tài chính (Đối với đơn vị phụ thuộc).

+ Bảng kê các công ty con, công ty thành viên mẫu số BK01-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính (nếu có);

+ Bảng kê các đơn vị phụ thuộc mẫu số BK02-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính (nếu có);

+ Bảng kê địa điểm kinh doanh mẫu số BK03-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính (nếu có);

+ Bảng kê các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài mẫu số BK04-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính (nếu có);

+ Bảng kê các nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí mẫu số BK05-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính (nếu có);

+ Bảng kê góp vốn của tổ chức, cá nhân mẫu số BK06-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính (nếu có).

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử đồng thời đăng ký và đảm bảo đầy đủ các điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Quản lý thuế ngày 13/06/2019;

+ Luật, Pháp lệnh về thuế, phí, lệ phí, các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành;

+ Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/03/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế;

+ Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế.

- Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:

Mẫu số 01-ĐK-TCT.doc Mẫu số 02-ĐK-TCT.doc BK 01-ĐK-TCT.doc BK 02-ĐK-TCT.doc BK 03-ĐK-TCT.doc

BK 04-ĐK-TCT.doc BK 05-ĐK-TCT.doc BK 06-ĐK-TCT.doc

Mẫu số: 01-ĐK-TCT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ THUẾ

(Dùng cho tổ chức)

□ Tổ chức kinh tế □ Tổ chức khác □ Tổ chức được hoàn thuế □ Hợp đồng dầu khí □ Tổ chức nước ngoài KD tại chợ biên giới, cửa khẩu

1. Tên người nộp thuế:	
2. Thông tin đại lý thuế (nếu có):	
2a. Tên:	
2b. Mã số thuế:	
2c. Hợp đồng đại lý thuế: Số:	ngày:

3. Địa chỉ trụ sở chính		**4. Địa chỉ nhận thông báo thuế** *(chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính)*	
3a. Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:		4a. Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn hoặc hòm thư bưu điện:	
3b. Phường/Xã/Thị trấn:		4b. Phường/Xã/Thị trấn:	
3c. Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương:		4c. Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương:	
3d. Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:		4d. Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:	
3đ. Điện thoại:	3e. Fax (nếu có):	4đ. Điện thoại:	4e. Fax:
3g. Email:			

5. Quyết định thành lập	**6. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp**
5a. Số quyết định:	6a. Số:

5b. Ngày ký quyết định: .../.../.....	6b. Ngày cấp: .../.../.....
5c. Cơ quan ban hành quyết định:	6c. Cơ quan cấp:

7. Ngành nghề kinh doanh chính:

8. Vốn điều lệ (=8.1+8.2+8.3+8.4):		**9. Ngày bắt đầu hoạt động:** .../.../.....
8.1. Vốn nhà nước:	Tỷ trọng: %	
8.2. Vốn nước ngoài:	Tỷ trọng: %	
8.3. Vốn tư nhân:	Tỷ trọng: %	
8.4. Vốn khác (nếu có):	Tỷ trọng: %	

10. Loại hình kinh tế

□ Công ty cổ phần	□ Doanh nghiệp tư nhân	□ VPĐD của tổ chức nước ngoài tại Việt Nam	□ Tổ hợp tác
□ Công ty TNHH 1 thành viên	□ Công ty hợp danh	□ Tổ chức kinh tế của lực lượng vũ trang	□ Hợp tác xã
□ Công ty TNHH 2 thành viên trở lên	□ Hợp đồng hợp tác, kinh doanh với nước ngoài	□ Tổ chức kinh tế của tổ chức chính trị, CT-XH, xã hội, XH-NN	□ Cơ quan hành chính
□ Đơn vị sự nghiệp ngoài công lập		□ Đơn vị sự nghiệp công lập	□ Loại hình khác

11. Hình thức hạch toán kế toán về kết quả kinh doanh	**12. Năm tài chính**	
□ Độc lập □ Phụ thuộc □ Có báo cáo tài chính hợp nhất		Từ ngày .../.... đến ngày .../.....

13. Thông tin về đơn vị chủ quản hoặc đơn vị quản lý trực tiếp	**14. Thông tin người đại diện theo pháp luật/chủ DNTN**
13a. Mã số thuế:	14a. Tên người đại diện theo pháp luật:
	14b. Chức vụ: ..... 14c. Sinh ngày: .../.../.....
	14d. Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:
13b. Tên đơn vị chủ quản/đơn vị quản lý trực	□ CMND □ CCCD □ Hộ chiếu

tiếp:	□ CMT biên giới □ Giấy thông hành □ Khác Số giấy tờ: ..... Ngày cấp: ..... Nơi cấp:..... 14đ. Địa chỉ nơi thường trú: Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn: Phường/Xã/Thị trấn: Quận/Huyện/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương: Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương: Quốc gia: 14e. Địa chỉ hiện tại (nếu có): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn: Phường/Xã/Thị trấn: Quận/Huyện/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương: Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương: Quốc gia: 14g. Thông tin khác Điện thoại: ...../Fax:..... Email: .....Website:.....

15. Phương pháp tính thuế GTGT	□ Khấu trừ	□ Trực tiếp trên GTGT	□ Trực tiếp trên doanh số	□ Không phải nộp thuế GTGT

16. Thông tin về các đơn vị liên quan

□ Có công ty con, công ty thành viên	□ Có đơn vị phụ thuộc	□ Có nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí
□ Có địa điểm kinh doanh, kho hàng phụ thuộc	□ Có hợp đồng với nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài	

17. Thông tin khác

17.1. Giám đốc/Tổng giám đốc (nếu có):
a. Tên:
b. Mã số thuế cá nhân:
c. Điện thoại liên lạc:

17.2. Kế toán trưởng (nếu có):
a. Tên:
b. Mã số thuế cá nhân:
c. Điện thoại liên lạc:

d. Email:	d. Email:

18. Tình trạng trước khi tổ chức lại (nếu có):

□ Chia □ Tách □ Hợp nhất

Mã số thuế trước của tổ chức đó:

Tôi xin cam đoan những nội dung trong bản kê khai này là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã kê khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên: .....

Chứng chỉ hành nghề số .....

....., ngày ... /.../.....

NGƯỜI NỘP THUẾ HOẶC ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI MẪU SỐ 01-ĐK-TCT

Người nộp thuế phải tích chọn vào một trong các ô thích hợp trước khi kê khai vào phần thông tin chi tiết, cụ thể như sau:

- "Tổ chức kinh tế": Người nộp thuế đăng ký thuế theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 7 tích chọn vào chỉ tiêu này.

- "Tổ chức khác": Người nộp thuế đăng ký thuế theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 7 tích chọn vào chỉ tiêu này.

- "Tổ chức được hoàn thuế": Người nộp thuế đăng ký thuế theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 7 tích chọn vào chỉ tiêu này. Người nộp thuế chỉ khai các chỉ tiêu: 1, 3, 4, 5, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 17.

- "Hợp đồng dầu khí": Người nộp thuế đăng ký thuế theo quy định tại Khoản 7 Điều 7 Thông tư này.

- "Tổ chức nước ngoài kinh doanh tại chợ biên giới, cửa khẩu": Người nộp thuế là tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế của khẩu của Việt Nam đăng ký thuế theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 7 Thông tư này. Khi tích chọn, người đại diện theo pháp luật kê khai các loại giấy tờ theo quy định tại Khoản 1 Điều 2 Thông tư số 218/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015 của Bộ Tài chính tại chỉ tiêu 14d và loại hình kinh tế tương ứng tại chỉ tiêu 10.

Thông tin chi tiết gồm:

1. Tên người nộp thuế: Ghi rõ ràng, đầy đủ bằng chữ in hoa tên tổ chức theo Quyết định thành lập hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (đối với tổ chức Việt Nam) hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam).

2. Thông tin đại lý thuế: Ghi đầy đủ các thông tin của đại lý thuế trong trường hợp Đại lý thuế ký hợp đồng với người nộp thuế để thực hiện thủ tục đăng ký thuế thay cho người nộp thuế theo quy định tại Luật Quản lý thuế.

3. Địa chỉ trụ sở chính: Ghi rõ số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn, phường/xã/thị

trấn, quận/huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh, tỉnh/thành phố của người nộp thuế. Nếu có số điện thoại, số Fax thì ghi rõ mã vùng - số điện thoại/số Fax theo thông tin địa chỉ sau:

- Địa chỉ trụ sở chính của người nộp thuế là tổ chức.

- Địa chỉ nơi kinh doanh trong chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ khu kinh tế cửa khẩu đối với người nộp thuế là tổ chức của các nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam.

- Địa chỉ nơi diễn ra hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí đối với hợp đồng dầu khí.

- Người nộp thuế phải kê khai đầy đủ, chính xác thông tin email. Địa chỉ email này dùng làm tài khoản giao dịch điện tử với cơ quan thuế đối với hồ sơ đăng ký thuế điện tử.

4. Địa chỉ nhận thông báo thuế: Nếu người nộp thuế là tổ chức có địa chỉ nhận các thông báo của cơ quan thuế khác với địa chỉ của trụ sở chính tại chỉ tiêu 3 nêu trên thì ghi rõ địa chỉ nhận thông báo thuế để cơ quan thuế liên hệ.

5. Quyết định thành lập:

- Đối với người nộp thuế là tổ chức có quyết định thành lập: Ghi rõ số quyết định, ngày ban hành quyết định và cơ quan ban hành quyết định.

- Đối với Hợp đồng dầu khí: Ghi rõ số hợp đồng, ngày ký hợp đồng, để trống phần cơ quan ra quyết định.

6. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp: Ghi rõ số, ngày cấp và cơ quan cấp Giấy chứng nhận ĐKKD của nước có chung biên giới với Việt Nam cấp (đối với người nộp thuế là tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam), Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (đối với người nộp thuế là tổ chức của Việt Nam).

Riêng thông tin "cơ quan cấp" Giấy chứng nhận ĐKKD: ghi tên nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam đã cấp Giấy chứng nhận ĐKKD (Lào, Campuchia, Trung Quốc).

7. Ngành nghề kinh doanh chính: Ghi theo ngành nghề kinh doanh trên Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương dương do cơ quan có thẩm quyền cấp (đối với người nộp thuế là tổ chức của Việt Nam) và Giấy chứng nhận ĐKKD (đối với người nộp thuế là tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hứa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế của khẩu của Việt Nam).

Lưu ý: Chỉ ghi 1 ngành nghề chính thực tế kinh doanh.

8. Vốn điều lệ:

- Đối với người nộp thuế thuộc loại hình Công ty TNHH, Công ty cổ phần, Công ty hợp danh: Ghi theo vốn điều lệ Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc nguồn vốn trên Quyết định thành lập (ghi rõ loại tiền, phân loại nguồn vốn theo chủ sở hữu, tỷ trọng của từng loại nguồn vốn trong tổng số vốn).

- Đối với người nộp thuế thuộc loại hình doanh nghiệp tư nhân: Ghi theo vốn đầu tư trên Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (ghi rõ loại tiền).

- Đối với người nộp thuế là tổ chức của các nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam và tổ chức khác: Nếu trên Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận ĐKKD,... có vốn thì ghi, nếu không có vốn thì để trống thông tin này.

9. Ngày bắt đầu hoạt động: Kê khai ngày người nộp thuế bắt đầu hoạt động thực tế nếu khác với ngày cấp mã số thuế.

10. Loại hình kinh tế: Đánh dấu X vào 1 trong những ô tương ứng.

11. Hình thức hạch toán kế toán về kết quả kinh doanh: Đánh dấu X vào một trong hai ô của là độc lập hoặc phụ thuộc. Trường hợp tích chọn ô "độc lập" thì tích chọn vào "có BCTC hợp nhất" nếu

thuộc đối tượng phải lập và gửi báo cáo tài chính hợp nhất cho cơ quan thuế theo quy định.

12. Năm tài chính: Ghi rõ từ ngày, tháng đầu niên độ kế toán đến ngày, tháng cuối niên độ kế toán theo năm dương lịch hoặc năm tài chính của người nộp thuế.

13. Thông tin về đơn vị chủ quản hoặc đơn vị quản lý trực tiếp: Ghi rõ tên, mã số thuế của đơn vị cấp trên trực tiếp quản lý người nộp thuế là tổ chức.

14. Thông tin người đại diện theo pháp luật/chủ DNTN: Kê khai thông tin chi tiết của người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế là tổ chức (đối với tổ chức kinh tế và tổ chức khác trừ doanh nghiệp tư nhân) hoặc thông tin của chủ doanh nghiệp tư nhân.

15. Phương pháp tính thuế GTGT: Đánh dấu X vào một trong các ô của chỉ tiêu này.

16. Thông tin về các đơn vị có liên quan:

- Nếu người nộp thuế có công ty con, công ty thành viên thì đánh dấu X vào ô "Có công ty con, công ty thành viên", sau đó phải kê khai vào phần "Bảng kê các công ty con, công ty thành viên" mẫu số BK01-ĐK-TCT.

- Nếu người nộp thuế có đơn vị phụ thuộc thì đánh dấu X vào 6 "Có đơn vị phụ thuộc", sau đó phải kê khai vào "Bảng kê các đơn vị phụ thuộc" mẫu số BK02-ĐK-TCT.

- Nếu người nộp thuế có địa điểm kinh doanh, kho hàng phụ thuộc không có chức năng kinh doanh thì đánh dấu X vào ô "Có địa điểm kinh doanh, kho hàng phụ thuộc", sau đó phải kê khai vào phần "Bảng kê các địa điểm kinh doanh" mẫu số BK03-ĐK-TCT.

- Nếu người nộp thuế có nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài thì đánh dấu X vào ô "Có nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài", sau đó phải kê khai vào phần "Bảng kê các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài" mẫu số BK04-ĐK-TCT.

- Nếu người nộp thuế có nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí thì đánh dấu X vào ô "Có nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí", sau đó phải kê khai vào phần "Bảng kê các nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí" mẫu số BK05-ĐK-TCT (đối với hợp đồng dầu khí).

17. Thông tin khác: Ghi rõ họ và tên, mã số thuế cá nhân, số điện thoại liên lạc, email của Tổng giám đốc hoặc Giám đốc và Kế toán trưởng của người nộp thuế.

18. Tình trạng trước khi tổ chức lại tổ chức kinh tế (nếu có): Nếu người nộp thuế là tổ chức kinh tế đăng ký thuế do tổ chức Lại của tổ chức kinh tế trước đó thì đánh dấu X vào một trong các trường hợp: sáp nhập, hợp nhất, chia, tách và phải ghi rõ mã số thuế đã cấp trước đây của các tổ chức kinh tế bị sáp nhập, bị hợp nhất, bị chia, bị tách.

19. Phần người nộp thuế hoặc người đại diện hợp pháp của người nộp thuế ký, ghi rõ họ tên: Người nộp thuế hoặc người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế phải ký, ghi rõ họ tên vào phần này.

20. Đóng dấu của người nộp thuế:

Trường hợp người nộp thuế có con dấu tại thời điểm đăng ký thuế thì phải đóng dấu vào phần này. Trường hợp người nộp thuế không có con dấu tại thời điểm đăng ký thuế thì chưa phải đóng dấu trên tờ khai thuế. Khi người nộp thuế đến nhận kết quả phải bổ sung việc đóng dấu cho cơ quan thuế.

Trường hợp người nộp thuế thuộc đối tượng đăng ký thuế quy định tại điểm d khoản 2 Điều 4 Thông tư này không có con dấu thì không phải đóng dấu vào phần này.

21. Nhân viên đại lý thuế: Trường hợp đại lý thuế kê khai thay cho người nộp thuế thì kê khai vào thông tin này.

Mẫu số: 02-ĐK-TCT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ THUẾ

(Dùng cho đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh trực tiếp phát sinh nghĩa vụ thuế)

□ Chi nhánh □ Văn phòng đại diện □ Địa điểm kinh doanh

NNT ghi MST 10 số của đơn vị chủ quản vào các ô này

1. Tên người nộp thuế:	
2. Thông tin đại lý thuế (nếu có):	
2a. Tên:	
2b. Mã số thuế:	
2c. Hợp đồng đại lý thuế: Số:	Ngày:

3. Địa chỉ trụ sở chính	**4. Địa chỉ nhận thông báo thuế** *(chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính)*
3a. Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:	4a. Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn hoặc hòm thư bưu điện:
3b. Phường/Xã/Thị trấn:	4b. Phường/Xã/Thị trấn:
3c. Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương:	4c. Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương:
3d. Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:	4d. Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:
3đ. Điện thoại: /Fax:	4đ. Điện thoại: /Fax:
3e. Email:	4e. E-mail:

5. Quyết định thành lập	**6. Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp**
5a. Số quyết định:	6a. Số:

5b. Ngày ký quyết định: .../.../.....	6b. Ngày cấp: .../.../.....
5c. Cơ quan ban hành quyết định:	6c. Cơ quan cấp:
	7. Ngành nghề kinh doanh chính:

8. Vốn điều lệ (=8.1+8.2+8.3+8.4):	**9. Ngày bắt đầu hoạt động:** .../.../.....
8.1. Vốn nhà nước: Tỷ trọng: %	
8.2. Vốn nước ngoài: Tỷ trọng: %	
8.3. Vốn tư nhân: Tỷ trọng: %	
8.4. Vốn khác (nếu có): Tỷ trọng: %	

10. Loại hình kinh tế

□ Công ty cổ phần	□ Doanh nghiệp tư nhân	□ VPĐD của tổ chức nước ngoài tại Việt Nam	□ Tổ hợp tác
□ Công ty TNHH 1 thành viên	□ Công ty hợp danh	□ Tổ chức kinh tế của lực lượng vũ trang	□ Hợp tác xã
□ Công ty TNHH 2 thành viên trở lên	□ Hợp đồng hợp tác, kinh doanh với nước ngoài	□ Tổ chức kinh tế của tổ chức chính trị, CT-XH, xã hội, XH-NN	□ Cơ quan hành chính
□ Đơn vị sự nghiệp ngoài công lập		□ Đơn vị sự nghiệp công lập	□ Loại hình khác

11. Hình thức hạch toán kế toán về kết quả kinh doanh □ Độc lập □ Phụ thuộc	**12. Năm tài chính** Từ ngày .../.... đến ngày .../.....

13. Thông tin về đơn vị chủ quản hoặc đơn vị quản lý trực tiếp	**14. Thông tin người đại diện theo pháp luật của đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh**
13a. Mã số thuế:	□ Đơn vị phụ thuộc, địa điểm KD của tổ chức của VN □ Đơn vị phụ thuộc, địa điểm KD của của thương nhân nước ngoài
13b. Tên đơn vị chủ quản/đơn vị quản lý trực tiếp:	14a. Tên người đại diện theo pháp luật:

	14b. Chức vụ: ..... 14c. Sinh ngày: .../.../..... 14d. Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: □ CMND □ CCCD □ Hộ chiếu □ CMT biên giới □ Giấy thông hành □ Khác Số giấy tờ: ..... Ngày cấp: ..... Nơi cấp:..... 14đ. Địa chỉ nơi thường trú: Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn: Phường/Xã/Thị trấn: Quận/Huyện/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương: Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương: Quốc gia: 14e. Địa chỉ hiện tại (nếu có): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn: Phường/Xã/Thị trấn: Quận/Huyện/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương: Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương: Quốc gia: 14g. Thông tin khác Điện thoại: /Fax: Email: Website:

15. Phương pháp tính thuế GTGT

□ Khấu trừ	□ Trực tiếp trên GTGT	□ Trực tiếp trên doanh số	□ Không phải nộp thuế GTGT

16. Thông tin về các đơn vị liên quan

□ Có đơn vị phụ thuộc	□ Có địa điểm kinh doanh, khongoài, nhà thầu phụ nước ngoài hàng phụ thuộc	□ Có hợp đồng với nhà thầu nước	□ Có nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí

17. Thông tin khác

17.1. Giám đốc (nếu có):	*17.2. Kế toán trưởng (nếu có):*
a. Tên:	a. Tên:

b. Mã số thuế cá nhân:	b. Mã số thuế cá nhân:
c. Điện thoại liên lạc:	c. Điện thoại liên lạc:
d. Email:	d. Email:

18. Tình trạng trước khi tổ chức lại (nếu có):

□ Chia □ Tách □ Hợp nhất

Mã số thuế trước của tổ chức đó:

Tôi xin cam đoan những nội dung trong bản kê khai này là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã kê khai./.

....., ngày ... /.../.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên: .....

Chứng chỉ hành nghề số .....

NGƯỜI NỘP THUẾ HOẶC ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI
MẪU SỐ 02-ĐK-TCT

1. Tên người nộp thuế: Ghi rõ ràng, đầy đủ bằng chữ in hoa tên tổ chức theo Quyết định thành lập hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (đối với tổ chức Việt Nam) hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam).

2. Thông tin đại lý thuế: Ghi đầy đủ các thông tin của đại lý thuế trong trường hợp Đại lý thuế ký hợp đồng với người nộp thuế để thực hiện thủ tục đăng ký thuế thay cho người nộp thuế theo quy định tại Luật Quản lý thuế.

3. Địa chỉ trụ sở chính: Ghi rõ số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn, phường/xã/thị trấn, quận/huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh, tỉnh/thành phố của người nộp thuế. Nếu có số điện thoại, số Fax thì ghi rõ mã vùng - số điện thoại/số Fax theo thông tin địa chỉ sau:

- Địa chỉ trụ sở chính của người nộp thuế là tổ chức.

- Địa chỉ nơi kinh doanh trong chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ khu kinh tế cửa khẩu đối với người nộp thuế là tổ chức của các nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam.

- Địa chỉ nơi diễn ra hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí đối với hợp đồng dầu khí.

- Người nộp thuế phải kê khai đầy đủ, chính xác thông tin email. Địa chỉ email này dùng làm tài khoản giao dịch điện tử với cơ quan thuế đối với hồ sơ đăng ký thuế điện tử.

4. Địa chỉ nhận thông báo thuế: Nếu người nộp thuế là tổ chức có địa chỉ nhận các thông báo của cơ quan thuế khác với địa chỉ của trụ sở chính tại chỉ tiêu 3 nêu trên thì ghi rõ địa chỉ nhận thông báo thuế để cơ quan thuế liên hệ.

5. Quyết định thành lập:

- Đối với người nộp thuế là tổ chức có quyết định thành lập: Ghi rõ số quyết định, ngày ban hành

quyết định và cơ quan ban hành quyết định.

- Đối với nhà thầu, nhà đầu tư tham gia Hợp đồng dầu khí: Ghi rõ số hợp đồng, ngày ký hợp đồng, để trống phần cơ quan ra quyết định.

6. Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấp tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp: Ghi rõ số, ngày cấp và cơ quan cấp Giấy chứng nhận ĐKKD của nước có chung biên giới với Việt Nam cấp (đối với người nộp thuế là tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ của khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu cửa Việt Nam), Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (đối với người nộp thuế là tổ chức của Việt Nam).

Riêng thông tin "cơ quan cấp" Giấy chứng nhận ĐKKD: ghi tên nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam đã cấp Giấy chứng nhận ĐKKD (Lào, Campuchia, Trung Quốc).

7. Ngành nghề kinh doanh chính: Ghi theo ngành nghề kinh doanh trên Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (đối với người nộp thuế là tổ chức của Việt Nam) và Giấy chứng nhận ĐKKD (đối với người nộp thuế là tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam).

Lưu ý: chỉ ghi 1 ngành nghề chính thực tế kinh doanh.

8. Vốn điều lệ:

- Đối với người nộp thuế thuộc loại hình Công ty TNHH, Công ty cổ phần, Công ty hợp danh: Ghi theo vốn điều lệ Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc nguồn vốn trên Quyết định thành lập (ghi rõ loại tiền, phân loại nguồn vốn theo chủ sở hữu, tỷ trọng của từng loại nguồn vốn trong tổng số vốn).

- Đối với người nộp thuế thuộc loại hình doanh nghiệp tư nhân: Ghi theo vốn đầu tư trên Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (ghi rõ loại tiền).

- Đối với người nộp thuế là tổ chức của các nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam và tổ chức khác: Nếu trên Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận ĐKKD,... có vốn thì ghi, nếu không có vốn thì để trống thông tin này.

9. Ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh: Kê khai ngày người nộp thuế bắt đầu hoạt động thực tế nếu khác với ngày cấp mã số thuế.

10. Loại hình kinh tế: Đánh dấu X vào 1 trong những ô tương ứng.

11. Hình thức hạch toán kế toán về kết quả kinh doanh: Đánh dấu X vào một trong hai ô của chỉ tiêu này.

12. Năm tài chính: Ghi rõ từ ngày, tháng đầu niên độ kế toán đến ngày, tháng cuối niên độ kế toán theo năm dương lịch hoặc năm tài chính.

13. Thông tin về đơn vị chủ quản hoặc đơn vị quản lý trực tiếp: Ghi rõ tên, mã số thuế của đơn vị cấp trên trực tiếp quản lý đơn vị phụ thuộc.

14. Thông tin người đại diện theo pháp luật/chủ DNTN: Kê khai thông tin chi tiết của người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế là tổ chức (đối với tổ chức kinh tế và tổ chức khác trừ doanh nghiệp tư nhân) hoặc thông tin của chủ doanh nghiệp tư nhân.

15. Phương pháp tính thuế GTGT: Tổ chức tự đánh dấu X vào 1 trong những ô tương ứng.

16. Thông tin về các đơn vị liên quan:

- Nếu người nộp thuế có đơn vị phụ thuộc thì đánh dấu X vào ô "Có đơn vị phụ thuộc", sau đó phải kê khai vào "Bảng kê các đơn vị phụ thuộc" mẫu số BK02-ĐK-TCT,

- Nếu người nộp thuế có địa điểm kinh doanh, kho hàng phụ thuộc không có chức năng kinh doanh thì đánh dấu X vào ô "Có địa điểm kinh doanh, kho hàng phụ thuộc", sau đó phải kê khai vào phần "Bảng kê các địa điểm kinh doanh" mẫu số BK03-ĐK-TCT.

- Nếu người nộp thuế có nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài thì đánh dấu X vào ô "Có nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài", sau đó phải kê khai vào phần "Bảng kê các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài" mẫu số BK04-ĐK-TCT.

- Nếu người nộp thuế có nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí thì đánh dấu X vào ô "Có nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí", sau đó phải kê khai vào phần "Bảng kê các nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí" mẫu số BK05-ĐK-TCT (đối với hợp đồng dầu khí).

17. Thông tin khác: Ghi rõ họ và tên, mã số thuế cá nhân, số điện thoại liên lạc và email của Giám đốc và Kế toán trưởng của người nộp thuế.

18. Tình trạng trước khi tổ chức lại tổ chức kinh tế (nếu có): Nếu người nộp thuế là tổ chức kinh tế đăng ký thuế do tổ chức lại của tổ chức kinh tế trước đó thì đánh dấu X vào một trong các trường hợp: sáp nhập, hợp nhất, chia, tách và phải ghi rõ mã số thuế đã cấp trước đây của các tổ chức kinh tế bị sáp nhập, bị hợp nhất, bị chia, bị tách.

19. Phần người nộp thuế hoặc người đại diện hợp pháp của người nộp thuế ký, ghi rõ họ tên: Người nộp thuế hoặc người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế phải ký, ghi rõ họ tên vào phần này.

20. Đóng dấu của người nộp thuế: Trường hợp người nộp thuế có con dấu tại thời điểm đăng ký thuế thì phải đóng dấu vào phần này. Trường hợp người nộp thuế không có con dấu tại thời điểm đăng ký thuế thì chưa phải đóng dấu trên tờ khai thuế. Khi người nộp thuế đến nhận kết quả phải bổ sung việc đóng dấu cho cơ quan thuế.

21. Nhân viên đại lý thuế: Trường hợp đại lý thuế kê khai thay cho người nộp thuế thì kê khai vào thông tin này.

Mẫu số: **BK01-DK-TCT**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ
Các công ty con, công ty thành viên
(Kèm theo tờ khai mẫu số <01-ĐK-TCT>)

Tên người nộp thuế: .....

Mã số thuế (nếu có): | | | | | | | | | | | | | |

STT	Mã số thuế	Tên công ty con, công ty thành viên	Địa chỉ của công ty con, công ty thành viên	Vốn của công ty mẹ góp vào công ty con, công ty thành viên	Loại tiền (VNĐ/USD)	Tỷ lệ vốn của công ty mẹ góp vào công ty con, công ty thành viên (%)

..., ngày... /... /.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: **BK02-ĐK-TCT**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 3/12/2020 của Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ
Các đơn vị phụ thuộc (chi nhánh, văn phòng đại diện)

(Kèm theo tờ khai mẫu số <01-ĐK-TCT hoặc 02-ĐK-TCT>)

Tên người nộp thuế:.....

Mã số thuế (nếu có): | | | | | | | | | | | | | |

STT	Tên đơn vị phụ thuộc	Địa chỉ của đơn vị phụ thuộc	Số Quyết định thành lập	Ngày ban hành Quyết định thành lập

..., ngày... /... /.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: **BK03-ĐK-TCT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ
Các địa điểm kinh doanh, kho hàng
(Kèm theo tờ khai mẫu số <01-ĐK-TCT hoặc 02-ĐK-TCT>)

Tên người nộp thuế: .....

Mã số thuế (nếu có): | | | | | | | | | | | | | |

STT	Tên địa điểm kinh doanh, kho hàng	Số Quyết định thành lập	Ngày ban hành Quyết định thành lập	Số nhà, đường phố (thôn xóm)	Phường/ xã	Quận/ huyện	Tỉnh/ thành phố
1							
2							
....							
....							
....							
....							

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

..., ngày... /... /.....
NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: **BK04-ĐK-TCT**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ
Các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài
(Kèm theo tờ khai mẫu số <01-ĐK-TCT hoặc 02-ĐK-TCT>)

Tên người nộp thuế: .....

Mã số thuế (nếu có): | | | | | | | | | | | | | |

STT	Tên Nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài	Quốc tịch	Mã số thuế của nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài tại Việt Nam (nếu có)	Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Giá trị hợp đồng	Địa điểm thực hiện hợp đồng		Thời gian thực hiện hợp đồng
							Quận/huyện	Tỉnh/ thành phố	
1									
2									
...									

..., ngày... /... /.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: **BK05-ĐK-TCT**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ
Các nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí

(Kèm theo tờ khai mẫu số <01-ĐK-TCT hoặc 02-ĐK-TCT>)

Tên người nộp thuế:.....

Mã số thuế (nếu có): | | | | | | | | | | | | | |

STT	Tên Nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí	Quốc tịch	Mã số thuế của nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí tại Việt Nam (nếu có)	Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Giá trị hợp đồng	Địa điểm thực hiện hợp đồng		Thời gian thực hiện hợp đồng
							Quận/ huyện	Tỉnh/ thành phố	
1									
2									
...									

..., ngày... /... /.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: **BK06-ĐK-TCT**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ
Góp vốn của tổ chức, cá nhân
(Kèm theo tờ khai mẫu số <01-ĐK-TCT>)

Tên người nộp thuế:.....

Mã số thuế (nếu có): | | | | | | | | | | | | | |

STT	Tên tổ chức, cá nhân góp vốn vào người nộp thuế	Quốc tịch đối với cá nhân góp vốn	Địa chỉ trụ sở của tổ chức góp vốn	Số tiền (VNĐ)	Mã số thuế (nếu có)	Số giấy phép thành lập và hoạt động hoặc quyết định thành lập của tổ chức góp vốn	Số CMND/ CCCD của cá nhân góp vốn
1							
2							
...							
Tổng cộng					x	x	x

..., ngày... /... /.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

30. Chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với trường hợp chuyển đổi mô hình hoạt động của tổ chức kinh tế và tổ chức khác (chuyển đơn vị độc lập thành đơn vị phụ thuộc của một đơn vị chủ quản khác) – Đối với đơn vị trước chuyển đổi.

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Đơn vị độc lập chuyển thành đơn vị phụ thuộc của đơn vị chủ quản khác thì đơn vị đơn vị độc lập được chuyển đổi phải làm thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế với cơ quan thuế quản lý trực tiếp trước khi chuyển đổi theo quy định tại Điều 39 Luật Quản lý thuế và Điều 14 Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử: Người nộp thuế (NNT) truy cập vào Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) để khai tờ khai và gửi kèm các hồ sơ theo quy định dưới dạng điện tử (nếu có), ký điện tử và gửi đến cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn.

NNT nộp hồ sơ (hồ sơ đăng ký thuế đồng thời với hồ sơ đăng ký kinh doanh theo cơ chế 1 cửa liên thông) đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền gửi thông tin hồ sơ đã tiếp nhận của NNT sang cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

+ Bước 2: Cơ quan thuế tiếp nhận:

++ Đối với hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế bằng giấy:

+++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế: Công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận vào hồ sơ đăng ký thuế, ghi rõ ngày nhận hồ sơ, số lượng tài liệu theo bảng kê danh mục hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ đăng ký

thuế nộp trực tiếp tại cơ quan thuế. Công chức thuế viết phiếu hẹn ngày trả kết quả, thời hạn xử lý hồ sơ đã tiếp nhận.

+++ Trường hợp hồ sơ đăng ký thuế gửi bằng đường bưu chính: Công chức thuế đóng dấu tiếp nhận, ghi ngày nhận hồ sơ vào hồ sơ và ghi số văn thư của cơ quan thuế.

Công chức thuế kiểm tra hồ sơ đăng ký thuế. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ cần phải giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu, cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế theo mẫu số 01/TB-BSTT-NNT tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử:

Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận hồ sơ qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan thuế.

+++ Tiếp nhận hồ sơ: Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông báo tiếp nhận việc NNT đã nộp hồ sơ cho NNT qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) chậm nhất 15 phút kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký thuế điện tử của người nộp thuế.

+++ Kiểm tra, giải quyết hồ sơ: Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về đăng ký thuế và trả kết quả giải quyết qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ.

++++ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng thủ tục theo quy định và phải trả kết quả: Cơ quan thuế gửi kết quả giải quyết hồ sơ đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ theo thời hạn quy định tại Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

++++ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng thủ tục theo quy định, cơ quan thuế gửi thông báo về việc không chấp nhận hồ sơ, gửi đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày ghi trên Thông báo tiếp nhận hồ sơ.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tiếp tại trụ sở Cơ quan thuế;

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính;

+ Hoặc bằng phương thức điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ *Thành phần hồ sơ, gồm:*

++ Văn bản đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế mẫu số 24/ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính;

++ Bản sao không yêu cầu chứng thực Quyết định chấm dứt hoạt động đơn vị phụ thuộc, hoặc Thông báo chấm dứt hoạt động của đơn vị chủ quản, hoặc Quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đối với đơn vị phụ thuộc của cơ quan có thẩm quyền;

+ *Số lượng hồ sơ:* 01 (bộ)

- Thời hạn giải quyết:

+ Cơ quan thuế quản lý trực tiếp thực hiện:

++ Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nhận đủ hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế của người nộp thuế, cơ quan thuế phải thực

hiện Thông báo người nộp thuế ngừng hoạt động và đang làm thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo mẫu số 17/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính gửi cho người nộp thuế. Đồng thời chuyển trạng thái của người nộp thuế và các đơn vị phụ thuộc của người nộp thuế về trạng thái "NNT ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế" trên hệ thống ứng dụng đăng ký thuế.

++ Ban hành Thông báo gửi cho đơn vị chủ quản, đơn vị phụ thuộc theo mẫu số 35/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính trong trường hợp cơ quan thuế nhận được hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế của đơn vị chủ quản nhưng các đơn vị phụ thuộc chưa thực hiện thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế.

++ Trường hợp đơn vị phụ thuộc chấm dứt hiệu lực mã số thuế nhưng không có khả năng hoàn thành nghĩa vụ còn phải nộp hoặc còn nợ sau khi đã thực hiện bù trừ hoặc hoàn trả kiêm bù trừ theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành thì đơn vị chủ quản đã có văn bản cam kết chịu trách nhiệm kế thừa toàn bộ khoản nghĩa vụ thuế của đơn vị phụ thuộc thì cơ quan thuế quản lý trực tiếp đơn vị phụ thuộc thực hiện chuyển nghĩa vụ của đơn vị phụ thuộc cho đơn vị chủ quản và ban hành Thông báo về việc chuyển nghĩa vụ thuế của người nộp thuế mẫu số 39/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính gửi cho người nộp thuế là đơn vị chủ quản, đơn vị phụ thuộc.

++ Trường hợp đơn vị bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất chấm dứt hiệu lực mã số thuế nhưng không có khả năng hoàn thành nghĩa vụ còn phải nộp hoặc còn nợ sau khi đã thực hiện bù trừ hoặc hoàn trả kiêm bù trừ theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành thì cơ quan thuế quản lý trực tiếp đơn vị bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất thực hiện chuyển nghĩa vụ cho đơn vị mới và ban hành Thông báo về việc chuyển nghĩa vụ thuế của người nộp thuế mẫu số 39/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính gửi người nộp thuế là đơn vị bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất và đơn vị mới.

++ Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày người nộp thuế đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế với cơ quan thuế và cơ quan hải quan hoặc cơ quan thuế hoàn thành việc chuyển toàn bộ nghĩa vụ nợ thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước của đơn vị phụ thuộc sang đơn vị chủ quản, của đơn vị bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất sang đơn vị mới theo quy định, cơ quan thuế ban hành Thông báo chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo mẫu số 18/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính gửi cho người nộp thuế.

+ Cơ quan thuế quản lý khoản thu thực hiện:

++ Cập nhật thông tin người nộp thuế đã hoàn thành nghĩa vụ thuế đối với khoản thu thuộc cơ quan thuế quản lý vào Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế ngay trong ngày làm việc hoặc chậm nhất vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo ngày người nộp thuế hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế tại cơ quan thuế quản lý khoản thu.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức kinh tế, tổ chức khác.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Thuế/Chi cục Thuế.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan thuế ban hành Thông báo người nộp thuế ngừng hoạt động và đang làm thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo mẫu số 17/TB-ĐKT và Thông báo chấm dứt hiệu lực mã số thuế mẫu số 18/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

- Phí, lệ phí: Không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Văn bản đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế mẫu số 24/ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì

phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử đồng thời đăng ký và đảm bảo đầy đủ các điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Quản lý thuế ngày 13/06/2019;

+ Luật, Pháp lệnh về thuế, phí, lệ phí, các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành;

+ Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/03/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế;

+ Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế.

- Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:

Mẫu số
24-ĐK-TCT.doc

Mẫu số: 24/ĐK-TCT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)

TÊN NGƯỜI NỘP THUẾ -------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
Số:	...., ngày ... tháng ... năm ....

THÔNG BÁO

Đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế

1. Tên người nộp thuế *(ghi theo tên NNT đã đăng ký thuế hoặc đăng ký doanh nghiệp)*: .....
.....

2. Mã số thuế: .....

3. Địa chỉ trụ sở *(ghi theo địa chỉ trụ sở của tổ chức đã đăng ký thuế hoặc của doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã)*: .....

4. Địa chỉ kinh doanh *(ghi địa chỉ kinh doanh của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đã đăng ký thuế)*:
.....

5. Lý do chấm dứt hiệu lực mã số thuế: .....

.....

.....

6. Hồ sơ đính kèm:

.....

.....

Người nộp thuế cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của văn bản này./.

Nơi nhận: *- CQT quản lý;* *- Lưu: VT*	**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

Ghi chú:

Người nộp thuế là tổ chức không phải đóng dấu khi đăng ký thuế và hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không phải đóng dấu vào văn bản này.

31. Đăng ký thuế đối với trường hợp chuyển đổi mô hình hoạt động của tổ chức kinh tế và tổ chức khác (chuyển đơn vị độc lập thành đơn vị phụ thuộc của một đơn vị chủ quản khác) – Đối với đơn vị sau chuyển đổi.

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Một đơn vị độc lập chuyển thành đơn vị phụ thuộc của một đơn vị chủ quản khác thì được cấp mã số thuế 13 số theo mã số thuế của đơn vị chủ quản mới. Đơn vị phụ thuộc mới thực hiện đăng ký thuế với cơ quan thuế quản lý trực tiếp theo quy định tại Điều 31, Điều 32, Điều 33 Luật Quản lý thuế và Điều 7 Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử: Người nộp thuế (NNT) truy cập vào Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) để khai tờ khai và gửi kèm các hồ sơ theo quy định dưới dạng điện tử (nếu có), ký điện tử và gửi đến cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn.

NNT nộp hồ sơ (hồ sơ đăng ký thuế đồng thời với hồ sơ đăng ký kinh doanh theo cơ chế 1 cửa liên thông) đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền gửi thông tin hồ sơ đã tiếp nhận của NNT sang cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

+ Bước 2: Cơ quan thuế tiếp nhận:

++ Đối với hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế bằng giấy:

+++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế: Công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận vào hồ sơ đăng ký thuế, ghi rõ ngày nhận hồ sơ, số lượng tài liệu theo bảng kê danh mục hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ đăng ký

thuế nộp trực tiếp tại cơ quan thuế. Công chức thuế viết phiếu hẹn ngày trả kết quả, thời hạn xử lý hồ sơ đã tiếp nhận.

+++ Trường hợp hồ sơ đăng ký thuế gửi bằng đường bưu chính: Công chức thuế đóng dấu tiếp nhận, ghi ngày nhận hồ sơ vào hồ sơ và ghi số văn thư của cơ quan thuế.

Công chức thuế kiểm tra hồ sơ đăng ký thuế. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ cần phải giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu, cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế theo mẫu số 01/TB-BSTT-NNT tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử:

Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận hồ sơ qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan thuế.

+++ Tiếp nhận hồ sơ: Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông báo tiếp nhận việc NNT đã nộp hồ sơ cho NNT qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) chậm nhất 15 phút kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký thuế điện tử của người nộp thuế.

+++ Kiểm tra, giải quyết hồ sơ: Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về đăng ký thuế và trả kết quả giải quyết qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ.

++++ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng thủ tục theo quy định và phải trả kết quả: Cơ quan thuế gửi kết quả giải quyết hồ sơ đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ theo thời hạn quy định tại Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

++++ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng thủ tục theo quy định, cơ quan thuế gửi thông báo về việc không chấp nhận hồ sơ, gửi đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày ghi trên Thông báo tiếp nhận hồ sơ.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tiếp tại trụ sở Cơ quan thuế;

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính;

+ Hoặc bằng phương thức điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ, gồm:

++ Đối với đơn vị phụ thuộc của tổ chức kinh tế (trừ tổ hợp tác) quy định tại Điểm a, b Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

+++ Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 02-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính;

+++ Bảng kê các đơn vị phụ thuộc (chi nhánh, văn phòng đại diện) mẫu số BK02-ĐK-TCT (nếu có) ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính;

+++ Bảng kê địa điểm kinh doanh, kho hàng mẫu số BK03-ĐK-TCT (nếu có) ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính;

+++ Bảng kê các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài mẫu số BK04-ĐK-TCT (nếu có) ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính;

+++ Bảng kê các nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí mẫu số BK05-ĐK-TCT (nếu có) ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

+++ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đơn vị phụ thuộc, hoặc Quyết định thành lập, hoặc văn bản tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp, hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật của nước có chung biên giới (đối với tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua, bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam).

++ Đối với đơn vị phụ thuộc của tổ chức khác và tổ hợp tác theo quy định tại Điểm b, c, n Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 105/2020/TT-BTC:

+++ Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 02-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính;

+++ Bảng kê các đơn vị phụ thuộc (chi nhánh, văn phòng đại diện) mẫu số BK02-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính (nếu có);

+++ Bảng kê địa điểm kinh doanh, kho hàng mẫu số BK03-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính (nếu có) ;

+++ Bảng kê các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài mẫu số BK04-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính (nếu có);

+++ Bản sao không yêu cầu chứng thực Quyết định thành lập, hoặc Văn bản tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp.

+ *Số lượng hồ sơ:* 01 (bộ)

- **Thời hạn giải quyết:** 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nhận được hồ sơ đăng ký thuế đầy đủ theo quy định.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Đơn vị phụ thuộc của tổ chức kinh tế, tổ chức khác.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cục Thuế/Chi cục Thuế.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận đăng ký thuế.

- **Phí, lệ phí:** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 02-ĐK-TCT ban hành theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

++ Bảng kê các đơn vị phụ thuộc (chi nhánh, văn phòng đại diện) mẫu số BK02-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính (nếu có);

++ Bảng kê địa điểm kinh doanh, kho hàng mẫu số BK03-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính (nếu có);

++ Bảng kê các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài mẫu số BK04-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính (nếu có) ;

++ Bảng kê các nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí mẫu số BK05-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính (nếu có).

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính**: Trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử đồng thời đăng ký và đảm bảo đầy đủ các điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Quản lý thuế ngày 13/06/2019;

+ Luật, Pháp lệnh về thuế, phí, lệ phí, các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành;

+ Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/03/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế;

+ Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế.

- Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:

Mẫu số 02-ĐK-TCT.doc BK 02-ĐK-TCT.doc BK 03-ĐK-TCT.doc BK 04-ĐK-TCT.doc BK 05-ĐK-TCT.doc

Mẫu số: 02-ĐK-TCT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ THUẾ

(Dùng cho đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh trực tiếp phát sinh nghĩa vụ thuế)

□ Chi nhánh □ Văn phòng đại diện □ Địa điểm kinh doanh

NNT ghi MST 10 số của đơn vị chủ quản vào các ô này

1. Tên người nộp thuế:
2. Thông tin đại lý thuế (nếu có):
2a. Tên:
2b. Mã số thuế:
2c. Hợp đồng đại lý thuế: Số: Ngày:

3. Địa chỉ trụ sở chính	**4. Địa chỉ nhận thông báo thuế** *(chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính)*
3a. Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:	4a. Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn hoặc hòm thư bưu điện:
3b. Phường/Xã/Thị trấn:	4b. Phường/Xã/Thị trấn:
3c. Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương:	4c. Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương:
3d. Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:	4d. Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:
3đ. Điện thoại: /Fax:	4đ. Điện thoại: /Fax:
3e. Email:	4e. E-mail:

5. Quyết định thành lập	**6. Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp**
5a. Số quyết định:	6a. Số:

5b. Ngày ký quyết định: .../.../.....	6b. Ngày cấp: .../.../.....
5c. Cơ quan ban hành quyết định:	6c. Cơ quan cấp:
	7. Ngành nghề kinh doanh chính:

8. Vốn điều lệ (=8.1+8.2+8.3+8.4):	**9. Ngày bắt đầu hoạt động:** .../.../.....
8.1. Vốn nhà nước: Tỷ trọng: %	
8.2. Vốn nước ngoài: Tỷ trọng: %	
8.3. Vốn tư nhân: Tỷ trọng: %	
8.4. Vốn khác (nếu có): Tỷ trọng: %	

10. Loại hình kinh tế

□ Công ty cổ phần	□ Doanh nghiệp tư nhân	□ VPĐD của tổ chức nước ngoài tại Việt Nam	□ Tổ hợp tác
□ Công ty TNHH 1 thành viên	□ Công ty hợp danh	□ Tổ chức kinh tế của lực lượng vũ trang	□ Hợp tác xã
□ Công ty TNHH 2 thành viên trở lên	□ Hợp đồng hợp tác, kinh doanh với nước ngoài	□ Tổ chức kinh tế của tổ chức chính trị, CT-XH, xã hội, XH-NN	□ Cơ quan hành chính
□ Đơn vị sự nghiệp ngoài công lập		□ Đơn vi sự nghiệp công lập	□ Loại hình khác

11. Hình thức hạch toán kế toán về kết quả kinh doanh □ Độc lập □ Phụ thuộc	**12. Năm tài chính** Từ ngày .../.... đến ngày .../.....

13. Thông tin về đơn vị chủ quản hoặc đơn vị quản lý trực tiếp	**14. Thông tin người đại diện theo pháp luật của đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh**
13a. Mã số thuế:	□ Đơn vị phụ thuộc, địa điểm KD của tổ chức của VN □ Đơn vị phụ thuộc, địa điểm KD của của thương nhân nước ngoài
13b. Tên đơn vị chủ quản/đơn vị quản lý trực tiếp:	14a. Tên người đại diện theo pháp luật:

	14b. Chức vụ: ..... 14c. Sinh ngày: .../.../.....
	14d. Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:
	□ CMND □ CCCD □ Hộ chiếu
	□ CMT biên giới □ Giấy thông hành □ Khác
	Số giấy tờ: .....
	Ngày cấp: ..... Nơi cấp:.....
	14đ. Địa chỉ nơi thường trú:
	Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:
	Phường/Xã/Thị trấn:
	Quận/Huyện/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương:
	Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:
	Quốc gia:
	14e. Địa chỉ hiện tại (nếu có):
	Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:
	Phường/Xã/Thị trấn:
	Quận/Huyện/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương:
	Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:
	Quốc gia:
	14g. Thông tin khác
	Điện thoại: /Fax:
	Email: Website:

15. Phương pháp tính thuế GTGT

□ Khấu trừ	□ Trực tiếp trên GTGT	□ Trực tiếp trên doanh số	□ Không phải nộp thuế GTGT

16. Thông tin về các đơn vị liên quan

□ Có đơn vị phụ thuộc	□ Có địa điểm kinh doanh, khongoài, nhà thầu phụ hàng phụ thuộc	□ Có hợp đồng với nhà thầu nước ngoài	□ Có nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí

17. Thông tin khác

17.1. Giám đốc (nếu có):	*17.2. Kế toán trưởng (nếu có):*
a. Tên:	a. Tên:

b. Mã số thuế cá nhân:	b. Mã số thuế cá nhân:
c. Điện thoại liên lạc:	c. Điện thoại liên lạc:
d. Email:	d. Email:

18. Tình trạng trước khi tổ chức lại (nếu có):

□ Chia □ Tách □ Hợp nhất

Mã số thuế trước của tổ chức đó:

Tôi xin cam đoan những nội dung trong bản kê khai này là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã kê khai./.

....., ngày ... /.../.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên: .....

Chứng chỉ hành nghề số .....

NGƯỜI NỘP THUẾ HOẶC ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI
MẪU SỐ 02-ĐK-TCT

1. Tên người nộp thuế: Ghi rõ ràng, đầy đủ bằng chữ in hoa tên tổ chức theo Quyết định thành lập hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (đối với tổ chức Việt Nam) hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam).

2. Thông tin đại lý thuế: Ghi đầy đủ các thông tin của đại lý thuế trong trường hợp Đại lý thuế ký hợp đồng với người nộp thuế để thực hiện thủ tục đăng ký thuế thay cho người nộp thuế theo quy định tại Luật Quản lý thuế.

3. Địa chỉ trụ sở chính: Ghi rõ số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn, phường/xã/thị trấn, quận/huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh, tỉnh/thành phố của người nộp thuế. Nếu có số điện thoại, số Fax thì ghi rõ mã vùng - số điện thoại/số Fax theo thông tin địa chỉ sau:

- Địa chỉ trụ sở chính của người nộp thuế là tổ chức.

- Địa chỉ nơi kinh doanh trong chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ khu kinh tế cửa khẩu đối với người nộp thuế là tổ chức của các nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam.

- Địa chỉ nơi diễn ra hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí đối với hợp đồng dầu khí.

- Người nộp thuế phải kê khai đầy đủ, chính xác thông tin email. Địa chỉ email này dùng làm tài khoản giao dịch điện tử với cơ quan thuế đối với hồ sơ đăng ký thuế điện tử.

4. Địa chỉ nhận thông báo thuế: Nếu người nộp thuế là tổ chức có địa chỉ nhận các thông báo của cơ quan thuế khác với địa chỉ của trụ sở chính tại chỉ tiêu 3 nêu trên thì ghi rõ địa chỉ nhận thông báo thuế để cơ quan thuế liên hệ.

5. Quyết định thành lập:

- Đối với người nộp thuế là tổ chức có quyết định thành lập: Ghi rõ số quyết định, ngày ban hành quyết định và cơ quan ban hành quyết định.

- Đối với nhà thầu, nhà đầu tư tham gia Hợp đồng dầu khí: Ghi rõ số hợp đồng, ngày ký hợp đồng, để trống phần cơ quan ra quyết định.

6. Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấp tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp: Ghi rõ số, ngày cấp và cơ quan cấp Giấy chứng nhận ĐKKD của nước có chung biên giới với Việt Nam cấp (đối với người nộp thuế là tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ của khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu cửa Việt Nam), Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (đối với người nộp thuế là tổ chức của Việt Nam).

Riêng thông tin "cơ quan cấp" Giấy chứng nhận ĐKKD: ghi tên nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam đã cấp Giấy chứng nhận ĐKKD (Lào, Campuchia, Trung Quốc).

7. Ngành nghề kinh doanh chính: Ghi theo ngành nghề kinh doanh trên Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (đối với người nộp thuế là tổ chức của Việt Nam) và Giấy chứng nhận ĐKKD (đối với người nộp thuế là tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam).

Lưu ý: chỉ ghi 1 ngành nghề chính thực tế kinh doanh.

8. Vốn điều lệ:

- Đối với người nộp thuế thuộc loại hình Công ty TNHH, Công ty cổ phần, Công ty hợp danh: Ghi theo vốn điều lệ Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc nguồn vốn trên Quyết định thành lập (ghi rõ loại tiền, phân loại nguồn vốn theo chủ sở hữu, tỷ trọng của từng loại nguồn vốn trong tổng số vốn).

- Đối với người nộp thuế thuộc loại hình doanh nghiệp tư nhân: Ghi theo vốn đầu tư trên Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (ghi rõ loại tiền).

- Đối với người nộp thuế là tổ chức của các nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam và tổ chức khác: Nếu trên Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận ĐKKD,... có vốn thì ghi, nếu không có vốn thì để trống thông tin này.

9. Ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh: Kê khai ngày người nộp thuế bắt đầu hoạt động thực tế nếu khác với ngày cấp mã số thuế.

10. Loại hình kinh tế: Đánh dấu X vào 1 trong những ô tương ứng.

11. Hình thức hạch toán kế toán về kết quả kinh doanh: Đánh dấu X vào một trong hai ô của chỉ tiêu này.

12. Năm tài chính: Ghi rõ từ ngày, tháng đầu niên độ kế toán đến ngày, tháng cuối niên độ kế toán theo năm dương lịch hoặc năm tài chính.

13. Thông tin về đơn vị chủ quản hoặc đơn vị quản lý trực tiếp: Ghi rõ tên, mã số thuế của đơn vị cấp trên trực tiếp quản lý đơn vị phụ thuộc.

14. Thông tin người đại diện theo pháp luật/chủ DNTN: Kê khai thông tin chi tiết của người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế là tổ chức (đối với tổ chức kinh tế và tổ chức khác trừ doanh nghiệp tư nhân) hoặc thông tin của chủ doanh nghiệp tư nhân.

15. Phương pháp tính thuế GTGT: Tổ chức tự đánh dấu X vào 1 trong những ô tương ứng.

16. Thông tin về các đơn vị liên quan:

- Nếu người nộp thuế có đơn vị phụ thuộc thì đánh dấu X vào ô "Có đơn vị phụ thuộc", sau đó phải kê khai vào "Bảng kê các đơn vị phụ thuộc" mẫu số BK02-ĐK-TCT,

- Nếu người nộp thuế có địa điểm kinh doanh, kho hàng phụ thuộc không có chức năng kinh doanh thì

đánh dấu X vào ô "Có địa điểm kinh doanh, kho hàng phụ thuộc", sau đó phải kê khai vào phần "Bảng kê các địa điểm kinh doanh" mẫu số BK03-ĐK-TCT.

- Nếu người nộp thuế có nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài thì đánh dấu X vào ô "Có nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài", sau đó phải kê khai vào phần "Bảng kê các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài" mẫu số BK04-ĐK-TCT.

- Nếu người nộp thuế có nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí thì đánh dấu X vào ô "Có nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí", sau đó phải kê khai vào phần "Bảng kê các nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí" mẫu số BK05-ĐK-TCT (đối với hợp đồng dầu khí).

17. Thông tin khác: Ghi rõ họ và tên, mã số thuế cá nhân, số điện thoại liên lạc và email của Giám đốc và Kế toán trưởng của người nộp thuế.

18. Tình trạng trước khi tổ chức lại tổ chức kinh tế (nếu có): Nếu người nộp thuế là tổ chức kinh tế đăng ký thuế do tổ chức lại của tổ chức kinh tế trước đó thì đánh dấu X vào một trong các trường hợp: sáp nhập, hợp nhất, chia, tách và phải ghi rõ mã số thuế đã cấp trước đây của các tổ chức kinh tế bị sáp nhập, bị hợp nhất, bị chia, bị tách.

19. Phần người nộp thuế hoặc người đại diện hợp pháp của người nộp thuế ký, ghi rõ họ tên: Người nộp thuế hoặc người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế phải ký, ghi rõ họ tên vào phần này.

20. Đóng dấu của người nộp thuế: Trường hợp người nộp thuế có con dấu tại thời điểm đăng ký thuế thì phải đóng dấu vào phần này. Trường hợp người nộp thuế không có con dấu tại thời điểm đăng ký thuế thì chưa phải đóng dấu trên tờ khai thuế. Khi người nộp thuế đến nhận kết quả phải bổ sung việc đóng dấu cho cơ quan thuế.

21. Nhân viên đại lý thuế: Trường hợp đại lý thuế kê khai thay cho người nộp thuế thì kê khai vào thông tin này.

Mẫu số: **BK02-ĐK-TCT**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 3/12/2020 của Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ
Các đơn vị phụ thuộc (chi nhánh, văn phòng đại diện)

(Kèm theo tờ khai mẫu số <01-ĐK-TCT hoặc 02-ĐK-TCT>)

Tên người nộp thuế:.....

Mã số thuế (nếu có): | | | | | | | | | | | | | |

STT	Tên đơn vị phụ thuộc	Địa chỉ của đơn vị phụ thuộc	Số Quyết định thành lập	Ngày ban hành Quyết định thành lập

..., ngày... /... /.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: **BK03-ĐK-TCT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ
Các địa điểm kinh doanh, kho hàng
(Kèm theo tờ khai mẫu số <01-ĐK-TCT hoặc 02-ĐK-TCT>)

Tên người nộp thuế: .....

Mã số thuế (nếu có): | | | | | | | | | | | | | |

STT	Tên địa điểm kinh doanh, kho hàng	Số Quyết định thành lập	Ngày ban hành Quyết định thành lập	Số nhà, đường phố (thôn xóm)	Phường/ xã	Quận/ huyện	Tỉnh/ thành phố
1							
2							
....							
....							
....							
....							

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

..., ngày... /... /.....
NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: **BK04-ĐK-TCT**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ
Các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài
(Kèm theo tờ khai mẫu số <01-ĐK-TCT hoặc 02-ĐK-TCT>)

Tên người nộp thuế: .....

Mã số thuế (nếu có): | | | | | | | | | | | | | |

STT	Tên Nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài	Quốc tịch	Mã số thuế của nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài tại Việt Nam (nếu có)	Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Giá trị hợp đồng	Địa điểm thực hiện hợp đồng		Thời gian thực hiện hợp đồng
							Quận/huyện	Tỉnh/ thành phố	
1									
2									
...									

..., ngày... /... /.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: **BK05-ĐK-TCT**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ
Các nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí
(Kèm theo tờ khai mẫu số <01-ĐK-TCT hoặc 02-ĐK-TCT>)

Tên người nộp thuế:.....

Mã số thuế (nếu có): | | | | | | | | | | | | | |

STT	Tên Nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí	Quốc tịch	Mã số thuế của nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí tại Việt Nam (nếu có)	Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Giá trị hợp đồng	Địa điểm thực hiện hợp đồng		Thời gian thực hiện hợp đồng
							Quận/ huyện	Tỉnh/ thành phố	
1									
2									
...									

..., ngày... /... /.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

32. Chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với trường hợp chuyển đổi mô hình hoạt động của tổ chức kinh tế và tổ chức khác (Chuyển đơn vị phụ thuộc của một đơn vị chủ quản thành đơn vị phụ thuộc của một đơn vị chủ quản khác) – Đối với đơn vị trước chuyển đổi.

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Một đơn vị phụ thuộc của một đơn vị chủ quản chuyển thành đơn vị phụ thuộc của một đơn vị chủ quản khác phải thực hiện thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế cũ với cơ quan thuế quản lý trực tiếp theo quy định tại Điều 39 Luật Quản lý thuế và Điều 14 Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử: Người nộp thuế (NNT) truy cập vào Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) để khai tờ khai và gửi kèm các hồ sơ theo quy định dưới dạng điện tử (nếu có), ký điện tử và gửi đến cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn.

NNT nộp hồ sơ (hồ sơ đăng ký thuế đồng thời với hồ sơ đăng ký kinh doanh theo cơ chế 1 cửa liên thông) đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền gửi thông tin hồ sơ đã tiếp nhận của NNT sang cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

+ Bước 2: Cơ quan thuế tiếp nhận:

++ Đối với hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế bằng giấy:

+++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế: Công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận vào hồ sơ đăng ký thuế, ghi rõ ngày nhận hồ sơ, số lượng tài liệu theo bảng kê danh mục hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ đăng ký

thuế nộp trực tiếp tại cơ quan thuế. Công chức thuế viết phiếu hẹn ngày trả kết quả, thời hạn xử lý hồ sơ đã tiếp nhận.

+++ Trường hợp hồ sơ đăng ký thuế gửi bằng đường bưu chính: Công chức thuế đóng dấu tiếp nhận, ghi ngày nhận hồ sơ vào hồ sơ và ghi số văn thư của cơ quan thuế.

Công chức thuế kiểm tra hồ sơ đăng ký thuế. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ cần phải giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu, cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế theo mẫu số 01/TB-BSTT-NNT tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử:

Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận hồ sơ qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan thuế.

+++ Tiếp nhận hồ sơ: Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông báo tiếp nhận việc NNT đã nộp hồ sơ cho NNT qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) chậm nhất 15 phút kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký thuế điện tử của người nộp thuế.

+++ Kiểm tra, giải quyết hồ sơ: Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về đăng ký thuế và trả kết quả giải quyết qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ.

++++ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng thủ tục theo quy định và phải trả kết quả: Cơ quan thuế gửi kết quả giải quyết hồ sơ đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ theo thời hạn quy định tại 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

++++ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng thủ tục theo quy định, cơ quan thuế gửi thông báo về việc không chấp nhận hồ sơ, gửi đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày ghi trên Thông báo tiếp nhận hồ sơ.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tiếp tại trụ sở cơ quan Thuế;

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính;

+ Hoặc bằng phương thức điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/03/2021 của Bộ Tài chính.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ *Thành phần hồ sơ, gồm:*

++ Văn bản đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế mẫu số 24/ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính;

++ Bản sao Quyết định chấm dứt hoạt động đơn vị phụ thuộc, hoặc Thông báo chấm dứt hoạt động của đơn vị chủ quản, hoặc Quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đối với đơn vị phụ thuộc của cơ quan có thẩm quyền.

+ *Số lượng hồ sơ:* 01 (bộ)

- Thời hạn giải quyết:

+ Cơ quan thuế quản lý trực tiếp thực hiện:

++ Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nhận đủ hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế của người nộp thuế, cơ quan thuế phải thực

hiện Thông báo người nộp thuế ngừng hoạt động và đang làm thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo mẫu số 17/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính gửi cho người nộp thuế. Đồng thời chuyển trạng thái của người nộp thuế và các đơn vị phụ thuộc của người nộp thuế về trạng thái "NNT ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế" trên hệ thống ứng dụng đăng ký thuế.

++ Ban hành Thông báo gửi cho đơn vị chủ quản, đơn vị phụ thuộc theo mẫu số 35/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính trong trường hợp cơ quan thuế nhận được hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế của đơn vị chủ quản nhưng các đơn vị phụ thuộc chưa thực hiện thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế.

++ Trường hợp đơn vị phụ thuộc chấm dứt hiệu lực mã số thuế nhưng không có khả năng hoàn thành nghĩa vụ còn phải nộp hoặc còn nợ sau khi đã thực hiện bù trừ hoặc hoàn trả kiêm bù trừ theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành thì đơn vị chủ quản đã có văn bản cam kết chịu trách nhiệm kế thừa toàn bộ khoản nghĩa vụ thuế của đơn vị phụ thuộc thì cơ quan thuế quản lý trực tiếp đơn vị phụ thuộc thực hiện chuyển nghĩa vụ của đơn vị phụ thuộc cho đơn vị chủ quản và ban hành Thông báo về việc chuyển nghĩa vụ thuế của người nộp thuế mẫu số 39/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính gửi cho người nộp thuế là đơn vị chủ quản, đơn vị phụ thuộc.

++ Trường hợp đơn vị bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất chấm dứt hiệu lực mã số thuế nhưng không có khả năng hoàn thành nghĩa vụ còn phải nộp hoặc còn nợ sau khi đã thực hiện bù trừ hoặc hoàn trả kiêm bù trừ theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành thi cơ quan thuế quản lý trực tiếp đơn vị bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất thực hiện chuyển nghĩa vụ cho đơn vị mới và ban hành Thông báo về việc chuyển nghĩa vụ thuế của người nộp thuế mẫu số 39/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính gửi người nộp thuế là đơn vị bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất và đơn vị mới.

++ Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày người nộp thuế đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế với cơ quan thuế và cơ quan hải quan hoặc cơ quan thuế hoàn thành việc chuyển toàn bộ nghĩa vụ nợ thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước của đơn vị phụ thuộc sang đơn vị chủ quản, của đơn vị bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất sang đơn vị mới theo quy định, cơ quan thuế ban hành Thông báo chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo mẫu số 18/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính gửi cho người nộp thuế.

+ Cơ quan thuế quản lý khoản thu thực hiện:

++ Cập nhật thông tin người nộp thuế đã hoàn thành nghĩa vụ thuế đối với khoản thu thuộc cơ quan thuế quản lý vào Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế ngay trong ngày làm việc hoặc chậm nhất vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo ngày người nộp thuế hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế tại cơ quan thuế quản lý khoản thu.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức kinh tế, tổ chức khác; đơn vị phụ thuộc của tổ chức kinh tế, tổ chức khác.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Thuế/Chi cục Thuế.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thông báo người nộp thuế ngừng hoạt động và đang làm thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo mẫu số 17/TB-ĐKT và Thông báo chấm dứt hiệu lực mã số thuế mẫu số 18/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính; Thông báo gửi cho đơn vị chủ quản, đơn vị phụ thuộc theo mẫu số 35/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính; Thông báo về việc chuyển nghĩa vụ thuế của người nộp thuế mẫu số 39/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

- Phí, lệ phí: Không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Văn bản đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế mẫu số 24/ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử đồng thời đăng ký và đảm bảo đầy đủ các điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Quản lý thuế ngày 13/06/2019;

+ Luật, Pháp lệnh về thuế, phí, lệ phí, các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành;

+ Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/03/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế;

+ Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế.

- Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:

Mẫu số
24-ĐK-TCT.doc

Mẫu số: 24/ĐK-TCT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)

TÊN NGƯỜI NỘP THUẾ -------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
Số:	*..., ngày ... tháng ... năm ....*

THÔNG BÁO

Đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế

1. Tên người nộp thuế *(ghi theo tên NNT đã đăng ký thuế hoặc đăng ký doanh nghiệp)*: .....
.....

2. Mã số thuế: .....

3. Địa chỉ trụ sở *(ghi theo địa chỉ trụ sở của tổ chức đã đăng ký thuế hoặc của doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã)*: .....

4. Địa chỉ kinh doanh *(ghi địa chỉ kinh doanh của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đã đăng ký thuế)*:
.....

5. Lý do chấm dứt hiệu lực mã số thuế: .....

.....

.....

6. Hồ sơ đính kèm:

.....

.....

Người nộp thuế cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của văn bản này./.

Nơi nhận: *- CQT quản lý;* *- Lưu: VT*	**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

Ghi chú:

Người nộp thuế là tổ chức không phải đóng dấu khi đăng ký thuế và hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không phải đóng dấu vào văn bản này.

33. Đăng ký thuế đối với trường hợp chuyển đổi mô hình hoạt động của tổ chức kinh tế và tổ chức khác (Chuyển đơn vị phụ thuộc của một đơn vị chủ quản thành đơn vị phụ thuộc của một đơn vị chủ quản khác) – Đối với đơn vị sau chuyển đổi.

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Một đơn vị phụ thuộc của một đơn vị chủ quản chuyển thành đơn vị phụ thuộc của một đơn vị chủ quản khác thì đơn vị phụ thuộc mới thực hiện đăng ký thuế với cơ quan thuế quản lý trực tiếp theo quy định tại Điều 31, Điều 32, Điều 33 Luật Quản lý thuế và Điều 7 Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử: Người nộp thuế (NNT) truy cập vào Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) để khai tờ khai và gửi kèm các hồ sơ theo quy định dưới dạng điện tử (nếu có), ký điện tử và gửi đến cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn.

NNT nộp hồ sơ (hồ sơ đăng ký thuế đồng thời với hồ sơ đăng ký kinh doanh theo cơ chế 1 cửa liên thông) đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền gửi thông tin hồ sơ đã tiếp nhận của NNT sang cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

+ Bước 2: Cơ quan thuế tiếp nhận:

++ Đối với hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế bằng giấy:

+++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế: Công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận vào hồ sơ đăng ký thuế, ghi rõ ngày nhận hồ sơ, số lượng tài liệu theo bảng kê danh mục hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ đăng ký

thuế nộp trực tiếp tại cơ quan thuế. Công chức thuế viết phiếu hẹn ngày trả kết quả, thời hạn xử lý hồ sơ đã tiếp nhận.

+++ Trường hợp hồ sơ đăng ký thuế gửi bằng đường bưu chính: Công chức thuế đóng dấu tiếp nhận, ghi ngày nhận hồ sơ vào hồ sơ và ghi số văn thư của cơ quan thuế.

Công chức thuế kiểm tra hồ sơ đăng ký thuế. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ cần phải giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu, cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế theo mẫu số 01/TB-BSTT-NNT tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử:

Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận hồ sơ qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan thuế.

+++ Tiếp nhận hồ sơ: Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông báo tiếp nhận việc NNT đã nộp hồ sơ cho NNT qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) chậm nhất 15 phút kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký thuế điện tử của người nộp thuế.

+++ Kiểm tra, giải quyết hồ sơ: Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về đăng ký thuế và trả kết quả giải quyết qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ.

++++ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng thủ tục theo quy định và phải trả kết quả: Cơ quan thuế gửi kết quả giải quyết hồ sơ đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ theo thời hạn quy định tại Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

++++ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng thủ tục theo quy định, cơ quan thuế gửi thông báo về việc không chấp nhận hồ sơ, gửi đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày ghi trên Thông báo tiếp nhận hồ sơ.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tiếp tại trụ sở Cơ quan thuế;

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính;

+ Hoặc bằng phương thức điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ, gồm:

++ Đối với đơn vị phụ thuộc của tổ chức kinh tế (trừ tổ hợp tác) quy định tại Điểm a, b Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020:

+++ Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 02-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính;

+++ Bảng kê các đơn vị phụ thuộc (chi nhánh, văn phòng đại diện) mẫu số BK02-ĐK-TCT (nếu có) ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính;

+++ Bảng kê địa điểm kinh doanh, kho hàng mẫu số BK03-ĐK-TCT (nếu có) ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính;

+++ Bảng kê các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài mẫu số BK04-ĐK-TCT (nếu có) ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính;

+++ Bảng kê các nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí mẫu số BK05-ĐK-TCT (nếu có) ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

+++ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đơn vị phụ thuộc, hoặc Quyết định thành lập, hoặc văn bản tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp, hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật của nước có chung biên giới (đối với tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua, bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam).

++ Đối với đơn vị phụ thuộc của tổ chức khác và tổ hợp tác theo quy định tại Điểm b, c, n Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020:

+++ Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 02-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính;

+++ Bảng kê các đơn vị phụ thuộc (chi nhánh, văn phòng đại diện) mẫu số BK02-ĐK-TCT (nếu có) ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính;

+++ Bảng kê địa điểm kinh doanh, kho hàng mẫu số BK03-ĐK-TCT (nếu có) ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính;

+++ Bảng kê các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài mẫu số BK04-ĐK-TCT (nếu có) ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính;

+++ Bản sao không yêu cầu chứng thực Quyết định thành lập, hoặc Văn bản tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp.

+ *Số lượng hồ sơ:* 01 (bộ)

- Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nhận được hồ sơ đăng ký thuế đầy đủ theo quy định.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Đơn vị phụ thuộc của tổ chức kinh tế, tổ chức khác.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Thuế/Chi cục Thuế.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký thuế.

- Phí, lệ phí: Không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 02-ĐK-TCT ban hành theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ tài chính.

++ Bảng kê các đơn vị phụ thuộc (chi nhánh, văn phòng đại diện) mẫu số BK02-ĐK-TCT (nếu có) ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính;

++ Bảng kê địa điểm kinh doanh, kho hàng mẫu số BK03-ĐK-TCT (nếu có) ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính;

++ Bảng kê các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài mẫu số BK04-ĐK-TCT (nếu có) ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính;

++ Bảng kê các nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí mẫu số BK05-ĐK-TCT (nếu có) ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử đồng thời đăng ký và đảm bảo đầy đủ các điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh

vực thuế theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Quản lý thuế ngày 13/06/2019;

+ Luật, Pháp lệnh về thuế, phí, lệ phí, các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành;

+ Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/03/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế;

+ Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế.

- Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:

Mẫu số 02-ĐK-TCT.doc BK 02-ĐK-TCT.doc BK 03-ĐK-TCT.doc BK 04-ĐK-TCT.doc BK 05-ĐK-TCT.doc

Mẫu số: 02-ĐK-TCT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ THUẾ

(Dùng cho đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh trực tiếp phát sinh nghĩa vụ thuế)

□ Chi nhánh □ Văn phòng đại diện □ Địa điểm kinh doanh

NNT ghi MST 10 số của đơn vị chủ quản vào các ô này										

1. Tên người nộp thuế:
2. Thông tin đại lý thuế (nếu có):
2a. Tên:
2b. Mã số thuế:
2c. Hợp đồng đại lý thuế: Số: Ngày:

3. Địa chỉ trụ sở chính
3a. Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:
3b. Phường/Xã/Thị trấn:
3c. Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương:
3d. Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:
3đ. Điện thoại: /Fax:
3e. Email:

4. Địa chỉ nhận thông báo thuế *(chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính)*
4a. Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn hoặc hòm thư bưu điện:
4b. Phường/Xã/Thị trấn:
4c. Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương:
4d. Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:
4đ. Điện thoại: /Fax:
4e. E-mail:

5. Quyết định thành lập
5a. Số quyết định:

6. Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp
6a. Số:

5b. Ngày ký quyết định: .../.../.....	6b. Ngày cấp: .../.../.....
5c. Cơ quan ban hành quyết định:	6c. Cơ quan cấp:
	7. Ngành nghề kinh doanh chính:

8. Vốn điều lệ (=8.1+8.2+8.3+8.4):	**9. Ngày bắt đầu hoạt động:** .../.../.....
8.1. Vốn nhà nước: Tỷ trọng: %	
8.2. Vốn nước ngoài: Tỷ trọng: %	
8.3. Vốn tư nhân: Tỷ trọng: %	
8.4. Vốn khác (nếu có): Tỷ trọng: %	

10. Loại hình kinh tế

□ Công ty cổ phần	□ Doanh nghiệp tư nhân	□ VPĐD của tổ chức nước ngoài tại Việt Nam	□ Tổ hợp tác
□ Công ty TNHH 1 thành viên	□ Công ty hợp danh	□ Tổ chức kinh tế của lực lượng vũ trang	□ Hợp tác xã
□ Công ty TNHH 2 thành viên trở lên	□ Hợp đồng hợp tác, kinh doanh với nước ngoài	□ Tổ chức kinh tế của tổ chức chính trị, CT-XH, xã hội, XH-NN	□ Cơ quan hành chính
□ Đơn vị sự nghiệp ngoài công lập		□ Đơn vị sự nghiệp công lập	□ Loại hình khác

11. Hình thức hạch toán kế toán về kết quả kinh doanh □ Độc lập □ Phụ thuộc	**12. Năm tài chính** Từ ngày .../.... đến ngày .../.....

13. Thông tin về đơn vị chủ quản hoặc đơn vị quản lý trực tiếp	**14. Thông tin người đại diện theo pháp luật của đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh**
13a. Mã số thuế:	□ Đơn vị phụ thuộc, địa điểm KD của tổ chức của VN □ Đơn vị phụ thuộc, địa điểm KD của của thương nhân nước ngoài
13b. Tên đơn vị chủ quản/đơn vị quản lý trực tiếp:	14a. Tên người đại diện theo pháp luật:

	14b. Chức vụ: ..... 14c. Sinh ngày: .../.../..... 14d. Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: □ CMND □ CCCD □ Hộ chiếu □ CMT biên giới □ Giấy thông hành □ Khác Số giấy tờ: ..... Ngày cấp: ..... Nơi cấp:..... 14đ. Địa chỉ nơi thường trú: Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn: Phường/Xã/Thị trấn: Quận/Huyện/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương: Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương: Quốc gia: 14e. Địa chỉ hiện tại (nếu có): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn: Phường/Xã/Thị trấn: Quận/Huyện/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương: Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương: Quốc gia: 14g. Thông tin khác Điện thoại: /Fax: Email: Website:

15. Phương pháp tính thuế GTGT

□ Khấu trừ □ Trực tiếp trên GTGT □ Trực tiếp trên doanh số □ Không phải nộp thuế GTGT

16. Thông tin về các đơn vị liên quan

□ Có đơn vị phụ thuộc □ Có địa điểm kinh doanh, khongoài, nhà thầu phụ nước ngoài hàng phụ thuộc □ Có hợp đồng với nhà thầu nước □ Có nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí

17. Thông tin khác

17.1. Giám đốc (nếu có):	*17.2. Kế toán trưởng (nếu có):*
a. Tên:	a. Tên:

b. Mã số thuế cá nhân:	b. Mã số thuế cá nhân:
c. Điện thoại liên lạc:	c. Điện thoại liên lạc:
d. Email:	d. Email:

18. Tình trạng trước khi tổ chức lại (nếu có):

□ Chia □ Tách □ Hợp nhất

Mã số thuế trước của tổ chức đó:

Tôi xin cam đoan những nội dung trong bản kê khai này là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã kê khai./.

....., ngày ... /.../.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên: .....

Chứng chỉ hành nghề số .....

NGƯỜI NỘP THUẾ HOẶC ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI
MẪU SỐ 02-ĐK-TCT

1. Tên người nộp thuế: Ghi rõ ràng, đầy đủ bằng chữ in hoa tên tổ chức theo Quyết định thành lập hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (đối với tổ chức Việt Nam) hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam).

2. Thông tin đại lý thuế: Ghi đầy đủ các thông tin của đại lý thuế trong trường hợp Đại lý thuế ký hợp đồng với người nộp thuế để thực hiện thủ tục đăng ký thuế thay cho người nộp thuế theo quy định tại Luật Quản lý thuế.

3. Địa chỉ trụ sở chính: Ghi rõ số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn, phường/xã/thị trấn, quận/huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh, tỉnh/thành phố của người nộp thuế. Nếu có số điện thoại, số Fax thì ghi rõ mã vùng - số điện thoại/số Fax theo thông tin địa chỉ sau:

- Địa chỉ trụ sở chính của người nộp thuế là tổ chức.

- Địa chỉ nơi kinh doanh trong chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ khu kinh tế cửa khẩu đối với người nộp thuế là tổ chức của các nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam.

- Địa chỉ nơi diễn ra hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí đối với hợp đồng dầu khí.

- Người nộp thuế phải kê khai đầy đủ, chính xác thông tin email. Địa chỉ email này dùng làm tài khoản giao dịch điện tử với cơ quan thuế đối với hồ sơ đăng ký thuế điện tử.

4. Địa chỉ nhận thông báo thuế: Nếu người nộp thuế là tổ chức có địa chỉ nhận các thông báo của cơ quan thuế khác với địa chỉ của trụ sở chính tại chỉ tiêu 3 nêu trên thì ghi rõ địa chỉ nhận thông báo thuế để cơ quan thuế liên hệ.

5. Quyết định thành lập:

- Đối với người nộp thuế là tổ chức có quyết định thành lập: Ghi rõ số quyết định, ngày ban hành quyết định và cơ quan ban hành quyết định.

- Đối với nhà thầu, nhà đầu tư tham gia Hợp đồng dầu khí: Ghi rõ số hợp đồng, ngày ký hợp đồng, để trống phần cơ quan ra quyết định.

6. Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấp tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp: Ghi rõ số, ngày cấp và cơ quan cấp Giấy chứng nhận ĐKKD của nước có chung biên giới với Việt Nam cấp (đối với người nộp thuế là tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ của khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu cửa Việt Nam), Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (đối với người nộp thuế là tổ chức của Việt Nam).

Riêng thông tin "cơ quan cấp" Giấy chứng nhận ĐKKD: ghi tên nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam đã cấp Giấy chứng nhận ĐKKD (Lào, Campuchia, Trung Quốc).

7. Ngành nghề kinh doanh chính: Ghi theo ngành nghề kinh doanh trên Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (đối với người nộp thuế là tổ chức của Việt Nam) và Giấy chứng nhận ĐKKD (đối với người nộp thuế là tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam).

Lưu ý: chỉ ghi 1 ngành nghề chính thực tế kinh doanh.

8. Vốn điều lệ:

- Đối với người nộp thuế thuộc loại hình Công ty TNHH, Công ty cổ phần, Công ty hợp danh: Ghi theo vốn điều lệ Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc nguồn vốn trên Quyết định thành lập (ghi rõ loại tiền, phân loại nguồn vốn theo chủ sở hữu, tỷ trọng của từng loại nguồn vốn trong tổng số vốn).

- Đối với người nộp thuế thuộc loại hình doanh nghiệp tư nhân: Ghi theo vốn đầu tư trên Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (ghi rõ loại tiền).

- Đối với người nộp thuế là tổ chức của các nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam và tổ chức khác: Nếu trên Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận ĐKKD,... có vốn thì ghi, nếu không có vốn thì để trống thông tin này.

9. Ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh: Kê khai ngày người nộp thuế bắt đầu hoạt động thực tế nếu khác với ngày cấp mã số thuế.

10. Loại hình kinh tế: Đánh dấu X vào 1 trong những ô tương ứng.

11. Hình thức hạch toán kế toán về kết quả kinh doanh: Đánh dấu X vào một trong hai ô của chỉ tiêu này.

12. Năm tài chính: Ghi rõ từ ngày, tháng đầu niên độ kế toán đến ngày, tháng cuối niên độ kế toán theo năm dương lịch hoặc năm tài chính.

13. Thông tin về đơn vị chủ quản hoặc đơn vị quản lý trực tiếp: Ghi rõ tên, mã số thuế của đơn vị cấp trên trực tiếp quản lý đơn vị phụ thuộc.

14. Thông tin người đại diện theo pháp luật/chủ DNTN: Kê khai thông tin chi tiết của người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế là tổ chức (đối với tổ chức kinh tế và tổ chức khác trừ doanh nghiệp tư nhân) hoặc thông tin của chủ doanh nghiệp tư nhân.

15. Phương pháp tính thuế GTGT: Tổ chức tự đánh dấu X vào 1 trong những ô tương ứng.

16. Thông tin về các đơn vị liên quan:

- Nếu người nộp thuế có đơn vị phụ thuộc thì đánh dấu X vào ô "Có đơn vị phụ thuộc", sau đó phải kê khai vào "Bảng kê các đơn vị phụ thuộc" mẫu số BK02-ĐK-TCT,

- Nếu người nộp thuế có địa điểm kinh doanh, kho hàng phụ thuộc không có chức năng kinh doanh thì

đánh dấu X vào ô "Có địa điểm kinh doanh, kho hàng phụ thuộc", sau đó phải kê khai vào phần "Bảng kê các địa điểm kinh doanh" mẫu số BK03-ĐK-TCT.

- Nếu người nộp thuế có nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài thì đánh dấu X vào ô "Có nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài", sau đó phải kê khai vào phần "Bảng kê các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài" mẫu số BK04-ĐK-TCT.

- Nếu người nộp thuế có nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí thì đánh dấu X vào ô "Có nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí", sau đó phải kê khai vào phần "Bảng kê các nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí" mẫu số BK05-ĐK-TCT (đối với hợp đồng dầu khí).

17. Thông tin khác: Ghi rõ họ và tên, mã số thuế cá nhân, số điện thoại liên lạc và email của Giám đốc và Kế toán trưởng của người nộp thuế.

18. Tình trạng trước khi tổ chức lại tổ chức kinh tế (nếu có): Nếu người nộp thuế là tổ chức kinh tế đăng ký thuế do tổ chức lại của tổ chức kinh tế trước đó thì đánh dấu X vào một trong các trường hợp: sáp nhập, hợp nhất, chia, tách và phải ghi rõ mã số thuế đã cấp trước đây của các tổ chức kinh tế bị sáp nhập, bị hợp nhất, bị chia, bị tách.

19. Phần người nộp thuế hoặc người đại diện hợp pháp của người nộp thuế ký, ghi rõ họ tên: Người nộp thuế hoặc người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế phải ký, ghi rõ họ tên vào phần này.

20. Đóng dấu của người nộp thuế: Trường hợp người nộp thuế có con dấu tại thời điểm đăng ký thuế thì phải đóng dấu vào phần này. Trường hợp người nộp thuế không có con dấu tại thời điểm đăng ký thuế thì chưa phải đóng dấu trên tờ khai thuế. Khi người nộp thuế đến nhận kết quả phải bổ sung việc đóng dấu cho cơ quan thuế.

21. Nhân viên đại lý thuế: Trường hợp đại lý thuế kê khai thay cho người nộp thuế thì kê khai vào thông tin này.

Mẫu số: **BK02-ĐK-TCT**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 3/12/2020 của Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ
Các đơn vị phụ thuộc (chi nhánh, văn phòng đại diện)

(Kèm theo tờ khai mẫu số <01-ĐK-TCT hoặc 02-ĐK-TCT>)

Tên người nộp thuế:.....

Mã số thuế (nếu có): | | | | | | | | | | | | | |

STT	Tên đơn vị phụ thuộc	Địa chỉ của đơn vị phụ thuộc	Số Quyết định thành lập	Ngày ban hành Quyết định thành lập

..., ngày... /... /.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: **BK03-ĐK-TCT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ
Các địa điểm kinh doanh, kho hàng
(Kèm theo tờ khai mẫu số <01-ĐK-TCT hoặc 02-ĐK-TCT>)

Tên người nộp thuế: .....

Mã số thuế (nếu có): | | | | | | | | | | | | | |

STT	Tên địa điểm kinh doanh, kho hàng	Số Quyết định thành lập	Ngày ban hành Quyết định thành lập	Số nhà, đường phố (thôn xóm)	Phường/ xã	Quận/ huyện	Tỉnh/ thành phố
1							
2							
....							
....							
....							
....							

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

..., ngày... /... /.....
NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: **BK04-ĐK-TCT**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ
Các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài
(Kèm theo tờ khai mẫu số <01-ĐK-TCT hoặc 02-ĐK-TCT>)

Tên người nộp thuế: .....

Mã số thuế (nếu có): | | | | | | | | | | | | | |

STT	Tên Nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài	Quốc tịch	Mã số thuế của nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài tại Việt Nam (nếu có)	Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Giá trị hợp đồng	Địa điểm thực hiện hợp đồng		Thời gian thực hiện hợp đồng
							Quận/huyện	Tỉnh/thành phố	
1									
2									
...									

..., ngày... /... /.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: **BK05-ĐK-TCT**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ
Các nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí

(Kèm theo tờ khai mẫu số <01-ĐK-TCT hoặc 02-ĐK-TCT>)

Tên người nộp thuế:.....

Mã số thuế (nếu có): | | | | | | | | | | | | | |

STT	Tên Nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí	Quốc tịch	Mã số thuế của nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí tại Việt Nam (nếu có)	Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Giá trị hợp đồng	Địa điểm thực hiện hợp đồng		Thời gian thực hiện hợp đồng
							Quận/ huyện	Tỉnh/ thành phố	
1									
2									
...									

..., ngày... /... /.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

34. Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là đơn vị độc lập, đơn vị chủ quản của tổ chức kinh tế, tổ chức khác.

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày: Được cấp giấy phép thành lập và hoạt động, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, quyết định thành lập; hoặc phát sinh nghĩa vụ với ngân sách nhà nước; hoặc bắt đầu hoạt động kinh doanh đối với tổ chức không thuộc diện đăng ký kinh doanh thì người nộp thuế (NNT) chuẩn bị hồ sơ đăng ký thuế đầy đủ theo đúng quy định, gửi đến cơ quan thuế để làm thủ tục đăng ký thuế theo nơi nộp hồ sơ như sau:

++ Đơn vị độc lập, đơn vị chủ quản của tổ chức khác, tổ hợp tác theo quy định tại Điểm b, c, n Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính nộp hồ sơ đăng ký thuế lần đầu tại Chi cục Thuế nơi tổ chức đóng trụ sở đối với tổ chức do cơ quan cấp huyện ra quyết định thành lập và nơi tổ hợp tác đóng trụ sở.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử: Người nộp thuế (NNT) truy cập vào Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) để khai tờ khai và gửi kèm các hồ sơ theo quy định dưới dạng điện tử (nếu có), ký điện tử và gửi đến cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn.

NNT nộp hồ sơ (hồ sơ đăng ký thuế đồng thời với hồ sơ đăng ký kinh doanh theo cơ chế 1 cửa liên thông) đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền gửi thông tin hồ sơ đã tiếp nhận của NNT sang cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

+ Bước 2. Cơ quan thuế tiếp nhận:

++ Đối với hồ sơ đăng ký thuế bằng giấy:

+++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế: Công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận vào hồ sơ đăng ký thuế, ghi rõ ngày nhận hồ sơ, số lượng tài liệu theo bảng kê danh mục hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế nộp trực tiếp tại cơ quan thuế. Công chức thuế viết phiếu hẹn ngày trả kết quả, thời hạn xử lý hồ sơ đã tiếp nhận.

+++ Trường hợp hồ sơ đăng ký thuế gửi bằng đường bưu chính: Công chức thuế đóng dấu tiếp nhận, ghi ngày nhận hồ sơ vào hồ sơ và ghi số văn thư của cơ quan thuế.

Công chức thuế kiểm tra hồ sơ đăng ký thuế. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ cần phải giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu, cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế theo mẫu số 01/TB-BSTT-NNT tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử:

Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận hồ sơ qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan thuế.

+++ Tiếp nhận hồ sơ: Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông báo tiếp nhận việc NNT đã nộp hồ sơ cho NNT qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) chậm nhất 15 phút kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký thuế điện tử của người nộp thuế.

+++ Kiểm tra, giải quyết hồ sơ: Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về đăng ký thuế và trả kết quả giải quyết qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ.

++++ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng thủ tục theo quy định và phải trả kết quả: Cơ quan thuế gửi kết quả giải quyết hồ sơ đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ theo thời hạn quy định tại Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

++++ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng thủ tục theo quy định, cơ quan thuế gửi thông báo về việc không chấp nhận hồ sơ, gửi đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày ghi trên Thông báo tiếp nhận hồ sơ.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tiếp tại trụ sở Cơ quan Thuế;

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính;

+ Hoặc bằng phương thức điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ, gồm:

++ Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 01-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính;

++ Bảng kê các công ty con, công ty thành viên mẫu số BK01-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính (nếu có);

++ Bảng kê các đơn vị phụ thuộc (chi nhánh, văn phòng đại diện) mẫu số BK02-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính (nếu có);

++ Bảng kê địa điểm kinh doanh, kho hàng mẫu số BK03-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính (nếu có);

++ Bảng kê các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài mẫu số BK04-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính (nếu có);

++ Bản sao không yêu cầu chứng thực Quyết định thành lập, hoặc văn bản tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp.

+ *Số lượng hồ sơ:* 01 (bộ)

- **Thời hạn giải quyết:** 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nhận được hồ sơ đăng ký thuế đầy đủ theo quy định.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Chi cục Thuế.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận đăng ký thuế.

- **Phí, lệ phí:** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Tờ khai đăng ký thuế theo mẫu 01-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính;

++ Bảng kê các công ty con, công ty thành viên mẫu số BK01-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính (nếu có);

++ Bảng kê các đơn vị phụ thuộc (chi nhánh, văn phòng đại diện) mẫu số BK02-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính (nếu có);

++ Bảng kê địa điểm kinh doanh, kho hàng mẫu số BK03-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính (nếu có);

++ Bảng kê các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài mẫu số BK04-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính (nếu có);

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử đồng thời đăng ký và đảm bảo đầy đủ các điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Quản lý thuế ngày 13/06/2019;

+ Luật, Pháp lệnh về thuế, phí, lệ phí, các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành;

+ Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/03/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế;

+ Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế.

- Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:

Mẫu số 01-ĐK-TCT.doc BK 01-ĐK-TCT.doc BK 02-ĐK-TCT.doc BK 03-ĐK-TCT.doc BK 04-ĐK-TCT.doc

Mẫu số: 01-ĐK-TCT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ THUẾ

(Dùng cho tổ chức)

□ Tổ chức kinh tế □ Tổ chức khác □ Tổ chức được hoàn thuế □ Hợp đồng dầu khí □ Tổ chức nước ngoài KD tại chợ biên giới, cửa khẩu

1. Tên người nộp thuế:	
2. Thông tin đại lý thuế (nếu có):	
2a. Tên:	
2b. Mã số thuế:	
2c. Hợp đồng đại lý thuế: Số:	ngày:

3. Địa chỉ trụ sở chính		**4. Địa chỉ nhận thông báo thuế** *(chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính)*	
3a. Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:		4a. Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn hoặc hòm thư bưu điện:	
3b. Phường/Xã/Thị trấn:		4b. Phường/Xã/Thị trấn:	
3c. Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương:		4c. Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương:	
3d. Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:		4d. Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:	
3đ. Điện thoại:	3e. Fax (nếu có):	4đ. Điện thoại:	4e. Fax:
3g. Email:			

5. Quyết định thành lập	**6. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp**
5a. Số quyết định:	6a. Số:

5b. Ngày ký quyết định: .../.../.....	6b. Ngày cấp: .../.../.....
5c. Cơ quan ban hành quyết định:	6c. Cơ quan cấp:

7. Ngành nghề kinh doanh chính:

8. Vốn điều lệ (=8.1+8.2+8.3+8.4):		**9. Ngày bắt đầu hoạt động:** .../.../.....
8.1. Vốn nhà nước:	Tỷ trọng: %	
8.2. Vốn nước ngoài:	Tỷ trọng: %	
8.3. Vốn tư nhân:	Tỷ trọng: %	
8.4. Vốn khác (nếu có):	Tỷ trọng: %	

10. Loại hình kinh tế			
□ Công ty cổ phần	□ Doanh nghiệp tư nhân	□ VPĐD của tổ chức nước ngoài tại Việt Nam	□ Tổ hợp tác
□ Công ty TNHH 1 thành viên	□ Công ty hợp danh	□ Tổ chức kinh tế của lực lượng vũ trang	□ Hợp tác xã
□ Công ty TNHH 2 thành viên trở lên	□ Hợp đồng hợp tác, kinh doanh với nước ngoài	□ Tổ chức kinh tế của tổ chức chính trị, CT-XH, xã hội, XH-NN	□ Cơ quan hành chính
□ Đơn vị sự nghiệp ngoài công lập		□ Đơn vị sự nghiệp công lập	□ Loại hình khác

11. Hình thức hạch toán kế toán về kết quả kinh doanh	**12. Năm tài chính**	
□ Độc lập □ Phụ thuộc □ Có báo cáo tài chính hợp nhất		Từ ngày .../.... đến ngày .../.....

13. Thông tin về đơn vị chủ quản hoặc đơn vị quản lý trực tiếp	**14. Thông tin người đại diện theo pháp luật/chủ DNTN**
13a. Mã số thuế:	14a. Tên người đại diện theo pháp luật:
	14b. Chức vụ: ..... 14c. Sinh ngày: .../.../.....
	14d. Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:
13b. Tên đơn vị chủ quản/đơn vị quản lý trực	□ CMND □ CCCD □ Hộ chiếu

tiếp:	□ CMT biên giới □ Giấy thông hành □ Khác Số giấy tờ: ..... Ngày cấp: ..... Nơi cấp:..... 14đ. Địa chỉ nơi thường trú: Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn: Phường/Xã/Thị trấn: Quận/Huyện/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương: Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương: Quốc gia: 14e. Địa chỉ hiện tại (nếu có): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn: Phường/Xã/Thị trấn: Quận/Huyện/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương: Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương: Quốc gia: 14g. Thông tin khác Điện thoại: ...../Fax:..... Email: .....Website:.....

15. Phương pháp tính thuế GTGT	□ Khấu trừ	□ Trực tiếp trên GTGT	□ Trực tiếp trên doanh số	□ Không phải nộp thuế GTGT

16. Thông tin về các đơn vị liên quan

□ Có công ty con, công ty thành viên	□ Có đơn vị phụ thuộc	□ Có nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí
□ Có địa điểm kinh doanh, kho hàng phụ thuộc	□ Có hợp đồng với nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài	

17. Thông tin khác

17.1. Giám đốc/Tổng giám đốc (nếu có):
a. Tên:
b. Mã số thuế cá nhân:
c. Điện thoại liên lạc:

17.2. Kế toán trưởng (nếu có):
a. Tên:
b. Mã số thuế cá nhân:
c. Điện thoại liên lạc:

d. Email:	d. Email:

18. Tình trạng trước khi tổ chức lại (nếu có):

□ Chia □ Tách □ Hợp nhất

Mã số thuế trước của tổ chức đó:

Tôi xin cam đoan những nội dung trong bản kê khai này là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã kê khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên: .....

Chứng chỉ hành nghề số .....

....., ngày ... /.../.....

NGƯỜI NỘP THUẾ HOẶC ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI MẪU SỐ 01-ĐK-TCT

Người nộp thuế phải tích chọn vào một trong các ô thích hợp trước khi kê khai vào phần thông tin chi tiết, cụ thể như sau:

- "Tổ chức kinh tế": Người nộp thuế đăng ký thuế theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 7 tích chọn vào chỉ tiêu này.

- "Tổ chức khác": Người nộp thuế đăng ký thuế theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 7 tích chọn vào chỉ tiêu này.

- "Tổ chức được hoàn thuế": Người nộp thuế đăng ký thuế theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 7 tích chọn vào chỉ tiêu này. Người nộp thuế chỉ khai các chỉ tiêu: 1, 3, 4, 5, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 17.

- "Hợp đồng dầu khí": Người nộp thuế đăng ký thuế theo quy định tại Khoản 7 Điều 7 Thông tư này.

- "Tổ chức nước ngoài kinh doanh tại chợ biên giới, cửa khẩu": Người nộp thuế là tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế của khẩu của Việt Nam đăng ký thuế theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 7 Thông tư này. Khi tích chọn, người đại diện theo pháp luật kê khai các loại giấy tờ theo quy định tại Khoản 1 Điều 2 Thông tư số 218/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015 của Bộ Tài chính tại chỉ tiêu 14d và loại hình kinh tế tương ứng tại chỉ tiêu 10.

Thông tin chi tiết gồm:

1. Tên người nộp thuế: Ghi rõ ràng, đầy đủ bằng chữ in hoa tên tổ chức theo Quyết định thành lập hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (đối với tổ chức Việt Nam) hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam).

2. Thông tin đại lý thuế: Ghi đầy đủ các thông tin của đại lý thuế trong trường hợp Đại lý thuế ký hợp đồng với người nộp thuế để thực hiện thủ tục đăng ký thuế thay cho người nộp thuế theo quy định tại Luật Quản lý thuế.

3. Địa chỉ trụ sở chính: Ghi rõ số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn, phường/xã/thị

trấn, quận/huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh, tỉnh/thành phố của người nộp thuế. Nếu có số điện thoại, số Fax thì ghi rõ mã vùng - số điện thoại/số Fax theo thông tin địa chỉ sau:

- Địa chỉ trụ sở chính của người nộp thuế là tổ chức.

- Địa chỉ nơi kinh doanh trong chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ khu kinh tế cửa khẩu đối với người nộp thuế là tổ chức của các nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam.

- Địa chỉ nơi diễn ra hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí đối với hợp đồng dầu khí.

- Người nộp thuế phải kê khai đầy đủ, chính xác thông tin email. Địa chỉ email này dùng làm tài khoản giao dịch điện tử với cơ quan thuế đối với hồ sơ đăng ký thuế điện tử.

4. Địa chỉ nhận tháng báo thuế: Nếu người nộp thuế là tổ chức có địa chỉ nhận các thông báo của cơ quan thuế khác với địa chỉ của trụ sở chính tại chỉ tiêu 3 nêu trên thì ghi rõ địa chỉ nhận thông báo thuế để cơ quan thuế liên hệ.

5. Quyết định thành lập:

- Đối với người nộp thuế là tổ chức có quyết định thành lập: Ghi rõ số quyết định, ngày ban hành quyết định và cơ quan ban hành quyết định.

- Đối với Hợp đồng dầu khí: Ghi rõ số hợp đồng, ngày ký hợp đồng, để trống phần cơ quan ra quyết định.

6. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp: Ghi rõ số, ngày cấp và cơ quan cấp Giấy chứng nhận ĐKKD của nước có chung biên giới với Việt Nam cấp (đối với người nộp thuế là tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam), Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (đối với người nộp thuế là tổ chức của Việt Nam).

Riêng thông tin "cơ quan cấp" Giấy chứng nhận ĐKKD: ghi tên nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam đã cấp Giấy chứng nhận ĐKKD (Lào, Campuchia, Trung Quốc).

7. Ngành nghề kinh doanh chính: Ghi theo ngành nghề kinh doanh trên Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương dương do cơ quan có thẩm quyền cấp (đối với người nộp thuế là tổ chức của Việt Nam) và Giấy chứng nhận ĐKKD (đối với người nộp thuế là tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hứa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế của khẩu của Việt Nam).

Lưu ý: Chỉ ghi 1 ngành nghề chính thực tế kinh doanh.

8. Vốn điều lệ:

- Đối với người nộp thuế thuộc loại hình Công ty TNHH, Công ty cổ phần, Công ty hợp danh: Ghi theo vốn điều lệ Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc nguồn vốn trên Quyết định thành lập (ghi rõ loại tiền, phân loại nguồn vốn theo chủ sở hữu, tỷ trọng của từng loại nguồn vốn trong tổng số vốn).

- Đối với người nộp thuế thuộc loại hình doanh nghiệp tư nhân: Ghi theo vốn đầu tư trên Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (ghi rõ loại tiền).

- Đối với người nộp thuế là tổ chức của các nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam và tổ chức khác: Nếu trên Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận ĐKKD,... có vốn thì ghi, nếu không có vốn thì để trống thông tin này.

9. Ngày bắt đầu hoạt động: Kê khai ngày người nộp thuế bắt đầu hoạt động thực tế nếu khác với ngày cấp mã số thuế.

10. Loại hình kinh tế: Đánh dấu X vào 1 trong những ô tương ứng.

11. Hình thức hạch toán kế toán về kết quả kinh doanh: Đánh dấu X vào một trong hai ô của là độc lập hoặc phụ thuộc. Trường hợp tích chọn ô "độc lập" thì tích chọn vào "có BCTC hợp nhất" nếu

thuộc đối tượng phải lập và gửi báo cáo tài chính hợp nhất cho cơ quan thuế theo quy định.

12. Năm tài chính: Ghi rõ từ ngày, tháng đầu niên độ kế toán đến ngày, tháng cuối niên độ kế toán theo năm dương lịch hoặc năm tài chính của người nộp thuế.

13. Thông tin về đơn vị chủ quản hoặc đơn vị quản lý trực tiếp: Ghi rõ tên, mã số thuế của đơn vị cấp trên trực tiếp quản lý người nộp thuế là tổ chức.

14. Thông tin người đại diện theo pháp luật/chủ DNTN: Kê khai thông tin chi tiết của người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế là tổ chức (đối với tổ chức kinh tế và tổ chức khác trừ doanh nghiệp tư nhân) hoặc thông tin của chủ doanh nghiệp tư nhân.

15. Phương pháp tính thuế GTGT: Đánh dấu X vào một trong các ô của chỉ tiêu này.

16. Thông tin về các đơn vị có liên quan:

- Nếu người nộp thuế có công ty con, công ty thành viên thì đánh dấu X vào ô "Có công ty con, công ty thành viên", sau đó phải kê khai vào phần "Bảng kê các công ty con, công ty thành viên" mẫu số BK01-ĐK-TCT.

- Nếu người nộp thuế có đơn vị phụ thuộc thì đánh dấu X vào 6 "Có đơn vị phụ thuộc", sau đó phải kê khai vào "Bảng kê các đơn vị phụ thuộc" mẫu số BK02-ĐK-TCT.

- Nếu người nộp thuế có địa điểm kinh doanh, kho hàng phụ thuộc không có chức năng kinh doanh thì đánh dấu X vào ô "Có địa điểm kinh doanh, kho hàng phụ thuộc", sau đó phải kê khai vào phần "Bảng kê các địa điểm kinh doanh" mẫu số BK03-ĐK-TCT.

- Nếu người nộp thuế có nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài thì đánh dấu X vào ô "Có nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài", sau đó phải kê khai vào phần "Bảng kê các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài" mẫu số BK04-ĐK-TCT.

- Nếu người nộp thuế có nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí thì đánh dấu X vào ô "Có nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí", sau đó phải kê khai vào phần "Bảng kê các nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí" mẫu số BK05-ĐK-TCT (đối với hợp đồng dầu khí).

17. Thông tin khác: Ghi rõ họ và tên, mã số thuế cá nhân, số điện thoại liên lạc, email của Tổng giám đốc hoặc Giám đốc và Kế toán trưởng của người nộp thuế.

18. Tình trạng trước khi tổ chức lại tổ chức kinh tế (nếu có): Nếu người nộp thuế là tổ chức kinh tế đăng ký thuế do tổ chức Lại của tổ chức kinh tế trước đó thì đánh dấu X vào một trong các trường hợp: sáp nhập, hợp nhất, chia, tách và phải ghi rõ mã số thuế đã cấp trước đây của các tổ chức kinh tế bị sáp nhập, bị hợp nhất, bị chia, bị tách.

19. Phần người nộp thuế hoặc người đại diện hợp pháp của người nộp thuế ký, ghi rõ họ tên: Người nộp thuế hoặc người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế phải ký, ghi rõ họ tên vào phần này.

20. Đóng dấu của người nộp thuế:

Trường hợp người nộp thuế có con dấu tại thời điểm đăng ký thuế thì phải đóng dấu vào phần này. Trường hợp người nộp thuế không có con dấu tại thời điểm đăng ký thuế thì chưa phải đóng dấu trên tờ khai thuế. Khi người nộp thuế đến nhận kết quả phải bổ sung việc đóng dấu cho cơ quan thuế.

Trường hợp người nộp thuế thuộc đối tượng đăng ký thuế quy định tại điểm d khoản 2 Điều 4 Thông tư này không có con dấu thì không phải đóng dấu vào phần này.

21. Nhân viên đại lý thuế: Trường hợp đại lý thuế kê khai thay cho người nộp thuế thì kê khai vào thông tin này.

Mẫu số: **BK01-ĐK-TCT**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ
Các công ty con, công ty thành viên
(Kèm theo tờ khai mẫu số <01-ĐK-TCT>)

Tên người nộp thuế: .....

Mã số thuế (nếu có): | | | | | | | | | | | | | |

STT	Mã số thuế	Tên công ty con, công ty thành viên	Địa chỉ của công ty con, công ty thành viên	Vốn của công ty mẹ góp vào công ty con, công ty thành viên	Loại tiền (VNĐ/USD)	Tỷ lệ vốn của công ty mẹ góp vào công ty con, công ty thành viên (%)

..., ngày... /... /.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: **BK02-ĐK-TCT**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 3/12/2020 của Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ
Các đơn vị phụ thuộc (chi nhánh, văn phòng đại diện)

(Kèm theo tờ khai mẫu số <01-ĐK-TCT hoặc 02-ĐK-TCT>)

Tên người nộp thuế:.....

Mã số thuế (nếu có): | | | | | | | | | | | | | |

STT	Tên đơn vị phụ thuộc	Địa chỉ của đơn vị phụ thuộc	Số Quyết định thành lập	Ngày ban hành Quyết định thành lập

..., ngày... /... /.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: **BK03-ĐK-TCT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ
Các địa điểm kinh doanh, kho hàng
(Kèm theo tờ khai mẫu số <01-ĐK-TCT hoặc 02-ĐK-TCT>)

Tên người nộp thuế: .....

Mã số thuế (nếu có): | | | | | | | | | | | | | |

STT	Tên địa điểm kinh doanh, kho hàng	Số Quyết định thành lập	Ngày ban hành Quyết định thành lập	Số nhà, đường phố (thôn xóm)	Phường/ xã	Quận/ huyện	Tỉnh/ thành phố
1							
2							
....							
....							
....							
....							

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

..., ngày... /... /... ...
NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: **BK04-ĐK-TCT**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ

Các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài

(Kèm theo tờ khai mẫu số <01-ĐK-TCT hoặc 02-ĐK-TCT>)

Tên người nộp thuế: .....

Mã số thuế (nếu có): | | | | | | | | | | | | | | |

STT	Tên Nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài	Quốc tịch	Mã số thuế của nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài tại Việt Nam (nếu có)	Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Giá trị hợp đồng	Địa điểm thực hiện hợp đồng		Thời gian thực hiện hợp đồng
							Quận/huyện	Tỉnh/thành phố	
1									
2									
...									

..., ngày... /... /.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

35. Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là đơn vị phụ thuộc của tổ chức kinh tế, tổ chức khác.

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày được cấp quyết định thành lập hoặc văn bản tương đương thì người nộp thuế (NNT) chuẩn bị hồ sơ đăng ký thuế đầy đủ theo đúng quy định sau đó gửi đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp để làm thủ tục đăng ký thuế theo quy định.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử: Người nộp thuế (NNT) truy cập vào Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) để khai tờ khai và gửi kèm các hồ sơ theo quy định dưới dạng điện tử (nếu có), ký điện tử và gửi đến cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn.

NNT nộp hồ sơ (hồ sơ đăng ký thuế đồng thời với hồ sơ đăng ký kinh doanh theo cơ chế 1 cửa liên thông) đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền gửi thông tin hồ sơ đã tiếp nhận của NNT sang cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

+ Bước 2: Cơ quan thuế tiếp nhận:

++ Đối với hồ sơ đăng ký thuế bằng giấy:

+++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế: Công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận vào hồ sơ đăng ký thuế, ghi rõ ngày nhận hồ sơ, số lượng tài liệu theo bảng kê danh mục hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế nộp trực tiếp tại cơ quan thuế. Công chức thuế viết phiếu hẹn ngày trả kết quả, thời hạn xử lý hồ sơ đã tiếp nhận.

+++ Trường hợp hồ sơ đăng ký thuế gửi bằng đường bưu chính: Công chức thuế đóng dấu tiếp nhận, ghi ngày nhận hồ sơ vào hồ sơ và ghi số văn thư của cơ quan thuế.

Công chức thuế kiểm tra hồ sơ đăng ký thuế. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ cần phải giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu, cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế theo mẫu số 01/TB-BSTT-NNT tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử:

Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận hồ sơ qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan thuế.

+++ Tiếp nhận hồ sơ: Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông báo tiếp nhận việc NNT đã nộp hồ sơ cho NNT qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) chậm nhất 15 phút kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký thuế điện tử của người nộp thuế.

+++ Kiểm tra, giải quyết hồ sơ: Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về đăng ký thuế và trả kết quả giải quyết qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ.

++++ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng thủ tục theo quy định và phải trả kết quả: Cơ quan thuế gửi kết quả giải quyết hồ sơ đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ theo thời hạn quy định tại Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

++++ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng thủ tục theo quy định, cơ quan thuế gửi thông báo về việc không chấp nhận hồ sơ, gửi đến Cổng thông tin

điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày ghi trên Thông báo tiếp nhận hồ sơ.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tiếp tại trụ sở Cơ quan thuế;

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính;

+ Hoặc bằng phương thức điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ *Thành phần hồ sơ, gồm:*

++ Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 02-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính;

++ Bảng kê các đơn vị phụ thuộc (chi nhánh, văn phòng đại diện) mẫu số BK02-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính (nếu có);

++ Bảng kê địa điểm kinh doanh, kho hàng mẫu số BK03-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính (nếu có);

++ Bảng kê các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài mẫu số BK04-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính (nếu có);

++ Bản sao không yêu cầu chứng thực Quyết định thành lập, hoặc Văn bản tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp.

+ *Số lượng hồ sơ:* 01 (bộ)

- **Thời hạn giải quyết**: 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nhận được hồ sơ đăng ký thuế đầy đủ theo quy định.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Chi cục Thuế.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính**: Giấy chứng nhận đăng ký thuế.

- **Phí, lệ phí:** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

++ Tờ khai đăng ký thuế theo mẫu số 02-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

++ Bảng kê các đơn vị phụ thuộc (chi nhánh, văn phòng đại diện) mẫu số BK02-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính (nếu có);

++ Bảng kê địa điểm kinh doanh, kho hàng mẫu số BK03-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính (nếu có);

++ Bảng kê các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài mẫu số BK04-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính (nếu có);

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính**: Trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử đồng thời đăng ký và đảm bảo đầy đủ các điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**:

+ Luật Quản lý thuế ngày 13/06/2019;

+ Luật, Pháp lệnh về thuế, phí, lệ phí, các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành;

+ Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/03/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế;

+ Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế.

- Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:

Mẫu số 02-ĐK-TCT.doc BK 02-ĐK-TCT.doc BK 03-ĐK-TCT.doc BK 04-ĐK-TCT.doc

Mẫu số: 02-ĐK-TCT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ THUẾ

(Dùng cho đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh trực tiếp phát sinh nghĩa vụ thuế)

☐ Chi nhánh ☐ Văn phòng đại diện ☐ Địa điểm kinh doanh

NNT ghi MST 10 số của đơn vị chủ quản vào các ô này										

1. Tên người nộp thuế:
2. Thông tin đại lý thuế (nếu có):
2a. Tên:
2b. Mã số thuế:
2c. Hợp đồng đại lý thuế: Số: Ngày:

3. Địa chỉ trụ sở chính
3a. Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:
3b. Phường/Xã/Thị trấn:
3c. Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương:
3d. Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:
3đ. Điện thoại: /Fax:
3e. Email:

4. Địa chỉ nhận thông báo thuế *(chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính)*
4a. Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn hoặc hòm thư bưu điện:
4b. Phường/Xã/Thị trấn:
4c. Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương:
4d. Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:
4đ. Điện thoại: /Fax:
4e. E-mail:

5. Quyết định thành lập
5a. Số quyết định:

6. Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp
6a. Số:

5b. Ngày ký quyết định: .../.../.....	6b. Ngày cấp: .../.../.....
5c. Cơ quan ban hành quyết định:	6c. Cơ quan cấp:
	7. Ngành nghề kinh doanh chính:

8. Vốn điều lệ (=8.1+8.2+8.3+8.4):		**9. Ngày bắt đầu hoạt động:** .../.../.....
8.1. Vốn nhà nước:	Tỷ trọng: %	
8.2. Vốn nước ngoài:	Tỷ trọng: %	
8.3. Vốn tư nhân:	Tỷ trọng: %	
8.4. Vốn khác (nếu có):	Tỷ trọng: %	

10. Loại hình kinh tế

□ Công ty cổ phần	□ Doanh nghiệp tư nhân	□ VPĐD của tổ chức nước ngoài tại Việt Nam	□ Tổ hợp tác
□ Công ty TNHH 1 thành viên	□ Công ty hợp danh	□ Tổ chức kinh tế của lực lượng vũ trang	□ Hợp tác xã
□ Công ty TNHH 2 thành viên trở lên	□ Hợp đồng hợp tác, kinh doanh với nước ngoài	□ Tổ chức kinh tế của tổ chức chính trị, CT-XH, xã hội, XH-NN	□ Cơ quan hành chính
□ Đơn vị sự nghiệp ngoài công lập		□ Đơn vị sự nghiệp công lập	□ Loại hình khác

11. Hình thức hạch toán kế toán về kết quả kinh doanh

□ Độc lập □ Phụ thuộc

12. Năm tài chính Từ ngày .../....
đến ngày .../.....

13. Thông tin về đơn vị chủ quản hoặc đơn vị quản lý trực tiếp	**14. Thông tin người đại diện theo pháp luật của đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh**
13a. Mã số thuế:	□ Đơn vị phụ thuộc, địa điểm KD của tổ chức của VN
	□ Đơn vị phụ thuộc, địa điểm KD của của thương nhân nước ngoài
13b. Tên đơn vị chủ quản/đơn vị quản lý trực tiếp:	14a. Tên người đại diện theo pháp luật:

	14b. Chức vụ: ..... 14c. Sinh ngày: .../.../..... 14d. Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: □ CMND □ CCCD □ Hộ chiếu □ CMT biên giới □ Giấy thông hành □ Khác Số giấy tờ: ..... Ngày cấp: ..... Nơi cấp:..... 14đ. Địa chỉ nơi thường trú: Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn: Phường/Xã/Thị trấn: Quận/Huyện/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương: Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương: Quốc gia: 14e. Địa chỉ hiện tại (nếu có): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn: Phường/Xã/Thị trấn: Quận/Huyện/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương: Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương: Quốc gia: 14g. Thông tin khác Điện thoại: /Fax: Email: Website:

15. Phương pháp tính thuế GTGT

□ Khấu trừ	□ Trực tiếp trên GTGT	□ Trực tiếp trên doanh số	□ Không phải nộp thuế GTGT

16. Thông tin về các đơn vị liên quan

□ Có đơn vị phụ thuộc	□ Có địa điểm kinh doanh, khongoài, nhà thầu phụ nước ngoài hàng phụ thuộc	□ Có hợp đồng với nhà thầu nước	□ Có nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí

17. Thông tin khác

17.1. Giám đốc (nếu có):	*17.2. Kế toán trưởng (nếu có):*
a. Tên:	a. Tên:

b. Mã số thuế cá nhân:	b. Mã số thuế cá nhân:
c. Điện thoại liên lạc:	c. Điện thoại liên lạc:
d. Email:	d. Email:

18. Tình trạng trước khi tổ chức lại (nếu có):

□ Chia □ Tách □ Hợp nhất

Mã số thuế trước của tổ chức đó:

Tôi xin cam đoan những nội dung trong bản kê khai này là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã kê khai./.

....., ngày ... /.../.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên: .....

Chứng chỉ hành nghề số .....

NGƯỜI NỘP THUẾ HOẶC ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI
MẪU SỐ 02-ĐK-TCT

1. Tên người nộp thuế: Ghi rõ ràng, đầy đủ bằng chữ in hoa tên tổ chức theo Quyết định thành lập hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (đối với tổ chức Việt Nam) hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam).

2. Thông tin đại lý thuế: Ghi đầy đủ các thông tin của đại lý thuế trong trường hợp Đại lý thuế ký hợp đồng với người nộp thuế để thực hiện thủ tục đăng ký thuế thay cho người nộp thuế theo quy định tại Luật Quản lý thuế.

3. Địa chỉ trụ sở chính: Ghi rõ số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn, phường/xã/thị trấn, quận/huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh, tỉnh/thành phố của người nộp thuế. Nếu có số điện thoại, số Fax thì ghi rõ mã vùng - số điện thoại/số Fax theo thông tin địa chỉ sau:

- Địa chỉ trụ sở chính của người nộp thuế là tổ chức.

- Địa chỉ nơi kinh doanh trong chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ khu kinh tế cửa khẩu đối với người nộp thuế là tổ chức của các nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam.

- Địa chỉ nơi diễn ra hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí đối với hợp đồng dầu khí.

- Người nộp thuế phải kê khai đầy đủ, chính xác thông tin email. Địa chỉ email này dùng làm tài khoản giao dịch điện tử với cơ quan thuế đối với hồ sơ đăng ký thuế điện tử.

4. Địa chỉ nhận thông báo thuế: Nếu người nộp thuế là tổ chức có địa chỉ nhận các thông báo của cơ quan thuế khác với địa chỉ của trụ sở chính tại chỉ tiêu 3 nêu trên thì ghi rõ địa chỉ nhận thông báo thuế để cơ quan thuế liên hệ.

5. Quyết định thành lập:

- Đối với người nộp thuế là tổ chức có quyết định thành lập: Ghi rõ số quyết định, ngày ban hành quyết định và cơ quan ban hành quyết định.

- Đối với nhà thầu, nhà đầu tư tham gia Hợp đồng dầu khí: Ghi rõ số hợp đồng, ngày ký hợp đồng, để trống phần cơ quan ra quyết định.

6. Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấp tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp: Ghi rõ số, ngày cấp và cơ quan cấp Giấy chứng nhận ĐKKD của nước có chung biên giới với Việt Nam cấp (đối với người nộp thuế là tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ của khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu cửa Việt Nam), Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (đối với người nộp thuế là tổ chức của Việt Nam).

Riêng thông tin "cơ quan cấp" Giấy chứng nhận ĐKKD: ghi tên nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam đã cấp Giấy chứng nhận ĐKKD (Lào, Campuchia, Trung Quốc).

7. Ngành nghề kinh doanh chính: Ghi theo ngành nghề kinh doanh trên Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (đối với người nộp thuế là tổ chức của Việt Nam) và Giấy chứng nhận ĐKKD (đối với người nộp thuế là tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam).

Lưu ý: chỉ ghi 1 ngành nghề chính thực tế kinh doanh.

8. Vốn điều lệ:

- Đối với người nộp thuế thuộc loại hình Công ty TNHH, Công ty cổ phần, Công ty hợp danh: Ghi theo vốn điều lệ Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc nguồn vốn trên Quyết định thành lập (ghi rõ loại tiền, phân loại nguồn vốn theo chủ sở hữu, tỷ trọng của từng loại nguồn vốn trong tổng số vốn).

- Đối với người nộp thuế thuộc loại hình doanh nghiệp tư nhân: Ghi theo vốn đầu tư trên Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (ghi rõ loại tiền).

- Đối với người nộp thuế là tổ chức của các nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam và tổ chức khác: Nếu trên Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận ĐKKD,... có vốn thì ghi, nếu không có vốn thì để trống thông tin này.

9. Ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh: Kê khai ngày người nộp thuế bắt đầu hoạt động thực tế nếu khác với ngày cấp mã số thuế.

10. Loại hình kinh tế: Đánh dấu X vào 1 trong những ô tương ứng.

11. Hình thức hạch toán kế toán về kết quả kinh doanh: Đánh dấu X vào một trong hai ô của chỉ tiêu này.

12. Năm tài chính: Ghi rõ từ ngày, tháng đầu niên độ kế toán đến ngày, tháng cuối niên độ kế toán theo năm dương lịch hoặc năm tài chính.

13. Thông tin về đơn vị chủ quản hoặc đơn vị quản lý trực tiếp: Ghi rõ tên, mã số thuế của đơn vị cấp trên trực tiếp quản lý đơn vị phụ thuộc.

14. Thông tin người đại diện theo pháp luật/chủ DNTN: Kê khai thông tin chi tiết của người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế là tổ chức (đối với tổ chức kinh tế và tổ chức khác trừ doanh nghiệp tư nhân) hoặc thông tin của chủ doanh nghiệp tư nhân.

15. Phương pháp tính thuế GTGT: Tổ chức tự đánh dấu X vào 1 trong những ô tương ứng.

16. Thông tin về các đơn vị liên quan:

- Nếu người nộp thuế có đơn vị phụ thuộc thì đánh dấu X vào ô "Có đơn vị phụ thuộc", sau đó phải kê khai vào "Bảng kê các đơn vị phụ thuộc" mẫu số BK02-ĐK-TCT,

- Nếu người nộp thuế có địa điểm kinh doanh, kho hàng phụ thuộc không có chức năng kinh doanh thì

đánh dấu X vào ô "Có địa điểm kinh doanh, kho hàng phụ thuộc", sau đó phải kê khai vào phần "Bảng kê các địa điểm kinh doanh" mẫu số BK03-ĐK-TCT.

- Nếu người nộp thuế có nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài thì đánh dấu X vào ô "Có nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài", sau đó phải kê khai vào phần "Bảng kê các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài" mẫu số BK04-ĐK-TCT.

- Nếu người nộp thuế có nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí thì đánh dấu X vào ô "Có nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí", sau đó phải kê khai vào phần "Bảng kê các nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí" mẫu số BK05-ĐK-TCT (đối với hợp đồng dầu khí).

17. Thông tin khác: Ghi rõ họ và tên, mã số thuế cá nhân, số điện thoại liên lạc và email của Giám đốc và Kế toán trưởng của người nộp thuế.

18. Tình trạng trước khi tổ chức lại tổ chức kinh tế (nếu có): Nếu người nộp thuế là tổ chức kinh tế đăng ký thuế do tổ chức lại của tổ chức kinh tế trước đó thì đánh dấu X vào một trong các trường hợp: sáp nhập, hợp nhất, chia, tách và phải ghi rõ mã số thuế đã cấp trước đây của các tổ chức kinh tế bị sáp nhập, bị hợp nhất, bị chia, bị tách.

19. Phần người nộp thuế hoặc người đại diện hợp pháp của người nộp thuế ký, ghi rõ họ tên: Người nộp thuế hoặc người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế phải ký, ghi rõ họ tên vào phần này.

20. Đóng dấu của người nộp thuế: Trường hợp người nộp thuế có con dấu tại thời điểm đăng ký thuế thì phải đóng dấu vào phần này. Trường hợp người nộp thuế không có con dấu tại thời điểm đăng ký thuế thì chưa phải đóng dấu trên tờ khai thuế. Khi người nộp thuế đến nhận kết quả phải bổ sung việc đóng dấu cho cơ quan thuế.

21. Nhân viên đại lý thuế: Trường hợp đại lý thuế kê khai thay cho người nộp thuế thì kê khai vào thông tin này.

Mẫu số: **BK02-ĐK-TCT**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 3/12/2020 của Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ

Các đơn vị phụ thuộc (chi nhánh, văn phòng đại diện)

(Kèm theo tờ khai mẫu số <01-ĐK-TCT hoặc 02-ĐK-TCT>)

Tên người nộp thuế:.....

Mã số thuế (nếu có): | | | | | | | | | | | | | |

STT	Tên đơn vị phụ thuộc	Địa chỉ của đơn vị phụ thuộc	Số Quyết định thành lập	Ngày ban hành Quyết định thành lập

..., ngày... /... /.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: **BK03-ĐK-TCT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ
Các địa điểm kinh doanh, kho hàng
(Kèm theo tờ khai mẫu số <01-ĐK-TCT hoặc 02-ĐK-TCT>)

Tên người nộp thuế: .....

Mã số thuế (nếu có): | | | | | | | | | | | | | |

STT	Tên địa điểm kinh doanh, kho hàng	Số Quyết định thành lập	Ngày ban hành Quyết định thành lập	Số nhà, đường phố (thôn xóm)	Phường/ xã	Quận/ huyện	Tỉnh/ thành phố
1							
2							
....							
....							
....							
....							

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

..., ngày... /... /.....
NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: **BK04-ĐK-TCT**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ
Các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài
(Kèm theo tờ khai mẫu số <01-ĐK-TCT hoặc 02-ĐK-TCT>)

Tên người nộp thuế: .....

Mã số thuế (nếu có): | | | | | | | | | | | | | |

STT	Tên Nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài	Quốc tịch	Mã số thuế của nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài tại Việt Nam (nếu có)	Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Giá trị hợp đồng	Địa điểm thực hiện hợp đồng		Thời gian thực hiện hợp đồng
							Quận/huyện	Tỉnh/thành phố	
1									
2									
...									

..., ngày... /... /.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

36. Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày:

++ Được cấp giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, giấy phép thành lập và hoạt động;

++ Bắt đầu hoạt động kinh doanh đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thuộc diện đăng ký kinh doanh nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

Thì người nộp thuế (NNT) chuẩn bị hồ sơ đăng ký thuế đầy đủ theo đúng quy định gửi đến Chi cục Thuế nơi đặt địa điểm kinh doanh để làm thủ tục đăng ký thuế.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử: Người nộp thuế (NNT) truy cập vào Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) để khai tờ khai và gửi kèm các hồ sơ theo quy định dưới dạng điện tử (nếu có), ký điện tử và gửi đến cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn.

NNT nộp hồ sơ (hồ sơ đăng ký thuế đồng thời với hồ sơ đăng ký kinh doanh theo cơ chế 1 cửa liên thông) đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền gửi thông tin hồ sơ đã tiếp nhận của NNT sang cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

+ Bước 2: Cơ quan thuế tiếp nhận:

++ Đối với hồ sơ đăng ký thuế bằng giấy:

+++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế: Công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận vào hồ sơ đăng ký thuế, ghi rõ ngày nhận hồ sơ, số lượng tài liệu theo bảng kê danh mục hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế nộp trực tiếp tại cơ quan thuế. Công chức thuế viết phiếu hẹn ngày trả kết quả, thời hạn xử lý hồ sơ đã tiếp nhận.

+++ Trường hợp hồ sơ đăng ký thuế gửi bằng đường bưu chính: Công chức thuế đóng dấu tiếp nhận, ghi ngày nhận hồ sơ vào hồ sơ và ghi số văn thư của cơ quan thuế.

Công chức thuế kiểm tra hồ sơ đăng ký thuế. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ cần phải giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu, cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế theo mẫu số 01/TB-BSTT-NNT tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử:

Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận hồ sơ qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan thuế.

+++ Giao dịch điện tử trong đăng ký trực tiếp với cơ quan thuế:

++++ Tiếp nhận hồ sơ: Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông báo tiếp nhận việc NNT đã nộp hồ sơ cho NNT qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) chậm nhất 15 phút kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký thuế điện tử của người nộp thuế.

++++ Kiểm tra, giải quyết hồ sơ: Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về đăng ký thuế và trả kết quả giải quyết qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ.

+++++ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng thủ tục theo quy định và phải trả kết quả: Cơ quan thuế gửi kết quả giải quyết hồ sơ đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ theo thời hạn quy định tại Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

+++++ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng thủ tục theo quy định, cơ quan thuế gửi thông báo về việc không chấp nhận hồ sơ, gửi đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày ghi trên Thông báo tiếp nhận hồ sơ.

+++ Trường hợp đăng ký đồng thời với đăng ký kinh doanh theo cơ chế một cửa liên thông:

++++ Tiếp nhận hồ sơ: Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế thực hiện tiếp nhận hồ sơ từ cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan đăng ký hợp tác xã truyền sang.

++++ Kiểm tra, giải quyết hồ sơ: Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã và trả kết quả giải quyết qua Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã.

Cơ quan thuế gửi kết quả giải quyết hồ sơ qua Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã; hoặc đến địa chỉ thư điện tử của người nộp thuế trong trường hợp người nộp thuế có tài khoản giao dịch điện tử trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế theo thời hạn quy định của pháp luật về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tiếp tại trụ sở Cơ quan thuế;

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính;

+ Hoặc bằng phương thức điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định

về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ, gồm:

++ Đối với hồ sơ đăng ký thuế của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh gồm:

+++ Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 03-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính hoặc hồ sơ khai thuế của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh theo quy định của pháp luật về quản lý thuế;

+++ Bảng kê cửa hàng, cửa hiệu, kho hàng phụ thuộc mẫu số 03-ĐK-TCT-BK01 ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính (nếu có);

+++ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh (nếu có);

+++ Bản sao Thẻ căn cước công dân hoặc bản sao Giấy chứng minh nhân dân còn hiệu lực đối với cá nhân là người có quốc tịch Việt Nam; bản sao Hộ chiếu còn hiệu lực đối với cá nhân là người có quốc tịch nước ngoài hoặc cá nhân là người có quốc tịch Việt Nam sinh sống tại nước ngoài.

++ Đối với hồ sơ đăng ký thuế của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh của các nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua, bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu, gồm:

+++ Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 03-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính;

+++ Bảng kê cửa hàng, cửa hiệu, kho hàng phụ thuộc mẫu số 03-ĐK-TCT-BK01 ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính (nếu có);

+++ Bản sao các giấy tờ theo quy định tại Khoản 1 Điều 2 Thông tư số 218/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn chính sách và quản lý thuế đối với thương nhân thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hoá tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong Khu kinh tế cửa khẩu theo Quyết định số 52/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

+ *Số lượng hồ sơ:* 01 (bộ).

- Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nhận được hồ sơ đăng ký thuế đầy đủ theo quy định.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Thuế.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế.

- Phí, lệ phí: Không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Tờ khai đăng ký thuế theo mẫu số 03-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

++ Bảng kê cửa hàng, cửa hiệu, kho hàng phụ thuộc mẫu số 03-ĐK-TCT-BK01 ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính (nếu có).

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử đồng thời đăng ký và đảm bảo đầy đủ các điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh

vực thuế theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Quản lý thuế ngày 13/06/2019;

+ Luật, Pháp lệnh về thuế, phí, lệ phí, các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành;

+ Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/03/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế;

+ Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế.

- Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:

Mẫu số 03-ĐK-TCT.doc	03-ĐK-TCT-BK01.doc

Mẫu số: 03-ĐK-TCT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ THUẾ

(Dùng cho hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh)

1. Tên người nộp thuế
2. Mã số thuế (nếu có)
3. Thông tin đại lý thuế (nếu có):
3a. Tên
3b. Mã số thuế
3c. Hợp đồng đại lý thuế: Số Ngày:

4. Địa chỉ kinh doanh
4a. Số nhà, đường phố/xóm/ấp thôn:
4b. Phường/Xã/Thị trấn:
4c. Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương:
4d. Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:
4đ. Điện thoại: /Fax:
5. Địa chỉ nhận thông báo thuế *(chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính)*
5a. Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn hoặc hòm thư bưu điện:
5b. Phường/Xã/Thị trấn:
5c. Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương:
5d. Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:

6. Thông tin về đại diện hộ kinh doanh
6a. Họ và tên:
6b. Địa chỉ nơi đăng ký thường trú:
Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:
Phường/Xã/Thị trấn:
Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương:
Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:
6c. Địa chỉ hiện tại:
Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:
Phường/Xã/Thị trấn:
Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành

5đ. Điện thoại: /Fax:
5e. E-mail:
7. Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nếu có):
7a. Số:
7b. Ngày cấp: /.../.....
7c. Cơ quan cấp:

9. Vốn kinh doanh (đồng):
10. Ngành nghề kinh doanh chính
11. Ngày bắt đầu hoạt động: .../.../...

phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương:
Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:
6d. Thông tin khác:
Điện thoại: /Fax:
E-mail: /Website:
8. Thông tin về giấy tờ của người đại diện hộ kinh doanh
8a. Ngày sinh: .../.../..... 8b. Quốc tịch: .....
8c. Số CMND: .....Ngày cấp..... Nơi cấp.....
8d. Số Hộ chiếu.....Ngày cấp..... Nơi cấp.....
8e. Số giấy thông hành (đối với thương nhân nước ngoài).....Ngày cấp..... Nơi cấp .....
8g. Số CMND biên giới (đối với thương nhân nước ngoài).....Ngày cấp.....Nơi cấp .....
8h. Số Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND): Số Giấy tờ.....Ngày cấp.....Nơi cấp.....

12. Tình trạng đăng ký thuế
□ Cấp mới □ Tái hoạt động địa điểm kinh doanh đã chấm dứt hoạt động

13. Thông tin về các đơn vị liên quan
□ Có cửa hàng, cửa hiệu, kho hàng phụ thuộc

Tôi xin cam đoan những nội dung trong bản kê khai này là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã kê khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên: .....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

...., ngày..../.../.....

ĐẠI DIỆN HỘ KINH DOANH, CÁ NHÂN KINH DOANH

(Ký, ghi rõ họ tên)

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI

MẪU SỐ 03-ĐK-TCT

1. Tên người nộp thuế: Ghi rõ ràng, đầy đủ bằng chữ in hoa tên hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh. Trường hợp có Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh thì phải ghi đúng theo tên hộ kinh doanh trên Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.

2. Mã số thuế: Ghi mã số thuế 10 của người đại diện hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trong trường hợp đăng ký thuế cho địa điểm kinh doanh mới thành lập, hoặc mã số thuế đã được cấp của địa điểm kinh doanh trong trường hợp tái hoạt động địa điểm kinh doanh đã chấm dứt hoạt động.

3. Thông tin đại lý thuế: Ghi đầy đủ các thông tin của đại lý thuế trong trường hợp Đại lý thuế ký hợp đồng với người nộp thuế để thực hiện thủ tục đăng ký thuế thay cho người nộp thuế theo quy định tại Luật Quản lý thuế.

4. Địa chỉ kinh doanh:

4.1. Đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có hoạt động kinh doanh thường xuyên và địa điểm kinh doanh cố định; cá nhân cho thuê tài sản thì ghi rõ địa chỉ kinh doanh của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh hoặc địa chỉ nơi cá nhân cho thuê tài sản gồm: số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn, phường/xã/thị trấn, quận/huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh, tỉnh/thành phố. Nếu có số điện thoại, số Fax thì ghi rõ mã vùng – số điện thoại/số Fax. Trường hợp có Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh thì phải ghi đúng theo địa chỉ kinh doanh trên Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.

4.2. Đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có hoạt động kinh doanh thường xuyên và không có địa điểm kinh doanh cố định thì ghi rõ địa chỉ nơi thường trú của người đại diện hộ kinh doanh hoặc địa chỉ hiện tại nếu người đại diện hộ kinh doanh không ở tại địa chỉ nơi thường trú.

5. Địa chỉ nhận thông báo thuế: Nếu hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có địa chỉ nhận các thông báo của cơ quan thuế khác với địa chỉ của trụ sở chính thì ghi rõ địa chỉ nhận thông báo thuế để cơ quan thuế liên hệ.

6. Thông tin về đại diện hộ kinh doanh: Ghi đầy đủ các thông tin của người đại diện của hộ kinh doanh cá nhân kinh doanh (Họ và tên, địa chỉ nơi thường trú, địa chỉ hiện tại). Nếu có số điện thoại, số Fax thì ghi rõ mã vùng - số điện thoại/số Fax.

7. Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

- Đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh của Việt Nam và cá nhân kinh doanh của các nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu: Ghi rõ số, ngày cấp và cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh (nếu có).

- Đối với hộ kinh doanh của các nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu: Ghi rõ số, ngày cấp Giấy chứng nhận ĐKKD. Riêng thông tin "cơ quan cấp" Giấy chứng nhận ĐKKD: ghi tên nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam đã cấp Giấy chứng nhận ĐKKD (Lào, Campuchia, Trung Quốc).

8. Thông tin về giấy tờ của người đại diện hộ kinh doanh: Ghi rõ số, ngày cấp, Cơ quan cấp 1 trong các giấy tờ của người đại diện hộ kinh doanh: chứng minh nhân dân; căn cước công dân; hộ chiếu; giấy tờ chứng thực khác do cơ quan có thẩm quyền cấp. Riêng thông tin "nơi cấp" chỉ ghi tỉnh, thành phố cấp.

9. Vốn kinh doanh: Ghi theo thông tin "vốn kinh doanh" trên Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh

hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Trường hợp không có Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc không có thông tin về vốn kinh doanh trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thì ghi theo vốn thực tế đang kinh doanh.

10. Ngành nghề kinh doanh chính: Ghi theo ngành nghề kinh doanh trên Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Người nộp thuế chỉ ghi 1 ngành nghề chính thực tế đang kinh doanh.

11. Ngày bắt đầu hoạt động: Ghi rõ ngày hộ gia đình, nhóm cá nhân, cá nhân kinh doanh bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh.

12. Tình trạng đăng ký thuế:

Nếu hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh lần đầu đăng ký thuế cho hoạt động kinh doanh hoặc địa điểm kinh doanh mới thành lập để cấp mã số thuế với cơ quan thuế thì đánh dấu X vào ô "Cấp mới".

Nếu hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh sau một thời gian không hoạt động kinh doanh đã chuyển mã số thuế của người đại diện hộ kinh doanh thành mã số thuế của cá nhân, hoạt động kinh doanh trở lại thì đánh dấu X vào ô "Tái hoạt động SXKD" và ghi mã số thuế đã được cơ quan thuế cấp vào ô "Mã số thuế" của tờ khai.

13. Thông tin về các đơn vị có liên quan: Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có thêm các cửa hàng, cửa hiệu, kho hàng phụ thuộc thì đánh dấu X vào ô "Có cửa hàng, cửa hiệu phụ thuộc" đồng thời kê khai vào Bảng kê các cửa hàng, cửa hiệu, kho hàng phụ thuộc" mẫu số 03-ĐK-TCT-BK01.

14. Phần người đại diện hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh ký, ghi rõ họ tên: Người đại diện hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh phải ký, ghi rõ họ tên vào phần này.

15. Nhân viên đại lý thuế: Trường hợp đại lý thuế kê khai thay cho người nộp thuế thì kê khai vào thông tin này.

Mẫu số: **03-ĐK-TCT-BK01**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ
Cửa hàng, cửa hiệu, kho hàng phụ thuộc
(Kèm theo mẫu số 03-ĐK-TCT)

Tên người nộp thuế: .....

Mã số thuế (nếu có): | | | | | | | | | | | | | |

STT	Tên cửa hàng, cửa hiệu, kho hàng	Địa chỉ	Phường/xã	Quận/huyện	Tỉnh/thành phố

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

..., ngày... /... /.....
ĐẠI DIỆN HỘ KINH DOANH, CÁ NHÂN KINH DOANH
(Ký, ghi rõ họ tên)

37. Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đăng ký thông qua hồ sơ khai thuế, chưa có mã số thuế.

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp hồ sơ khai thuế theo thời hạn của pháp luật về quản lý thuế đến Chi cục Thuế nơi đặt địa điểm kinh doanh để làm thủ tục đăng ký thuế.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử: Người nộp thuế (NNT) truy cập vào Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) để khai tờ khai và gửi kèm các hồ sơ theo quy định dưới dạng điện tử (nếu có), ký điện tử và gửi đến cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn.

NNT nộp hồ sơ (hồ sơ đăng ký thuế đồng thời với hồ sơ đăng ký kinh doanh theo cơ chế 1 cửa liên thông) đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền gửi thông tin hồ sơ đã tiếp nhận của NNT sang cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

+ Bước 2: Cơ quan thuế tiếp nhận:

++ Đối với hồ sơ đăng ký thuế bằng giấy:

+++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế: Công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận vào hồ sơ đăng ký thuế, ghi rõ ngày nhận hồ sơ, số lượng tài liệu theo bảng kê danh mục hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế nộp trực tiếp tại cơ quan thuế. Công chức thuế viết phiếu hẹn ngày trả kết quả, thời hạn xử lý hồ sơ đã tiếp nhận.

+++ Trường hợp hồ sơ đăng ký thuế gửi bằng đường bưu chính: Công chức thuế đóng dấu tiếp nhận, ghi ngày nhận hồ sơ vào hồ sơ và ghi số văn thư của cơ quan thuế.

Công chức thuế kiểm tra hồ sơ đăng ký thuế. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ cần phải giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu, cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế theo mẫu số 01/TB-BSTT-NNT tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử:

Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận hồ sơ qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan thuế.

+++ Giao dịch điện tử trong đăng ký trực tiếp với cơ quan thuế:

++++ Tiếp nhận hồ sơ: Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông báo tiếp nhận việc NNT đã nộp hồ sơ cho NNT qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) chậm nhất 15 phút kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký thuế điện tử của người nộp thuế.

++++ Kiểm tra, giải quyết hồ sơ: Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về đăng ký thuế và trả kết quả giải quyết qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ.

+++++ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng thủ tục theo quy định và phải trả kết quả: Cơ quan thuế gửi kết quả giải quyết hồ sơ đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ theo thời hạn quy định tại Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

+++++ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng thủ tục theo quy định, cơ quan thuế gửi thông báo về việc không chấp nhận hồ sơ, gửi đến Cổng thông tin

điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày ghi trên Thông báo tiếp nhận hồ sơ.

+++ Trường hợp đăng ký đồng thời với đăng ký kinh doanh theo cơ chế một cửa liên thông:

++++ Tiếp nhận hồ sơ: Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế thực hiện tiếp nhận hồ sơ từ cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan đăng ký hợp tác xã truyền sang.

++++ Kiểm tra, giải quyết hồ sơ: Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã và trả kết quả giải quyết qua Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã.

Cơ quan thuế gửi kết quả giải quyết hồ sơ qua Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã; hoặc đến địa chỉ thư điện tử của người nộp thuế trong trường hợp người nộp thuế có tài khoản giao dịch điện tử trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế theo thời hạn quy định của pháp luật về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tiếp tại trụ sở Cơ quan thuế;

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính;

+ Hoặc bằng phương thức điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ, gồm:

++ Hồ sơ khai thuế của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh theo quy định của pháp luật về quản lý thuế;

++ Bảng kê cửa hàng, cửa hiệu, kho hàng phụ thuộc mẫu số 03-ĐK-TCT-BK01 ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính (nếu có);

++ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh (nếu có);

++ Bản sao Thẻ căn cước công dân hoặc bản sao Giấy chứng minh nhân dân còn hiệu lực đối với cá nhân là người có quốc tịch Việt Nam; bản sao Hộ chiếu còn hiệu lực đối với cá nhân là người có quốc tịch nước ngoài hoặc cá nhân là người có quốc tịch Việt Nam sinh sống tại nước ngoài.

+ *Số lượng hồ sơ:* 01 (bộ)

- Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nhận được hồ sơ đăng ký thuế đầy đủ theo quy định.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Thuế.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký thuế.

- Phí, lệ phí: Không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Theo hồ sơ khai thuế của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh;

+ Bảng kê cửa hàng, cửa hiệu, kho hàng phụ thuộc mẫu số 03-ĐK-TCT-BK01 ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC (nếu có).

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử đồng thời đăng ký và đảm bảo đầy đủ các điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh

vực thuế theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Quản lý thuế ngày 13/06/2019;

+ Luật, Pháp lệnh về thuế, phí, lệ phí, các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành;

+ Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/03/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế;

+ Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế.

- Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:

Mẫu số 03
ĐK-TCT-BK01.doc

Mẫu số: **03-ĐK-TCT-BK01**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ
Cửa hàng, cửa hiệu, kho hàng phụ thuộc
(Kèm theo mẫu số 03-ĐK-TCT)

Tên người nộp thuế: .....

Mã số thuế (nếu có): | | | | | | | | | | | | | |

STT	Tên cửa hàng, cửa hiệu, kho hàng	Địa chỉ	Phường/xã	Quận/huyện	Tỉnh/thành phố

..., ngày... /... /.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

ĐẠI DIỆN HỘ KINH DOANH, CÁ NHÂN KINH DOANH
(Ký, ghi rõ họ tên)

38. Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là tổ chức kinh tế, tổ chức khác (kể cả đơn vị phụ thuộc); hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thay đổi các thông tin đăng ký thuế không làm thay đổi cơ quan thuế quản lý.

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1:

++ Tổ chức kinh tế, tổ chức khác (kể cả đơn vị phụ thuộc), hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đã đăng ký thuế với cơ quan thuế, khi có thay đổi một trong các thông tin trên tờ khai đăng ký thuế, bảng kê kèm theo tờ khai đăng ký thuế phải thực hiện thủ tục thay đổi thông tin đăng ký thuế với cơ quan thuế quản lý trực tiếp trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh thông tin thay đổi.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử: Người nộp thuế (NNT) truy cập vào Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) để khai tờ khai và gửi kèm các hồ sơ theo quy định dưới dạng điện tử (nếu có), ký điện tử và gửi đến cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn.

NNT nộp hồ sơ (hồ sơ đăng ký thuế đồng thời với hồ sơ đăng ký kinh doanh theo cơ chế 1 cửa liên thông) đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền gửi thông tin hồ sơ đã tiếp nhận của NNT sang cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

+ Bước 2: Cơ quan thuế tiếp nhận:

++ Đối với hồ sơ đăng ký thuế bằng giấy:

+++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế: Công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận vào hồ sơ đăng ký thuế, ghi rõ ngày nhận hồ sơ, số lượng tài liệu theo bảng kê danh mục hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế nộp trực tiếp tại cơ quan thuế. Công chức thuế viết phiếu hẹn ngày trả kết quả, thời hạn xử lý hồ sơ đã tiếp nhận.

+++ Trường hợp hồ sơ đăng ký thuế gửi bằng đường bưu chính: Công chức thuế đóng dấu tiếp nhận, ghi ngày nhận hồ sơ vào hồ sơ và ghi số văn thư của cơ quan thuế.

Công chức thuế kiểm tra hồ sơ đăng ký thuế. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ cần phải giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu, cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế theo mẫu số 01/TB-BSTT-NNT tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử:

Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận hồ sơ qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan thuế.

+++ Giao dịch điện tử trong đăng ký trực tiếp với cơ quan thuế:

++++ Tiếp nhận hồ sơ: Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông báo tiếp nhận việc NNT đã nộp hồ sơ cho NNT qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) chậm nhất 15 phút kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký thuế điện tử của người nộp thuế.

++++ Kiểm tra, giải quyết hồ sơ: Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về đăng ký thuế và trả kết quả giải quyết qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ.

+++++ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng thủ tục theo quy định và phải trả kết quả: Cơ quan thuế gửi kết quả giải quyết hồ sơ đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ theo thời hạn quy định tại Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

+++++ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng thủ tục theo quy định, cơ quan thuế gửi thông báo về việc không chấp nhận hồ sơ, gửi đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày ghi trên Thông báo tiếp nhận hồ sơ.

+++ Trường hợp đăng ký đồng thời với đăng ký kinh doanh theo cơ chế một cửa liên thông:

++++ Tiếp nhận hồ sơ: Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế thực hiện tiếp nhận hồ sơ từ cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan đăng ký hợp tác xã truyền sang.

++++ Kiểm tra, giải quyết hồ sơ: Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã và trả kết quả giải quyết qua Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã.

Cơ quan thuế gửi kết quả giải quyết hồ sơ qua Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã; hoặc đến địa chỉ thư điện tử của người nộp thuế trong trường hợp người nộp thuế có tài khoản giao dịch điện tử trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế theo thời hạn quy định của pháp luật về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tiếp tại trụ sở Cơ quan thuế;

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính;

+ Hoặc bằng phương thức điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định

về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ, gồm:

++ Đối với người nộp thuế theo quy định tại Điểm a, b, c, đ, h, n Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính, gồm:

+++ Tờ khai điều chỉnh, bổ sung thông tin đăng ký thuế theo mẫu 08-MST ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

+++ Bản sao Giấy phép thành lập và hoạt động, hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đơn vị phụ thuộc, hoặc Quyết định thành lập, hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp nếu thông tin trên các Giấy tờ này có thay đổi.

++ Đối với người nộp thuế theo quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính gồm: Tờ khai điều chỉnh, bổ sung thông tin đăng ký thuế theo mẫu 08-MST ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

++ Đối với người nộp thuế theo quy định tại Điểm i Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính gồm:

+++ Tờ khai điều chỉnh, bổ sung thông tin đăng ký thuế mẫu số 08-MST ban hành kèm theo Thông tư này hoặc Hồ sơ khai thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế;

+++ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh nếu thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh có thay đổi;

+++ Bản sao Thẻ căn cước công dân hoặc bản sao Giấy chứng minh nhân dân còn hiệu lực đối với cá nhân là người có quốc tịch Việt Nam; bản sao Hộ

chiếu còn hiệu lực đối với cá nhân là người có quốc tịch nước ngoài và người có quốc tịch Việt Nam sinh sống tại nước ngoài nếu thông tin trên các Giấy tờ này có thay đổi.

+ *Số lượng hồ sơ:* 01 (bộ).

- Thời hạn giải quyết:

+ Trường hợp thay đổi thông tin không có trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế: Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của người nộp thuế, cơ quan thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế có trách nhiệm cập nhật các thông tin thay đổi vào Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế.

+ Trường hợp thay đổi thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế: Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của người nộp thuế, cơ quan thuế quản lý trực tiếp có trách nhiệm cập nhật các thông tin thay đổi vào Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế; đồng thời, ban hành Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế đã cập nhật thông tin thay đổi.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức kinh tế, tổ chức khác

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Thuế.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế (trường hợp người nộp thuế thay đổi các thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế).

- Phí, lệ phí: Không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ khai điều chỉnh, bổ sung thông tin đăng ký thuế mẫu số 08-MST ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử đồng thời đăng ký

và đảm bảo đầy đủ các điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Quản lý thuế ngày 13/06/2019;

+ Luật, Pháp lệnh về thuế, phí, lệ phí, các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành;

+ Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/03/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế;

+ Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế.

- Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:

Mẫu số 08-MST.doc

Mẫu số: 08-MST

(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI
ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG THÔNG TIN ĐĂNG KÝ THUẾ

□ Doanh nghiệp, hợp tác xã □ Tổ chức □ Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh □ Cá nhân □ Khác

1. Tên người nộp thuế:

2. Mã số thuế:

3. Địa chỉ trụ sở chính:

4. Thông tin đại lý thuế (nếu có):

4a. Tên:

4b. Mã số thuế:

4c. Hợp đồng đại lý thuế: Số ngày

Đăng ký bổ sung, thay đổi các chỉ tiêu đăng ký thuế như sau:

Chỉ tiêu (1)	Thông tin đăng ký cũ (2)	Thông tin đăng ký mới (3)
I- Điều chỉnh thông tin đã đăng ký:		
Ví dụ:		235 Nguyễn Thái Học - Hà Nội
- Chỉ tiêu 4: Địa chỉ nhận thông báo thuế trên tờ khai 01-ĐK-TCT		
-.....	124 Lò Đúc - Hà Nội	
II- Bổ sung thông tin:		
Ví dụ:		
- Bảng kê BK02-ĐK-TCT		Bổ sung đơn vị phụ thuộc...
-		

Người nộp thuế cam đoan những thông tin kê khai trên là hoàn toàn chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những thông tin đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên: .....

Chứng chỉ hành nghề số: .....

..., ngày: .../...../.....
NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi họ tên và đóng dấu (nếu có)

Ghi chú:

- Cột (1): Ghi tên các chỉ tiêu có thay đổi trên tờ khai đăng ký thuế hoặc các bảng kê kèm theo hồ sơ đăng ký thuế.

- Cột (2): Ghi lại nội dung thông tin đăng ký thuế đã kê khai trong lần đăng ký thuế gần nhất.

- Cột (3): Ghi chính xác nội dung thông tin đăng ký thuế mới thay đổi hoặc bổ sung.

39. Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức kinh tế, tổ chức khác (kể cả đơn vị phụ thuộc); hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thay đổi thông tin về địa chỉ trụ sở dẫn đến làm thay đổi cơ quan thuế quản lý - Cơ quan thuế nơi người nộp thuế chuyển đi.

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Người nộp thuế khi có thay đổi thông tin về địa chỉ trụ sở trên tờ khai đăng ký thuế dẫn đến làm thay đổi cơ quan thuế quản lý phải thực hiện thủ tục thay đổi thông tin đăng ký thuế trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh thông tin thay đổi gửi đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử: Người nộp thuế (NNT) truy cập vào Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) để khai tờ khai và gửi kèm các hồ sơ theo quy định dưới dạng điện tử (nếu có), ký điện tử và gửi đến cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn.

NNT nộp hồ sơ (hồ sơ đăng ký thuế đồng thời với hồ sơ đăng ký kinh doanh theo cơ chế 1 cửa liên thông) đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền gửi thông tin hồ sơ đã tiếp nhận của NNT sang cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

+ Bước 2: Cơ quan thuế tiếp nhận:

++ Đối với hồ sơ đăng ký thuế bằng giấy:

+++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế: Công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận vào hồ sơ đăng ký thuế, ghi rõ ngày nhận hồ sơ, số lượng tài liệu theo bảng kê danh mục hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ đăng ký

thuế nộp trực tiếp tại cơ quan thuế. Công chức thuế viết phiếu hẹn ngày trả kết quả, thời hạn xử lý hồ sơ đã tiếp nhận.

+++ Trường hợp hồ sơ đăng ký thuế gửi bằng đường bưu chính: Công chức thuế đóng dấu tiếp nhận, ghi ngày nhận hồ sơ vào hồ sơ và ghi số văn thư của cơ quan thuế.

Công chức thuế kiểm tra hồ sơ đăng ký thuế. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ cần phải giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu, cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế theo mẫu số 01/TB-BSTT-NNT tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử:

Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận hồ sơ qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan thuế.

+++ Giao dịch điện tử trong đăng ký trực tiếp với cơ quan thuế:

++++ Tiếp nhận hồ sơ: Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông báo tiếp nhận việc NNT đã nộp hồ sơ cho NNT qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) chậm nhất 15 phút kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký thuế điện tử của người nộp thuế.

++++ Kiểm tra, giải quyết hồ sơ: Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về đăng ký thuế và trả kết quả giải quyết qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ.

+++++ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng thủ tục theo quy định và phải trả kết quả: Cơ quan thuế gửi kết quả giải quyết hồ sơ đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ theo thời hạn quy định tại Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

+++++ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng thủ tục theo quy định, cơ quan thuế gửi thông báo về việc không chấp nhận hồ sơ, gửi đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày ghi trên Thông báo tiếp nhận hồ sơ.

+++ Trường hợp đăng ký đồng thời với đăng ký kinh doanh theo cơ chế một cửa liên thông:

++++ Tiếp nhận hồ sơ: Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế thực hiện tiếp nhận hồ sơ từ cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan đăng ký hợp tác xã truyền sang.

++++ Kiểm tra, giải quyết hồ sơ: Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã và trả kết quả giải quyết qua Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã.

Cơ quan thuế gửi kết quả giải quyết hồ sơ qua Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã; hoặc đến địa chỉ thư điện tử của người nộp thuế trong trường hợp người nộp thuế có tài khoản giao dịch điện tử trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế theo thời hạn quy định của pháp luật về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tiếp tại trụ sở Cơ quan thuế;

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính;

+ Hoặc bằng phương thức điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 018/13/2021 của Bộ Tài chính.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ, gồm:

++ Đối với người nộp thuế là doanh nghiệp, hợp tác xã gồm:

+++ Tờ khai điều chỉnh, bổ sung thông tin đăng ký thuế mẫu số 08-MST ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính;

++ Đối với người nộp thuế là tổ chức kinh tế, tổ chức khác theo quy định tại Điểm a, b, c, đ, h, n Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính gồm:

+++ Tờ khai điều chỉnh, bổ sung thông tin đăng ký thuế mẫu số 08-MST ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính;

+++ Bản sao Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Văn bản tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp trong trường hợp địa chỉ trên các Giấy tờ này có thay đổi.

++ Đối với người nộp thuế là tổ chức kinh tế, tổ chức khác theo quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính gồm:

+++ Tờ khai điều chỉnh, bổ sung thông tin đăng ký thuế mẫu số 08-MST ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính;

++ Đối với người nộp thuế là hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh theo quy định tại Điểm i Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính gồm:

+++ Tờ khai điều chỉnh, bổ sung thông tin đăng ký thuế mẫu số 08-MST ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính hoặc Hồ sơ khai thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế;

+++ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh nếu thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh có thay đổi;

+++ Bản sao Thẻ căn cước công dân hoặc bản sao Giấy chứng minh nhân dân còn hiệu lực đối với cá nhân là người có quốc tịch Việt Nam; bản sao Hộ chiếu còn hiệu lực đối với cá nhân là người có quốc tịch nước ngoài và người có quốc tịch Việt Nam sinh sống tại nước ngoài nếu thông tin trên các Giấy tờ này có thay đổi.

+ *Số lượng hồ sơ:* 01 (bộ).

- Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn chậm nhất không quá 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế công bố biên bản, kết luận kiểm tra (đối với hồ sơ thuộc diện phải kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế), 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của người nộp thuế (đối với hồ sơ thuộc diện không phải kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế),

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Thuế.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thông báo người nộp thuế chuyển địa điểm mẫu số 09-MST ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC.

- Phí, lệ phí: Không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ khai điều chỉnh, bổ sung thông tin đăng ký thuế mẫu số 08-MST ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử đồng thời đăng ký và đảm bảo đầy đủ các điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh

vực thuế theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Quản lý thuế ngày 13/06/2019;

+ Luật, Pháp lệnh về thuế, phí, lệ phí, các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành;

+ Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/03/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế;

+ Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế.

- Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:

Mẫu số 08-MST.doc

Mẫu số: 08-MST

(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI
ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG THÔNG TIN ĐĂNG KÝ THUẾ

□ Doanh nghiệp, hợp tác xã □ Tổ chức □ Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh □ Cá nhân □ Khác

1. Tên người nộp thuế:

2. Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

3. Địa chỉ trụ sở chính:

4. Thông tin đại lý thuế (nếu có):

4a. Tên:

4b. Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

4c. Hợp đồng đại lý thuế: Số ngày

Đăng ký bổ sung, thay đổi các chỉ tiêu đăng ký thuế như sau:

Chỉ tiêu (1)	Thông tin đăng ký cũ (2)	Thông tin đăng ký mới (3)
I- Điều chỉnh thông tin đã đăng ký: Ví dụ: - Chỉ tiêu 4: Địa chỉ nhận thông báo thuế trên tờ khai 01-ĐK-TCT -..... **II- Bổ sung thông tin:** Ví dụ: - Bảng kê BK02-ĐK-TCT -	124 Lò Đúc - Hà Nội	235 Nguyễn Thái Học - Hà Nội Bổ sung đơn vị phụ thuộc...

Người nộp thuế cam đoan những thông tin kê khai trên là hoàn toàn chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những thông tin đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên: .....

Chứng chỉ hành nghề số: .....

...., ngày: ..../...../.....
NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi họ tên và đóng dấu (nếu có)

Ghi chú:

- Cột (1): Ghi tên các chỉ tiêu có thay đổi trên tờ khai đăng ký thuế hoặc các bảng kê kèm theo hồ sơ đăng ký thuế.

- Cột (2): Ghi lại nội dung thông tin đăng ký thuế đã kê khai trong lần đăng ký thuế gần nhất.

- Cột (3): Ghi chính xác nội dung thông tin đăng ký thuế mới thay đổi hoặc bổ sung.

40. Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là tổ chức kinh tế, tổ chức khác (kể cả đơn vị phụ thuộc); hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thay đổi thông tin về địa chỉ trụ sở dẫn đến làm thay đổi cơ quan thuế quản lý - Cơ quan thuế nơi người nộp thuế chuyển đến.

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế chuyển đi ban hành Thông báo người nộp thuế chuyển địa điểm (mẫu số 09-MST ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính), người nộp thuế phải lập hồ sơ, gửi đến cơ quan thuế nơi chuyển đến.

Nơi nộp hồ sơ:

++ Người nộp thuế là tổ hợp tác theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 4 Thông tư này nộp hồ sơ tại Chi cục Thuế nơi đặt trụ sở mới.

++ Người nộp thuế theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 4 Thông tư này nộp hồ sơ tại Chi cục Thuế nơi tổ chức đóng trụ sở (tổ chức do cơ quan cấp huyện ra quyết định thành lập).

++ Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh theo quy định tại Điểm i Khoản 2 Điều 4 Thông tư này nộp hồ sơ tại Chi cục Thuế nơi có địa chỉ mới của địa điểm kinh doanh.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử: Người nộp thuế (NNT) truy cập vào Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) để khai tờ khai và gửi kèm các hồ sơ theo quy định dưới dạng điện tử (nếu có), ký điện tử và gửi đến cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn.

NNT nộp hồ sơ (hồ sơ đăng ký thuế đồng thời với hồ sơ đăng ký kinh doanh theo cơ chế 1 cửa liên thông) đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền gửi thông tin hồ sơ đã tiếp nhận của NNT sang cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

+ Bước 2: Cơ quan thuế tiếp nhận:

++ Đối với hồ sơ đăng ký thuế bằng giấy:

+++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế: Công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận vào hồ sơ đăng ký thuế, ghi rõ ngày nhận hồ sơ, số lượng tài liệu theo bảng kê danh mục hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế nộp trực tiếp tại cơ quan thuế. Công chức thuế viết phiếu hẹn ngày trả kết quả, thời hạn xử lý hồ sơ đã tiếp nhận.

+++ Trường hợp hồ sơ đăng ký thuế gửi bằng đường bưu chính: Công chức thuế đóng dấu tiếp nhận, ghi ngày nhận hồ sơ vào hồ sơ và ghi số văn thư của cơ quan thuế.

Công chức thuế kiểm tra hồ sơ đăng ký thuế. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ cần phải giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu, cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế theo mẫu số 01/TB-BSTT-NNT tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử:

Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận hồ sơ qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan thuế.

+++ Giao dịch điện tử trong đăng ký trực tiếp với cơ quan thuế:

++++ Tiếp nhận hồ sơ: Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông báo tiếp nhận việc NNT đã nộp hồ sơ cho NNT qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ (Cổng thông tin điện tử của

Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) chậm nhất 15 phút kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký thuế điện tử của người nộp thuế.

++++ Kiểm tra, giải quyết hồ sơ: Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về đăng ký thuế và trả kết quả giải quyết qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ.

+++++ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng thủ tục theo quy định và phải trả kết quả: Cơ quan thuế gửi kết quả giải quyết hồ sơ đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ theo thời hạn quy định tại Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

+++++ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng thủ tục theo quy định, cơ quan thuế gửi thông báo về việc không chấp nhận hồ sơ, gửi đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày ghi trên Thông báo tiếp nhận hồ sơ.

+++ Trường hợp đăng ký đồng thời với đăng ký kinh doanh theo cơ chế một cửa liên thông:

++++ Tiếp nhận hồ sơ: Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế thực hiện tiếp nhận hồ sơ từ cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan đăng ký hợp tác xã truyền sang.

++++ Kiểm tra, giải quyết hồ sơ: Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã và trả kết quả giải quyết qua Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã.

Cơ quan thuế gửi kết quả giải quyết hồ sơ qua Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã; hoặc đến địa chỉ thư điện tử của người nộp thuế trong trường hợp người nộp thuế có tài khoản giao dịch điện tử trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế theo thời hạn quy định của pháp luật về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tiếp tại trụ sở Cơ quan thuế;

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính;

+ Hoặc bằng phương thức điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ, gồm:

++ Văn bản đăng ký chuyển địa điểm tại cơ quan thuế nơi người nộp thuế chuyển đến mẫu số 30/ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

++ Bản sao Giấy phép thành lập và hoạt động, hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc Văn bản tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp trong trường hợp địa chỉ trên các Giấy tờ này có thay đổi.

+ Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

- Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của người nộp thuế.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Thuế.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan thuế tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm cập nhật các thông tin thay đổi vào Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế. Đồng thời, ban hành Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế đã cập nhật thông tin thay đổi gửi cho người nộp thuế.

- Phí, lệ phí: Không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Văn bản đăng ký chuyển địa điểm tại cơ quan thuế nơi người nộp thuế chuyển đến mẫu số 30/ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử đồng thời đăng ký và đảm bảo đầy đủ các điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Quản lý thuế ngày 13/06/2019;

+ Luật, Pháp lệnh về thuế, phí, lệ phí, các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành;

+ Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/03/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế;

+ Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế.

- Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:

Mẫu số
30-ĐK-TCT.doc

Mẫu số: 30/ĐK-TCT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)

TÊN NGƯỜI NỘP THUẾ -------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
Số: ..... V/v Đăng ký chuyển địa điểm tại cơ quan thuế nơi người nộp thuế chuyển đến	*....., ngày .... tháng .... năm .....*

Kính gửi: .....

1. Tên người nộp thuế *(ghi theo đăng ký thuế)*: .....

2. Mã số thuế: .....

3. Địa chỉ trụ sở *(ghi theo địa chỉ trụ sở của tổ chức đã đăng ký thuế)*: .....
.....

4. Địa chỉ kinh doanh *(ghi theo địa chỉ đăng ký kinh doanh của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đã đăng ký thuế)*: .....

5. Thông tin đại lý thuế (nếu có):

a) Tên: .....

b) Mã số thuế của đại lý thuế: .....

c) Số hợp đồng đại lý thuế: ngày ký hợp đồng:

6. Lý do đăng ký chuyển địa điểm: .....

.....

.....

7. Hồ sơ đính kèm:

.....

.....

Người nộp thuế cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của văn bản này./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ	**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT** *(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)*
Họ và tên: ..... Chứng chỉ hành nghề số:	

Ghi chú:

Người nộp thuế là tổ chức không phải đóng dấu khi đăng ký thuế và hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không phải đóng dấu vào văn bản này.

41. Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là cá nhân có phát sinh thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân (trừ cá nhân kinh doanh) và người phụ thuộc - Trường hợp cá nhân đăng ký thay đổi thông tin trực tiếp tại cơ quan thuế.

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Người nộp thuế là cá nhân đăng ký thuế trực tiếp với cơ quan thuế khi có thay đổi thông tin đăng ký thuế thì phải thông báo cho Chi cục Thuế nơi cá nhân đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh thông tin thay đổi. Trường hợp thay đổi thông tin về giấy chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân, hộ chiếu thì ngày phát sinh thông tin thay đổi là 20 ngày (riêng các huyện miền núi vùng cao, biên giới, hải đảo là 30 ngày) kể từ ngày ghi trên giấy chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân, hộ chiếu.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử: Người nộp thuế (NNT) truy cập vào Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) để khai tờ khai và gửi kèm các hồ sơ theo quy định dưới dạng điện tử (nếu có), ký điện tử và gửi đến cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn.

NNT nộp hồ sơ (hồ sơ đăng ký thuế đồng thời với hồ sơ đăng ký kinh doanh theo cơ chế 1 cửa liên thông) đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền gửi thông tin hồ sơ đã tiếp nhận của NNT sang cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

+ Bước 2: Cơ quan thuế tiếp nhận:

++ Đối với hồ sơ đăng ký thuế bằng giấy:

+++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế: Công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận vào hồ sơ đăng ký thuế, ghi rõ ngày nhận hồ sơ, số lượng tài liệu theo bảng kê danh mục hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế nộp trực tiếp tại cơ quan thuế. Công chức thuế viết phiếu hẹn ngày trả kết quả, thời hạn xử lý hồ sơ đã tiếp nhận.

+++ Trường hợp hồ sơ đăng ký thuế gửi bằng đường bưu chính: Công chức thuế đóng dấu tiếp nhận, ghi ngày nhận hồ sơ vào hồ sơ và ghi số văn thư của cơ quan thuế.

Công chức thuế kiểm tra hồ sơ đăng ký thuế. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ cần phải giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu, cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế theo mẫu số 01/TB-BSTT-NNT tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử:

Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận hồ sơ qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan thuế.

+++ Tiếp nhận hồ sơ: Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông báo tiếp nhận việc NNT đã nộp hồ sơ cho NNT qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) chậm nhất 15 phút kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký thuế điện tử của người nộp thuế.

+++ Kiểm tra, giải quyết hồ sơ: Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về đăng ký thuế và trả kết quả giải quyết qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ.

++++ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng thủ tục theo quy định và phải trả kết quả: Cơ quan thuế gửi kết quả giải quyết hồ sơ đến Cổng thông tin điện tử mà

người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ theo thời hạn quy định tại Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

++++ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng thủ tục theo quy định, cơ quan thuế gửi thông báo về việc không chấp nhận hồ sơ, gửi đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày ghi trên Thông báo tiếp nhận hồ sơ.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tiếp tại trụ sở Cơ quan thuế;

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính;

+ Hoặc bằng phương thức điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 018/3/2021 của Bộ Tài chính.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ, gồm:

++ Tờ khai điều chỉnh, bổ sung thông tin đăng ký thuế mẫu số 08-MST ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính;

++ Bản sao Thẻ căn cước công dân hoặc bản sao Giấy chứng minh nhân dân còn hiệu lực đối với người phụ thuộc là người có quốc tịch Việt Nam; bản sao Hộ chiếu còn hiệu lực đối với người phụ thuộc là người có quốc tịch nước ngoài hoặc người có quốc tịch Việt Nam sinh sống tại nước ngoài trong trường hợp thông tin đăng ký thuế trên các Giấy tờ này có thay đổi.

+ Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

- Thời hạn giải quyết:

+ Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế của người nộp thuế (đối với trường hợp không cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thuế dành cho cá nhân hoặc Thông báo mã số thuế người phụ thuộc).

+ Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế của người nộp thuế (đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thuế dành cho cá nhân hoặc Thông báo mã số thuế người phụ thuộc).

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Thuế.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận đăng ký thuế dành cho cá nhân hoặc Thông báo mã số thuế người phụ thuộc (trường hợp người nộp thuế thay đổi các thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế người phụ thuộc).

- Phí, lệ phí: Không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ khai điều chỉnh, bổ sung thông tin đăng ký thuế mẫu số 08-MST ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử đồng thời đăng ký và đảm bảo đầy đủ các điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Quản lý thuế ngày 13/06/2019;

+ Luật, Pháp lệnh về thuế, phí, lệ phí, các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành;

+ Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ;

+ Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/03/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế;

+ Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế.

- Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:

Mẫu số 08-MST.doc

Mẫu số: 08-MST

(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI
ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG THÔNG TIN ĐĂNG KÝ THUẾ

□ Doanh nghiệp, hợp tác xã □ Tổ chức □ Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh □ Cá nhân □ Khác

1. Tên người nộp thuế:

2. Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

3. Địa chỉ trụ sở chính:

4. Thông tin đại lý thuế (nếu có):

4a. Tên:

4b. Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

4c. Hợp đồng đại lý thuế: Số ngày

Đăng ký bổ sung, thay đổi các chỉ tiêu đăng ký thuế như sau:

Chỉ tiêu (1)	Thông tin đăng ký cũ (2)	Thông tin đăng ký mới (3)
I- Điều chỉnh thông tin đã đăng ký:		
Ví dụ:		235 Nguyễn Thái Học - Hà Nội
- Chỉ tiêu 4: Địa chỉ nhận thông báo thuế trên tờ khai 01-ĐK-TCT		
-.....	124 Lò Đúc - Hà Nội	
II- Bổ sung thông tin:		
Ví dụ:		
- Bảng kê BK02-ĐK-TCT		Bổ sung đơn vị phụ thuộc...
-		

Người nộp thuế cam đoan những thông tin kê khai trên là hoàn toàn chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những thông tin đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên: .....

Chứng chỉ hành nghề số: .....

...., ngày: ..../...../.....
NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi họ tên và đóng dấu (nếu có)

Ghi chú:

- Cột (1): Ghi tên các chỉ tiêu có thay đổi trên tờ khai đăng ký thuế hoặc các bảng kê kèm theo hồ sơ đăng ký thuế.

- Cột (2): Ghi lại nội dung thông tin đăng ký thuế đã kê khai trong lần đăng ký thuế gần nhất.

- Cột (3): Ghi chính xác nội dung thông tin đăng ký thuế mới thay đổi hoặc bổ sung.

42. Chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày có văn bản chấm dứt hoạt động hoặc chấm dứt hoạt động kinh doanh.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử: Người nộp thuế (NNT) truy cập vào Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) để khai tờ khai và gửi kèm các hồ sơ theo quy định dưới dạng điện tử (nếu có), ký điện tử và gửi đến cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn.

NNT nộp hồ sơ (hồ sơ đăng ký thuế đồng thời với hồ sơ đăng ký kinh doanh theo cơ chế 1 cửa liên thông) đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền gửi thông tin hồ sơ đã tiếp nhận của NNT sang cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

+ Bước 2: Cơ quan thuế tiếp nhận:

++ Đối với hồ sơ đăng ký thuế bằng giấy:

+++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế: Công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận vào hồ sơ đăng ký thuế, ghi rõ ngày nhận hồ sơ, số lượng tài liệu theo bảng kê danh mục hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế nộp trực tiếp tại cơ quan thuế. Công chức thuế viết phiếu hẹn ngày trả kết quả, thời hạn xử lý hồ sơ đã tiếp nhận.

+++ Trường hợp hồ sơ đăng ký thuế gửi bằng đường bưu chính: Công chức thuế đóng dấu tiếp nhận, ghi ngày nhận hồ sơ vào hồ sơ và ghi số văn thư của cơ quan thuế.

Công chức thuế kiểm tra hồ sơ đăng ký thuế. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ cần phải giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu, cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế theo mẫu số 01/TB-BSTT-NNT tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử:

Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận hồ sơ qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan thuế.

+++ Giao dịch điện tử trong đăng ký trực tiếp với cơ quan thuế:

++++ Tiếp nhận hồ sơ: Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông báo tiếp nhận việc NNT đã nộp hồ sơ cho NNT qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) chậm nhất 15 phút kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký thuế điện tử của người nộp thuế.

++++ Kiểm tra, giải quyết hồ sơ: Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về đăng ký thuế và trả kết quả giải quyết qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ.

+++++ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng thủ tục theo quy định và phải trả kết quả: Cơ quan thuế gửi kết quả giải quyết hồ sơ đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ theo thời hạn quy định tại Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

+++++ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng thủ tục theo quy định, cơ quan thuế gửi thông báo về việc không chấp nhận hồ sơ, gửi đến Cổng thông tin

điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày ghi trên Thông báo tiếp nhận hồ sơ.

+++ Trường hợp đăng ký đồng thời với đăng ký kinh doanh theo cơ chế một cửa liên thông:

++++ Tiếp nhận hồ sơ: Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế thực hiện tiếp nhận hồ sơ từ cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan đăng ký hợp tác xã truyền sang.

++++ Kiểm tra, giải quyết hồ sơ: Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã và trả kết quả giải quyết qua Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã.

Cơ quan thuế gửi kết quả giải quyết hồ sơ qua Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã; hoặc đến địa chỉ thư điện tử của người nộp thuế trong trường hợp người nộp thuế có tài khoản giao dịch điện tử trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế theo thời hạn quy định của pháp luật về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tiếp tại trụ sở Cơ quan thuế;

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính;

+ Hoặc bằng phương thức điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ *Thành phần hồ sơ, gồm:*

++ Văn bản đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế mẫu số 24/ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính;

++ Bản sao quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh (nếu có).

+ *Số lượng hồ sơ:* 01 (bộ).

- Thời hạn giải quyết:

+ Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nhận được hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế của người nộp thuế là hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh, cơ quan thuế phải thực hiện Thông báo người nộp thuế ngừng hoạt động và đang làm thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế mẫu số 17/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính gửi người nộp thuế. Đồng thời chuyển trạng thái của người nộp thuế về trạng thái "NNT ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế" trên Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế đối với hoạt động kinh doanh.

+ Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh hoàn thành nghĩa vụ về thuế, cơ quan thuế ban hành Thông báo người nộp thuế chấm dứt hiệu lực mã số thuế mẫu số 18/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính đối với hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Thuế.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Cơ quan thuế ban hành Thông báo người nộp thuế ngừng hoạt động và đang làm thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo mẫu số 17/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài

chính và Thông báo chấm dứt hiệu lực mã số thuế mẫu số 18/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

- Phí, lệ phí: Không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Văn bản đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế mẫu số 24/ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử đồng thời đăng ký và đảm bảo đầy đủ các điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Quản lý thuế ngày 13/06/2019;

+ Luật, Pháp lệnh về thuế, phí, lệ phí, các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành;

+ Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/03/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế;

+ Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế.

- Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:

Mẫu số
24-ĐK-TCT.doc

Mẫu số: 24/ĐK-TCT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính)

TÊN NGƯỜI NỘP THUẾ -------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
Số:	*...., ngày ... tháng ... năm ....*

THÔNG BÁO

Đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế

1. Tên người nộp thuế *(ghi theo tên NNT đã đăng ký thuế hoặc đăng ký doanh nghiệp)*: .....
.....

2. Mã số thuế: .....

3. Địa chỉ trụ sở *(ghi theo địa chỉ trụ sở của tổ chức đã đăng ký thuế hoặc của doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã)*: .....

4. Địa chỉ kinh doanh *(ghi địa chỉ kinh doanh của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đã đăng ký thuế)*:
.....

5. Lý do chấm dứt hiệu lực mã số thuế: .....

.....

.....

6. Hồ sơ đính kèm:

.....

.....

Người nộp thuế cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của văn bản này./.

Nơi nhận: *- CQT quản lý;* *- Lưu: VT*	**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

Ghi chú:

Người nộp thuế là tổ chức không phải đóng dấu khi đăng ký thuế và hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không phải đóng dấu vào văn bản này.